BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TIẾNG VIỆT 4

TẬP MỘT

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG (Chủ biên)
LÊ THỊ LAN ANH – ĐỖ HỒNG DƯƠNG – NGUYỄN LÊ HẰNG – TRỊNH CẨM LAN

TIẾNG VIỆT 4

(Tái bản lần thứ nhất)

TẬP MỘT
SÁCH GIÁO VIÊN

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

HS	học sinh
GV	giáo viên
SGV	sách giáo viên
SHS	sách học sinh
VD	ví dụ

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

LỜI NÓI ĐẦU

Tiếng Việt 4 – Sách giáo viên (SGV) là tài liệu dùng cho các thầy cô dạy sách học sinh (SHS) *Tiếng Việt 4*, biên soạn theo Chương trình giáo dục phổ thông được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2018.

Theo định hướng chung của SHS *Tiếng Việt* ở cấp Tiểu học thuộc bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống", *Tiếng Việt 4* được biên soạn theo quan điểm dạy tiếng hiện đại, ứng dụng những cách tiếp cận mới nhất trong biên soạn SHS dạy học ngôn ngữ của nhiều quốc gia tiên tiến, đồng thời chú ý kế thừa kinh nghiệm từ các SHS *Tiếng Việt* lâu nay. *Tiếng Việt 4* – SGV giới thiệu và hướng dẫn giáo viên (GV) tổ chức dạy học theo SHS *Tiếng Việt 4* một cách hiệu quả, tạo hứng thú cho học sinh (HS) và bảo đảm đáp ứng tốt các mục tiêu của chương trình.

Tiếng Việt 4 – SGV gồm hai phần: phần một là *Hướng dẫn chung*, phần hai là *Hướng dẫn dạy học các bài học cụ thể*. Phần *Hướng dẫn chung* thuyết minh về yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Việt lớp 4; giới thiệu quan điểm biên soạn, những điểm mới cơ bản của SHS *Tiếng Việt 4*, cấu trúc sách và cấu trúc bài học trong SHS; giới thiệu SGV gồm cấu trúc bài hướng dẫn dạy học, định hướng đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập. Phần hai trình bày những "kịch bản" dạy học cụ thể, nhưng theo tinh thần mở để phát huy quyền tự chủ và năng lực sáng tạo của GV. Thay vì thiết kế những quy trình mà GV cần tuân thủ hoặc những chỉ dẫn chi tiết mà GV cần làm theo, *Tiếng Việt 4* – SGV chỉ đưa ra những gợi ý, cung cấp những hỗ trợ cần thiết để GV có thể tự thiết kế kế hoạch bài học theo cách riêng của mình.

Hi vọng cuốn sách này là tài liệu hướng dẫn dạy học hữu ích, giúp quý thầy cô đổi mới hoạt động dạy học để nâng cao chất lượng và hiệu quả của môn Tiếng Việt trong nhà trường, góp phần giúp HS phát triển hiệu quả kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Mặc dù các tác giả đã rất cố gắng, nhưng *Tiếng Việt 4* – SGV có thể có những hạn chế nhất định. Kính mong quý thầy cô góp ý để sách được cập nhật và ngày càng hoàn thiện, đáp ứng tốt hơn nhu cầu dạy học tiếng Việt của GV và HS.

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

Trang

PHẦN MỘT – HƯỚNG DẪN CHUNG 5

PHẦN HAI – HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI HỌC CỤ THỂ 16

MỖI NGƯỜI MỘT VẺ 16

Tuần 1 16
Bài 1. Điều kì diệu 16
Bài 2. Thi nhạc 24
Tuần 2 32
Bài 3. Anh em sinh đôi 32
Bài 4. Công chúa và người dẫn chuyện 40
Tuần 3 45
Bài 5. Thằn lằn xanh và tắc kè 45
Bài 6. Nghệ sĩ trống 52
Tuần 4 61
Bài 7. Những bức chân dung 61
Bài 8. Đò ngang 68

TRẢI NGHIỆM VÀ KHÁM PHÁ 76

Tuần 5 76
Bài 9. Bầu trời trong quả trứng 76
Bài 10. Tiếng nói của cỏ cây 84
Tuần 6 91
Bài 11. Tập làm văn 91
Bài 12. Nhà phát minh 6 tuổi 97
Tuần 7 104
Bài 13. Con vẹt xanh 104
Bài 14. Chân trời cuối phố 111
Tuần 8 119
Bài 15. Gặt chữ trên non 119
Bài 16. Trước ngày xa quê 124

Trang

Tuần 9. Ôn tập và Đánh giá giữa học kì I 130

NIỀM VUI SÁNG TẠO 138

Tuần 10 138
Bài 17. Vẽ màu 138
Bài 18. Đồng cỏ nở hoa 145
Tuần 11 151
Bài 19. Thanh âm của núi 151
Bài 20. Bầu trời mùa thu 157
Tuần 12 163
Bài 21. Làm thỏ con bằng giấy 163
Bài 22. Bức tường có nhiều phép lạ 170
Tuần 13 178
Bài 23. Bét-tô-ven và bản xô-nát *Ánh trăng* 178
Bài 24. Người tìm đường lên các vì sao 184

CHẮP CÁNH ƯỚC MƠ 190

Tuần 14 190
Bài 25. Bay cùng ước mơ 190
Bài 26. Con trai người làm vườn 198
Tuần 15 204
Bài 27. Nếu em có một khu vườn 204
Bài 28. Bốn mùa mơ ước 210
Tuần 16 216
Bài 29. Ở Vương quốc Tương Lai 216
Bài 30. Cánh chim nhỏ 221
Tuần 17 227
Bài 31. Nếu chúng mình có phép lạ 227
Bài 32. Anh Ba 232
Tuần 18. Ôn tập và Đánh giá cuối học kì I 237

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VÀ NỘI DUNG DẠY HỌC ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG VIỆT LỚP 4

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
ĐỌC KĨ THUẬT ĐỌC – Đọc đúng và diễn cảm các văn bản truyện, kịch, thơ, văn bản miêu tả: nhấn giọng đúng từ ngữ; thể hiện cảm xúc qua giọng đọc. Tốc độ đọc khoảng 80 – 90 tiếng trong 1 phút. – Đọc thầm với tốc độ nhanh hơn lớp 3. – Sử dụng được từ điển học sinh để tìm từ và nghĩa của các từ ngữ mới. – Ghi chép được vắn tắt những ý tưởng, chi tiết quan trọng vào phiếu đọc sách hoặc sổ tay. **ĐỌC HIỂU** VĂN BẢN VĂN HỌC *Đọc hiểu nội dung* – Nhận biết được một số chi tiết và nội dung chính của văn bản; dựa vào gợi ý, hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản. – Tóm tắt được văn bản truyện đơn giản. – Nhận biết được chủ đề văn bản. *Đọc hiểu hình thức* – Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động, lời thoại. – Nhận biết được trình tự sắp xếp các sự việc trong câu chuyện theo quan hệ nhân quả.	**KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT** 1. Quy tắc viết tên riêng của cơ quan, tổ chức 2.1. Vốn từ theo chủ điểm 2.2. Công dụng của từ điển, cách tìm từ và nghĩa của từ trong từ điển 2.3. Nghĩa của một số thành ngữ dễ hiểu 2.4. Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng 2.5. Tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ trong việc biểu đạt nghĩa 3.1. Danh từ, động từ, tính từ: đặc điểm và chức năng. 3.2. Danh từ riêng và danh từ chung: đặc điểm và chức năng 3.3. Câu và thành phần chính của câu: đặc điểm và chức năng 3.4. Trạng ngữ của câu: đặc điểm và chức năng (bổ sung thông tin)

– Nhận biết được quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện thể hiện qua cách xưng hô.
– Nhận biết được hình ảnh trong thơ, lời thoại trong văn bản kịch.
– Hiểu tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá.

Liên hệ, so sánh, kết nối

– Nêu được tình cảm, suy nghĩ của bản thân sau khi đọc văn bản.
– Nêu được câu chuyện, bài hoặc đoạn thơ mà mình yêu thích nhất và giải thích vì sao.
– Nêu được cách ứng xử của bản thân nếu gặp những tình huống tương tự như tình huống của nhân vật trong tác phẩm.

Đọc mở rộng

– Trong một năm học, đọc tối thiểu 35 văn bản văn học (bao gồm văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng internet) có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học.
– Thuộc lòng ít nhất 10 đoạn thơ, bài thơ hoặc đoạn văn đã học; mỗi đoạn thơ, bài thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 80 chữ.

VĂN BẢN THÔNG TIN

Đọc hiểu nội dung

– Nắm được những thông tin chính trong văn bản.
– Biết tóm tắt văn bản.

Đọc hiểu hình thức

– Nhận biết được đặc điểm của một số loại văn bản thông dụng, đơn giản và mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó: văn bản chỉ dẫn các bước thực hiện một công việc hoặc cách làm, cách sử dụng một sản phẩm; thư thăm hỏi, thư cảm ơn hoặc xin lỗi; đơn (xin nghỉ học, xin nhập học); giấy mời, báo cáo công việc.
– Nhận biết được bố cục của một văn bản thông tin thông thường: phần đầu, phần giữa (chính) và phần cuối.

Liên hệ, so sánh, kết nối

– Nêu được một vấn đề có ý nghĩa đối với bản thân hoặc cộng đồng được gợi ra từ văn bản đã đọc.

3.5. Công dụng của dấu gạch ngang (đặt ở đầu dòng để đánh dấu các ý liệt kê); dấu gạch nối (nối các từ ngữ trong một liên danh); dấu ngoặc kép (đánh dấu tên của một tác phẩm, tài liệu); dấu ngoặc đơn (đánh dấu phần chú thích)
4.1. Biện pháp tu từ nhân hoá: đặc điểm và tác dụng
4.2. Câu chủ đề của đoạn văn: đặc điểm và chức năng
4.3. Cấu trúc ba phần (mở bài, thân bài, kết bài) của văn bản: đặc điểm và chức năng của mỗi phần
4.4. Kiểu văn bản và thể loại
– Bài văn kể lại một sự việc bản thân đã chứng kiến; bài văn kể lại một câu chuyện, có kèm tranh minh hoạ
– Bài văn miêu tả: bài văn miêu tả con vật, cây cối.
– Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một nhân vật.
– Đoạn văn nêu ý kiến về một câu chuyện, nhân vật hay một sự việc, nêu lí do vì sao có ý kiến như vậy.
– Văn bản hướng dẫn các bước thực hiện một công việc; giấy mời, đơn, thư, báo cáo công việc.
5. Thông tin bằng hình ảnh, số liệu (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ)

– Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản (văn bản in hoặc văn bản điện tử).

Đọc mở rộng

Trong một năm học, đọc tối thiểu 18 văn bản thông tin (bao gồm văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng internet) có kiểu văn bản và độ dài tương đương các văn bản đã học.

VIẾT

KĨ THUẬT VIẾT

Viết đúng các tên riêng của tổ chức, cơ quan.

VIẾT ĐOẠN VĂN, VĂN BẢN

Quy trình viết

– Biết viết đoạn, bài theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); quan sát và tìm tư liệu để viết; hình thành ý chính cho đoạn, bài viết; viết đoạn, bài; chỉnh sửa (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả).

– Viết đoạn văn, bài văn phù hợp với yêu cầu về kiểu, loại văn bản; các câu, đoạn có mối liên kết với nhau.

Thực hành viết

– Viết được bài văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến (nhìn, xem) hoặc tham gia và chia sẻ suy nghĩ, tình cảm của mình về sự việc đó.

– Viết được bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe hoặc viết đoạn văn tưởng tượng dựa vào câu chuyện đã đọc, đã nghe.

– Viết được bài văn miêu tả con vật, cây cối; sử dụng biện pháp nhân hoá và những từ ngữ nêu được đặc điểm nổi bật của đối tượng được tả.

– Viết được đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của bản thân về một nhân vật trong văn học hoặc một người gần gũi, thân thiết.

– Viết được đoạn văn ngắn nêu lí do vì sao mình thích câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

– Viết được văn bản ngắn hướng dẫn các bước thực hiện một công việc hoặc làm, sử dụng một sản phẩm gồm 2 – 3 bước.

– Viết được báo cáo thảo luận nhóm, đơn theo mẫu, thư cho người thân, bạn bè.

KIẾN THỨC VĂN HỌC

1. Chủ đề
2. Đặc điểm nhân vật
3. Hình ảnh trong thơ
4. Lời thoại trong kịch bản văn học

NGỮ LIỆU

1.1. Văn bản văn học

– Truyện cổ, truyện ngắn; đoạn (bài) văn miêu tả

– Đoạn thơ, bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ

– Kịch bản văn học

Độ dài của văn bản: truyện, kịch bản khoảng 280 – 330 chữ, bài miêu tả khoảng 200 – 250 chữ, thơ khoảng 100 – 120 chữ

1.2. Văn bản thông tin

– Văn bản chỉ dẫn

– Giấy mời

– Thư thăm hỏi, thư cảm ơn, thư xin lỗi

– Đơn (xin nghỉ học, xin nhập học)

– Báo cáo công việc

Độ dài của văn bản: khoảng 150 – 180 chữ

2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý các bước thực hiện một công việc hoặc cách làm, cách sử dụng một sản phẩm.

NÓI VÀ NGHE	
Nói – Nói rõ ràng, tập trung vào mục đích và đề tài; có thái độ tự tin; biết kết hợp cử chỉ, điệu bộ để tăng hiệu quả giao tiếp. – Nói được về một đề tài có sử dụng các phương tiện hỗ trợ (ví dụ: tranh ảnh, sơ đồ,...). – Kể lại được một sự việc đã tham gia và chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ về sự việc đó. – Trình bày được lí lẽ để củng cố cho một ý kiến hoặc nhận định về một vấn đề gần gũi với đời sống. *Nghe* – Nghe và hiểu chủ đề, những chi tiết quan trọng trong câu chuyện. – Ghi lại được những nội dung quan trọng khi nghe ý kiến phát biểu của người khác. *Nói nghe tương tác* – Thực hiện đúng những quy định trong thảo luận: nguyên tắc luân phiên lượt lời, tập trung vào vấn đề thảo luận. – Biết đóng góp ý kiến trong việc thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm hoặc một nhiệm vụ mà nhóm, lớp phải thực hiện.	

2. GIỚI THIỆU SÁCH HỌC SINH *TIẾNG VIỆT 4*

SHS *Tiếng Việt 4* thuộc bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tuân thủ các quy định của chương trình tổng thể, Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 và Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sách thể hiện một cách tiếp cận mới mẻ và hiện đại trong lĩnh vực biên soạn SHS và dạy học Tiếng Việt, nhất quán với tinh thần đổi mới đã triển khai từ SHS *Tiếng Việt 1*, *Tiếng Việt 2* và *Tiếng Việt 3*.

2.1. Quan điểm biên soạn

Tiếng Việt 4 chú trọng khai thác vốn tiếng Việt của HS với tư cách người bản ngữ, tăng cường cơ hội cho HS thực hành để phát huy hiệu quả dạy học ngôn ngữ trong nhà trường, hạn chế yêu cầu HS nắm kiến thức về cấu trúc ngôn ngữ. Kiến thức tiếng Việt và văn học được tích hợp trong quá trình dạy học các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe trong ngữ cảnh tự nhiên và gần gũi với đời sống thực.

Tiếng Việt 4 phát triển một cách hợp lí các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe mà HS đã có được sau khi học xong lớp 1, 2, 3 để các em vừa đáp ứng được yêu cầu của Chương trình Tiếng Việt lớp 4, vừa được học theo sức của mình.

2.2. Những điểm mới cơ bản của SHS *Tiếng Việt 4*

2.2.1. Sách được biên soạn theo mô hình SHS dạy tiếng hiện đại và tiếp thu hợp lí kinh nghiệm biên soạn SHS Tiếng Việt lâu nay tại Việt Nam. Các văn bản trong một bài học được gắn kết với nhau theo từng chủ điểm. Các bài học vừa tính đến sự kết nối giữa các bài đọc với nhau theo chủ điểm vừa bảo đảm sự tích hợp giữa nội dung bài đọc với hoạt động viết, nói, nghe và kết nối với kiến thức tiếng Việt, văn học của chương trình lớp 4.

Tương tự SHS *Tiếng Việt 1, 2, 3*, trong SHS *Tiếng Việt 4*, các bài học được thiết kế theo hoạt động giao tiếp Đọc, Viết, Nói và Nghe. Các kiến thức tiếng Việt cũng được tiếp cận theo hướng thực hành, vận dụng. Cách tiếp cận này giúp cho hoạt động dạy học ngôn ngữ gần với giao tiếp thực tế, tạo được hứng thú ở người học và nâng cao hiệu quả dạy học theo hướng phát triển năng lực.

2.2.2. Hệ thống bài đọc có tính thẩm mĩ, phù hợp với HS, có giá trị lâu dài. Câu hỏi đọc hiểu đa dạng, có nhiều câu hỏi mở nhằm phát huy khả năng suy luận logic hoặc phát huy trí tưởng tượng của HS, tạo cơ hội để HS phát triển năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ.

2.2.3. *Tiếng Việt 4* chú trọng phát triển kĩ năng viết đoạn văn (đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc; đoạn văn nêu lí do vì sao thích một câu chuyện đã đọc, đã nghe; đoạn văn tưởng tượng), kĩ năng viết bài văn (bài văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia; bài văn kể lại một câu chuyện đã đọc, đã nghe; bài văn miêu tả con vật, cây cối), kĩ năng viết văn bản ngắn hướng dẫn các bước thực hiện một công việc hoặc làm, sử dụng một sản phẩm gồm 2 – 3 bước; báo cáo, đơn, thư,... chú trọng hướng dẫn quy trình viết phù hợp với yêu cầu của chương trình. HS được học, được tìm hiểu cách viết từng kiểu bài trước khi thực hành viết. Hoạt động viết đoạn văn, bài văn, văn bản bảo đảm sự kết nối giữa nội dung viết với chủ điểm chung của bài học và các nội dung học tập trong tuần (thông qua các hoạt động đọc, nói và nghe, luyện tập về từ và câu). Nhờ đó, tất cả các nội dung trong bài học đều góp phần làm phong phú vốn ngôn ngữ và vốn sống, trải nghiệm cho HS, giúp các em có thể thực hiện tốt yêu cầu viết đoạn văn.

2.2.4. Ngữ liệu bảo đảm tỉ lệ cân đối, hài hoà giữa văn bản văn học và văn bản thông tin (16 văn bản thơ, 37 văn bản truyện và văn bản miêu tả, 1 văn bản kịch, 8 văn bản thông tin trong tổng số 62 văn bản; chưa tính các văn bản trong các phần ôn tập giữa kì và cuối kì); *Tiếng Việt 4* chú trọng tăng tỉ lệ văn bản thông tin và giảm tỉ lệ văn bản văn học so với các SHS Tiếng Việt lâu nay. Hệ thống chủ điểm đa dạng, phong phú, bao quát được nhiều lĩnh vực đời sống của HS, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, khám phá thế giới của các em. Nội dung của ngữ liệu được chọn lựa, sắp xếp phù hợp với hiểu biết và trải nghiệm của người học; giúp HS có cơ hội kết nối với trải nghiệm cá nhân, phát triển cá tính lành mạnh và tư duy độc lập. Nhờ đó, ngoài việc giúp HS phát triển

hiệu quả các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe, *Tiếng Việt 4* còn góp phần tích cực vào việc bồi dưỡng cho HS tình yêu gia đình, bạn bè; tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; giúp các em làm quen với thế giới bên ngoài để từng bước hình thành ý thức, hiểu biết về người công dân toàn cầu;... Các em cũng được phát triển kĩ năng quan sát, tư duy suy luận, khả năng giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2.2.5. Tiếp nối *Tiếng Việt 1*, *2*, *3*, SHS *Tiếng Việt 4* chú ý dành thời gian cho hoạt động đọc mở rộng. Qua hoạt động này, HS có cơ hội được tự chọn ngữ liệu (truyện, thơ, văn bản thông tin,...) để đọc ở nhà hoặc ở lớp và nói, trình bày với các bạn trong nhóm hoặc trước lớp. Nhờ đó, HS từng bước hình thành, phát triển thói quen và hứng thú đọc sách.

2.2.6. *Tiếng Việt 4* thiết kế kênh hình đẹp. Không chỉ hình ảnh mà các loại bảng biểu và sơ đồ cũng được sử dụng để tăng hiệu quả trình bày. HS sẽ cảm thấy thích thú với việc học tiếng Việt khi cầm cuốn sách trên tay và từng bước khám phá những bài học dành cho các em ở trong đó.

2.3. Cấu trúc sách và các bài học

2.3.1. *Cấu trúc sách*

Tiếng Việt 4 được chia thành 2 tập, tập một dành cho học kì I (18 tuần, mỗi tuần 7 tiết), tập hai dành cho học kì II (17 tuần, mỗi tuần 7 tiết). Ngoài các bài học, mỗi tập sách đều có các phần: mục lục (đặt ở đầu sách), bảng tra cứu thuật ngữ, bảng tra cứu tên riêng nước ngoài (ở cuối sách). Về cơ bản, cấu trúc cả tập sách và cấu trúc của từng bài học trong 2 tập là như nhau.

Các bài học ở tập một được tổ chức theo 4 chủ điểm: *Mỗi người một vẻ* (4 tuần), *Trải nghiệm và khám phá* (4 tuần), *Niềm vui sáng tạo* (4 tuần), *Chắp cánh ước mơ* (4 tuần). Các chủ điểm ở tập một tập trung vào đời sống tình cảm, suy nghĩ, trải nghiệm của bản thân HS. Mỗi tuần có 2 bài, bài thứ nhất 3 tiết, bài thứ hai 4 tiết. Ngoài ra có một tuần dành cho ôn tập giữa học kì I (7 tiết) và một tuần dành cho ôn tập và đánh giá cuối học kì I (7 tiết).

Các bài học ở tập hai cũng được tổ chức theo 4 chủ điểm: *Sống để yêu thương* (4 tuần), *Uống nước nhớ nguồn* (4 tuần), *Quê hương trong tôi* (4 tuần), *Vì một thế giới bình yên* (3 tuần). Các chủ điểm ở tập hai được mở dần sang những phạm vi rộng lớn khác của đời sống, thể hiện mối quan hệ của HS với những người xung quanh, với quê hương, đất nước và nhìn ra thế giới. Tương tự tập một, ở tập hai, mỗi tuần có 2 bài, bài thứ nhất 3 tiết, bài thứ hai 4 tiết. Ngoài ra có một tuần dành cho ôn tập giữa học kì II (7 tiết) và một tuần dành cho ôn tập và đánh giá cuối học kì II (cuối năm), (7 tiết).

Cuối mỗi tập sách đều có đề tham khảo để GV có thể dựa vào đó thiết kế đề kiểm tra học kì và cuối năm cho HS. Đề tham khảo chỉ là gợi ý về cấu trúc và các dạng bài tập cần có trong đề kiểm tra. Còn độ khó thì cần được linh hoạt trong giới hạn cho phép và tuỳ theo điều kiện dạy học thực tế của mỗi địa phương và nhà trường.

2.3.2. *Cấu trúc bài học*

Như đã nói, mỗi tuần có 2 bài học.

– Bài thứ nhất học trong 3 tiết:

+ Tiết 1: Đọc.

+ Tiết 2: Luyện từ và câu.

+ Tiết 3: Viết.

– Bài thứ hai học trong 4 tiết:

+ Tiết 1 và 2: Đọc và luyện tập theo văn bản đọc.

+ Tiết 3: Viết.

+ Tiết 4: Nói và nghe hoặc Đọc mở rộng.

Hoạt động đọc bao gồm khởi động, đọc thành tiếng và đọc hiểu. Câu hỏi đọc hiểu được thiết kế đa dạng theo các mức độ yêu cầu khác nhau về đọc hiểu nêu trong chương trình Tiếng Việt lớp 4. Hệ thống câu hỏi đọc hiểu cho mỗi văn bản thường có 3 nhóm: tìm chi tiết (nhận biết); suy luận, giải thích, so sánh; đánh giá, liên hệ, vận dụng. Đối với văn bản đọc là thơ, một số bài có yêu cầu học thuộc lòng một số khổ thơ hoặc cả bài thơ.

Hoạt động viết tập trung vào luyện viết đoạn văn hoặc bài văn hoàn chỉnh theo quy định của chương trình. Trước khi thực hành viết, HS được tìm hiểu cách viết: cấu trúc của đoạn văn, bài văn; cách viết mở bài, kết bài, thân bài; cách tìm ý, lập dàn ý,... *Tiếng Việt 4* không thiết kế phần riêng cho viết chính tả và hoàn thành bài tập chính tả vì các em đã được luyện tập nội dung này từ các lớp dưới. Các kĩ năng liên quan đến chính tả được rèn luyện theo cách lồng ghép vào những nội dung khác của bài học, đặc biệt là ở phần viết đoạn, bài.

Hoạt động nói và nghe được thực hành theo 3 hình thức: (1) Nói và nghe theo chủ điểm. (2) Kể lại một sự việc. (3) Nghe và kể lại một câu chuyện đã nghe (hoặc đã học ở tiết luyện đọc). *Đọc mở rộng* được sắp xếp luân phiên với hoạt động nói và nghe. So với *Tiếng Việt 3* thì hoạt động đọc mở rộng trong *Tiếng Việt 4* có chú ý hơn đến yêu cầu đọc hiểu theo thể loại, trong đó chủ yếu là truyện và thơ, sau đó là văn bản thông tin.

Các bài *Luyện từ và câu* trong sách *Tiếng Việt 4* nhằm giúp HS luyện tập để phát triển vốn từ, kĩ năng đặt câu và một số kĩ năng sử dụng tiếng Việt khác như sử dụng dấu câu, sử dụng biện pháp tu từ (nhân hoá), trên cơ sở đó phát triển kĩ năng viết đoạn, bài văn. Các nội dung học tập về từ và câu được triển khai có tính hệ thống, khoa học, kết nối hài hoà với các bài học trong tuần và phù hợp với HS lớp 4; phục vụ trực tiếp và hiệu quả cho hoạt động viết đoạn, bài. Ở lớp 4, kiến thức tiếng Việt đã có liên quan nhiều đến từ loại (danh từ, động từ, tính từ) và cấu trúc câu (chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ). Tuy vậy, *Tiếng Việt 4* chủ trương dạy những kiến thức này ở mức đơn giản nhất và chú trọng đến việc giúp HS vận dụng để thực hành tiếng Việt theo đúng định hướng của chương trình 2018 ("Kiến thức tiếng Việt và văn học được tích hợp trong quá trình dạy học đọc, viết, nói và nghe. (...), giúp HS sử dụng tiếng Việt thành thạo để giao tiếp hiệu quả trong cuộc sống và học tập tốt các môn học, hoạt động giáo dục khác,..."). Một số kiến thức tiếng Việt khác như quy tắc viết tên riêng, công dụng và cách sử

dụng từ điển, dấu gạch ngang, dấu gạch nối, dấu ngoặc kép, biện pháp tu từ nhân hoá, câu chủ đề của đoạn văn,... cũng được đưa vào bài học theo nguyên tắc chú trọng đến tính ứng dụng và thực hành.

Cuối mỗi bài (cả bài 3 tiết và bài 4 tiết) đều có hoạt động Vận dụng, yêu cầu HS thực hành ngoài giờ lên lớp, thường là chia sẻ với người thân về những kiến thức đã được học trên lớp, cùng người thân thực hiện một số việc có thể ứng dụng kiến thức đã học ở lớp,...

Trong cả bài 3 tiết và bài 4 tiết, chỉ có các nội dung lớn (các mạch chính) mới được thể hiện bằng đề mục: Đọc, Viết, Nói và nghe, Luyện từ và câu; Đọc mở rộng. Các nội dung ở cấp độ thấp hơn đều được thể hiện bằng logo hoặc câu lệnh. Nhờ vậy, cấu trúc của bài học đơn giản mà rất dễ nhận biết.

3. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO VIÊN

3.1. Cấu trúc bài hướng dẫn dạy học trong sách giáo viên

Tương ứng với mỗi bài học trong SHS có một bài hướng dẫn dạy học trong SGV. Mỗi bài hướng dẫn dạy học trong *Tiếng Việt 4* – SGV đều có các phần: *Mục tiêu*, *Chuẩn bị*, *Hoạt động dạy học*.

Phần *Mục tiêu* có nội dung và yêu cầu phù hợp với định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.

Phần *Chuẩn bị* bao gồm hai nội dung: a. Kiến thức (tiếng Việt, văn học) mà GV cần có để dạy tốt bài học; b. Phương tiện dạy học cần có và nên có. Ngoài những phương tiện dạy học chung (tranh minh hoạ trong SHS được phóng to; hoặc máy tính, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh;...), GV cũng có thể sử dụng các phương tiện phù hợp khác. Do phương tiện dạy học cần chuẩn bị cho các bài về cơ bản là giống nhau, nên nội dung này không được trình bày thành mục riêng ở mỗi bài để tránh trùng lặp. GV cần xác định rõ mục tiêu của từng hoạt động dạy học và chức năng của mỗi phương tiện dạy học để sử dụng đúng và hiệu quả, phù hợp với điều kiện dạy học của địa phương và nhà trường, tránh lạm dụng, gây lãng phí và làm sai lệch mục tiêu dạy học.

Phần *Hoạt động dạy học* bám sát các mục của bài học trong SHS. Ngoài ra, ở đầu bài học có mục ôn bài cũ, tạo tâm thế cho bài học mới; ở cuối bài học có mục *Củng cố*, giúp GV và HS tóm tắt lại những nội dung đã học và GV nhận xét, đánh giá hoạt động học tập của HS. Tuỳ tình hình thực tế, GV vận dụng linh hoạt thời gian cho mỗi hoạt động dạy học.

3.2. Phương pháp dạy học

3.2.1. *Định hướng đổi mới phương pháp dạy học nói chung*

Phương pháp dạy học trong *Tiếng Việt 4* tuân thủ định hướng đổi mới phương pháp dạy học của Chương trình môn Ngữ văn nói riêng và Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nói chung là đa dạng hoá các hình thức tổ chức, phương pháp và phương tiện dạy học.

GV cần chú trọng tổ chức hoạt động học đọc, viết, nói và nghe cho HS. Để đáp ứng yêu cầu đó, GV cần nắm vững kĩ thuật thực hiện các bước: khởi động bài học, giao nhiệm vụ cho HS, hướng dẫn HS học hợp tác, hướng dẫn HS tự ghi bài, tổ chức cho HS báo cáo kết quả học tập và nhận xét, đánh giá. GV cần giảm thời gian nói để HS có cơ hội được tăng cường hoạt động học (cá nhân, nhóm, lớp). GV chỉ hỗ trợ, không làm thay, không trả lời thay. Trong khi dạy học, GV cần chú ý tạo không khí lớp học thân thiện, gây được hứng thú học tập cho HS.

Theo định hướng dạy học phát triển năng lực, HS cần được phát huy vai trò chủ động, tích cực trong tất cả các hoạt động: làm việc cá nhân, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm hoặc trình bày, trao đổi ý kiến trước lớp,... Bên cạnh việc chú trọng rèn kĩ năng làm việc độc lập cho HS, GV cần tiếp tục khuyến khích HS tham gia vào những hoạt động có tính tương tác, coi đó là một cách thức quan trọng để thúc đẩy việc học tập và trưởng thành. Trong các giờ học, GV cần tạo cơ hội cho HS tham gia trao đổi, tranh luận trong nhóm, cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ,... Hoạt động có tính tương tác giúp HS phát triển ngôn ngữ, tư duy và các kĩ năng xã hội một cách hiệu quả; các em sẽ trở nên tự tin hơn, có mối quan hệ bạn bè tốt hơn, biết tôn trọng sự khác biệt và có kết quả học tập tốt hơn. Trong khi HS làm việc nhóm, GV cần quan sát và dành thời gian hỗ trợ một số HS hoặc một số nhóm HS (nếu cần).

Ở từng bài học, GV cần chuẩn bị những hoạt động, yêu cầu hoặc câu hỏi, bài tập dành riêng cho HS có năng lực vượt trội hoặc còn hạn chế trong học tập.

3.2.2. *Định hướng đổi mới phương pháp dạy học đối với từng hoạt động*

Hoạt động đọc: Dạy đọc nhằm giúp HS hình thành và phát triển kĩ năng đọc thành tiếng và đọc hiểu. Ở lớp 4, yêu cầu phát triển kĩ năng đọc hiểu chiếm "tỉ trọng" ngày càng cao hơn, yêu cầu cần đạt cũng nâng cao hơn. HS được đọc các văn bản có độ dài và độ khó cao hơn so với lớp 3 và phù hợp với yêu cầu của chương trình. Đối với đọc hiểu, phương pháp dạy học chủ yếu vẫn là GV huy động trải nghiệm, hiểu biết của HS có liên quan đến nội dung của văn bản đọc, HS được rèn kĩ năng giải thích, suy luận, so sánh, liên hệ mở rộng; đặt câu hỏi, thảo luận nhóm,... nhằm kích hoạt việc đọc tích cực, sáng tạo ở chủ thể đọc.

Hoạt động viết: Ở lớp 4, HS chủ yếu được luyện viết đoạn văn, bài văn, văn bản. Phương pháp dạy viết đoạn văn được chú trọng hơn thông qua các bài tìm hiểu cách viết từng kiểu bài rồi mới đến các bài thực hành viết. HS được hướng dẫn viết theo một quy trình phù hợp, qua từng bước: xác định nội dung viết; quan sát hoặc tìm tư liệu để viết; hình thành ý chính cho đoạn văn, bài văn; viết đoạn hoặc bài; chỉnh sửa (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả). Việc đặt hoạt động viết đoạn văn, bài văn vào cuối mỗi tuần, kết nối, tích hợp giữa đoạn văn, bài văn cần viết với nội dung của các bài đọc, nói và nghe trong tuần nhằm giúp HS thực hiện yêu cầu viết hiệu quả hơn.

Hoạt động nói và nghe: Ở lớp 4, dạy nói và nghe có những yêu cầu mới so với lớp 2 và lớp 3. Bên cạnh yêu cầu nói theo chủ điểm, kể chuyện đã nghe, đã đọc, HS còn được kể

lại sự việc đã tham gia và chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ về sự việc đó. Phương pháp dạy nói và nghe ở lớp 4 chú trọng nhiều hơn đến việc đặt câu hỏi và tổ chức đàm thoại giữa GV và HS, HS thảo luận nhóm rồi trình bày trước nhóm và trước lớp; nghe kể chuyện và kể lại hoặc đóng vai diễn lại câu chuyện đã nghe. Khác với lớp 2 và lớp 3, ở lớp 4, hoạt động nói và nghe theo chủ điểm được chú trọng cả về nội dung và kĩ năng, thái độ nói và nghe. Qua hoạt động nói và nghe, GV cần chú ý tạo cơ hội để HS được tranh luận về một số nội dung có ý kiến khác biệt hoặc trái ngược nhau để từng bước giúp các em phát triển tư duy độc lập.

3.3. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập trong *Tiếng Việt 4* tuân thủ định hướng đổi mới về mục tiêu, nội dung, cách thức đánh giá trong môn Ngữ văn nói chung và tiếp tục quan điểm đổi mới về đánh giá được triển khai ở lớp 1, lớp 2 và lớp 3.

3.3.1. *Về mục tiêu*: Đánh giá nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của HS trong học tập, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học.

3.3.2. *Về nội dung*: Đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù thông qua các hoạt động đọc, viết, nói, nghe được quy định trong chương trình.

– *Về phẩm chất*: Đánh giá HS thông qua các biểu hiện:

+ Yêu thương, quan tâm đến những người thân trong gia đình; yêu quý bạn bè, thầy cô; quan tâm, động viên, khích lệ bạn bè; yêu thương những người xung quanh; không phân biệt đối xử, chia rẽ các bạn; sẵn sàng tha thứ cho những hành vi có lỗi của bạn. Yêu thiên nhiên và có những việc làm thiết thực bảo vệ thiên nhiên; yêu quê hương, nơi sinh sống.

+ Thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập; ham học hỏi, thích đọc sách để mở rộng hiểu biết; có ý thức tham gia các công việc của gia đình và của nhà trường vừa sức với bản thân.

+ Thật thà, trung thực trong học tập, lao động và sinh hoạt hằng ngày; mạnh dạn nói lên ý kiến của mình.

+ Có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây xanh và các con vật có ích; có ý thức giữ vệ sinh môi trường, không xả rác bừa bãi.

– *Về năng lực chung*

Năng lực tự chủ và tự học: Đánh giá khả năng tự làm được những việc của mình theo sự phân công, hướng dẫn; nhận biết và bày tỏ được tình cảm, cảm xúc của bản thân.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Đánh giá khả năng tập trung chú ý khi giao tiếp; nhận ra thái độ của đối tượng giao tiếp; biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng; biết cách kết bạn và giữ gìn tình bạn; có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đánh giá khả năng nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi; nêu được thắc mắc về sự vật, hiện tượng.

– *Về năng lực đặc thù* (*đọc, viết, nói, nghe*)

Đọc: Đánh giá kĩ năng đọc gồm kĩ năng đọc thành tiếng và kĩ năng đọc hiểu. Tương tự lớp 2 và lớp 3, ở lớp 4, việc đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng vẫn được coi trọng: tập trung vào yêu cầu đọc đúng, rõ ràng, trôi chảy, diễn cảm và đảm bảo tốc độ như chương trình quy định.

Đánh giá kĩ năng đọc hiểu dựa vào kết quả HS trả lời các câu hỏi liên quan đến nội dung chính, đến điều tác giả muốn nói qua văn bản và những câu hỏi đọc hiểu hình thức văn bản, câu hỏi liên hệ, so sánh, kết nối, tạo cơ hội cho HS tìm hiểu về đặc điểm thể loại hoặc kiểu loại văn bản và đặc điểm ngôn ngữ của văn bản đọc. Việc thiết kế những câu hỏi liên quan đến thể loại hoặc loại văn bản này sẽ giúp HS từng bước định hình được "mô hình đọc hiểu" đối với từng thể loại hoặc loại văn bản.

Viết: Đánh giá kĩ năng viết ở lớp 4 chủ yếu dựa trên yêu cầu viết đoạn văn, bài văn dựa trên những ý tưởng sáng tạo đúng với yêu cầu về kiểu văn bản theo yêu cầu của chương trình.

Nói và nghe: Đánh giá về sự tự tin của HS khi nói, trao đổi, thảo luận trong nhóm và trước lớp; khả năng tập trung vào nội dung cần nói và sử dụng ngôn ngữ chính xác; khả năng tập trung khi nghe; khả năng trả lời câu hỏi thể hiện hiểu được nội dung đã nghe.

3.3.3. *Về cách thức đánh giá:* Các phẩm chất và năng lực chung được đánh giá bằng định tính dựa vào kết quả GV quan sát, ghi chép, nhận xét, thực hiện trong suốt năm học. Các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe được đánh giá vừa bằng định tính, thực hiện trong suốt năm học vừa bằng định lượng, được thực hiện vào cuối học kì và cuối năm. Cuối tuần ôn tập của mỗi học kì có một đề kiểm tra tham khảo. Nhà trường và GV có thể dựa vào cấu trúc và mức độ yêu cầu về đọc, viết, nói và nghe để thiết kế đề kiểm tra phù hợp với HS của mình.

PHẦN HAI

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI HỌC CỤ THỂ

MỖI NGƯỜI MỘT VẺ

TUẦN 1

Bài 1 ĐIỀU KÌ DIỆU (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và đọc diễn cảm bài thơ *Điều kì diệu*, biết nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong bài thơ.

   b. Nhận biết được các sự việc qua lời kể của nhân vật. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào lời nói của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Mỗi người một vẻ, không ai giống ai, nhưng khi hoà chung trong một tập thể thì lại rất hoà quyện, thống nhất.

2. Biết danh từ là từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng tự nhiên, thời gian,...), tìm được danh từ thông qua việc quan sát các sự vật xung quanh.

3. Biết các đặc điểm của một đoạn văn (về nội dung và hình thức), biết tìm câu chủ đề trong đoạn.

4. Biết khám phá và trân trọng vẻ riêng của những người xung quanh, có khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm, cảm xúc.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản thơ (cảm xúc/ mạch cảm xúc, hình ảnh, ngôn ngữ,...).

– Từ loại tiếng Việt (danh từ).

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ chủ điểm *Mỗi người một vẻ* và văn bản *Điều kì diệu*.

– Tranh minh hoạ bài tập phần Luyện từ và câu, xúc xắc để chơi trò chơi, thẻ chữ cho phần Luyện từ và câu (nếu có).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ĐỌC

1. Khởi động

GV hướng dẫn HS xem tranh chủ điểm và nêu nội dung tranh (VD: Tranh vẽ các bạn nhỏ đang đứng trong một vườn cây rộng với rất nhiều loại cây. Mỗi cây có một kích thước khác nhau (cao thấp, to nhỏ), một loại lá khác nhau, thậm chí màu sắc cũng không giống nhau (cây lá vàng, cây lá đỏ, cây lá tím, cây lá xanh). Các bạn nhỏ đang đứng để chụp ảnh, mỗi bạn tạo một dáng, không ai giống ai. Sự khác biệt giữa các bạn nhỏ và giữa các loại cây cối trong tranh mang ý nghĩa tượng trưng cho "Mỗi người một vẻ", là tên của chủ điểm đầu tiên trong SHS *Tiếng Việt 4*.).

– GV giới thiệu chủ điểm *Mỗi người một vẻ* (VD: Đây là chủ điểm mở đầu của sách *Tiếng Việt 4*. Ở chủ điểm *Mỗi người một vẻ*, các em sẽ được đọc những câu chuyện, bài thơ, bài văn,... viết về vẻ riêng của các bạn nhỏ, của các sự vật. Mỗi người, mỗi vật đều có vẻ riêng của mình và vẻ riêng nào cũng đẹp, cũng đáng quý. Qua đó, các em sẽ khám phá được vẻ riêng của chính bản thân mình và những người xung quanh, để từ đó biết trân trọng sự khác biệt của mỗi người.)

– GV giao nhiệm vụ:

+ Làm việc theo nhóm: Đọc to yêu cầu khởi động và chơi trò chơi. Cả nhóm oẳn tù tì hoặc rút thăm để lần lượt chọn ra người chơi. Người chơi sẽ được bịt mắt, sau đó nghe từng thành viên còn lại nói 1 – 2 tiếng để đoán tên người nói. Người chơi giỏi nhất là người đoán nhanh và đúng tên của tất cả các thành viên trong nhóm.

+ HS chơi trò chơi theo hướng dẫn của nhóm trưởng.

+ GV khen ngợi các nhóm chơi sôi nổi và các bạn chơi giỏi nhất. GV nói thêm: Vì sao các em có thể nhận ra bạn qua giọng nói? Đó là vì mỗi bạn có một giọng nói khác nhau, không ai giống ai. Giọng nói là một trong những đặc điểm tạo nên vẻ riêng của mỗi người.

– GV mời HS nêu nội dung tranh minh hoạ bài đọc (VD: Tranh vẽ cảnh các bạn nhỏ đang ngân nga hát. Các bạn không hề giống nhau (bạn cao, bạn thấp, bạn gầy, bạn béo, bạn tóc ngắn, bạn tóc dài,...) và dù không nghe thấy các bạn nói hay hát, chúng ta cũng đoán được giọng của các bạn cũng sẽ khác nhau. Những sự khác biệt đó có thể nhìn thấy rất rõ, nhưng không hề ảnh hưởng đến sự gắn kết của các bạn nhỏ, cũng như không làm cho bức tranh mất cân đối hoặc giảm đi vẻ đẹp đẽ của chúng. Mỗi người một vẻ nhưng khi hoà quyện lại vô cùng thống nhất và gắn kết, có lẽ đó chính là nội dung mà bức tranh muốn truyền tải.). Sau đó GV giới thiệu khái quát bài thơ *Điều kì diệu* (VD: Hôm nay các em sẽ luyện đọc bài thơ *Điều kì diệu*. Các em sẽ đọc kĩ để hiểu bài thơ nói đến điều kì diệu gì trong cuộc sống.).

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài, đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm. GV có thể mời 2 em đọc nối tiếp các khổ thơ.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *lạ, liệu, lung linh, vang lừng, nào,…*).

+ Đọc diễn cảm từng khổ thơ thể hiện cảm xúc của nhân vật (băn khoăn – từ khổ đầu đến khổ thứ ba; vui vẻ – khổ 4, 5).

– 2 HS đọc nối tiếp các khổ thơ.

– HS làm việc theo cặp: Mỗi HS đọc một khổ (nối tiếp 5 đoạn), sau đó đổi lại thứ tự đọc hoặc 1 HS đọc 2 khổ đầu, 1 HS đọc 3 khổ cuối, sau đó đổi thứ tự đọc.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 2 HS đọc nối tiếp 5 đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Những chi tiết nào trong bài thơ cho thấy các bạn nhận ra "mỗi đứa mình một khác"?*

– HS làm việc theo cặp hoặc trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi.

– Nhóm trưởng mời từng bạn phát biểu, cùng nhau tìm câu trả lời, thống nhất ý kiến.

– GV quan sát các nhóm làm việc và có những hỗ trợ phù hợp.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi trước lớp.

– GV và cả lớp thống nhất đáp án. (Những chi tiết cho thấy các bạn nhận ra "mỗi đứa mình một khác" là: chẳng giọng nào giống nhau, có bạn thích đứng đầu, có bạn hay giận dỗi, có bạn thích thay đổi, có bạn nhiều ước mơ.)

Câu 2. *Bạn nhỏ lo lắng điều gì về sự khác biệt đó?*

– GV nêu yêu cầu.

– HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời.

– 2 – 3 HS trả lời câu hỏi trước lớp.

– Các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung nếu cần thiết.

– GV và cả lớp thống nhất đáp án: Bạn nhỏ lo lắng nếu khác nhau nhiều như thế, liệu các bạn ấy có cách xa nhau (không thể gắn kết, không thể làm các việc cùng nhau,...).

Câu 3. *Bạn nhỏ đã phát hiện ra điều gì khi ngắm nhìn vườn hoa của mẹ?*

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu:

– Bước 1: Làm việc cá nhân

+ Đọc thầm lại văn bản.

+ Tìm các chi tiết có thể trả lời cho câu hỏi đã nêu.

– Bước 2: Làm việc nhóm

+ Từng HS nêu câu trả lời.

+ Cả nhóm góp ý và bổ sung (nếu cần thiết).

+ Bầu một bạn phát biểu trước lớp.

– Bước 3: Làm việc cả lớp

+ 2 – 3 HS phát biểu.

+ GV và cả lớp nhận xét, thống nhất đáp án. (Bạn nhỏ đã nhận ra: Trong vườn hoa của mẹ, mỗi bông hoa có một màu sắc riêng, nhưng bông nào cũng lung linh, cũng đẹp. Giống như các bạn ấy, mỗi bạn nhỏ đều khác nhau, nhưng bạn nào cũng đáng yêu, đáng mến.)

Câu 4. *Hình ảnh dàn đồng ca ở cuối bài thơ thể hiện điều gì? Tìm câu trả lời đúng.*

A. Một tập thể thích hát.

B. Một tập thể thống nhất.

C. Một tập thể đầy sức mạnh.

D. Một tập thể rất đông người.

– GV cho HS đọc thầm lại bài thơ, tập trung ở khổ thơ đầu và khổ thơ cuối để hiểu được suy nghĩ của bạn nhỏ khi nói về giọng hát và dàn đồng ca.

– HS làm việc cá nhân theo hướng dẫn của GV.

– HS trao đổi lựa chọn của mình trong nhóm/ cặp. Nhóm thống nhất đáp án.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày ý kiến.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý, thống nhất đáp án. (Đáp án: B. Một tập thể thống nhất).

– GV có thể nói thêm: Qua việc so sánh sự khác biệt của các bạn nhỏ với sự đa dạng của vườn hoa, của giọng hát trong dàn đồng ca, tác giả bài thơ muốn gửi đến chúng ta hai điều. Thứ nhất, trong cuộc sống này, không ai giống ai, mỗi người đều có vẻ riêng của mình, từ hình thức, giọng nói đến suy nghĩ, tính cách,... Mỗi người có một giọng hát riêng cũng giống như mỗi bông hoa có màu sắc, dáng vẻ, hương thơm,... riêng. Thứ hai, mặc dù mỗi người một vẻ, nhưng khi hoà vào một tập thể, thì sự khác biệt của mỗi người khiến cho tập thể đa dạng hơn, có nhiều màu sắc phong phú hơn, bổ sung cho nhau, khiến cho tập thể trở nên thống nhất, hoà quyện. Cũng giống như mỗi người một giọng hát, nhưng khi cùng hoà giọng trong một dàn đồng ca thì âm hưởng vang lên thống nhất và hoà quyện, tạo thành một bài ca hấp dẫn.

Câu 5. *Theo em, bài thơ muốn nói đến điều kì diệu gì? Điều kì diệu đó thể hiện như thế nào trong lớp của em?*

– GV nêu yêu cầu và hướng dẫn HS làm việc nhóm.

– HS làm việc theo nhóm hoặc theo cặp, từng HS nêu câu trả lời. Các HS khác góp ý, bổ sung.

– 2 – 3 HS phát biểu trước lớp. GV khuyến khích HS nêu suy nghĩ cá nhân.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý và bổ sung đáp án.

Đáp án VD: Điều kì diệu mà bài thơ muốn nói đến là: Trong cuộc sống, mỗi người có một vẻ riêng, nhưng những vẻ riêng đó không khiến chúng ta xa nhau mà bổ sung, hoà quyện với nhau, tạo thành một tập thể đa dạng mà thống nhất. Trong lớp học, điều kì diệu thể hiện qua việc mỗi bạn HS có một vẻ khác nhau (HS có thể nêu một số đặc điểm của các bạn xung quanh: bạn A cao lớn, bạn B nhỏ bé, bạn C vui tính, hay đùa, bạn D điềm tĩnh, nghiêm túc,...), nhưng khi hoà vào tập thể, các bạn bổ sung, hỗ trợ cho nhau (VD: Khi chơi bóng, bạn A cao lớn có thể kiểm soát bóng trên cao, bạn B nhỏ bé nhưng nhanh thoăn thoắt có thể dẫn bóng qua rất nhiều đối thủ,...). Vì thế, cả lớp là một tập thể hài hoà, đa dạng nhưng thống nhất.

Lưu ý: GV chấp nhận các đáp án khác nhau của HS, miễn là thể hiện được đúng nội dung trả lời của câu hỏi.

4. Học thuộc lòng

GV hướng dẫn HS học thuộc lòng:

– Làm việc cá nhân: Đọc lại nhiều lần từng khổ thơ.

– Làm việc theo cặp, theo nhóm:

+ Đọc nối tiếp (hoặc đọc đồng thanh) từng câu thơ/ từng khổ thơ.

+ Câu thơ/ khổ thơ nào chưa thuộc, có thể mở SHS ra để xem lại.

– Làm việc chung cả lớp:

+ Một số HS xung phong đọc những khổ thơ mình đã thuộc.

+ Cả lớp hỗ trợ (nếu bạn quên), góp ý và nhận xét.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

DANH TỪ

1. Xếp các từ in đậm vào nhóm thích hợp.

– GV mời 1 HS đọc câu lệnh và đoạn văn ở bài tập 1.

– GV hướng dẫn HS đọc kĩ đoạn văn và các từ ngữ được in đậm, chọn từ ngữ thích hợp với các nhóm đã cho.

– HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm để đối chiếu kết quả.

– 1 – 2 HS đọc tên nhóm và các từ ngữ thích hợp.

– GV có thể kẻ bảng hoặc chuẩn bị sẵn các thẻ chữ/ tranh đính trên bảng để xếp các từ vào nhóm thích hợp.

Đáp án:

Từ chỉ người	Từ chỉ vật	Từ chỉ hiện tượng tự nhiên	Từ chỉ thời gian
học sinh, bố, mẹ, thầy giáo, cô giáo, bạn bè	lá, bàn, ghế	nắng, gió	hè, thu, hôm nay, năm học

2. Chơi trò chơi: *Đường đua kì thú.*

– GV nêu tên trò chơi và luật chơi.

– GV hướng dẫn HS chơi trong nhóm hoặc cử 2 nhóm đại diện chơi với nhau.

– Nếu không chuẩn bị được xúc xắc, GV có thể chuẩn bị lá thăm để HS rút thăm. (VD: Chuẩn bị các lá thăm có đánh số từ 1 đến 6, rút được lá thăm chứa số bao nhiêu, HS được đi bấy nhiêu ô.)

– HS chơi trong nhóm hoặc 2 nhóm đại diện chơi trước lớp.

– GV tổng kết trò chơi và khen ngợi các đội chơi nêu được nhiều từ theo yêu cầu.

– GV chốt lại: Các từ ở bài tập 1 và các từ tìm được ở bài tập 2 được gọi là danh từ. GV mời 1 – 2 HS đọc ghi nhớ trước lớp, cả lớp đọc thầm ghi nhớ. Mời HS xung phong không nhìn sách, nêu được ghi nhớ về danh từ: *Danh từ là từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng tự nhiên, thời gian,...).*

GV có thể nói với HS: Ở lớp 2 và lớp 3, các em đã được học từ ngữ chỉ sự vật. Tiết học này, các em bước đầu nhận biết thế nào là danh từ. Các em sẽ còn được tìm hiểu và luyện tập về danh từ ở nhiều tiết học khác.

3. Tìm các danh từ chỉ người, vật trong lớp học của em.

– GV mời 1 HS đọc to yêu cầu.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm. Trước tiên, HS làm việc cá nhân, quan sát lớp học và liệt kê các danh từ chỉ người, vật mà các em nhìn thấy, sau đó nêu trong nhóm.

– Đại diện 2 – 3 nhóm nêu các danh từ mà nhóm đã tìm được. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– GV ghi các từ HS tìm được lên bảng hoặc mời 1 – 2 HS ghi lên bảng các từ mà nhóm tìm được. VD: danh từ chỉ người (cô giáo, học sinh, bạn bè, nam, nữ,...); danh từ chỉ vật (bàn, ghế, bảng, phấn, sách, vở, bút, thước, tẩy, cửa sổ, đèn, quần, áo, khăn đỏ,...)

4. Đặt 3 câu, mỗi câu chứa 1 – 2 danh từ tìm được ở bài tập 3.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của bài tập.

– HS làm việc cá nhân, tìm từ, đặt câu (viết vào vở, vào giấy nháp,...).

– HS đặt câu xong thì làm việc theo nhóm, từng bạn đọc các câu của mình để cả nhóm nhận xét, góp ý. GV đi các nhóm, ghi chép các câu hay hoặc câu chưa đúng để chữa chung trước lớp hoặc chữa riêng cho những em đặt câu chưa đúng yêu cầu.

– GV mời một số HS đọc câu của mình trước lớp.

– GV khen ngợi cả lớp đã tích cực tham gia các hoạt động học tập.

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU ĐOẠN VĂN VÀ CÂU CHỦ ĐỀ

1. Đọc các đoạn văn và thực hiện yêu cầu.

a. Nhận xét về hình thức trình bày của các đoạn văn.

b. Ý chính của mỗi đoạn văn là gì?

c. Tìm câu nêu ý chính của mỗi đoạn. Câu đó nằm ở vị trí nào trong đoạn?

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu và 2 HS đọc 2 đoạn văn.

GV hướng dẫn cách thực hiện: HS làm việc cá nhân, tìm phương án trả lời cho mỗi yêu cầu trước khi trao đổi theo cặp hoặc nhóm để đối chiếu kết quả. Với yêu cầu đầu tiên về hình thức trình bày đoạn văn, GV có thể hướng dẫn HS quan sát cách trình bày câu đầu của đoạn văn và các câu tiếp theo.

– Với mỗi yêu cầu, GV mời 2 – 3 HS trình bày câu trả lời. GV và cả lớp đối chiếu kết quả, nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án.

Đáp án:

Hình thức trình bày của các đoạn văn	Ý chính của từng đoạn	Câu nêu ý chính của từng đoạn và vị trí của câu đó trong đoạn
+ Câu đầu tiên của đoạn được viết lùi đầu dòng. + Các câu tiếp theo được viết liên tục không xuống dòng.	+ Đoạn 1: Mọi người chuẩn bị cho cuộc khiêu vũ. + Đoạn 2: Những loài vật chăm chỉ diệt trừ sâu bọ.	+ Đoạn 1: Câu đầu tiên "Mọi người bắt tay vào việc chuẩn bị cho cuộc khiêu vũ.". + Đoạn 2: Câu cuối cùng "Tất cả đều lo diệt trừ sâu bọ để giữ gìn hoa lá.".

– GV tổng kết: Qua bài tập 1, HS đã được làm quen với các đặc điểm của một đoạn văn (về cả hình thức lẫn nội dung) và câu chủ đề của đoạn. HS sẽ được tìm hiểu về cách viết đoạn văn theo các chủ đề khác nhau trong các tiết học viết tiếp theo.

– GV mời 1 HS đọc to Ghi nhớ. Các HS khác đọc thầm theo. GV mời 1 – 2 HS xung phong nói lại ghi nhớ mà không cần nhìn sách, nêu được ghi nhớ về đoạn văn và câu chủ đề. GV giải thích thêm: HS cần ghi nhớ về **hình thức trình bày** của một đoạn văn (đoạn văn gồm một số câu được viết liên tục, không xuống dòng; đoạn văn thường bắt đầu từ chữ viết hoa lùi đầu dòng). Đoạn văn trình bày một **ý** nhất định, **câu chủ đề** của đoạn nêu **ý** chính của đoạn văn, thường nằm ở đầu hoặc cuối đoạn.

2. Chọn câu chủ đề cho từng đoạn văn và xác định vị trí đặt câu chủ đề cho mỗi đoạn.

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu và 2 HS đọc 2 đoạn văn.

– GV hướng dẫn HS làm việc:

+ HS làm việc cá nhân, đọc kĩ lại từng đoạn văn và tìm ý chính của từng đoạn. Chọn câu chủ đề phù hợp với ý chính của từng đoạn và thử đặt vào vị trí đầu hoặc cuối đoạn.

+ HS làm việc theo nhóm hoặc theo cặp, trình bày ý kiến của mình. Cả nhóm thống nhất đáp án.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày ý kiến trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý, thống nhất đáp án. (Câu "Mùa xuân đến, chim bắt đầu xây tổ." là câu chủ đề của đoạn 2, đứng ở đầu đoạn. Câu "Cứ thế, cả nhà mỗi người một việc, hối hả mang Tết về trong khoảnh khắc chiều Ba mươi." là câu chủ đề của đoạn 1, đứng ở cuối đoạn.)

3. Viết câu chủ đề khác cho 1 trong 2 đoạn văn ở bài tập 2.

– HS làm việc cá nhân, viết câu chủ đề mới cho từng đoạn vào giấy nháp. GV lưu ý HS cân nhắc vị trí thích hợp của câu chủ đề mới trong đoạn.

– GV chấm nhanh bài làm của một số HS.

– GV nhận xét chung bài làm của cả lớp và tổng kết tiết học.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động Vận dụng: HS nghĩ đến những người trong gia đình (ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em, cô, dì, chú, bác,...). Với mỗi người, HS nghĩ đến những đặc điểm của người đó và vẻ riêng mà chỉ người đó có (vẻ khác hoặc nổi bật so với các thành viên còn lại trong gia đình). VD: Bố rất cao, mẹ rất vui tính, anh trai nói rất nhanh,... GV khuyến khích HS nghĩ đến những vẻ riêng mang tính tích cực của người thân trong gia đình.

– HS suy nghĩ, sắp xếp các ý và chia sẻ với người thân của mình.

– GV lưu ý HS khi nói phải rõ ràng, rành mạch; nói xong phải biết lắng nghe những trao đổi của người thân.

CỦNG CỐ

– GV có thể tổng kết bài học bằng nhiều cách, có thể chọn một trong những cách dưới đây:

+ Nêu câu hỏi xem HS thích nhất điều gì trong bài vừa học.

+ Đề nghị HS nói lại những điều HS nhớ về bài đọc, phần Luyện từ và câu và phần Viết.

+ Nhắc lại các nội dung HS đã được học:

• Đọc và tìm hiểu văn bản *Điều kì diệu.*

• Tìm hiểu và luyện tập về danh từ.

• Tìm hiểu đặc điểm của một đoạn văn và câu chủ đề.

– GV có thể nhắc lại về chủ điểm, nói rõ thêm đây là bài học đầu tiên của chủ điểm *Mỗi người một vẻ* trong sách *Tiếng Việt 4*. Bài đọc *Điều kì diệu* cho các em thấy vẻ riêng là nét đẹp của mỗi người, góp phần làm cho cuộc sống tập thể đa dạng, phong phú mà vẫn gắn kết, hoà quyện.

– GV dặn HS: Về nhà trao đổi với người thân về vẻ riêng của từng người trong gia đình.

Bài 2 THI NHẠC (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Thi nhạc*. Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời miêu tả từng tiết mục của mỗi nhân vật trong câu chuyện.

   b. Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động,...; nhận biết được cách liên tưởng, so sánh,... trong việc xây dựng nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Mỗi người tạo được nét riêng, độc đáo chính là phát huy thế mạnh, khả năng riêng của mình.

2. Tìm hiểu được cách viết đoạn văn nêu ý kiến (nêu lí do vì sao mình thích câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe).

3. Biết nói trước nhóm, trước lớp về những đặc điểm nổi bật của mình và của bạn.

4. Biết chia sẻ suy nghĩ, nhận thức, cách đánh giá của mình về bản thân và bạn bè. Biết thể hiện sự trân trọng bản thân và bạn bè.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Văn bản tự sự (trình tự các sự việc, nhân vật, ngoại hình, tính cách, hành động,... của nhân vật); cách sắp xếp ý trong văn bản trình bày ý kiến (văn bản nghị luận).

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ câu chuyện *Thi nhạc*, sưu tầm thêm các video ghi lại tiếng kêu của các con vật là nhân vật trong câu chuyện (nếu có) như tiếng ve, tiếng gà gáy, tiếng dế gáy, tiếng chim hoạ mi hót.

– Từ điển tiếng Việt.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

1 – 2 HS đọc hoặc đọc thuộc bài thơ *Điều kì diệu* và trả lời câu hỏi: Điều kì diệu được nói đến trong bài thơ là gì?

ĐỌC

1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ:

+ Làm việc theo nhóm: *Kể về tiết mục văn nghệ đáng nhớ nhất mà em đã được xem hoặc tham gia*. GV khích lệ HS kể trong nhóm, có thể giải thích vì sao em nhớ nhất tiết mục đó.

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– HS làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng.

– HS (2 – 3 em) lần lượt kể về tiết mục văn nghệ đáng nhớ nhất trước lớp. GV nhấn mạnh thêm: Nếu tham gia biểu diễn một tiết mục văn nghệ, muốn thành công và để lại ấn tượng trong lòng người xem, phải chăm chỉ tập luyện, phát huy thế mạnh của bản thân. Khi biểu diễn, cần cố gắng thể hiện hết khả năng của mình,...

– GV mời 1 – 2 HS nêu nội dung tranh minh hoạ bài đọc. Có thể cho HS trả lời một số câu hỏi. VD: Bài đọc có mấy tranh minh hoạ? Đoán xem các con vật trong tranh đang làm gì. (Có 4 bức tranh. Các con vật trong tranh đang trình diễn những tiết mục âm nhạc.)

– GV nhận xét các ý kiến của HS, sau đó GV giới thiệu khái quát câu chuyện *Thi nhạc*. Câu chuyện kể về một cuộc thi âm nhạc của các con vật. Các em hãy nghe đọc câu chuyện để biết câu chuyện kể điều gì về mỗi con vật được vẽ trong tranh.

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài, đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện những tình tiết bất ngờ hoặc từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện. VD: *đầy vẻ tự tin*; *tràn ngập âm thanh*;... GV có thể mời 2 HS đọc nối tiếp các đoạn (hoặc mời 5 HS, mỗi HS đọc 1 đoạn).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *đôi mắt nâu lấp lánh, niềm mãn nguyện, réo rắt, vi-ô-lông, cla-ri-nét, xen-lô,...*

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Mặc áo măng tô trong suốt,/ đôi mắt nâu lấp lánh,/ đầy vẻ tự tin,/ ve sầu biểu diễn bản nhạc "Mùa hè".*; *Gà mở đầu khúc nhạc "Bình minh" bằng tiết tấu nhanh,/ khoẻ,/ đầy hứng khởi:/ "Tờ-réc.../ tờ-re-te-te-te...".*

+ Đọc nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện cảm xúc của các nhân vật gửi vào tiếng nhạc, VD: *Bản nhạc "Mùa xuân" vang lên réo rắt, say đắm, rồi dần chuyển sang tiết tấu rạo rực, tưng bừng.*

– 5 HS đọc nối tiếp 5 đoạn trước lớp.

– HS làm việc theo cặp, mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

– GV hướng dẫn HS đọc từ ngữ được chú thích trong SHS và hướng dẫn HS hiểu nghĩa của một số từ ngữ khó trong bài.

– GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ, yêu cầu nêu trong SHS (cuối bài đọc).

Câu 1. *Câu chuyện có những nhân vật nào? Những nhân vật đó có điểm gì giống nhau?*

– GV nêu câu hỏi 1 hoặc nhắc HS đọc câu hỏi 1.

– GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi 1.

+ Bước 1: HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm (lần lượt từng em nêu ý kiến đã chuẩn bị), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– HS thực hiện các bước theo chỉ dẫn, một số em phát biểu trước lớp. VD:

+ Trong câu chuyện có 5 nhân vật: thầy vàng anh, ve sầu, gà trống, dế, hoạ mi.

+ Những nhân vật đó có điểm giống nhau là: yêu âm nhạc, say mê chơi nhạc, biểu diễn hết mình,... (HS cũng có thể dựa vào vốn sống để suy luận, đưa ra câu trả lời. VD: Nhân vật trong câu chuyện đều là những con vật. Những con vật này đều có tiếng kêu đặc biệt./ Tiếng kêu của các con vật này đã được nhắc đến trong nhiều bài thơ, câu chuyện./,...). GV cần giúp các em tìm điểm giống nhau của các nhân vật thể hiện qua các chi tiết trong bài đọc.

– GV nhận xét và có thể nói rõ hơn: Tiếng ve kêu từng được nhà thơ/ nhạc sĩ gọi là "dàn đồng ca mùa hạ"; tiếng gà trống là âm thanh quen thuộc của làng quê vào mỗi buổi sớm; chim hoạ mi được mệnh danh là "ca sĩ của núi rừng"; tiếng dế kêu ri ri trong đêm thanh tĩnh cũng đi vào những áng thơ văn được yêu thích, VD:

Tháng Tư đầu mùa hạ
Tiết trời thực oi ả
Tiếng dế kêu thiết tha,
Đàn muỗi bay tơi tả...

(Nguyễn Khuyến)

– GV có thể giới thiệu video ghi âm tiếng kêu của các con vật trong câu chuyện (nếu có).

Câu 2. *Giới thiệu về tiết mục của một nhân vật mà em yêu thích trong câu chuyện.*

Gợi ý:

- *Tên bản nhạc và nhân vật biểu diễn*
- *Ngoại hình của nhân vật*
- *Những hình ảnh gợi ra từ bản nhạc được trình diễn.*

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi 2 trước lớp, cả lớp đọc thầm theo.

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Cách 1: Làm việc nhóm (4 em/ nhóm), mỗi em tìm hiểu về sức cuốn hút riêng của mỗi tiết mục rồi phát biểu trong nhóm, các bạn khác nhận xét, bổ sung.

+ Cách 2: Làm việc cá nhân, tìm thông tin để giới thiệu về một tiết mục mình yêu thích nhất theo 3 gợi ý.

– HS làm bài theo hướng dẫn nêu trên. Có thể ghi vắn tắt vào vở, phiếu bài tập hoặc giấy nháp.

VD:

TT	Giới thiệu tiết mục
1	– Nhân vật: ve sầu – Ngoại hình (diện mạo): áo măng tô trong suốt, đôi mắt nâu lấp lánh, đầy vẻ tự tin. – Sức hấp dẫn của bản nhạc: gian phòng tràn ngập âm thanh; tiếng vi-ô-lông réo rắt, tiếng cla-ri-nét trong sáng, tiếng xen-lô ấm áp; gợi màu hoa phượng đỏ rực, nắng sáng trắng, bầu trời xanh mênh mông, hoa mướp vàng bên bờ giậu, những cánh ong rù rì,…
2	– Nhân vật: gà trống – Ngoại hình (diện mạo): đĩnh đạc bước lên, kiêu hãnh ngẩng đầu với cái mũ đỏ chói. – Sức hấp dẫn của bản nhạc: bản nhạc có tiết tấu nhanh, khoẻ, đầy hứng khởi "Tờ-réc... tờ-re-te-te-te...", niềm mãn nguyện khi thấy mặt trời lên rực rỡ; tiết tấu vui nhộn khi sử dụng bộ gõ: Cục – cục!... Cục – cục!... Cục – cục!...
3	– Nhân vật: dế mèn – Ngoại hình (diện mạo): bước ra khoẻ khoắn và trang nhã trong chiếc áo nâu óng. – Sức hấp dẫn của bản nhạc: bản nhạc gợi hình ảnh những chiếc lá khô xoay tròn, rơi rơi trong nắng, tiếng gió xào xạc thầm thì với lá...
4	– Nhân vật: hoạ mi – Ngoại hình (diện mạo): tà áo dài thướt tha, trông thật dịu dàng, uyển chuyển. – Sức hấp dẫn của bản nhạc: bản nhạc vang lên réo rắt, say đắm, tiết tấu rạo rực, tưng bừng; những giọt mưa xuân rơi trên đôi má nóng rực; những chiếc mầm bật khỏi cành, hoa đào rộ lên khoe sắc...

– Một số HS phát biểu trước lớp (mỗi em nói về một tiết mục); GV và cả lớp nhận xét, bổ sung chi tiết (nếu HS phát biểu chưa đầy đủ).

Câu 3. *Vì sao thầy vàng anh rất vui và xúc động khi xem các học trò biểu diễn?*

– GV nêu câu hỏi 3 hoặc nhắc HS tự đọc câu hỏi 3.

– GV có thể dẫn dắt: Tiết mục biểu diễn của các học trò đều làm thầy giáo vàng anh xúc động, thể hiện qua những chi tiết như: "Thầy giáo xúc động, cúi xuống ghi điểm", "Đôi mắt thầy vàng anh nhoà đi" – thầy xúc động đến trào nước mắt. Khi các học trò biểu diễn xong, thầy đã phát biểu thế nào? Theo em, vì sao thầy vàng anh rất vui và xúc động khi xem các học trò biểu diễn?

– HS suy nghĩ, tìm câu trả lời, sau đó trao đổi trong nhóm, đại diện nhóm phát biểu trước lớp khi GV yêu cầu.

– GV khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến thể hiện suy nghĩ của mình.

Lưu ý: HS phát biểu theo suy nghĩ, suy luận, cảm nhận của cá nhân. Các em có thể đưa ra nhiều ý kiến khác nhau nhưng GV cần giúp các em hiểu thầy giáo vàng anh rất vui vì các tiết mục biểu diễn của học trò đều hay và đặc biệt; vì mỗi người đã tạo dựng cho mình một phong cách độc đáo, không ai bắt chước ai như lời thầy phát biểu ở cuối câu chuyện: "Thầy rất vui vì sự thành công của các em…".

Câu 4. *Tác giả muốn nói điều gì qua câu chuyện?*

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, lựa chọn 1 trong 4 phương án trả lời, có thể giải thích vì sao mình lựa chọn phương án đó.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp, nêu ý kiến lựa chọn của cá nhân, tranh luận/ trao đổi; cần lập luận để thuyết phục cô giáo và các bạn.

– GV chốt đáp án: phương án C. *Mỗi người hãy tạo cho mình nét đẹp riêng*.

– GV nói thêm: Câu chuyện muốn nói với chúng ta rằng việc mỗi người tạo được nét riêng, độc đáo chính là phát huy thế mạnh, khả năng riêng của mình.; Tạo được nét riêng là ghi được dấu ấn, tên tuổi của mình trong lòng mọi người.; Tạo được nét riêng của mỗi người trong một tập thể sẽ làm cho tập thể có nhiều thế mạnh.;…

4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện:

– Làm việc chung cả lớp (2 hoặc 5 HS đọc nối tiếp 5 đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– HS đọc theo cặp hoặc nhóm (3 – 4 em/ nhóm), góp ý trong nhóm.

5. Luyện tập theo văn bản đọc

– HS đọc yêu cầu trong SHS và tự thực hiện yêu cầu. Có thể ở những tuần học đầu năm, GV hướng dẫn HS cách thức đọc yêu cầu, câu hỏi của phần Luyện tập theo văn bản đọc (logo kính lúp). GV có thể nêu thời gian thực hiện nhiệm vụ và chỉ dẫn hình thức học cá nhân, học theo cặp hoặc theo nhóm (tuỳ vào năng lực của HS trong lớp).

– Sau thời gian làm bài, GV có thể cho HS trình bày trước lớp hoặc kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp.

Đáp án:

Câu 1. *Tìm danh từ trong các câu.*

Đáp án: a. ve sầu, gà trống, đầu, (cái) mũ; b. dế, (chiếc) áo; c. tà áo dài, hoạ mi.

Câu 2. *Đặt 1 – 2 câu về nhân vật yêu thích trong bài đọc* ***Thi nhạc****. Chỉ ra danh từ trong câu em đặt.*

GV lưu ý chữa bài cho HS tuỳ thuộc vào câu văn HS đặt.

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN

1. Đọc đoạn văn ở bài tập 1 và trả lời câu hỏi.

a. Mở đầu

GV nêu khái quát mục tiêu, nhiệm vụ của tiết học (Tìm hiểu cách viết đoạn văn nêu ý kiến về một câu chuyện đã nghe hoặc đã đọc).

Để đảm bảo nguyên tắc tích hợp các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe, ở hoạt động Đọc, các em vừa mới luyện đọc câu chuyện *Thi nhạc*, đến hoạt động Viết, các em được tìm hiểu đoạn văn nêu ý kiến về câu chuyện *Thi nhạc* (cũng chính là đoạn văn nêu lí do yêu thích một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe theo yêu cầu của chương trình). Do đó, để kết nối hoạt động Đọc và Viết, GV có thể tổ chức hoạt động khởi động đầu giờ học bằng nhiều cách khác nhau. VD:

– GV nêu câu hỏi: Sau khi đọc câu chuyện *Thi nhạc*, em thích hay không thích câu chuyện này? Vì sao?

– HS phát biểu ý kiến theo cặp hoặc theo nhóm, sau đó một số nhóm cử thành viên có ý kiến thuyết phục nhất thay mặt nhóm phát biểu trước lớp. (HS được nói theo suy nghĩ cá nhân, GV khích lệ động viên để các em mạnh dạn trình bày ý kiến cá nhân.)

b. Nêu yêu cầu của bài tập

GV có thể nói trước lớp: Trước khi thực hiện các yêu cầu của bài tập 1, các em hãy đọc đoạn văn nêu ý kiến về câu chuyện *Thi nhạc* của một bạn. Khi nghe một bạn đọc, cả lớp nhìn vào đoạn văn đọc thầm để cảm nhận rõ điều người viết muốn nói qua đoạn văn.

– 1 HS đọc đoạn văn. Khi HS đọc xong, GV có thể nói: Các em đã nghe đọc đoạn văn. Bạn nào cho cả lớp biết người viết muốn nói gì qua đoạn văn này?

– 2 hoặc 3 HS phát biểu. GV khen ngợi sự tập trung lắng nghe và sự mạnh dạn, tích cực phát biểu của HS, chưa nên nhận xét nội dung câu trả lời đúng hay sai. GV cho HS nghe đọc hoặc tự đọc thầm đoạn văn thêm một lần nữa. Sau đó, GV nêu hoặc yêu cầu HS đọc câu hỏi a và 3 phương án trả lời trong SHS để HS lựa chọn (có thể chiếu câu hỏi và 3 phương án lên màn hình).

– 2 hoặc 3 em trả lời trước lớp (nêu phương án mình lựa chọn). Đáp án: phương án A. Những lí do người viết yêu thích câu chuyện *Thi nhạc*.

– GV yêu cầu HS đọc câu hỏi b (*Câu mở đầu đoạn văn cho biết điều gì?*). Có thể chiếu đoạn văn lên màn hình, tô đậm hoặc đổi màu của câu mở đầu (*Câu chuyện Thi nhạc của nhà văn Nguyễn Phan Hách cuốn tôi vào một thế giới đầy thú vị.*). GV có thể nhắc lại câu hỏi b để HS nắm rõ.

– HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời rồi trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm. GV mời 2 – 3 HS trả lời. GV cho HS trong lớp nhận xét, sau đó chốt đáp án: Các em có thể có những

cách diễn đạt khác nhau, VD: Người viết đã nêu ý kiến nhận xét của mình về câu chuyện *Thi nhạc*./ Người viết khẳng định câu chuyện rất hay/ rất thú vị/ rất cuốn hút / hấp dẫn đối với mình./,...

– HS đọc câu hỏi c. GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp để chuẩn bị câu trả lời. Các em có thể cùng nhau nói hoặc viết câu trả lời vào vở ghi, giấy nháp, phiếu học tập (nếu có),... GV có thể nhắc HS đọc kĩ đoạn văn và chỉ ra người viết yêu thích những điều gì ở câu chuyện *Thi nhạc* (Nêu những lí do khiến người viết yêu thích câu chuyện).

Đáp án: Người viết khẳng định câu chuyện hay, có sức cuốn hút vì đã gợi ra một thế giới thú vị, ở đó có những học trò tài năng và người thầy tâm huyết:

(1) Học trò là những con vật quen thuộc như ve sầu, gà trống, dế mèn, chim hoạ mi. Nhưng chúng đã hoá thành các nghệ sĩ có tài năng âm nhạc, biểu diễn những tiết mục rất hay, rất đặc sắc. Tiếng kêu, tiếng gáy, tiếng hót của chúng gợi lên trong tâm trí người nghe những cảnh vật có âm thanh, ánh sáng, sắc màu, hương vị,...

(2) Thầy giáo vàng anh cũng để lại ấn tượng khó quên. Thầy xúc động khi thấy các học trò của mình đã thành công trong học tập, đã biểu diễn những tiết mục xuất sắc. Việc làm và lời nói của thầy thể hiện tình yêu thương, sự trân trọng đối với học trò.

– GV có thể diễn giải thêm để HS hiểu cách trình bày ý kiến của người viết: Người viết đã khẳng định câu chuyện *Thi nhạc* có sức cuốn hút đối với mình vì hai lí do chính nêu trên.

– HS đọc câu hỏi d (*Câu kết thúc đoạn ý nói gì?)* và mời 1 – 2 HS đọc câu kết (*Câu chuyện đã kết thúc, nhưng các nhân vật đáng yêu ấy vẫn hiện mãi trong tâm trí tôi.*) GV mời một số HS phát biểu (HS có thể trả lời: Người viết muốn nói câu chuyện luôn ở trong tâm trí mình./ Câu kết đoạn một lần nữa khẳng định ấn tượng của người viết về câu chuyện./,...).

– GV cho HS xem lại toàn bộ đoạn văn (xem trong SHS hoặc đoạn văn được chiếu trên màn hình), sau đó nhấn mạnh với HS về cách viết đoạn văn nêu ý kiến thể hiện qua đoạn văn vừa tìm hiểu:

+ Câu mở đầu: Nêu cảm nhận chung về câu chuyện mình yêu thích.

+ Các câu tiếp theo (triển khai): Nêu các lí do yêu thích câu chuyện.

+ Câu kết thúc: Tiếp tục khẳng định ý kiến đã nêu ở mở đầu đoạn.

2. Đọc đoạn văn ở bài tập 2 và trả lời câu hỏi.

GV hướng dẫn HS: Đọc thầm đoạn văn và tự trả lời các câu hỏi trước khi trao đổi nhóm để thống nhất câu trả lời. Sau khi các nhóm đã thống nhất câu trả lời, GV mời 1 HS đọc đoạn văn trước lớp (cố gắng đảm bảo thời gian để các em hiểu nội dung của đoạn); 2 – 3 HS trả lời 3 câu hỏi đã trao đổi theo nhóm. Dựa trên câu trả lời của HS. GV giúp HS hiểu được các ý dưới đây:

a. Điểm giống nhau của 2 câu mở đầu của 2 đoạn văn là đều nêu cảm nghĩ của người viết về câu chuyện (yêu thích câu chuyện được nói tới).

b. Những lí do người viết yêu thích câu chuyện *Bà cháu.*

– Ban đầu: Thích xứ sở thần tiên mà câu chuyện gợi ra.

– Sau đó: Xúc động về tình cảm bà cháu được thể hiện qua các sự việc trong câu chuyện.

– Cuối cùng: Thích cách kết thúc có hậu của câu chuyện.

c. Cách trình bày ý của đoạn văn thứ 2 là cách 1 (Từ đó nhận xét cách trình bày ý của đoạn văn ở bài tập 1 là cách 2).

GV nhắc lại 2 cách viết đoạn văn nêu ý kiến để HS có thể lựa chọn khi thực hành viết.

3. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn nêu ý kiến về câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

– GV hướng dẫn HS cách chuẩn bị ý kiến để trao đổi: đọc gợi ý về nội dung trao đổi, dựa trên kết quả tìm hiểu hai đoạn văn ở bài tập 1 và bài tập 2 để chia sẻ ý kiến trong nhóm.

– HS trao đổi trong nhóm theo hướng dẫn của GV.

– Đại diện các nhóm phát biểu ý kiến.

– GV có thể chốt các ý HS cần nhớ khi viết đoạn văn nêu ý kiến về câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe:

+ Đoạn văn thường mở đầu bằng lời khẳng định sự yêu thích của người viết đối với câu chuyện (nêu rõ tên câu chuyện và nếu có thể thì nêu cả tên tác giả).

+ Các câu tiếp theo đưa ra một hoặc nhiều lí do yêu thích câu chuyện (yêu thích chi tiết, nhân vật, cách kết thúc,...), có thể kết hợp với những minh chứng cụ thể.

+ Đoạn văn có thể có câu kết khẳng định một lần nữa sự yêu thích của người viết đối với câu chuyện.

+ Đoạn văn nên có những từ ngữ, câu văn bộc lộ rõ cảm xúc, sự yêu thích của mình đối với câu chuyện.

– GV mời 2 – 3 HS đọc phần Ghi nhớ.

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE

TÔI VÀ BẠN

Yêu cầu: Giới thiệu những điểm nổi bật của bản thân.

1. Nói về bản thân

– GV hướng dẫn HS: Các em có thể vẽ nhanh bức chân dung tự hoạ (nếu có thể) rồi viết ra giấy/ vở ghi 3 điểm nổi bật của bản thân để phát biểu trong nhóm và trước lớp.

– HS thực hiện theo hướng dẫn của GV: Từng em phát biểu ý kiến trong nhóm. 3 – 4 em có thể phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV mời HS trong lớp phát biểu ý kiến sau khi nghe bạn phát biểu (VD: Có thể bổ sung những điểm nổi bật của bạn mà mình thấy bạn chưa nêu).

2. Trao đổi

GV có thể tổ chức cho HS nói về bạn theo hướng dẫn trong SHS. Khi HS nói về bạn nào, GV mời bạn đó nêu suy nghĩ, cảm xúc của mình khi nghe ý kiến của bạn.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Giới thiệu với người thân về điểm nổi bật của những người bạn mà em yêu quý*; *Tìm đọc câu chuyện về những người có năng khiếu nổi bật*. Có thể nêu những điều mình muốn học tập ở bạn.

CỦNG CỐ

GV nhận xét kết quả học tập của tuần học đầu tiên. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực.

Dặn HS ôn Bài 2 và đọc trước Bài 3.

TUẦN 2

Bài 3 ANH EM SINH ĐÔI (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Anh em sinh đôi*. Biết đọc diễn cảm các đoạn hội thoại phù hợp với tâm lí, cảm xúc của nhân vật.

   b. Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện gắn với thời gian. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Mọi người có thể giống nhau về ngoại hình hoặc một đặc điểm nào đó, nhưng không ai giống ai hoàn toàn, bởi bản thân mỗi người là một thực thể duy nhất.

2. Biết phân biệt danh từ chung và danh từ riêng.

3. Biết tìm ý cho đoạn văn nêu ý kiến.

4. Biết phân tích, đánh giá và chia sẻ những ý kiến của mình với bạn bè. Biết tôn trọng vẻ riêng và những điểm tương đồng giữa mọi người.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Đặc trưng của văn bản tự sự (thời gian, trình tự các sự việc, suy nghĩ, hành động và lời nói của nhân vật).

– Danh từ chung, danh từ riêng.

– Đoạn văn nêu ý kiến.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh phần Khởi động, tranh minh hoạ câu chuyện *Anh em sinh đôi*, tranh ảnh minh hoạ và thẻ chữ bài tập phần Luyện từ và câu.

– Tranh ảnh về một số cặp song sinh nổi tiếng thế giới và Việt Nam (nếu có).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

ÔN BÀI CŨ

GV có thể chọn một hoạt động để ôn bài cũ, VD: Nêu tên bài đọc trước và tên các nhân vật trong bài đọc, nói về điều em thích nhất trong bài đọc trước.

ĐỌC

1. Khởi động

– GV nêu yêu cầu của trò chơi, đồng thời treo tranh lên bảng hoặc chiếu tranh lên màn hình và giao nhiệm vụ cho HS:

+ Chơi trò chơi theo nhóm (*Tìm và nói nhanh 5 điểm khác nhau giữa 2 tranh*) hoặc đại diện nhóm lên chơi trước lớp.

+ HS hoặc đội nào tìm được 5 điểm khác nhau nhanh hơn, HS hoặc đội đó sẽ chiến thắng.

– Khi HS nêu điểm khác nhau, GV khoanh tròn (hoặc chỉ vào) điểm đó trên tranh.

Đáp án: (1) Bụi cây trước mặt cậu bé, (2) bụi cây sau thân cây lớn, (3) màu áo của cậu bé, (4) màu quyển sách, (5) chỏm tóc của cậu bé.





– GV tổng kết trò chơi: Qua trò chơi, HS có thể thấy, dù có những sự vật, hiện tượng nhìn thoáng qua tưởng như rất giống nhau, nhưng nếu quan sát kĩ, tìm hiểu kĩ, chúng ta vẫn nhận ra sự khác biệt. Con người cũng vậy, có nhiều người nhìn rất giống nhau, ví dụ như các anh chị em sinh đôi, nhưng họ vẫn có những khác biệt nhất định về hình thức, tính cách,… GV có thể cho HS xem một số tranh ảnh về các cặp sinh đôi nổi tiếng (nếu có), và giới thiệu những sự khác biệt giữa họ (về cuộc sống, về lĩnh vực hoạt động,...).

– GV mời HS nêu nội dung tranh minh hoạ (VD: Tranh vẽ một đường chạy, trên đó có nhiều bạn đang thi chạy. Hai bạn chạy đầu tiên nhìn rất giống nhau, nhưng có bạn chạy nhanh hơn, có bạn chạy chậm hơn. Xung quanh là bạn bè của các bạn đang cổ vũ rất nhiệt tình.). Sau đó GV giới thiệu khái quát bài đọc *Anh em sinh đôi*. (VD: Hôm nay các em sẽ luyện đọc câu chuyện *Anh em sinh đôi*. Các em hãy đọc kĩ để hiểu bạn nhỏ trong câu chuyện đã nghĩ gì về việc bạn ấy và người anh sinh đôi của mình trông giống hệt nhau.)

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài, đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ trong các câu hội thoại thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật. VD: *tôi chẳng giống ai hết, sao nhầm được*,...

– GV hướng dẫn HS đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *kêu lên, cách nói, lo lắng, cổ vũ, chậm rãi, nhanh nhảu*,...).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Hai anh em mặc đồng phục/ và đội mũ/ giống hệt nhau,/ bạn bè/ lại cổ vũ nhầm mất thôi.; Các bạn cuống quýt/ gọi Khánh thay thế/ khi thấy Long nhăn nhó vì đau/ trong trận kéo co;*...

– 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp, (đoạn 1: từ đầu đến *chẳng bận tâm đến chuyện đó*, đoạn 2: tiếp theo đến *nỗi ngạc nhiên ngập tràn của Long*, đoạn 3: tiếp theo đến *để trêu các cậu đấy*, đoạn 4: còn lại).

– HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm (4 em/ nhóm): Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 4 đoạn), đọc nối tiếp 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Long và Khánh được giới thiệu như thế nào?*

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời, sau đó trao đổi theo cặp để thống nhất câu trả lời.

– 1 – 2 HS phát biểu ý kiến, GV khen ngợi HS trả lời rõ ràng, lưu loát.

– GV và HS thống nhất đáp án. (Long và Khánh được giới thiệu là anh em sinh đôi, giống nhau như đúc.)

Câu 2. *Những chi tiết nào thể hiện cảm xúc và hành động của Long khi thấy mình giống anh?*

– GV hướng dẫn HS đọc lại đoạn đầu của văn bản, sau đó tìm chi tiết trả lời cho câu hỏi.

– HS trao đổi theo cặp để thống nhất câu trả lời.

– 2 – 3 HS phát biểu ý kiến. GV và cả lớp nhận xét, bổ sung (nếu cần thiết) và thống nhất đáp án. VD:

+ Cảm xúc của Long khi thấy mình giống anh: Hồi nhỏ cảm thấy khoái chí, lớn lên không còn thấy thú vị nữa, khi chuẩn bị đi hội thao thì Long rất lo lắng.

+ Hành động của Long: Cố gắng làm mọi thứ khác anh, từ cách nói, dáng đi, đến trang phục, kiểu tóc.

Câu 3. *Theo em, vì sao Long không muốn giống anh của mình? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến của em.*

A. Vì Long không thích bị mọi người gọi nhầm.

B. Vì Long cảm thấy phiền hà khi giống người khác.

C. Vì Long muốn khẳng định vẻ riêng của mình.

– GV nêu câu hỏi (hoặc nhắc HS đọc yêu cầu).

+ Bước 1: HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm (lần lượt từng em nêu câu trả lời đã chuẩn bị). Mỗi HS có thể có một cách lựa chọn riêng vì đây là câu hỏi mở (chọn một ý hoặc nêu ý kiến của em), miễn là HS giải thích hợp lí. (VD: Lựa chọn phương án A vì ở đầu câu chuyện có chi tiết "Mỗi khi bị gọi nhầm tên, Long lại muốn kêu lên: "Tôi là Long, tôi chẳng giống ai hết."; lựa chọn phương án B vì mỗi lần bị nhầm lẫn, Long đều cảm thấy không vui, điều đó rõ ràng gây ra sự phiền hà cho bạn ấy; lựa chọn phương án C vì Long cũng giống như nhiều người khác, luôn muốn khẳng định vẻ riêng của mình, mình là duy nhất, không giống ai.)

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm nêu ý kiến trước lớp.

– HS thực hiện các bước theo chỉ dẫn, một số em phát biểu trước lớp. GV khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến thể hiện suy nghĩ của mình.

Câu 4. *Nhờ nói chuyện với các bạn, Long đã nhận ra mình khác anh như thế nào?*

– GV nêu câu hỏi.

– GV gợi ý HS đọc lại đoạn hội thoại giữa các bạn nhỏ trong câu chuyện để tìm ý trả lời cho câu hỏi. GV có thể đặt câu hỏi phụ: Các bạn đã nói những gì về sự khác nhau giữa Long và Khánh? (Các bạn nói Long và Khánh mỗi người một vẻ, không hề giống nhau. Long chậm rãi, lúc nào cũng nghiêm túc; Khánh nhanh nhảu, hay cười.)

– HS trao đổi trong nhóm, theo cặp và thống nhất đáp án.

– 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

– GV và cả lớp góp ý, bổ sung (nếu cần thiết) và thống nhất đáp án. (Long nhận ra hai anh em chỉ giống ở ngoại hình thôi, còn các đặc điểm tính cách, thói quen,... đều khác nhau, nghĩa là mỗi anh em vẫn có vẻ riêng không thể nhầm lẫn.)

Câu 5. *Nhận xét về đặc điểm của Long và Khánh thể hiện qua hành động, lời nói của từng nhân vật.*

– GV nêu câu hỏi hoặc nhắc HS tự đọc câu hỏi để tìm câu trả lời. GV hướng dẫn HS tìm các chi tiết thể hiện hành động và lời nói của Long và Khánh, sau đó nhận xét về Long và Khánh qua các hành động và lời nói đó.

– HS trao đổi trong nhóm. HS có thể kẻ bảng để liệt kê chi tiết về hành động và lời nói của Khánh và Long.

	Long	**Khánh**
Hành động	– Cố gắng làm mọi thứ khác anh. – Hỏi bạn bè nguyên nhân các bạn không nhầm lẫn khi cổ vũ mình và anh Khánh. – Phá lên cười khi nhận ra hai anh em chỉ giống nhau bề ngoài thôi, thực chất mỗi người một vẻ, không ai giống ai.	– Không bận tâm đến việc hai anh em giống nhau. – Cười khi nghe các bạn nhận xét về mình và em Long.
Lời nói	– Tôi là Long, tôi chẳng giống ai hết.	– Đôi khi giống nhau cũng hay mà, chỉ cần không bị phạt nhầm là được.

– HS nhận xét trong nhóm về Khánh và Long. GV khuyến khích HS nêu những suy nghĩ riêng về Khánh và Long. VD: Đúng như các bạn của hai anh em nhận xét, hành động và lời nói của Long thể hiện Long là người khá nghiêm túc, chậm rãi, hay suy nghĩ. Long còn là người luôn muốn khẳng định bản thân, muốn mình đặc biệt và là duy nhất. Còn Khánh là một người nhanh nhẹn, hài hước, suy nghĩ đơn giản, không quá coi trọng những tương đồng về hình thức, hiểu rõ việc mình và em thực chất rất khác nhau về tính cách, nên việc giống nhau về hình thức không khiến cho Khánh phải bận tâm. Câu nói của Long (tự nói với chính mình) ở cuối câu chuyện cho thấy sự thay đổi trong suy nghĩ của Long. Long nhận ra sự khác biệt rõ rệt giữa hai anh em và hiểu rằng: không cần phải cố gắng chứng minh sự khác biệt đó.

– 2 – 3 HS đại diện nhóm phát biểu trước lớp.

– GV khen ngợi những HS có ý kiến hay, trình bày rõ ràng, rành mạch.

4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện:

– Làm việc chung cả lớp (4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– HS đọc theo cặp hoặc nhóm (4 em/ nhóm), góp ý trong nhóm.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

DANH TỪ CHUNG, DANH TỪ RIÊNG

1. Xếp các từ trong bông hoa vào nhóm thích hợp.

– GV mời 1 HS đọc câu lệnh, đọc các từ trong bông hoa và các từ trên giỏ (tên nhóm).

– HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm để đối chiếu kết quả.

– 1 – 2 HS đọc tên nhóm và các từ ngữ thích hợp.

– GV có thể viết lên bảng (hoặc làm các thẻ từ hình bông hoa và cho HS thả hoa vào giỏ).

Đáp án:

+ người: Chu Văn An, Trần Thị Lý

+ sông: Bạch Đằng, Cửu Long

+ thành phố: Hà Nội, Cần Thơ

2. Chơi trò chơi: *Gửi thư.*

Tìm hộp thư phù hợp với mỗi phong thư.

G: *Mỗi phong thư ghi nội dung hoặc cách viết của một nhóm từ trên hộp thư A hoặc B.*

– GV mời HS đọc tên trò chơi, cách chơi và gợi ý.

– GV hướng dẫn HS chơi theo nhóm hoặc 2 nhóm đại diện chơi trước lớp. Nếu chơi trong nhóm, HS có thể làm vào phiếu học tập, vở bài tập hoặc ghi ra vở, nháp của mình, sau đó đối chiếu đáp án để tìm ra người thắng (làm xong nhanh và đúng). Nếu 2 nhóm chơi trước lớp, GV chuẩn bị tranh hộp thư và các thẻ chữ hình phong thư để HS có thể thả các phong thư vào đúng hộp thư. Nhóm nào thả đúng và xong trước sẽ thắng. GV lưu ý HS chú ý nội dung và quan sát cách viết hoa/ viết thường của các từ trong bài tập 1 theo gợi ý.

– HS chơi trò chơi theo hướng dẫn của GV. GV tổng kết trò chơi, mời 1 – 2 HS nêu lí do lựa chọn phong thư cho hộp thư.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý, thống nhất đáp án của trò chơi.

Nhóm A (sông, người, thành phố)	– Viết thường – Gọi tên một loại sự vật
Nhóm B (Cửu Long, Chu Văn An, Hà Nội)	– Viết hoa – Gọi tên một sự vật cụ thể, riêng biệt

– GV tổng kết: Các từ nhóm A được gọi là danh từ chung. Các từ nhóm B được gọi là danh từ riêng. GV mời 1 HS đọc to phần ghi nhớ về danh từ chung và danh từ riêng. Các HS khác đọc thầm theo. GV mời thêm 1 – 2 HS xung phong nêu lại ghi nhớ mà không cần đọc trong sách. (*Danh từ chung là danh từ gọi tên một loại sự vật. Danh từ riêng là danh từ gọi tên một sự vật cụ thể, riêng biệt. Danh từ riêng được viết hoa*).

GV lưu ý HS cách viết hoa danh từ riêng (viết hoa chữ cái đầu của tất cả các tiếng tạo thành tên).

3. Tìm các danh từ chung và danh từ riêng trong đoạn văn.

– GV mời 1 HS đọc to yêu cầu.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm. HS làm việc cá nhân, đọc lại đoạn văn và tìm các danh từ chung và riêng, sau đó nêu trong nhóm.

– Đại diện 2 – 3 nhóm nêu các danh từ chung và danh từ riêng mà nhóm đã tìm được. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– GV ghi các kết quả HS tìm được lên bảng theo hai nhóm (danh từ chung, danh từ riêng) hoặc mời 1 – 2 HS lên bảng ghi kết quả của các nhóm. Đáp án:

+ Danh từ chung: người, anh hùng, tuổi, tên, nơi, quê, thôn, xã, tỉnh, nhiệm vụ, bộ đội.

+ Danh từ riêng: Kim Đồng, Việt Nam, Nông Văn Dèn, Nông Văn Dền, Nà Mạ, Trường Hà, Cao Bằng.

– GV khen ngợi các HS đã tích cực làm bài tập.

4. Tìm danh từ theo mỗi nhóm.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của bài tập: Tìm danh từ theo mỗi nhóm (với mỗi nhóm, có thể tìm hơn một danh từ), viết vào vở, giấy nháp,... Sau đó trao đổi trong nhóm.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý.

Đáp án:

Danh từ chung chỉ 1 dụng cụ học tập	thước, bút, cặp sách, sách, vở,...
Danh từ riêng gọi tên 1 người bạn (*lưu ý*: có thể chỉ có tên hoặc cả họ cả tên)	Hạnh, Thuỷ, Thương,... Vũ Quang Anh, Nguyễn Hà Phương, Nguyễn Gia Hưng,...
Danh từ chung chỉ 1 nghề	giáo viên, bác sĩ, kĩ sư, y tá, công nhân, nông dân,...
Danh từ riêng gọi tên 1 con đường, con phố	Thanh Niên, Kim Mã,...
Danh từ chung chỉ 1 đồ dùng trong gia đình	quạt, bát, đĩa, chảo, nồi, tủ lạnh, tủ,...
Danh từ riêng gọi tên 1 đất nước	Mỹ, Pháp, Ba Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản,...

– GV lưu ý HS khi viết các danh từ riêng chỉ tên người, tên địa lí phải tuân theo quy tắc viết hoa. Nếu HS nêu các nước có tên phiên âm như Ác-hen-ti-na, Mê-xi-cô, U-ru-goay,... thì GV lưu ý HS quy tắc viết hoa tên riêng phiên âm tiếng nước ngoài.

TIẾT 3

VIẾT

TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

Đề 1: Viết đoạn văn nêu lí do yêu thích một câu chuyện về tình cảm gia đình mà em đã đọc hoặc đã nghe.

Đề 2: Viết đoạn văn nêu lí do yêu thích một câu chuyện về các con vật mà em đã đọc hoặc đã nghe.

1. Chuẩn bị.

– GV mời 1 HS đọc các đề bài. Cả lớp cùng đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS lựa chọn 1 trong 2 đề và xác định yêu cầu trọng tâm của đề bài.

– HS đọc các yêu cầu chuẩn bị trong SHS.

– HS suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến để trình bày trong nhóm. Từng HS trình bày các ý kiến của mình. GV lưu ý HS nêu lí do yêu thích một câu chuyện thật rõ ràng, thuyết phục vì đây là trọng tâm của đề bài.

2. Tìm ý.

– GV hướng dẫn HS đọc kĩ gợi ý trong SHS theo từng phần của đoạn văn (mở đầu, triển khai, kết thúc).

– HS dựa vào các câu trả lời đã nêu ở phần Chuẩn bị, tìm ý cho bài làm của mình.

– HS viết vào vở hoặc giấy nháp các ý đã tìm được.

– GV nhận xét nhanh một số bài của HS, khen ngợi những HS thực hiện tốt yêu cầu và hỗ trợ những HS còn gặp khó khăn trong việc tìm ý.

3. Góp ý và chỉnh sửa.

– GV hướng dẫn HS đổi vở với bạn trong nhóm, đọc thầm phần tìm ý của bạn, góp ý nhận xét theo hướng dẫn trong SHS.

– Chỉnh sửa ý theo góp ý.

VẬN DỤNG

– GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động Vận dụng: HS viết, vẽ,... lên một tấm bìa cứng để giới thiệu bản thân mình một cách thật sáng tạo (giống như thiết kế một

poster). VD: Sử dụng các từ ngữ độc đáo, ấn tượng để mô tả bản thân, trang trí bằng các hình vẽ, biểu tượng,... thật đẹp, sử dụng các khung hình hoặc ô chữ để giúp bài giới thiệu trông hấp dẫn hơn,...

– GV lưu ý HS chú ý quy tắc viết hoa khi sử dụng các danh từ riêng trong phần giới thiệu. Sau khi làm xong tấm bìa giới thiệu về bản thân, HS có thể chia sẻ và xin góp ý của người thân.

CỦNG CỐ

– GV nhắc lại các nội dung HS đã được học:

+ Đọc và tìm hiểu văn bản *Anh em sinh đôi*.

+ Tìm hiểu và luyện tập về danh từ chung, danh từ riêng.

+ Tìm ý cho đoạn văn nêu ý kiến.

– GV dặn HS về nhà đọc trước Bài 4.

Bài 4. CÔNG CHÚA VÀ NGƯỜI DẪN CHUYỆN (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Công chúa và người dẫn chuyện*. Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời của mỗi nhân vật trong câu chuyện.

   b. Nhận biết được đặc điểm của từng nhân vật trong câu chuyện. Hiểu được suy nghĩ của nhân vật thông qua lời nói, hành động của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Cũng như các loài hoa, mỗi người có vẻ đẹp và giá trị riêng.

2. Viết được đoạn văn nêu ý kiến (nêu lí do vì sao mình thích một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe).

3. Tìm đọc câu chuyện về những người có năng khiếu nổi bật, viết được phiếu đọc sách theo mẫu.

4. Biết trao đổi, chia sẻ với bạn về nội dung câu chuyện đã đọc; nhớ tên những câu chuyện của tác giả yêu thích và kể lại cho người thân.

5. Biết trân trọng vẻ đẹp và giá trị của những người xung quanh; đánh giá, nhận xét, bày tỏ ý kiến về vẻ đẹp của mỗi người.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản tự sự (diễn biến các sự việc, nhân vật, lời nói, hành động,... của nhân vật).

– Tư liệu, hình thành ý chính cho đoạn, xây dựng bố cục, viết đoạn văn,… cách sắp xếp ý trong văn bản trình bày ý kiến (văn bản nghị luận).

2. Phương tiện dạy học

Tranh ảnh minh hoạ câu chuyện *Công chúa và người dẫn chuyện*, sưu tầm thêm tranh ảnh hoa hồng, hoa bồ công anh,… (nếu có).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 HS đọc nối tiếp bài *Anh em sinh đôi* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài.

ĐỌC

1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ:

+ Làm việc theo nhóm. (*Sắm vai một loài hoa, em hãy giới thiệu về mình với các bạn.*) GV hướng dẫn HS lựa chọn một loài hoa, tưởng tượng mình là loài hoa đó để giới thiệu trong nhóm: tên, màu sắc, vẻ đẹp, hương thơm, ích lợi,...)

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– HS khác nêu ý kiến:

+ Trong lời giới thiệu của bạn, em muốn bổ sung điều gì?

+ Em thích loài hoa nào? Vì sao?

– GV cho HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc, nêu ý kiến. VD: Tranh vẽ những ai? Họ đang làm gì? Ở đâu?

– GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó GV giới thiệu bài đọc *Công chúa và người dẫn chuyện* (VD: Quan sát tranh, theo em, mẹ và bạn nhỏ đang nói chuyện gì với nhau? Mẹ giải thích điều gì cho bạn? Hãy cùng đọc bài để biết được điều đó nhé… Hoặc từ phần Khởi động, GV nói: Mỗi loài hoa có một vẻ đẹp, hương thơm, lợi ích khác nhau, con người có giống như vậy không, chúng ta cùng tìm hiểu điều đó qua bài đọc *Công chúa và người dẫn chuyện*).

2. Đọc văn bản

– GV đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện, VD: *vui lắm, hào hứng, buồn lắm*,… GV có thể mời 2 HS đọc nối tiếp các đoạn hoặc mời 3 HS, mỗi HS đọc 1 đoạn.

– GV hướng dẫn HS đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, (VD: *Giét-xi, ngưỡng mộ, sân khấu, xấu hổ*,…).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Sau bữa ăn trưa, cô giáo thông báo/ Giét-xi được chọn đóng vai công chúa trong vở kịch sắp tới.*;...

+ Đọc phân biệt giọng điệu của các nhân vật trong câu chuyện.

– 3 hoặc 4 HS đọc nối tiếp bài trước lớp (đoạn 1: từ đầu đến *vui lắm*, đoạn 2: tiếp theo đến *nhường vai chính cho bạn*, đoạn 3: còn lại. Có thể chia đoạn 3 thành 2 đoạn nhỏ: từ *Thấy Giét-xi buồn* đến *Giét-xi nói*; từ *Mẹ mỉm cười* đến hết).

– HS làm việc theo cặp, mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài hoặc đọc trong nhóm 4, mỗi HS đọc một đoạn.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS trả lời lần lượt các câu hỏi nêu trong SHS (cuối bài đọc).

Câu 1. *Tìm các câu văn thể hiện thái độ của Giét-xi đối với mỗi vai diễn được giao.*

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp, cả lớp đọc thầm theo.

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Làm việc nhóm: Tìm các câu văn thể hiện thái độ của Giét-xi đối với từng vai diễn. (HS có thể ghi nhanh vào vở, phiếu bài tập hoặc giấy nháp.)

+ Đại diện nhóm trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung. GV và HS thống nhất câu trả lời.

VD:

Vai công chúa:

– *Cảm nhận được ánh mắt ngưỡng mộ của bạn bè, Giét-xi vui lắm.*

– *Về nhà, Giét-xi hào hứng kể cho mẹ nghe.*

– ...

Vai người dẫn chuyện:

– *Lời cô rất dịu dàng nhưng Giét-xi thấy buồn lắm.*

– *Sao không buồn khi phải nhường vai chính cho bạn!.*

Câu 2. *Vì sao Giét-xi buồn khi phải đổi sang vai người dẫn chuyện?*

– GV nêu câu hỏi 2 hoặc gọi HS đọc câu hỏi 2.

– GV hướng dẫn trả lời câu hỏi.

+ Bước 1: HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm (lần lượt từng em nêu ý kiến đã chuẩn bị), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– HS thực hiện các bước theo chỉ dẫn, một số em phát biểu trước lớp (VD: Giét-xi buồn vì nghĩ rằng vai công chúa mới là vai chính, vai quan trọng/ được đóng vai

công chúa các bạn mới ngưỡng mộ vì công chúa rất xinh đẹp, còn vai người dẫn chuyện là vai phụ, không quan trọng,...).

Câu 3. *Theo em, mẹ rủ Giét-xi cùng nhổ cỏ vườn để làm gì? Tìm câu trả lời đúng.*

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, lựa chọn câu trả lời để phát biểu trong nhóm và trước lớp.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp, phát biểu ý cá nhân, trao đổi, đưa ra câu trả lời.

– GV hướng dẫn cả lớp nhận xét ý kiến nào đúng và cùng HS chốt đáp án. (Đáp án C. *Mẹ muốn Giét-xi hiểu: Như các loài hoa, mỗi người có vẻ đẹp và giá trị riêng.*)

Câu 4. *Đoán xem Giét-xi cảm thấy thế nào khi trò chuyện cùng mẹ.*

– HS suy nghĩ, nêu ý kiến cá nhân trong nhóm.

(GV có thể gợi ý bằng câu hỏi: Trong vườn, mẹ và Giét-xi đã nói gì với nhau? Theo em, khi nghe mẹ nói, Giét-xi cảm thấy thế nào?...)

– HS suy nghĩ, tìm câu trả lời, sau đó trao đổi trong nhóm, đại diện nhóm phát biểu trước lớp.

– GV khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến thể hiện suy nghĩ của mình.

Đáp án tham khảo: Giét-xi hiểu vai công chúa và người dẫn chuyện trong vở kịch đều quan trọng như nhau, mỗi vai có một vai trò riêng. Con người cũng như những loài hoa, mỗi người có một vẻ đẹp và giá trị riêng. (Người đóng vai công chúa thể hiện lời nói, hành động của công chúa. Còn người đóng vai người dẫn chuyện có vai trò thông báo thông tin về thời gian, không gian, địa điểm, thậm chí cả về hoàn cảnh sống của nhân vật, kể về những gì đã xảy ra trong quá khứ hoặc ở bên ngoài sân khấu mà khán giả không trực tiếp nhìn thấy,...). Giét-xi sẽ cảm thấy không buồn nữa...

Câu 5. *Em học được điều gì từ câu chuyện trên?*

HS làm việc cá nhân, suy nghĩ nêu ý kiến trước lớp. (GV có thể cho HS nêu lí do vì sao em có ý kiến như vậy. VD: Qua câu chuyện, em học được vai diễn nào cũng quan trọng và góp phần làm nên thành công cho vở kịch, vì mỗi vai có một vai trò riêng.; Em học được bài học phải ý thức được và biết trân trọng giá trị của mình vì mỗi người đều có vẻ đẹp và những điều đáng quý;...)

4. Luyện đọc lại

– GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện.

– HS làm việc chung cả lớp (3 hoặc 4 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– HS đọc theo nhóm bốn, phân vai đọc câu chuyện, góp ý trong nhóm.

5. Luyện tập theo văn bản đọc

– HS đọc yêu cầu trong SHS và tự thực hiện yêu cầu.

– Sau thời gian làm bài, GV có thể cho HS trình bày trước lớp hoặc kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp.

Đáp án:

Câu 1. Danh từ chỉ người trong bài đọc *Công chúa và người dẫn chuyện* là: công chúa, người dẫn chuyện, Giét-xi, cô giáo, mẹ, bạn bè,…

Câu 2. HS viết vào vở *2 – 3 câu nêu nhận xét về một nhân vật mà em yêu thích trong câu chuyện trên*. GV khuyến khích HS nêu ý kiến riêng của cá nhân. Từng em đọc bài làm của mình trong nhóm. Các thành viên trong nhóm góp ý, nhận xét.

TIẾT 3

VIẾT

VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN

Đề bài: Viết đoạn văn nêu lí do yêu thích một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

1. Dựa vào các ý đã tìm trong hoạt động Viết ở Bài 3, viết đoạn văn nêu lí do yêu thích một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

– GV cho HS đọc lại yêu cầu của đề bài, xác định yêu cầu trọng tâm.

– HS suy nghĩ, chuẩn bị các ý kiến rồi trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm.

– GV mời 2 – 3 HS nêu ý kiến. Các em có thể có những cách diễn đạt khác nhau.

– GV hướng dẫn HS đọc phần lưu ý trong SHS.

2. Đọc soát và chỉnh sửa bài viết.

GV hướng dẫn HS cách đọc soát bài viết theo những tiêu chí trong SHS.

TIẾT 4

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc câu chuyện về những người có năng khiếu nổi bật.

– GV hướng dẫn HS chia sẻ cách tìm văn bản đọc mở rộng theo yêu cầu nêu trong SHS.

– GV nhắc HS tham khảo tác phẩm theo gợi ý trong SHS (ngoài ra, HS có thể kể thêm tên các tác phẩm khác mà các em yêu thích).

– HS nào tìm được câu chuyện về những người có năng khiếu nổi bật và có mang sách, truyện đến lớp thì tự đọc hoặc đọc trong nhóm. HS nào chưa tìm được thì đọc chung cùng với các bạn (hoặc GV cung cấp).

2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

– HS ghi tóm tắt những gì mình đọc được vào phiếu đọc sách.

– GV mời HS trong lớp chia sẻ những nội dung đã ghi trong phiếu đọc sách với các bạn.

– HS ghi chép các thông tin cơ bản vào phiếu đọc sách hoặc có thể trao đổi về nhân vật, năng khiếu của nhân vật trong câu chuyện theo nhóm.

– HS chia sẻ trong nhóm, ghi vào phiếu đọc sách các thông tin cơ bản trong phiếu và những lí do yêu thích câu chuyện.

3. Trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện mà em đã đọc.

– HS trao đổi với các bạn về nội dung câu chuyện đã đọc (VD: Nội dung câu chuyện nói về điều gì? Nhân vật chính trong truyện là ai? Nhân vật đó có năng khiếu gì nổi bật? Em hãy nêu tình cảm, cảm xúc của mình về nhân vật đó,...).

– HS làm việc nhóm 3 hoặc nhóm 4, giới thiệu về tác giả cuốn sách, những câu chuyện trong sách,...

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Kể với người thân một câu chuyện của tác giả mà em yêu thích.*

CỦNG CỐ

GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực. Dặn HS ôn Bài 4 và đọc trước Bài 5.

TUẦN 3

Bài 5 THẰN LẰN XANH VÀ TẮC KÈ (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và đọc diễn cảm bài *Thằn lằn xanh và tắc kè*, biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong bài.

b. Nhận biết được bối cảnh, diễn biến các sự việc qua lời kể của tác giả câu chuyện. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào lời nói của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài đọc: Mỗi loài vật đều có những đặc tính riêng với một môi trường sống phù hợp với những đặc tính đó. Cần trân trọng những đặc điểm của mình và biết lựa chọn hoàn cảnh sống phù hợp với những đặc điểm đó.

2. Biết nhận diện và phân loại một số nhóm danh từ theo đặc điểm về nghĩa.

3. Biết chỉnh sửa bài viết đoạn văn nêu ý kiến dựa trên các nhận xét của thầy cô.

4. Biết tôn trọng sự khác biệt của mỗi người, biết trân trọng môi trường sống; biết chia sẻ để hiểu hơn về bản thân mình và những người xung quanh.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản tự sự.

– Danh từ (các nhóm danh từ phân loại theo đặc điểm nghĩa: thời gian, con vật, cây cối, người, hiện tượng tự nhiên,...).

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài đọc *Thằn lằn xanh và tắc kè*.

– Tranh minh hoạ cho bài tập ở phần Luyện từ và câu.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

ÔN BÀI CŨ

GV có thể cho HS ôn bài cũ bằng nhiều cách, VD:

– Nêu tên câu chuyện trong bài học trước và bài học em học được từ câu chuyện.

– Kể tóm tắt lại câu chuyện trong bài học trước.

– Nêu chi tiết (hoặc câu nói) HS thích nhất trong bài.

ĐỌC

1. Khởi động

– GV chuẩn bị tranh ảnh về 3 loài vật có thói quen và môi trường sống điển hình, dễ nhận diện (VD: lạc đà, chim cánh cụt, cú,...). GV lần lượt chiếu (hoặc treo) tranh từng loài vật, và cho HS nói nhanh về thói quen và môi trường sống của một trong số các loài vật đó. HS xung phong phát biểu. GV khen ngợi HS nhanh nhẹn và nói đúng. (Nếu HS nhanh nhẹn, trả lời tốt, GV có thể tổ chức cho HS thi nói nhanh trong nhóm.)

– GV có thể đặt câu hỏi để kết nối với bài đọc: Chuyện gì sẽ xảy ra nếu chúng ta đổi môi trường sống của lạc đà và chim cánh cụt cho nhau? (Chim cánh cụt không chịu được cái nóng của sa mạc và không thể sống được nếu thiếu nước; lạc đà không chịu được cái lạnh của vùng Nam Cực và không thể sống ở vùng toàn nước, băng tuyết,...).

– GV mời 1 – 2 HS nêu nội dung tranh minh hoạ (Tranh vẽ một chú thằn lằn đang đứng trên cây và một chú tắc kè đang bò trên tường. Hai chú có vẻ như đang nói chuyện với nhau.). GV giới thiệu khái quát câu chuyện *Thằn lằn xanh và tắc kè* (VD: Hôm nay các em sẽ luyện đọc bài *Thằn lằn xanh và tắc kè*. Các em sẽ tìm hiểu hai người bạn thằn lằn xanh và tắc kè tò mò như thế nào về cuộc sống của nhau và các bạn đã làm gì để thoả mãn sự tò mò đó.)

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài, đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *buổi tối, thằn lằn, thầm nghĩ, bụi cỏ, làm sao, đổi lại, trở lại, vui vẻ, thi thoảng,…*); GV hướng dẫn đọc đúng cho những HS hay mắc lỗi phát âm khi đọc bài.

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Mình không thể bò trên tường/ giống như tắc kè,/ cũng không thể kiếm ăn/ theo cách của tắc kè. Thằn lằn xanh/ trở về với cái cây của mình/ và thích thú đi kiếm ăn/ vào ban ngày.*

+ Đọc nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện cảm xúc của nhân vật: *Ồ, một người bạn mới!; Tớ chán những bức tường lắm rồi.; Mới nghĩ thế mà tớ đã thấy vui làm sao!; Mình đói quá rồi!*

– 3 HS chia vai đọc trước lớp theo lời người kể chuyện (lời dẫn chuyện), lời của thằn lằn xanh và lời của tắc kè.

– HS làm việc theo nhóm 3, mỗi HS đóng một vai đọc các đoạn theo vai, sau đó đổi lại thứ tự đọc.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 3 HS đọc trước lớp.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Thằn lằn xanh và tắc kè đã tự giới thiệu những gì trong lần đầu gặp gỡ?*

– GV nêu hoặc mời 1 HS đọc câu hỏi. GV hướng dẫn HS chuẩn bị câu trả lời, sau đó trao đổi theo cặp hoặc nhóm để thống nhất câu trả lời. Nhóm trưởng hướng dẫn từng bạn phát biểu. GV quan sát các nhóm làm việc và có những hỗ trợ phù hợp.

– Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu ý kiến.

– Các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).

– GV nhận xét, chốt đáp án. (Các bạn đã tự giới thiệu tên (thằn lằn xanh, tắc kè) và tập tính của mình (thằn lằn xanh đi kiếm ăn vào ban ngày, tắc kè đi kiếm ăn vào buổi tối.)

Câu 2. *Vì sao hai bạn muốn đổi cuộc sống cho nhau?*

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu:

– Bước 1: Làm việc cá nhân

+ Đọc thầm lại các lời đối thoại của thằn lằn xanh và tắc kè.

+ Tìm các từ ngữ thể hiện mong muốn của các bạn khi muốn đổi cuộc sống cho nhau.

– Bước 2: Làm việc nhóm

+ Từng HS phát biểu ý kiến.

+ Cả nhóm góp ý và bổ sung (nếu cần thiết).

+ Bầu một bạn phát biểu trước lớp.

– Bước 3: Làm việc cả lớp

+ 2 – 3 HS phát biểu.

+ GV và cả lớp nhận xét, thống nhất đáp án. (Vì các bạn cảm thấy môi trường sống của mình quá quen thuộc và có vẻ nhàm chán (VD tắc kè nói "Tớ chán những bức tường lắm rồi."), nên các bạn thấy thích thú với môi trường sống khác của mình.)

Câu 3. *Hai bạn đã nhận ra điều gì khi thay đổi môi trường sống của mình?*

– GV mời 1 HS đọc to yêu cầu và 2 gợi ý trong SHS. Cả lớp đọc thầm theo.

– HS làm việc cá nhân, tìm các chi tiết trong bài đọc để trả lời câu hỏi.

– 2 – 3 HS phát biểu ý kiến, cả lớp góp ý.

– GV nhận xét, chốt đáp án.

VD:

Về sự phù hợp của đặc điểm cơ thể với môi trường sống.	**Về hậu quả của việc thay đổi môi trường sống.**
Các bạn nhận ra các đặc điểm cơ thể mình không phù hợp với cuộc sống của người khác, cụ thể: – Tay và chân thằn lằn xanh không bám dính như tắc kè nên không thể bò trên tường như tắc kè. – Da của tắc kè không chịu được sức nóng ban ngày như thằn lằn xanh.	Các bạn không thể kiếm thức ăn nên rất đói.

Câu 4. *Các bạn cảm thấy thế nào khi quay lại cuộc sống trước đây của mình?*

– GV đọc yêu cầu và hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc lại đoạn cuối trong văn bản để chuẩn bị câu trả lời.

– HS làm việc nhóm, trao đổi và thống nhất đáp án.

– Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý, chốt đáp án (Các bạn cảm thấy thích thú và vui vẻ với cuộc sống quen thuộc của mình.).

– GV có thể nói thêm: Thằn lằn xanh và tắc kè đã thay đổi thái độ sau khi trải nghiệm một cuộc sống khác. Trước đó, các bạn đều cảm thấy cuộc sống của mình nhàm chán, buồn tẻ. Nhưng sau khi nhận ra đó mới là cuộc sống phù hợp với mình, mình không thể thay đổi cuộc sống khác, thì các bạn cảm thấy cuộc sống của mình thật vui vẻ, thú vị.

Câu 5. *Tìm đọc đoạn văn trong bài có nội dung tương ứng với mỗi ý trong SHS.*

– GV mời 1 HS đọc to câu hỏi. GV nhắc HS nhớ lại hình thức trình bày của một đoạn văn (gồm một số câu được viết liên tục không xuống dòng, câu đầu tiên được viết lùi đầu dòng) để tìm đoạn văn theo đúng yêu cầu.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm lại bài đọc để tìm đoạn có nội dung tương ứng với từng ý đã nêu trong câu hỏi. Sau đó, HS làm việc theo cặp, luân phiên đọc từng đoạn văn đã tìm được.

– Với mỗi ý đã nêu, GV mời 2 HS đọc đoạn tìm được. GV khen ngợi những HS tìm nhanh và đọc diễn cảm.

Đáp án:

a. *Thằn lằn xanh và tắc kè vui vẻ trở lại cuộc sống của mình*: HS đọc từ câu "Thế là hai bạn quyết định đổi lại cuộc sống cho nhau." đến " về cuộc sống."

b. *Thằn lằn xanh không thích nghi được với cuộc sống của tắc kè*: HS đọc từ câu "Thằn lằn xanh nhận ra tay và chân của mình không bám dính như tắc kè." đến " quá rồi!"

c. *Tắc kè không chịu được khi sống cuộc sống của thằn lằn xanh*: HS đọc từ câu "Trong khi đó, tắc kè cũng cảm thấy mình không thể chịu được sức nóng của ban ngày." đến "quá rồi!"

– Nếu còn thời gian, GV có thể nêu ý nghĩa bài học cho HS:

(1) Mỗi loài vật có một tập tính riêng, một môi trường sống riêng phù hợp với các đặc điểm cơ thể (sinh học) của chúng. Mỗi loài vật nếu muốn thay đổi môi trường sống cần phải tính đến việc chúng có thể thích nghi với môi trường sống mới hay không. Nếu không thích nghi được, chúng sẽ chịu những hậu quả nặng nề.

GV đặt câu hỏi mở rộng: Vậy khi con người bắt các động vật hoang dã và nhốt chúng trong một không gian nhỏ, hẹp, thì môi trường sống đó có thực sự phù hợp với các con vật không? (Câu hỏi này nhằm giáo dục HS biết tôn trọng cuộc sống của các loài vật, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ cuộc sống tự do của động vật hoang dã, lên án các hành vi gây tổn hại đến cuộc sống của động vật.)

(2) Chúng ta cần phải hiểu điều gì phù hợp với bản thân mình và biết hài lòng với nó, không nên "đứng núi này trông núi nọ", thích những thứ của người khác trong khi những thứ đó không hề phù hợp với mình.

4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài đọc.

– Làm việc chung cả lớp (3 HS đọc trước lớp). GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– Làm việc cá nhân, tự đọc toàn bài.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ DANH TỪ

GV giới thiệu bài học: Ở bài học trước, chúng ta đã được làm quen với khái niệm danh từ. Trong bài học này, chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu về danh từ và các nhóm nhỏ của danh từ xét về mặt ý nghĩa.

1. Tìm trong đoạn văn những danh từ phù hợp với mỗi nhóm.

– GV mời 1 HS đọc to yêu cầu.

– GV hướng dẫn HS làm việc trong nhóm: HS làm việc cá nhân, đọc kĩ đoạn văn và tìm các danh từ trong đoạn văn. Sau đó, xếp các danh từ đã tìm được vào nhóm thích hợp. HS nêu trong nhóm kết quả làm việc của mình.

– Đại diện 2 – 3 nhóm nêu các danh từ đã xếp vào mỗi nhóm. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– GV ghi các danh từ HS tìm được vào từng nhóm hoặc mời 1 – 2 HS lên bảng ghi kết quả của các nhóm.

Đáp án:

+ Danh từ chỉ thời gian: *đêm đêm, ngày*

+ Danh từ chỉ con vật: *vành khuyên*

+ Danh từ chỉ cây cối: *lá, bưởi, cỏ*

Lưu ý: *lá bưởi*, *cỏ khô* là cụm từ. Trong quá trình tìm danh từ, HS có thể chọn các cụm từ này. GV giải thích cho HS để HS phân biệt được từ và cụm từ (ngữ).

– GV có thể mở rộng yêu cầu: Tìm tiếp các danh từ chỉ thời gian, con vật, cây cối. GV gợi ý HS có thể tìm thêm các danh từ theo yêu cầu trong bài đọc *Thằn lằn xanh và tắc kè*. Trong khi HS làm việc nhóm để tìm các danh từ theo yêu cầu, GV kẻ khung lên bảng để ghi lại các ý kiến của HS. Sau đó, GV mời đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu hoặc tổ chức thi tìm nhanh danh từ giữa các nhóm. GV ghi đáp án lên bảng để mở rộng vốn từ cho HS. VD:

Danh từ chỉ thời gian	Danh từ chỉ con vật	Danh từ chỉ cây cối
năm, tháng, tuần, ngày, buổi, giờ, phút, giây, sáng, chiều, tối,...	thằn lằn, tắc kè, cá, chim, hổ, báo, mèo, gà, vịt, lợn, khủng long, gấu trúc, chuột túi,...	xà cừ, long não, thông, tùng, bách, xoan, đào, hồng, mai, hoa, gốc, rễ, cành, nhuỵ,...

2. Dựa vào tranh, tìm tiếp các danh từ chỉ người cho mỗi nhóm.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của bài tập: Quan sát tranh, tìm tiếp các danh từ trong từng nhóm. Chú ý, tranh chỉ có tác dụng gợi ý, không phải HS chỉ tìm các danh từ chỉ người xuất hiện trong tranh.

– HS làm việc cá nhân: Tìm từ, viết vào vở, vào giấy nháp,... Sau đó nêu trong nhóm các từ mình tìm được. Cả nhóm thống nhất đáp án.

– Đại diện 2 – 3 nhóm nêu kết quả làm việc.

– GV ghi kết quả lên bảng (hoặc mời 1 – 2 HS).

VD:

+ Trong gia đình: bố, ông, bà, anh, chị, em, chú, bác, cô, dì, cậu, mợ,...

+ Trong trường học: học sinh, cô giáo, bạn bè, hiệu trưởng,...

+ Trong trận bóng đá: cầu thủ, thủ môn, tiền đạo, tiền vệ, trung vệ, trọng tài, huấn luyện viên,...

– GV có thể tổ chức thực hiện bài tập này bằng cách cho HS chơi trò chơi. Các HS chia thành 2 nhóm và thi tìm từ theo yêu cầu. Đội nào tìm được nhiều từ hơn và nhanh hơn sẽ chiến thắng.

3. Danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên nào có thể thay cho mỗi bông hoa.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu bài tập: Đọc kĩ đoạn văn, tìm từ, thử điền vào từng chỗ trống và đọc lại cả câu để kiểm tra độ phù hợp. Sau khi đã điền xong từ vào tất cả các chỗ trống, đọc lại cả đoạn văn.

– HS làm việc cá nhân: Tìm từ, điền vào chỗ trống, đọc lại câu/ đoạn để kiểm tra độ phù hợp. Sau đó nêu kết quả làm việc trong nhóm. Cả nhóm thống nhất đáp án.

– Đại diện 2 – 3 nhóm nêu kết quả điền từ. HS có thể có nhiều kết quả điền từ khác nhau, miễn là phù hợp với nội dung của đoạn văn.

– GV điền từ vào đoạn văn ghi sẵn trên bảng hoặc được trình chiếu trên màn hình. Đáp án: *nắng*, *mây*, *gió*, *chớp*, *sấm*, *mưa*.

4. Đặt câu có chứa danh từ (chỉ một buổi trong ngày; chỉ một ngày trong tuần; chỉ một mùa trong năm).

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu bài tập: HS tìm 1 danh từ thuộc mỗi nhóm đã nêu và đặt 1 câu có chứa danh từ đó. GV có thể mời 1 – 2 HS tìm nhanh một số danh từ thuộc từng nhóm (VD: danh từ chỉ một buổi trong ngày: sáng, trưa, chiều, tối, đêm; danh từ chỉ một ngày trong tuần: thứ Hai, thứ Ba,...; danh từ chỉ một mùa trong năm: xuân, hè, thu, đông).

– HS làm việc cá nhân, chọn từ, đặt câu (nên viết vào vở hoặc giấy nháp,...).

– HS đặt câu xong thì làm việc theo nhóm, từng bạn đọc các câu mà mình đã đặt để cả nhóm nhận xét, góp ý. GV đi các nhóm, ghi chép các câu hay hoặc câu chưa đúng để chữa chung trước lớp hoặc chữa riêng cho những em đặt câu chưa đúng yêu cầu.

– GV mời một số HS đọc câu mà mình đã đặt trước lớp.

– GV khen ngợi cả lớp đã tích cực tham gia các hoạt động học tập.

– GV tổng kết tiết học: HS đã được ôn tập về một số loại danh từ (chỉ thời gian, con vật, cây cối, người, hiện tượng tự nhiên,...). Ngoài các loại danh từ đã được học, còn có các loại danh từ khác như danh từ chỉ đồ vật (bàn, ghế, phấn, bảng,...) mà HS đã được làm quen từ Bài 1, danh từ chỉ khái niệm (thói quen, tính nết, cuộc sống, niềm vui, nỗi buồn, tình bạn,...), danh từ chỉ các hiện tượng xã hội (chiến tranh, đói nghèo,...), HS sẽ được học tiếp ở các lớp sau.

TIẾT 3

VIẾT

TRẢ BÀI VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN

– GV trả bài cho cả lớp và nhận xét chung. GV lưu ý nhận xét kĩ các lỗi nhiều HS mắc phải và khen ngợi một số bài làm tốt. GV có thể đọc 1 – 2 bài làm tốt để HS học tập.

– GV hướng dẫn HS đọc kĩ bài làm và nhận xét của GV.

– GV dành thời gian để HS đọc bài và sửa chữa lỗi theo nhận xét.

– Sau khi HS đã tự sửa lỗi, GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp, trao đổi bài viết để đọc và góp ý cho nhau.

– GV bao quát cả lớp để hỗ trợ những cặp HS chưa biết cách trao đổi, góp ý bài làm cho nhau.

– GV khen ngợi kết quả bài viết của HS và tổng kết tiết học.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động Vận dụng: HS cùng người thân thi tìm nhanh danh từ thuộc 2 nhóm (danh từ chỉ động vật hoang dã, danh từ chỉ cây ăn quả). HS có thể viết vào sổ tay các danh từ tìm được để mở rộng vốn từ.

CỦNG CỐ

– GV có thể tổng kết bài học bằng nhiều cách, có thể chọn một trong những cách dưới đây:

+ Nêu câu hỏi xem HS thích nhất điều gì trong bài vừa học.

+ Đề nghị HS nói lại những điều HS nhớ về bài đọc và phần Luyện từ và câu.

+ Chốt lại các nội dung đã được học:

- Đọc và tìm hiểu văn bản *Thằn lằn xanh và tắc kè*.
- Luyện tập về danh từ.
- Trả bài viết đoạn văn nêu ý kiến.

– GV dặn HS đọc trước Bài 6.

Bài 6 NGHỆ SĨ TRỐNG (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Nghệ sĩ trống*. Biết đọc lời người dẫn chuyện, lời nói của người dân trên đảo, lời độc thoại của cô bé Mi-lô,... với giọng điệu phù hợp.

b. Nhận biết được đặc điểm của cô bé Mi-lô thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động, suy nghĩ,…; nhận biết được cách liên tưởng, so sánh, nhân hoá,… trong việc xây dựng nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Để thực hiện ước mơ, mỗi người cần nỗ lực, cố gắng vượt lên hoàn cảnh, vượt lên khó khăn.

2. Tìm hiểu cách viết báo cáo thảo luận nhóm.

3. Nghe hiểu câu chuyện *Bốn anh tài*; trả lời câu hỏi dưới tranh; kể lại được 1 – 2 đoạn trong câu chuyện dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện).

4. Biết chia sẻ suy nghĩ, nhận thức, cách đánh giá của mình về ước mơ, đam mê của bạn bè. Biết thể hiện sự trân trọng đối với những cố gắng, nỗ lực thực hiện ước mơ của bạn bè; không kì thị giới tính.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Văn bản tự sự (trình tự các sự việc, nhân vật, ngoại hình, tính cách, hành động,… của nhân vật); cách viết báo cáo thảo luận nhóm (mẫu báo cáo thảo luận nhóm, những lưu ý khi viết báo cáo thảo luận nhóm,…).

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ câu chuyện *Nghệ sĩ trống*; tranh ảnh minh hoạ câu chuyện *Bốn anh tài*; sưu tầm thêm tranh ảnh về các nhạc cụ (pi-a-nô, vi-ô-lông, sáo trúc, ghi-ta, trống cơm,...).

– Từ điển tiếng Việt.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 HS đọc nối tiếp bài *Thằn lằn xanh và tắc kè*, trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác).

1. Khởi động

ĐỌC

– GV giao nhiệm vụ:

+ Làm việc theo nhóm (*Trao đổi với bạn về một nhạc cụ mà em yêu thích.*). GV khích lệ HS nêu được ý kiến riêng của mình.

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– HS làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng.

– HS (2 – 3 em) nói về nhạc cụ mình yêu thích và nêu lí do vì sao mình thích nhạc cụ đó,...

– GV và HS nhận xét, góp ý.

– GV mời 1 – 2 HS nhận xét về tranh minh hoạ bài đọc và dẫn sang bài đọc *Nghệ sĩ trống* (VD: Tranh minh hoạ bài đọc vẽ một cô bé đang chơi trống như một nghệ sĩ thực thụ trong một khung cảnh rất đẹp. Cô bé này là ai? Quê hương của cô ở đâu? Cô có phải là nghệ sĩ trống không? Để biết thông tin về cô bé này, chúng ta cùng tìm hiểu bài đọc *Nghệ sĩ trống*).

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài, đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện những tình tiết quan trọng hoặc những câu độc thoại thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của cô bé Mi-lô, nhân vật chính trong câu chuyện. VD: *luôn mơ ước được chơi trống*; *chỉ con trai mới được chơi trống*; *Tại sao mình không thể trở thành một tay trống nhỉ?*;... GV có thể mời 2 em đọc nối tiếp các đoạn (hoặc mời 5 HS, mỗi HS đọc 1 đoạn).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *chơi trống, khẽ hỏi, trống tim-pan-ni, trống công-ga, trống bông-gô, Cu-chi-tô, A-na-ca-ô-na, nhún nhảy,...*

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Ban ngày/ cô chăm chú lắng nghe tất cả những âm thanh xung quanh:/ tiếng những tàu lá cọ đu đưa trong gió,/ tiếng vỗ cánh của những chú chim ruồi,/ âm thanh phát ra khi cô chụm hai chân rồi nhảy vào vũng nước,...; Khi chị gái Cu-chi-tô thành lập A-na-ca-ô-na,/ nhóm nhảy nữ đầu tiên của Cu-ba,/ cô bé Mi-lô 10 tuổi/ đã gia nhập ban nhạc với vai trò một tay trống.;...*

+ Đọc nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện hành động, suy nghĩ, cảm xúc,... của nhân vật: *Nhưng Mi-lô vẫn không từ bỏ đam mê. Ban ngày, cô chăm chú lắng nghe tất cả những âm thanh xung quanh: tiếng những tàu lá cọ đu đưa trong gió, tiếng vỗ cánh của những chú chim ruồi, âm thanh phát ra khi cô chụm hai chân rồi nhảy vào vũng nước,... Khi màn đêm buông xuống, Mi-lô ngồi trên bãi cát và lắng nghe âm thanh của biển cả.*

– 5 HS đọc nối tiếp 5 đoạn trước lớp.

– HS làm việc theo cặp, mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

– GV hướng dẫn HS đọc từ ngữ được chú giải trong SHS và hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa của những từ ngữ còn khó hiểu. Chẳng hạn:

+ *Tim-pan-ni:* Là một loại nhạc cụ thuộc bộ gõ, bao gồm một khung gỗ bằng nhựa, có gắn các viên kim loại nhỏ xung quanh, một mặt bằng da, được chơi bằng cách cầm trên tay lắc, vỗ hoặc chơi bằng dùi trống.

+ *Công-ga*: Là một loại trống có thân cao nhưng hẹp, được sử dụng đầu tiên ở Cu-ba và hiện nay là nhạc cụ phổ biến trên toàn thế giới.

+ *Bông-gô*: Là một bộ trống thường được sử dụng ở Tây Phi, có một đầu bịt da bò, hình dáng như chiếc li dài, thường được chơi theo bộ từ 3 – 4 chiếc.

– GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ, yêu cầu nêu trong SHS (cuối bài đọc).

Câu 1. *Bài đọc cho biết những thông tin gì về Mi-lô?*

– GV nêu câu hỏi hoặc gọi HS đọc câu hỏi.

– GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi.

+ GV nêu cách thức thực hiện:

Cách 1: Làm việc theo nhóm (4 em/ nhóm), mỗi em tìm hiểu một loại thông tin về Mi-lô (ước mơ, nơi ở, đam mê, thành tích nổi bật) rồi phát biểu trong nhóm; các bạn nhận xét, bổ sung.

Cách 2: Cả nhóm cùng nhau lần lượt tìm hiểu các thông tin về Mi-lô.

+ HS có thể ghi vắn tắt vào vở, phiếu bài tập hoặc giấy nháp.

TT	Thông tin
1	Ước mơ: được chơi trống trong một ban nhạc.
2	Nơi ở: một hòn đảo ngập tràn không khí âm nhạc ở Cu-ba.
3	Đam mê: chơi trống.
4	Thành tích nổi bật: trở thành nghệ sĩ trống nổi tiếng thế giới.

+ Đại diện một số nhóm nêu câu trả lời trước lớp; GV và cả lớp nhận xét, bổ sung chi tiết (nếu HS phát biểu chưa đầy đủ).

Câu 2. *Mọi người làm gì khi thấy Mi-lô chơi trống? Vì sao họ lại làm như vậy?*

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp, cả lớp đọc thầm theo.

– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm (2 em/ nhóm), thống nhất câu trả lời.

– Đại diện một số nhóm phát biểu trước lớp.

– GV và HS nhận xét và thống nhất câu trả lời. (VD: Khi thấy Mi-lô tập chơi trống, mọi người thường hét lên: "*Về nhà ngay! Nhạc cụ này không dành cho con gái.*". Mọi người làm như vậy vì người dân trên đảo có một quy ước ngầm: chỉ con trai mới được chơi trống.)

Câu 3. *Hành trình trở thành nghệ sĩ trống nổi tiếng thế giới của Mi-lô có những thuận lợi và khó khăn gì?*

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp. GV có thể giải nghĩa từ "hành trình": quá trình dài để đi đến một cái đích nào đó.

– GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi:

+ Bước 1: HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm (lần lượt từng em nêu ý kiến đã chuẩn bị), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm nêu câu trả lời trước lớp.

+ HS thực hiện các bước theo chỉ dẫn.

+ GV và cả lớp nhận xét, thống nhất câu trả lời (VD: Hành trình trở thành nghệ sĩ trống nổi tiếng thế giới của Mi-lô có những thuận lợi: Mi-lô rất đam mê chơi trống, gia đình (cha và chị gái), nhà trường (thầy cô) luôn hỗ trợ, giúp đỡ Mi-lô thực hiện đam mê của mình; khó khăn của Mi-lô: Người dân nơi Mi-lô sống có một quy ước ngầm là chỉ con trai mới được chơi trống, con gái không được chơi trống,...).

Câu 4. *Dựa vào bài đọc, hãy cho biết vì sao Mi-lô trở thành một nghệ sĩ trống nổi tiếng thế giới.*

– GV nêu câu hỏi hoặc gọi HS tự đọc câu hỏi và tìm câu trả lời.

+ HS suy nghĩ, tìm câu trả lời, sau đó trao đổi trong nhóm, đại diện nhóm nêu câu trả lời trước lớp.

+ GV và cả lớp nhận xét, thống nhất câu trả lời. Đây là câu hỏi khích lệ HS phát biểu suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân. HS có thể đưa ra nhiều ý kiến khác nhau nhưng GV cần giúp các em hiểu rằng lí do cơ bản nhất để Mi-lô trở thành nghệ sĩ trống nổi tiếng thế giới là vì cô có đam mê chơi trống, kiên trì tập luyện và luôn nỗ lực vượt lên khó khăn để thực hiện được ước mơ của mình.

+ GV khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến thể hiện suy nghĩ của mình.

Câu 5. *Em có ấn tượng nhất với hành động nào của Mi-lô? Vì sao?*

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp.

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến để phát biểu trong nhóm và trước lớp.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp, phát biểu ý kiến cá nhân, tranh luận/ trao đổi; cần lập luận để thuyết phục mọi người.

– GV và cả lớp nhận xét, bổ sung ý kiến và thống nhất đáp án. Đây là câu hỏi khích lệ HS phát biểu theo suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân. HS có thể đưa ra nhiều ý kiến khác nhau, GV cần hướng dẫn HS nêu được lí do vì sao hành động đó của Mi-lô khiến em ấn tượng nhất (VD: Hành động Mi-lô chăm chú lắng nghe tất cả những âm thanh xung quanh... cho thấy Mi-lô rất nỗ lực thu nhận những âm thanh trong tự nhiên để đưa vào tiếng trống của mình,...).

4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện:

– Làm việc chung cả lớp (5 HS đọc nối tiếp 5 đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– HS đọc theo cặp hoặc nhóm (3 – 4 em/ nhóm), góp ý trong nhóm.

5. Luyện tập theo văn bản đọc

– HS đọc yêu cầu trong SHS, trao đổi/ thảo luận theo nhóm để thực hiện (có thể sử dụng phiếu bài tập để ghi kết quả).

– Đại diện một số nhóm trình bày trước lớp.

– GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và thống nhất đáp án.

Câu 1. *Chọn sự vật được gọi là nhạc cụ.*

Đáp án: Những sự vật được gọi là nhạc cụ bao gồm: pi-a-nô, sáo trúc, ghi-ta, vi-ô-lông, trống cơm.

Lưu ý: Với trường hợp "trống đồng", GV có thể giải thích: "trống đồng" ngày xưa vốn là một loại nhạc cụ. Tuy nhiên, ngày nay "trống đồng" trở thành linh vật, là biểu tượng của văn hoá Việt Nam, không được dùng như một nhạc cụ thông thường.

Câu 2. *Tìm từ ngữ phù hợp với các cột trong bảng.*

Nghề nghiệp	Công việc	Sản phẩm
hoạ sĩ	vẽ	tranh
nhạc sĩ	sáng tác nhạc	bài hát, bản nhạc
nhà văn	viết	truyện, kí,...
kiến trúc sư	thiết kế	bản vẽ kĩ thuật,...

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÁO CÁO THẢO LUẬN NHÓM

1. Đọc báo cáo và trả lời câu hỏi.

– GV nêu khái quát mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập 1: Đọc báo cáo và trả lời lần lượt 3 câu hỏi a, b, c. (GV dành thời gian cho HS đọc và suy nghĩ để trả lời lần lượt các câu hỏi.)

– GV hướng dẫn HS đọc thầm báo cáo mẫu, thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi trong SHS.

– Các nhóm thảo luận và ghi kết quả thảo luận vào phiếu bài tập.

– Đại diện 1 – 2 nhóm trình bày trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, thống nhất kết quả:

a. *Báo cáo trên viết về vấn đề gì?* – Báo cáo trên báo cáo kết quả thảo luận của nhóm 3 về: Hoạt động chuẩn bị chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam.

b. *Ai là người viết báo cáo? Báo cáo được gửi cho ai?* – Báo cáo do bạn Vũ Quang Anh viết và gửi cho cô giáo chủ nhiệm lớp 4A, Trường Tiểu học Yên Ninh.

c. *Báo cáo gồm mấy phần? Mỗi phần gồm những thông tin gì?* – Báo cáo gồm 3 phần, mỗi phần gồm những thông tin cụ thể như sau:

Phần đầu	Quốc hiệu và tiêu ngữ, địa điểm và thời gian viết báo cáo.
Phần chính	Tiêu đề, người nhận, nội dung báo cáo.
Phần cuối	Chữ kí, họ và tên của người viết báo cáo.

2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết báo cáo thảo luận nhóm.

– GV hướng dẫn HS cách chuẩn bị ý kiến để trao đổi: Đọc thầm, đọc lướt báo cáo thảo luận nhóm ở bài tập 1, tìm những điểm cần lưu ý khi viết loại báo cáo này.

– HS trao đổi nhóm theo hướng dẫn của GV.

– Đại diện các nhóm phát biểu ý kiến.

– GV có thể chốt những điểm HS cần lưu ý khi viết báo cáo thảo luận nhóm:

+ Cách trình bày quốc hiệu và tiêu ngữ: Quốc hiệu thường viết bằng chữ in hoa, tiêu ngữ viết chữ in thường, có dấu gạch ngang giữa các từ: Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

+ Cách trình bày tiêu đề báo cáo: Tiêu đề thường được viết bằng chữ in hoa (VD: BÁO CÁO THẢO LUẬN NHÓM...). Tiêu đề nếu có thêm phần trích yếu nội dung (VD: về "Hoạt động chuẩn bị chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam" thì phần này viết chữ in thường).

+ Cách trình bày các kết quả thảo luận: Kết quả thảo luận được sắp xếp theo mục để dễ theo dõi.

– GV dành thời gian cho cả lớp đọc thầm phần Ghi nhớ hoặc chiếu phần Ghi nhớ lên màn hình, sau đó yêu cầu 1 – 2 HS đọc lại.

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE

Kể chuyện BỐN ANH TÀI

1. Nghe kể chuyện và ghi lại những chi tiết quan trọng.

– HS đọc yêu cầu 1.

– GV giới thiệu nhân vật Cẩu Khây, những người bạn và nhân vật yêu tinh trong 4 bức tranh.

– GV kể chuyện (lần 1) kết hợp chỉ vào các hình ảnh trong tranh.

– GV kể chuyện (lần 2), thỉnh thoảng dừng lại để hỏi vì sao Cẩu Khây lên đường diệt yêu tinh, Cẩu Khây đã tìm được những người bạn nào để diệt yêu tinh, sự việc tiếp theo là gì để HS tập kể theo/ kể cùng GV, khích lệ các em nhớ chi tiết của câu chuyện.

– GV có thể hỏi HS: Câu chuyện có mấy nhân vật, em ấn tượng nhất với nhân vật nào và mời một số em trả lời.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu 1: HS ghi lại những chi tiết quan trọng.

VD:

Chi tiết 1: Cẩu Khây căm thù con yêu tinh bắt súc vật, làm cho bản làng tan hoang nên quyết tâm lên đường diệt yêu tinh.

Chi tiết 2: Cẩu Khây gặp những người bạn đáng quý: người bạn dùng tay làm vồ đóng cọc, người bạn lấy vành tai để tát nước, người bạn lấy móng tay đục lỗ thành lòng máng.

Chi tiết 3: Cẩu Khây và những người bạn chiến đấu với yêu tinh: yêu tinh phun nước, Nắm Tay Đóng Cọc đấm yêu tinh, Cẩu Khây nhổ cây đánh yêu tinh, Móng Tay Đục Máng khơi dòng nước.

Chi tiết 4: Làng bản yên bình trở lại, Cẩu Khây và những người bạn cùng dân bản mừng chiến thắng.

– Một số HS nêu kết quả làm việc trước lớp; GV và cả lớp nhận xét.

BỐN ANH TÀI

Ngày xưa, ở bản kia, có một chú bé tuy nhỏ người nhưng ăn rất khoẻ và tinh thông võ nghệ. Dân bản đặt tên cho chú là Cẩu Khây.

Hồi ấy, trong vùng xuất hiện một con yêu tinh mình to như quả núi, lại có phép thuật. Yêu tinh chuyên bắt người và súc vật khiến cho làng bản tan hoang, nhiều nơi không còn ai sống sót. Thương dân bản, Cẩu Khây quyết chí lên đường diệt trừ yêu tinh.

Đi qua một cánh đồng khô cạn, Cẩu Khây thấy một cậu bé vạm vỡ đang dùng tay làm vồ đóng cọc để đắp đập dẫn nước vào ruộng. Hỏi chuyện, Cẩu Khây biết tên cậu là Nắm Tay Đóng Cọc. Nắm Tay Đóng Cọc xin được cùng Cẩu Khây đi diệt trừ yêu tinh.

Đến một vùng khác, hai người thấy một cậu bé đang lấy vành tai tát nước suối lên một thửa ruộng cao bằng mái nhà. Cẩu Khây và Nắm Tay Đóng Cọc liền rủ Lấy Tai Tát Nước lên đường diệt trừ yêu tinh.

Đi được ít lâu, ba người gặp một cậu bé lấy móng tay đục gỗ thành lòng máng dẫn nước vào ruộng. Cẩu Khây cùng các bạn đến làm quen và nói rõ chí hướng của ba người. Móng Tay Đục Máng xin cùng đi.

Bốn anh em tìm tới chỗ yêu tinh ở, gặp một bà cụ. Thấy anh em Cẩu Khây kêu đói, bà cụ nấu cơm cho ăn. Ăn no, bốn cậu bé lăn ra ngủ. Tờ mờ sáng, bỗng có tiếng đập cửa. Biết yêu tinh đã đánh hơi thấy thịt trẻ con, bà cụ liền giục anh em Cẩu Khây chạy trốn. Cẩu Khây bèn nói:

– Bà đừng sợ, anh em chúng cháu đến đây để bắt yêu tinh đấy.

Cẩu Khây hé cửa, yêu tinh thò đầu vào. Nắm Tay Đóng Cọc đấm một cái làm nó gãy gần hết hàm răng. Yêu tinh bỏ chạy. Bốn anh em Cẩu Khây liền đuổi theo.

Cẩu Khây nhổ cây bên đường quật túi bụi, yêu tinh đau quá hét lên. Đến một thung lũng, yêu tinh dừng lại, phun nước. Nước dâng ngập cả cánh đồng. Nắm Tay Đóng Cọc đóng cọc be bờ ngăn nước lũ. Còn Lấy Tai Tát Nước tát nước ầm ầm qua núi cao. Móng Tay Đục Máng ngả cây khoét máng, khơi dòng nước chảy. Chỉ một lúc, mặt đất lại cạn khô. Yêu tinh núng thế, đành phải quy hàng.

Từ đấy, bản làng lại đông vui.

(Theo *Tiếng Việt 4, tập hai,* NXB Giáo dục Việt Nam, 2016)

2. Trả lời câu hỏi dưới tranh.

– HS đọc yêu cầu.

– GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm bốn để trả lời câu hỏi dưới tranh (mỗi em trả lời 1 câu).

– Đại diện 1 – 2 nhóm nêu câu trả lời.

– GV và cả lớp nhận xét, thống nhất đáp án. VD:

Tranh 1: Cẩu Khây lên đường diệt yêu tinh vì thương dân bản bị yêu tinh quấy phá.

Tranh 2: Cẩu Khây đã tìm được ba người bạn để cùng diệt yêu tinh: Nắm Tay Đóng Cọc, Lấy Tai Tát Nước, Móng Tay Đục Máng.

Tranh 3: Cẩu Khây và những người bạn đã chiến đấu với yêu tinh: Khi yêu tinh hé cửa, thò đầu vào, Nắm Tay Đóng Cọc đâm một cái làm nó gãy gần hết hàm răng. Yêu tinh bỏ chạy. Bốn anh em Cẩu Khây liền đuổi theo nó. Cẩu Khây nhổ cây bên đường quật túi bụi. Yêu tinh đau quá hét lên. Đến một thung lũng, yêu tinh dừng lại, phun nước như mưa. Nước dâng ngập cả cánh đồng. Nắm Tay Đóng Cọc đóng cọc be bờ ngăn nước lũ, Lấy Tai Tát Nước tát nước ầm ầm qua núi cao, Móng Tay Đục Máng ngả cây khoét máng, khơi dòng nước chảy.

Tranh 4: Câu chuyện kết thúc: Yêu tinh quy hàng, dân bản trở lại cuộc sống yên bình.

3. Kể lại câu chuyện trên.

– GV nêu yêu cầu của bài tập, hướng dẫn HS cách thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, nhìn tranh và câu hỏi gợi ý dưới tranh để tập kể lại câu chuyện (GV nhắc HS không phải kể đúng từng câu từng chữ như GV đã kể).

+ Bước 2: HS tập kể lại câu chuyện trong nhóm và nghe các bạn góp ý.

– HS thực hành kể chuyện theo hướng dẫn.

– GV mời HS lên kể cho cả lớp nghe.

– GV và cả lớp nhận xét, động viên, khen ngợi.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS tìm đọc câu chuyện có nhân vật mang đặc điểm nổi bật về ngoại hình hoặc tính cách để chuẩn bị cho tiết học Đọc mở rộng ở tuần sau. GV lưu ý

HS tên một số câu chuyện các em có thể tìm đọc như: *Dế Mèn phiêu lưu kí, Chuyện phiêu lưu của Mít Đặc và các bạn,…*

CỦNG CỐ

– GV nhận xét kết quả học tập của buổi học. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực.

– Dặn HS ôn Bài 5, 6 và đọc trước Bài 7.

TUẦN 4

Bài 7. NHỮNG BỨC CHÂN DUNG (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và đọc diễn cảm bài *Những bức chân dung*, biết nhấn giọng vào các từ ngữ gợi tả, gợi cảm và những từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong bài.

b. Nhận biết được các nhân vật qua ngoại hình, hành động và lời nói của nhân vật; nhận biết các sự việc xảy ra. Hiểu điều tác giả muốn nói qua văn bản: Mỗi người đều có một vẻ đẹp riêng, không ai giống ai, không nên thay đổi vẻ riêng của mình theo bất cứ một tiêu chuẩn nào, vì điều đó sẽ tạo ra những vẻ đẹp rập khuôn, nhàm chán.

2. Biết quy tắc viết tên cơ quan, tổ chức.

3. Biết lập dàn ý cho báo cáo thảo luận nhóm.

4. Biết cảm thụ nghệ thuật, biết khám phá vẻ đẹp riêng của mỗi người và trân trọng vẻ đẹp ấy. Biết tôn trọng sự đa dạng về hình thức của mọi người.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản tự sự.

– Quy tắc viết tên cơ quan, tổ chức.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh phần Khởi động và tranh minh hoạ bài đọc *Những bức chân dung.*

– Thẻ chữ phần Luyện từ và câu.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

ĐỌC

1. Khởi động

– GV mời 1 HS đọc to yêu cầu và giao nhiệm vụ:

+ Làm việc cá nhân: Quan sát kĩ tranh từng nhân vật và tìm các đặc điểm (về ngoại hình, hoạt động) của nhân vật đó. Sau đó, chọn tên thân mật tương ứng với đặc điểm của nhân vật.

+ Làm việc nhóm: Từng thành viên nêu ý kiến. Các thành viên khác trao đổi, góp ý và thống nhất đáp án.

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

+ HS làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng.

+ 2 – 3 HS phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV và cả lớp thống nhất đáp án. (Bạn số 1 là Màu Nước, vì bạn đang vẽ và xung quanh có rất nhiều màu nước; Bạn số 2 là Mắt Xanh vì mắt của bạn xanh biếc; Bạn số 3 là Bông Tuyết vì bạn có mái tóc màu trắng như tuyết; Bạn số 4 là Hoa Nhỏ vì bạn đội một chiếc mũ hoa, xung quanh bạn cũng có rất nhiều hoa nhỏ li ti.)

– GV giới thiệu khái quát bài *Những bức chân dung*. (VD: Hôm nay chúng ta sẽ luyện đọc bài *Những bức chân dung*. Đây là một câu chuyện rất đáng yêu kể về việc một bạn nhỏ vẽ chân dung cho các bạn của mình. Qua bài đọc, các em sẽ hiểu thêm thế nào là một bức chân dung đẹp.)

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài, đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật.

– GV hướng dẫn HS đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *vẽ, chuẩn bị, chỉ, nhỏ, liên tục, lông mi, giải thích, thế là, còn lại, na ná, lúc đầu, thể hiện, vẻ riêng,…*). GV hướng dẫn đọc đúng cho những HS hay mắc lỗi phát âm khi đọc bài.

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Hai bức chân dung thực sự là hai tác phẩm nghệ thuật,/ bởi người trong tranh/ được vẽ rất đẹp/ và rất giống người thật.; Màu Nước đã giải thích với các cô bé rằng/ mỗi người có thể đẹp một cách khác nhau,/ không phải cứ mắt to,/ miệng nhỏ.../ mới là đẹp,/ nhưng các cô bé / vẫn muốn được vẽ theo ý mình.; Nhưng khi xếp các bức tranh cạnh nhau,/ thấy thật khó để nhận ra/ đâu là chân dung của mình,/ các cô bé hiểu rằng/ Màu Nước nói đúng.;...*

+ Đọc nhấn giọng và diễn cảm những từ ngữ thể hiện thái độ, cảm xúc của nhân vật: *Mắt bạn đã to lắm rồi.; Chỉ chút xíu nữa thôi mà!; Thôi được.;* ...

– 2 HS đọc trước lớp theo 2 đoạn (đoạn 1: từ đầu đến *Thôi được*, đoạn 2 tiếp theo đến hết).

– HS làm việc theo nhóm đôi, mỗi HS đọc 1 đoạn, sau đó đổi lại thứ tự đọc.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 2 HS đọc trước lớp.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Tìm câu văn nêu nhận xét về hai bức chân dung của Bông Tuyết và Mắt Xanh.*

– HS làm việc theo cặp hoặc trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi, nhóm trưởng mời từng bạn phát biểu, thống nhất ý kiến. GV quan sát các nhóm làm việc và có những hỗ trợ phù hợp.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi trước lớp.

– GV nhận xét, góp ý và chốt đáp án.

Đáp án: Hai bức chân dung thực sự là hai tác phẩm nghệ thuật, bởi người trong tranh được vẽ rất đẹp và rất giống người thật.

Câu 2. *Cách vẽ chân dung Hoa Nhỏ có gì khác với cách vẽ chân dung Bông Tuyết và Mắt Xanh?*

– GV mời 1 HS đọc to câu hỏi.

– GV hướng dẫn HS xem lại câu trả lời của câu hỏi 1 và đọc thầm lại văn bản để tìm các chi tiết trả lời.

– 2 – 3 HS phát biểu trước lớp.

– Cả lớp góp ý, bổ sung (nếu cần thiết), GV chốt đáp án.

Đáp án: Chân dung của Bông Tuyết và Mắt Xanh được vẽ một cách tự nhiên và đúng với thực tế nên rất chân thực (người trong tranh rất giống người thật), còn chân dung của Hoa Nhỏ được vẽ theo yêu cầu của cô bé (mắt to hơn, lông mi dài hơn, miệng nhỏ hơn,... so với thực tế) nên người trong tranh chỉ hao hao giống cô bé.

Câu 3. *Đóng vai Màu Nước, thuyết phục các cô bé đồng ý để cậu vẽ chân dung giống người thật.*

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện yêu cầu:

– Bước 1: Làm việc cá nhân, đọc lại văn bản và tập trung vào đoạn Màu Nước giải thích với các cô bé khi các cô bé khác cũng muốn được vẽ chân dung giống Hoa Nhỏ (Màu Nước đã giải thích rằng mỗi người có thể đẹp một cách khác nhau, không phải cứ mắt to, miệng nhỏ... mới là đẹp). Sau đó, HS đặt mình vào vị trí của Màu Nước, dựa vào lời cậu đã nói và nghĩ thêm các ý thuyết phục các cô bé để cậu vẽ chân dung giống người thật.

– Bước 2: Làm việc nhóm

+ Từng HS đóng vai Màu Nước phát biểu.

+ Cả nhóm nhận xét, góp ý và bổ sung (nếu cần thiết).

+ Bầu một bạn phát biểu trước lớp.

– Bước 3: Làm việc cả lớp

+ 2 – 3 HS đóng vai Màu Nước nói trước lớp.

+ GV và cả lớp nhận xét, góp ý.

– GV lưu ý: HS có thể nói nhiều cách khác nhau, nhưng đều phải đảm bảo ý chính của Màu Nước khi thuyết phục các cô bé: mỗi người có thể đẹp một cách khác nhau, không phải cứ mắt to, miệng nhỏ,... mới là đẹp.

Câu 4. *Điều gì khiến các cô bé nhận ra Màu Nước nói đúng?*

– GV nêu yêu cầu và hướng dẫn HS làm việc nhóm. GV hướng dẫn HS đọc và phát hiện các chi tiết nói về suy nghĩ của các cô gái sau khi nghe Màu Nước giải thích.

– HS làm việc theo nhóm/ theo cặp: Từng HS nêu suy nghĩ để trả lời câu hỏi. Các HS khác góp ý, bổ sung.

– 2 – 3 HS phát biểu trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý và bổ sung đáp án.

Đáp án: Ban đầu, các cô gái không nghe Màu Nước mà vẫn yêu cầu cậu phải vẽ theo ý mình. Sau đó, khi thấy các bức tranh na ná nhau, thậm chí rất khó để nhận ra bản thân mình, các cô mới hiểu rằng Màu Nước nói đúng về vẻ đẹp của mỗi người (mỗi người một vẻ) và vẻ đẹp của một bức chân dung (thể hiện được vẻ riêng của mỗi người).

Câu 5. *Tóm tắt mỗi sự việc của câu chuyện* ***Những bức chân dung*** *bằng 1– 3 câu.*

– Đây là một hoạt động giúp HS hình thành kĩ năng tóm tắt sau khi đọc văn bản. GV giải thích với HS: Tóm tắt mỗi sự việc là bước cần thiết để có thể tóm tắt cả câu chuyện. Toàn bộ câu chuyện *Những bức chân dung* có 3 sự việc chính đã nêu trong SHS. Sự việc đầu tiên đã có một ví dụ gợi ý (tóm tắt bằng một câu). 2 sự việc còn lại, HS cần suy nghĩ để tóm tắt theo yêu cầu.

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc kĩ nội dung từng sự việc, sau đó đọc lại câu chuyện, tìm cách nêu ngắn gọn các nội dung của sự việc đó.

– HS làm việc theo cặp/ theo nhóm. HS lần lượt tóm tắt sự việc 2 và sự việc 3. Các HS khác nhận xét, góp ý.

– Đại diện 2 – 3 nhóm tóm tắt câu chuyện trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý. GV khen ngợi những HS tóm tắt sự việc trong câu chuyện theo đúng yêu cầu, rõ ràng, rành mạch, đủ ý.

Đáp án VD:

+ Sự việc 2 (sự việc tiếp theo): Màu Nước cũng vẽ chân dung cho Hoa Nhỏ và các cô bé. Nhưng các cô bé đều muốn Màu Nước vẽ theo một tiêu chuẩn chung mà các cô nghĩ là đẹp, mặc dù Màu Nước nói rằng mỗi cô có một vẻ đẹp riêng. Thế là các bức tranh đều na ná nhau.

+ Sự việc 3 (sự việc cuối cùng): Khi ngắm những bức chân dung đặt cạnh nhau, các cô bé mới thấy rất khó nhận ra đâu là mình. Các cô bé nhận ra mỗi người có một vẻ đẹp riêng và bức chân dung đẹp phải là bức chân dung thể hiện được vẻ riêng đó.

– *Lưu ý:* đối với HS khá, giỏi, GV có thể hướng dẫn HS liên kết các đoạn tóm tắt sự việc lại để trình bày thành một bài tóm tắt cả câu chuyện.

4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài đọc.

– Làm việc chung cả lớp (2 HS đọc trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– Làm việc cá nhân, tự đọc toàn bài.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

QUY TẮC VIẾT TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

1. Xếp các từ ngữ vào nhóm thích hợp.

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu và các từ ngữ ở bài tập 1.

– GV hướng dẫn cách thực hiện: HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm để đối chiếu kết quả.

– 1 – 2 HS đọc tên nhóm và các từ ngữ thích hợp.

– GV có thể viết đáp án lên bảng:

+ Tên cơ quan, tổ chức: Đài Truyền hình Việt Nam; Sở Nông Nghiệp và Môi trường; Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Trường Tiểu học Ba Đình.

+ Tên người: Hồ Chí Minh, Võ Thị Sáu.

2. Cách viết hoa tên của các cơ quan, tổ chức có gì khác với cách viết hoa tên người?

– GV nêu yêu cầu hoặc mời HS đọc bài tập 2.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm: HS quan sát kĩ cách viết hoa các từ ngữ của bài tập 1, tự chuẩn bị câu trả lời của cá nhân và nêu trong nhóm. Các HS khác góp ý, nhận xét. GV gợi ý:

– Đại diện 1 – 2 nhóm phát biểu trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án. (Tên riêng của người được viết hoa chữ cái đầu của tất cả các tiếng; còn tên các cơ quan, tổ chức được viết hoa chữ cái đầu của từng bộ phận tạo thành tên.)

3. Tách tên cơ quan, tổ chức thành các bộ phận theo mẫu và nhận xét về cách viết hoa các bộ phận trong tên cơ quan, tổ chức.

– GV mời 1 HS đọc to yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo. GV viết mẫu lên bảng.

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân để phân tích mẫu. HS nhận xét về cách tách tên cơ quan, tổ chức thành các bộ phận và cách viết hoa của từng bộ phận. HS cũng có thể xem lại cách viết tên cơ quan, tổ chức trong bài tập 1 để có thêm ví dụ.

– HS trao đổi kết quả theo cặp/ theo nhóm và thống nhất đáp án.

– Đại diện 2 – 3 nhóm nêu kết quả làm việc.

– GV mời 1 – 2 HS lên bảng trình bày kết quả làm việc nhóm.

– GV động viên và khen ngợi HS đã làm việc tích cực và tìm được kết quả đúng.

Đáp án:

+ *Tách tên:* a.Trường/ Tiểu học/ Quang Trung; b. Nhà máy/ Thuỷ điện/ Hoà Bình.

+ *Nhận xét:* Viết hoa chữ cái đầu tiên của từng bộ phận tạo thành tên cơ quan, tổ chức.

– GV mời 1 – 2 HS đọc to phần Ghi nhớ về quy tắc viết hoa tên các cơ quan, tổ chức (viết hoa chữ cái đầu của từng bộ phận tạo thành tên). Các HS khác đọc thầm theo. Sau đó, GV mời HS xung phong nêu lại ghi nhớ mà không cần đọc trong sách. GV khen các em nhớ được chính xác, rõ ràng phần Ghi nhớ.

4. Thực hành viết tên cơ quan, tổ chức (tên trường học của em; tên một cơ quan, tổ chức ở địa phương em).

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, viết tên cơ quan, tổ chức theo 2 nhóm vào vở hoặc nháp.

– HS trao đổi bài làm của mình theo cặp để nhận xét, góp ý cho nhau. GV bao quát cả lớp, hỗ trợ những HS chưa hiểu rõ cách viết.

– 1 – 2 HS lên bảng viết tên trường học, 2 – 3 HS lên bảng viết tên cơ quan, tổ chức ở địa phương mình.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý.

– GV khen ngợi những HS viết đúng tên các cơ quan tổ chức theo 2 nhóm.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TIẾT 3

VIẾT

LẬP DÀN Ý CHO BÁO CÁO THẢO LUẬN NHÓM

Viết báo cáo thảo luận nhóm về một trong các chủ đề dưới đây:

Chủ đề 1: Kế hoạch quyên góp sách báo tặng các trường vùng khó khăn.

Chủ đề 2: Kế hoạch trang trí lớp học chuẩn bị cho một ngày đặc biệt của lớp, của trường,…

– GV mời 1 – 2 HS đọc to yêu cầu của đề bài.

– GV hướng dẫn HS: Các em đã học bài *Tìm hiểu cách viết báo cáo thảo luận nhóm.* Bây giờ, các em lựa chọn một chủ đề trong SHS, sau đó đọc kĩ các hướng dẫn trong SHS để tiến hành thảo luận nhóm, ghi chép kết quả thảo luận để lập dàn ý cho báo cáo.

1. Thảo luận.

– HS làm việc nhóm ba hoặc bốn để chuẩn bị thảo luận theo hướng dẫn của GV:

+ Lựa chọn một chủ đề thảo luận.

+ Đề xuất các vấn đề cần tập trung thảo luận. GV có thể gợi ý, ví dụ với chủ đề 1, HS có thể thảo luận về:

a. Thời gian tiến hành quyên góp (khi nào bắt đầu, trong thời gian bao lâu,...).

b. Địa điểm quyên góp và trao tặng (nơi tập trung sách báo sau quyên góp, nơi gửi tặng sách báo đã quyên góp được,...).

c. Cách thức quyên góp (phát động thi đua quyên góp, kêu gọi quyên góp từ các lớp, dự kiến số lượng cần quyên góp tối thiểu, các loại sách báo nào được ưu tiên quyên góp,...).

d. Phân công nhiệm vụ (công việc cần làm của mỗi thành viên trong nhóm).

– Từng nhóm tiến hành thảo luận theo các bước đã nêu trong SHS:

+ Bước 1: Từng thành viên trong nhóm nêu ý kiến của mình.

+ Bước 2: Cả nhóm trao đổi, thảo luận về các ý kiến.

+ Bước 3: Nhóm trưởng tổng hợp và thống nhất ý kiến.

– GV lưu ý HS ghi chép (cá nhân) các thông tin về buổi thảo luận (thời gian, địa điểm, chủ đề, người tham gia thảo luận,...) và kết quả thảo luận ở bước 3.

– GV khen ngợi những nhóm HS tích cực thảo luận và có nhiều ý kiến hay.

2. Lập dàn ý.

– GV hướng dẫn HS đóng vai nhóm trưởng, quan sát mẫu báo cáo trong SHS và đọc lại các nội dung đã ghi chép sau thảo luận, tìm các nội dung phù hợp với từng phần trong mẫu báo cáo.

– HS làm việc cá nhân theo hướng dẫn của GV, xây dựng dàn ý dựa trên các nội dung đã ghi chép.

– 1 – 2 HS đọc dàn ý trước lớp.

– Cả lớp nhận xét, góp ý và bổ sung (nếu cần thiết).

– GV khen ngợi các HS tích cực làm bài tập.

3. Góp ý và chỉnh sửa dàn ý.

– GV hướng dẫn HS trao đổi dàn ý trong nhóm và góp ý cho nhau theo gợi ý trong SHS.

– HS trao đổi nhóm theo hướng dẫn của GV.

– GV bao quát cả lớp và giúp đỡ các HS còn gặp khó khăn trong việc xây dựng và chỉnh sửa dàn ý.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động Vận dụng: HS hỏi những người quanh mình tên trường học, cơ quan mà mọi người đang học tập, công tác và ghi lại tên các trường học, cơ quan đó theo quy tắc viết hoa. HS có thể chia sẻ phần viết của mình với người thân để xin ý kiến và chỉnh sửa.

CỦNG CỐ

– GV có thể tổng kết bài học bằng nhiều cách, có thể chọn một trong những cách dưới đây:

+ Hỏi xem HS thích nhất điều gì trong bài vừa học.

+ Yêu cầu HS nói lại những điều HS nhớ về bài đọc, phần Luyện từ và câu hoặc những ý chính trong dàn ý báo cáo thảo luận nhóm.

+ Nhắc lại các nội dung HS đã được học:

• Đọc và tìm hiểu văn bản *Những bức chân dung*.

• Luyện từ và câu (Quy tắc viết hoa tên cơ quan, tổ chức).

• Lập dàn ý cho báo cáo thảo luận nhóm.

GV có thể nói thêm: Qua bài đọc, chúng ta thấy sự khác biệt làm nên vẻ riêng của mỗi người, mọi người cần tôn trọng sự khác biệt đó, không nên đưa ra những tiêu chuẩn chung cho cái đẹp.

– GV dặn HS: Về nhà thực hiện hoạt động Vận dụng và đọc trước Bài 8.

Bài 8 ĐÒ NGANG (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Đò ngang*. Biết đọc đúng lời người dẫn chuyện, lời nói của đò ngang và lời nói của thuyền mành với giọng điệu phù hợp.

b. Nhận biết được đặc điểm của đò ngang và thuyền mành thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động, suy nghĩ;... nhận biết được cách liên tưởng, so sánh, nhân hoá,... trong việc xây dựng nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Mỗi người cần phải làm tốt công việc của mình, bởi mỗi công việc có một giá trị riêng, việc nào cũng mang lại lợi ích cho cuộc sống, việc nào cũng đáng quý, đáng trân trọng.

2. Biết cách viết báo cáo thảo luận nhóm.

3. Đọc mở rộng một câu chuyện có nhân vật mang điểm nổi bật về ngoại hình hoặc tính cách.

4. Biết chia sẻ suy nghĩ, đánh giá về công việc của mình và của người khác. Biết khám phá giá trị của công việc và cuộc sống quanh mình. Biết học hỏi từ những điều gần gũi, quen thuộc và trân trọng những điều mình có thể học hỏi được.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Văn bản tự sự (trình tự các sự việc, nhân vật, ngoại hình, tính cách, hành động,... của nhân vật); cách viết báo cáo thảo luận nhóm.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ câu chuyện *Đò ngang*; một số tranh ảnh minh hoạ các loại thuyền: thuyền mành, đò ngang; một số tranh các bìa sách mà HS có thể tìm đọc trong phần Đọc mở rộng.

– Phiếu đọc sách.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 HS đọc nối tiếp bài *Những bức chân dung* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài hoặc GV có thể nêu câu hỏi khác.

ĐỌC

1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ:

+ HS làm việc cá nhân, quan sát tranh và nêu ý kiến trong nhóm.

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– HS làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng.

– HS lần lượt phát biểu ý kiến trước lớp (VD: Hai con thuyền trong tranh giống nhau ở điểm đều là thuyền, để chuyên chở người hoặc hàng hoá trên sông. Hai con thuyền đều như đang nghỉ ngơi. Điểm khác nhau giữa hai con thuyền là một thuyền là thuyền buồm, to, rộng, với những cánh buồm căng phồng trong gió, trông rất đẹp; một thuyền giống như một con đò cũ, trông bé nhỏ, mộc mạc và đơn giản.).

– GV có thể nói thêm: Đúng như các em đã mô tả, hai con thuyền trong tranh, một là thuyền buồm, hay người ta còn gọi là thuyền mành và một là con đò ngang. Thuyền mành to, rộng, có những cánh buồm lớn, đi đến rất nhiều nơi, từ sông ra biển. Còn đò ngang bé nhỏ, mộc mạc, làm công việc đưa người qua lại giữa hai bờ sông.

– GV giới thiệu khái quát bài *Đò ngang* (VD: Hôm nay, các em sẽ luyện đọc bài *Đò ngang*. Đây là một câu chuyện rất thú vị, nói về cuộc sống và công việc của hai nhân vật: đò ngang và thuyền mành. Qua câu chuyện, các em sẽ hiểu hơn về công việc của các loại thuyền và giá trị mà mỗi công việc mang lại cho cuộc sống.).

2. Đọc văn bản

– GV đọc diễn cảm cả bài đọc, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện cảm xúc của nhân vật. GV có thể mời 3 HS đọc lời người kể chuyện, lời của đò ngang và lời của thuyền mành.

– GV giải thích từ ngữ:

+ Thuyền mành: là loại thuyền lớn, có buồm trông giống cái mành, dùng để đi lại ở vùng ven biển. Mành là một đồ vật làm bằng nan tre ghép lại, thường để che nắng ở cửa sổ hoặc cửa trước của các ngôi nhà. (GV có thể chiếu cho HS xem một số hình ảnh về mành, thuyền mành.)

+ Đò ngang: là loại thuyền nhỏ chở khách qua lại ngang sông, từ bờ bên này sang bờ bên kia. (GV có thể chiếu cho HS xem một số hình ảnh về đò ngang.)

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *tỉnh giấc, vội vã, quay lái, bất kể, chăm chỉ, lo việc, đôi lúc, vạm vỡ, to lớn, lộng gió, lướt sóng, khổng lồ, nơi, mới lạ, lớn lên, trưa nắng, nằm nghỉ, ghé lại, đỏ về, mỗi người một vẻ, nối lại,...*).

+ Đọc nhấn giọng ở các từ ngữ thể hiện cảm xúc của nhân vật:

• Giọng kéo dài : "Ơ... đò..."

• Giọng reo vui: "Chào anh thuyền mành!"

• Giọng hào hứng: "Tuyệt quá!"; "Tôi chỉ mong được như vậy."

• Giọng thân mật, chậm rãi (các lời nói của thuyền mành).

+ Đọc ngắt giọng ở những câu dài: *Thuyền mành vạm vỡ,/ to lớn,/ giương cao cánh buồm lộng gió,/ lướt sóng ào ào,/ giống như con chim khổng lồ/ cất cánh tung bay đến những bến bờ xa.; Mỗi lần nghĩ vậy,/ đò ngang lại cảm thấy đôi bờ của mình quá chật hẹp,/ muốn vứt bỏ tất cả/ để được đến một nơi nào đó mới/ và rộng lớn hơn.*

– 3 HS đọc theo lời của người dẫn chuyện, lời của *đò ngang* và lời của *thuyền mành*, đọc toàn bộ văn bản.

– HS làm việc nhóm ba, mỗi HS đọc theo lời một nhân vật và người dẫn chuyện, sau đó đổi lại thứ tự đọc.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Thuyền mành hiện ra như thế nào trong cảm nhận của đò ngang?*

– GV hướng dẫn HS suy nghĩ cá nhân trước khi trao đổi trong nhóm. HS đọc kĩ lại đoạn 2 trong văn bản để thấy được hình ảnh của thuyền mành trong cảm nhận của đò ngang. GV lưu ý HS: Hình ảnh của thuyền mành được miêu tả cả về ngoại hình, hoạt động và công việc.

– HS làm việc cá nhân, tìm câu trả lời cho câu hỏi, sau đó trao đổi trong nhóm, thống nhất ý kiến.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày ý kiến trước lớp.

– Cả lớp nhận xét, góp ý. GV chốt đáp án.

Đáp án: Trong cảm nhận của đò ngang, thuyền mành hiện ra rất mạnh mẽ và năng động. Thuyền mành vạm vỡ, to lớn, giương cao những cánh buồm lộng gió, lướt sóng ào ào, giống như những con chim khổng lồ cất cánh tung bay đến những bến bờ xa.

Câu 2. *Đò ngang nhận ra mình khác thuyền mành như thế nào?*

– GV hướng dẫn HS suy nghĩ: Từ các chi tiết tả hình dáng, hoạt động của thuyền mành và các chi tiết thể hiện suy nghĩ của đò ngang về bản thân, HS tìm những điểm khác nhau giữa đò ngang và thuyền mành về hình thức, công việc,...

– HS làm việc theo cặp hoặc trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi. Nhóm trưởng mời từng bạn phát biểu, cùng nhau tìm câu trả lời, thống nhất ý kiến. GV quan sát các nhóm làm việc và có những hỗ trợ phù hợp.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án. (VD: Trong suy nghĩ của đò ngang, thuyền mành vạm vỡ, to lớn, khoẻ mạnh, năng động, còn đò ngang bé nhỏ và lặng lẽ. Về công việc, đò ngang thấy thuyền mành được đi đến những bến bờ xa, có nhiều điều mới lạ. Còn đò ngang chỉ làm công việc đưa đò, quanh quẩn giữa hai bến sông chật hẹp, không gặp được những điều mới lạ để học hỏi.)

Câu 3. *Theo em, thuyền mành muốn nói gì với đò ngang qua câu: "Ở bất cứ đâu cũng có những điều để chúng ta học hỏi."?*

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu:

+ Bước 1: Làm việc cá nhân

• Đọc thầm lại văn bản.

• Tìm các chi tiết có thể giải thích cho câu hỏi trên.

+ Bước 2: Làm việc nhóm

• Từng HS phát biểu ý kiến về câu hỏi trên.

• Cả nhóm góp ý và bổ sung (nếu cần thiết).

• Bầu một bạn phát biểu trước lớp.

+ Bước 3: Làm việc cả lớp

• 2 – 3 HS phát biểu. GV khích lệ HS thoải mái nêu suy nghĩ của mình, diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau.

• GV và cả lớp nhận xét.

Đáp án VD: Thuyền mành muốn nói với đò ngang: Không phải chỉ đi xa mới gặp được những điều mới lạ có thể giúp mình học tập. Ở ngay gần mình, nếu chú ý cũng luôn

gặp được những điều mới lạ, thú vị. Ví dụ như bến nước nơi đò ngang nằm là nơi nhiều con thuyền cập bến và mỗi ngày, đò ngang đón rất nhiều người qua sông. Mỗi sự gặp gỡ đều mang lại cho đò ngang những điều thú vị.

– GV có thể nói thêm: Câu nói của thuyền mành cũng đúng với tất cả chúng ta. HS có thể học tập được từ rất nhiều thứ xung quanh mình. Như khi đến lớp, ngoài việc học với thầy cô, thì việc chơi với bạn cũng giúp HS học tập được từ bạn, từ cách chơi đến cách cư xử, ăn nói,... Đi chợ, đi siêu thị, HS có thể học tập được cách tính toán, lựa chọn đồ dùng phù hợp; đi chơi ở công viên giúp HS có những hiểu biết về thiên nhiên, xử lí tình huống,... Ở bất cứ đâu cũng có những điều mà chúng ta có thể học hỏi được. (GV có thể liên hệ với những địa điểm và sự việc cụ thể... mà HS đã đến, đã trải qua gần đây.)

Câu 4. *Thuyền mành giúp đò ngang nhận ra giá trị của mình như thế nào?*

– GV nêu yêu cầu và hướng dẫn HS làm việc nhóm.

– HS làm việc theo nhóm/ theo cặp: Từng HS đọc kĩ những lời nói của thuyền mành và nêu suy nghĩ để trả lời câu hỏi. Các HS khác góp ý, bổ sung.

– 2 – 3 HS phát biểu trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý và bổ sung đáp án.

– GV động viên, khen ngợi những em tích cực tham gia phát biểu và có câu trả lời hay.

Đáp án: Thuyền mành giúp đò ngang nhận ra: Hằng ngày, đò ngang làm một công việc rất hữu ích: đưa đò, nên đò ngang luôn được mọi người yêu mến, ngóng đợi. Thậm chí, thuyền mành cũng mong ước được mọi người yêu quý và ngóng đợi như vậy.

Câu 5. *Theo em, câu chuyện muốn nói điều gì? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến của em.*

A. Ở đâu cũng có những điều mới lạ cho chúng ta học hỏi.

B. Mỗi người một việc, việc nào cũng đáng quý.

C. Người chăm chỉ làm tốt công việc của mình sẽ được tôn trọng và yêu quý.

– GV nêu yêu cầu. GV lưu ý HS, đây là câu hỏi lựa chọn theo ý HS (có thể chọn nói theo ý A, B, C hoặc ý kiến riêng của các em), chứ không phải câu hỏi chỉ có 1 đáp án duy nhất.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu:

+ HS làm việc cá nhân: Đọc lướt lại văn bản và xem lại các câu trả lời của 4 câu hỏi trước, suy nghĩ lựa chọn phương án A, B, C hoặc ý kiến khác. Nhẩm lại phương án đã chọn.

+ HS làm việc nhóm: Từng HS nêu suy nghĩ của mình, các HS khác góp ý, nhận xét.

+ HS làm việc cả lớp: 2 – 3 HS trình bày ý kiến trước lớp. GV khen ngợi các em trình bày rõ ràng, đặc biệt khen ngợi các em có ý kiến riêng, hay.

4. Luyện đọc lại

– Nghe GV đọc diễn cảm toàn bài.

– 2 – 3 HS đọc nối tiếp, cả lớp nhìn vào sách đọc thầm theo. GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– HS tự đọc toàn bài.

5. Luyện tập theo văn bản đọc

GV giới thiệu: Các bài luyện tập theo văn bản đọc sẽ giúp các em mở rộng vốn từ thông qua các thành ngữ thông dụng chỉ đặc điểm của người.

Câu 1. *Tìm cách giải thích ở cột B phù hợp với thành ngữ ở cột A.*

– GV mời 1 HS đọc các thành ngữ ở cột A, 1 HS đọc nghĩa của thành ngữ ở cột B. GV dán thẻ ghi thành ngữ và thẻ ghi nghĩa của thành ngữ thành hai cột trên bảng (hoặc trình chiếu trên màn hình).

– GV hướng dẫn HS làm việc trong nhóm, HS chuẩn bị câu trả lời và nêu trong nhóm. Các HS khác góp ý, nhận xét.

– Đại diện 1 – 2 nhóm phát biểu trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án. GV mời 1 HS xếp lại các thẻ chữ ở cột ghi nghĩa của thành ngữ tương ứng với các thành ngữ ở cột A trên bảng.

Đáp án:

A	B
Mỗi người một vẻ	Đa dạng, phong phú, với những phong cách, dáng vẻ riêng
Dám nghĩ dám làm	Mạnh dạn, táo bạo, có nhiều sáng kiến và sẵn sàng thực hiện sáng kiến
Miệng nói tay làm	Nhanh nhẹn, chăm chỉ trong công việc
Sức dài vai rộng	Sức lực dồi dào của người trưởng thành, có thể gánh vác công việc nặng nhọc

Câu 2. *Thành ngữ nào ở bài tập 1 có thể thay cho bông hoa trong mỗi câu?*

– GV mời 1 HS nêu yêu cầu của bài tập 2. Sau đó hướng dẫn HS cách làm bài tập. HS đọc kĩ từng câu, sau đó đọc lại các thành ngữ và nghĩa của các thành ngữ ở bài tập 1 để chọn thành ngữ phù hợp thay cho bông hoa.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm lại các câu văn và các thành ngữ, thử các phương án cho đến khi tìm được phương án phù hợp. Đọc lại câu đã điền để kiểm tra mức độ chính xác về nghĩa. Sau đó nêu kết quả làm việc trong nhóm. Cả nhóm thống nhất đáp án.

– Đại diện 2 – 3 nhóm nêu đáp án. GV và cả lớp nhận xét, góp ý.

– GV mời 1 hoặc 3 HS đọc lại 3 câu sau khi đã điền các thành ngữ phù hợp.

Đáp án:

a. Dám nghĩ dám làm

b. Mỗi người một vẻ

c. Miệng nói tay làm

TIẾT 3

VIẾT

VIẾT BÁO CÁO THẢO LUẬN NHÓM

Viết báo cáo thảo luận nhóm về một trong các chủ đề dưới đây:

Chủ đề 1: Kế hoạch quyên góp sách báo tặng các trường vùng khó khăn.

Chủ đề 2: Kế hoạch trang trí lớp học chuẩn bị cho một ngày đặc biệt của lớp, của trường,...

1. Dựa vào dàn ý đã lập trong hoạt động Viết ở Bài 7, viết báo cáo theo yêu cầu của đề bài.

– GV mời 1 – 2 HS nhắc lại yêu cầu viết báo cáo (đã nêu ở tiết Lập dàn ý – Bài 7).

– HS đọc kĩ lưu ý trong SHS và xem lại dàn ý đã lập ở Bài 7.

2. Hỗ trợ HS trong quá trình viết báo cáo.

– GV nhắc HS viết theo mẫu báo cáo đã học ở bài *Tìm hiểu cách viết báo cáo* (Bài 6), và các ý đã lập trong dàn ý ở Bài 7.

– GV quan sát HS, có thể hỗ trợ khi HS đề đạt yêu cầu hoặc hỗ trợ các em có những hạn chế về kĩ năng viết.

– GV kiểm tra bài của HS khi các em đang làm bài, dự kiến một số bài hay để đọc trước lớp, những bài chưa tốt thì trao đổi, góp ý, hướng dẫn riêng từng em.

3. Chỉnh sửa bài viết.

– Làm việc nhóm:

+ HS đọc lại bài, tự chỉnh sửa lỗi (nếu có).

+ Chia sẻ bài làm, đọc bài của nhau và nêu điều mình muốn học tập ở bạn, điều mình muốn góp ý cho bạn, VD:

• Cấu trúc báo cáo theo mẫu.

• Cách tổng hợp ý kiến: cách dùng từ, đặt câu, sử dụng dấu câu;…

– Làm việc chung cả lớp:

+ GV mời một số HS đọc bài trước lớp.

+ GV và cả lớp nhận xét, khen ngợi các bài viết đúng yêu cầu của một báo cáo thảo luận.

ĐỌC MỞ RỘNG

– HS làm việc cá nhân: Đọc mở rộng và viết phiếu đọc sách theo hướng dẫn trong SHS. GV hướng dẫn HS có thể chia sẻ sách cùng bạn bè, đọc sách chéo (đọc lại, đọc tiếp) rồi ghi chép vào phiếu đọc sách.

– Làm việc nhóm: Chia sẻ với bạn câu chuyện em đọc được và nêu các nội dung em đã ghi trong phiếu đọc sách.

– GV quan sát các nhóm để góp ý, nhận xét, khích lệ kịp thời.

– HS trao đổi theo cặp về những điều thú vị trong câu chuyện đã đọc. GV lưu ý HS có thể đọc cho bạn nghe một đoạn mà HS yêu thích trong câu chuyện và nêu lí do vì sao mình thích đoạn đó.

– 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

– GV khen ngợi những HS có ý kiến hay và khuyến khích HS trao đổi sách cho nhau để đọc thêm những câu chuyện thú vị.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động Vận dụng: HS đọc từ điển thành ngữ, tìm một số thành ngữ nói về con người và ghi chép vào sổ tay. Sau đó đọc cho người thân nghe các thành ngữ đã tìm được, trao đổi với người thân về nghĩa của những thành ngữ đó và ghi chép nghĩa của thành ngữ vào sổ tay.

CỦNG CỐ

– GV nhắc lại các nội dung HS đã được học:

+ Đọc và tìm hiểu câu chuyện *Đò ngang*.

+ Viết báo cáo thảo luận nhóm.

+ Đọc mở rộng một câu chuyện có nhân vật mang đặc điểm nổi bật về ngoại hình hoặc tính cách và viết phiếu đọc sách.

– GV dặn HS đọc trước Bài 9.

TRẢI NGHIỆM VÀ KHÁM PHÁ

TUẦN 5

Bài 9 BẦU TRỜI TRONG QUẢ TRỨNG (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Bầu trời trong quả trứng*, biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật chú gà con.

   b. Nhận biết được trình tự các sự việc qua lời kể chuyện của chú gà con, gắn với thời gian, không gian (địa điểm) cụ thể; nhận xét được đặc điểm, sự thay đổi của cuộc sống cùng những cảm xúc, nghĩ suy của nhân vật ứng với sự thay đổi của không gian và thời gian. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ theo cảm nhận của mình (VD: Mỗi chặng đường cuộc sống có những điều thú vị riêng.).

2. Biết động từ là từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật, tìm được động từ trong các câu tục ngữ, đặt được câu có chứa động từ phù hợp.

3. Nhận biết được cách viết bài văn thuật lại một sự việc (cấu tạo của bài văn, cách thuật lại các hoạt động theo trình tự,...).

4. Biết thể hiện sự đồng cảm với niềm vui của những người xung quanh, thân thiện với bạn bè qua cách chuyện trò.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản thơ (cảm xúc/ mạch cảm xúc, hình ảnh, ngôn ngữ,...).

– Từ loại tiếng Việt (danh từ, động từ, tính từ).

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài thơ.

– Tranh ảnh (sưu tầm) về vẻ đáng yêu của gà con hoặc về cuộc sống có nhiều đe doạ của gà mẹ và đàn con.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

ÔN BÀI CŨ

– 2 HS đọc nối tiếp bài *Đò ngang* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài hoặc GV nêu câu hỏi khác, VD: Bài đọc giúp em hiểu thêm điều gì về chủ điểm *Mỗi người một vẻ?*

– GV giới thiệu chủ điểm mới, VD: Bài thơ *Đò ngang* đã khép lại chủ điểm *Mỗi người một vẻ*. Thiên nhiên và con người, đều phong phú, đa dạng, sinh động. Điều đó khiến cho cuộc sống muôn màu, muôn sắc. Hôm nay, các em bước sang chủ điểm thứ hai: *Trải nghiệm và khám phá*. Hãy quan sát tranh chủ điểm và cho biết bức tranh nói với em điều gì về chủ điểm này. HS phát biểu theo cảm nhận của mình. GV có thể nói thêm: Các bài học trong chủ điểm này sẽ giúp em có thêm những hiểu biết và những kĩ năng cần thiết trong cuộc sống thông qua những hoạt động trải nghiệm, những tìm tòi, khám phá,... các sự vật, sự việc, hiện tượng trong cuộc sống của các nhân vật trong các bài đọc,...

ĐỌC

1. Khởi động

– GV nêu tên bài học và giao nhiệm vụ:

+ Quan sát tranh, nêu nội dung tranh.

+ Thực hiện nhiệm vụ: *Cùng nhau đóng vai nói lời trò chuyện của các chú gà con mới nở với chú gà còn ở trong quả trứng.* (GV khích lệ HS mạnh dạn nói điều mình tưởng tượng.)

– HS làm việc theo nhóm: 1 bạn đóng vai chú gà con lúc còn nằm trong quả trứng, các bạn khác đóng vai những chú gà mới nở để trò chuyện.

– GV nhận xét các nhóm, sau đó GV giới thiệu khái quát về bài thơ (hoặc hỏi HS về tranh ảnh minh hoạ bài thơ và nội dung bài thơ (nếu đã đọc), VD:

+ Có 2 bức tranh minh hoạ bài thơ: Tranh 1 vẽ chú gà đang nhớ lại và kể với các bạn về cuộc sống của mình khi còn ở trong quả trứng. Tranh 2 vẽ gà con ngỡ ngàng nhìn thấy mẹ, nhìn thấy bầu trời xanh,... khi vừa ra khỏi quả trứng.

+ Đọc bài thơ, các em sẽ thấy bài thơ là lời kể chuyện, tâm sự của một chú gà con. Chú kể về 2 chặng đường đời của mình: Từ lúc còn là quả trứng/ nằm trong quả trứng đến lúc thành chú gà con chạy nhảy bên gà mẹ.

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ phù hợp, những tình tiết bất ngờ hoặc từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật. GV có thể mời 2 em đọc nối tiếp các đoạn.

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *Cứ việc mà yên ngủ*...

+ Đoạn 2: Còn lại.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD:

Một màu trời đã **lâu**

Đó là một màu **nâu**

+ Đọc diễn cảm thể hiện cảm xúc của nhân vật lúc còn ở trong quả trứng (nhấn giọng vào những từ ngữ lặp lại) và lúc nhìn thấy bầu trời xanh.

– HS làm việc theo cặp, mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 2 đoạn) sau đó đổi đoạn để đọc.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

– GV hỏi HS có từ ngữ nào trong bài thơ mà các em chưa hiểu hoặc cảm thấy còn khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn để HS tra từ điển.

– GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các câu hỏi, yêu cầu nêu trong SHS.

Câu 1. *Gà con kể với các bạn thế nào về bầu trời trong quả trứng?*

– GV nêu câu hỏi và hướng dẫn HS dựa vào 2 gợi ý để hoàn thành câu trả lời.

– HS làm việc theo cặp hoặc nhóm, lựa chọn các chi tiết trong bài thơ để trả lời câu hỏi.

– Đại diện một số nhóm phát biểu trước lớp, GV tổng hợp các ý kiến, VD:

+ Trong bài thơ, chú gà con kể với các bạn về 2 giai đoạn trong cuộc sống của mình: lúc còn ở trong quả trứng và lúc bước ra thế giới bên ngoài.

+ Bầu trời bên trong quả trứng chỉ 1 màu nâu, không có gió, không có nắng, không lắm sắc màu, chỉ có một vòm trời màu nâu như nhau.

Câu 2. *Gà con thấy bầu trời và cuộc sống bên ngoài có gì khác với bầu trời và cuộc sống bên trong quả trứng?*

– GV nêu câu hỏi 2 và cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm, từng em nêu ý kiến, cả nhóm thống nhất câu trả lời.

– Một số HS phát biểu ý kiến trước lớp. GV có thể lựa chọn cách trình bày dựa trên ý hiểu của HS.

Bên trong quả trứng	Bên ngoài quả trứng
– Những thứ không có: + Không có gió có nắng + Không có lắm sắc màu	– Những điều thấy lạ lẫm, bất ngờ: + Nhiều gió lộng + Nhiều nắng reo + Thấy thương yêu, biết là có mẹ

– Những điều chưa biết: + Tôi chưa kêu "chiếp chiếp" + Chẳng biết tìm giun, sâu + Đói, no chẳng biết đâu – Điều thích thú: Cứ việc mà yên ngủ...	– Những điều mới biết làm: + Đói, tôi tìm giun dế + Ăn no xoải cánh phơi... – Điều thấy thú vị: Bầu trời ở bên ngoài/ Sao mà xanh đến thế!
Nhận xét: Bầu trời trong quả trứng đơn giản, ít sắc màu (chỉ 1 màu nâu). Khi chú gà nói "Cứ việc mà yên ngủ", có thể thấy chú gà vẫn yêu những tháng ngày đơn giản mà bình yên, êm đềm khi ở trong quả trứng.	Nhận xét: Bầu trời ở bên ngoài có màu xanh kì diệu, chưa từng thấy. Cuộc sống nhiều sắc màu, thanh âm, nhiều cảm xúc, nhiều sự vật. Cuộc sống náo nhiệt, đông vui,...

– GV có thể nhấn mạnh thêm: Bầu trời bên trong quả trứng chỉ có 1 màu nâu, không có gió, có nắng. Cuộc sống bên trong quả trứng chỉ có một mình, giản đơn, yên ổn, cứ việc yên mà ngủ. Bầu trời và cuộc sống bên ngoài đem đến nhiều cảm xúc cho chú gà con. Chú cảm thấy vô cùng ngạc nhiên khi lần đầu tiên nhìn thấy bầu trời bên ngoài: "Sao mà xanh đến thế!". Cuộc sống náo nhiệt, đầy nắng, đầy gió và vui nhất là được biết có mẹ, cảm nhận được tình yêu thương của mẹ.

Câu 3. *Theo em, gà con thích cuộc sống nào hơn? Vì sao?*

– GV nêu câu hỏi, dành thời gian cho HS suy nghĩ. GV có thể hỏi: Liệu có lúc nào chú gà con muốn quay trở về với bầu trời trong quả trứng?

– HS trả lời câu hỏi theo nhóm hoặc trước lớp. GV khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến thể hiện suy nghĩ, suy luận hợp lí, thú vị.

Câu 4. *Đóng vai gà con, kể tiếp những vui buồn của mình từ ngày sống dưới bầu trời xanh theo tưởng tượng của em.*

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân trước khi làm việc theo nhóm/ theo lớp:

+ Đọc kĩ lại đoạn thơ kể về cuộc sống dưới bầu trời xanh.

+ Chuẩn bị lời nói theo vai gà con khi bước ra khỏi bầu trời màu nâu trong quả trứng. Có thể ghi vắn tắt những điều nhân vật gà con sẽ kể.

– HS suy nghĩ, tưởng tượng, hình dung cuộc sống của gà con bên gà mẹ và các anh chị em; đóng vai gà con kể về điều mình đã tưởng tượng.

– HS làm việc theo nhóm hoặc đóng vai gà con nói trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, góp ý, khen ngợi sự sáng tạo.

(**Tham khảo:** Đến một ngày, tôi cảm thấy bầu trời trong quả trứng bé lại, chật chội và ngột ngạt, tôi liền đạp vỡ bầu trời màu nâu chật chội. Thật bất ngờ. Cuộc sống của tôi bỗng thay đổi hoàn toàn: Tôi bỗng thấy gió thổi lồng lộng, bỗng thấy nắng reo, bỗng tôi cảm nhận thấy tôi có mẹ và được mẹ yêu thương từ lâu rồi.)

– GV khích lệ HS nêu những suy luận/ tưởng tượng của mình.

– GV nói thêm: Đoạn thơ các em được học chỉ là đoạn trích. Bài thơ còn 1 đoạn cuối nữa, kể về âu lo của gà con khi sống dưới bầu trời bên ngoài. Gà con có chút âu lo về những mối nguy hiểm đâu đó rình rập.

Câu 5. *Tác giả muốn nói điều gì qua bài thơ?*

– GV hướng dẫn HS chọn 1 trong 3 câu trả lời hoặc có thể nêu ý kiến theo cảm nhận của riêng mình.

– HS làm việc theo nhóm, từng em nêu sự lựa chọn hoặc ý kiến của riêng mình; có thể trao đổi về lí do mình lựa chọn câu trả lời.

– Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp. GV có thể nói thêm cho HS hiểu: Mỗi câu trả lời đều có ý đúng và phù hợp với câu chuyện của chú gà con. Bài thơ mượn câu chuyện của chú gà con để nói về cuộc sống của con người.

4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài thơ.

– Làm việc chung cả lớp (2 HS đọc nối tiếp các khổ thơ trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– Làm việc cá nhân, tự đọc thuộc lòng toàn bài.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

ĐỘNG TỪ

1. Tìm từ chỉ hoạt động thích hợp với người và vật trong tranh.

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu của bài tập. (*Tìm từ chỉ hoạt động thích hợp với người và vật trong tranh*); các từ ngữ đã cho ở bài tập 1.

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện: Quan sát kĩ bức tranh, chọn từ ngữ thích hợp với hoạt động của các bạn học sinh hoặc các con vật trong tranh.

– 1 – 2 HS làm mẫu trước lớp, sau đó HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi theo cặp hoặc nhóm để đối chiếu kết quả:

+ 1 HS nêu từ chỉ hoạt động (chỉ vào 1 bạn nhỏ hoặc 1 vật trong tranh) và đọc từ thích hợp.

+ GV có thể viết lên bảng, VD: cá – bơi; học sinh – cười.

– Một số HS đại diện nhóm trình bày kết quả. GV nhận xét.

– HS có thể có cách gọi người và vật trong tranh bằng các từ khác nhau:

+ Người: bạn nam (hàng đầu, bên trái) – vẫy; các bạn – cười, nói; bạn nữ – đi; bạn ở phía sau – chạy;...

+ Vật: chuồn chuồn – đậu, bay; cá – bơi; chim – hót;...

2. Các động từ *yêu, lo, sợ* (ở đoạn thơ trong bài tập 2) có điểm gì chung?

– GV nêu câu hỏi và mời HS đọc đoạn thơ.

– HS trao đổi nhóm để tìm điểm chung của 3 động từ: *yêu, lo, sợ*. HS có thể có các câu trả lời khác nhau, VD:

+ Cả 3 từ/ động từ đều diễn tả cảm xúc/ trạng thái tình cảm/ cảm xúc của gà con.

+ Cả 3 từ/ động từ không thể hiện qua cử động, mà diễn tả cảm xúc bên trong.

+ ...

– GV giải thích cho HS đó đều là những động từ chỉ trạng thái cảm xúc.

– GV mời 1 – 2 HS đọc Ghi nhớ trước lớp, cả lớp đọc thầm Ghi nhớ. GV mời HS xung phong không nhìn sách, nêu được nội dung ghi nhớ về động từ: *Động từ là từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật.*

GV có thể nói với HS: Ở lớp 2 và lớp 3, các em đã được học từ ngữ chỉ hoạt động. Tiết học này, các em bước đầu nhận biết thế nào là động từ. Các em còn được tìm hiểu về động từ ở nhiều tiết học khác. Dần dần, các em sẽ nắm vững hơn. GV có thể giúp HS phân biệt từ (động từ) với cụm từ, VD: đội – đội mũ,...

3. Tìm động từ trong các câu tục ngữ.

– GV mời HS đọc các câu tục ngữ nối tiếp nhau.

– HS làm việc cá nhân, ghi động từ tìm được theo 2 nhóm.

– HS nêu các động từ tìm được. GV có thể chiếu các câu tục ngữ trên màn hình.

– GV ghi ý kiến của HS lên bảng (có thể viết theo 2 nhóm: động từ chỉ hoạt động và động từ chỉ cảm xúc). GV và HS thống nhất đáp án.

Đáp án:

+ đến, uống, đi, học.

+ yêu, thương, nhớ.

Lưu ý: Nhiệm vụ chủ yếu là giúp HS nhận biết trong các câu tục ngữ, từ nào là động từ.

4. Dựa vào tranh ở bài tập 1, đặt câu có chứa 1 – 2 động từ.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của bài tập: Dựa vào tranh minh hoạ ở bài tập 1, nêu động từ chỉ hoạt động, trạng thái của người và vật được vẽ trong tranh. VD:

+ Các bạn HS: đi học, gọi, hỏi, kể, yêu quý,...

+ Các vật: rơi, chảy, nở,...

– HS làm việc cá nhân, tìm động từ, đặt câu (nên viết vào vở, vào giấy nháp,...).

– HS đặt câu và làm việc theo nhóm, từng HS đọc các câu của mình để cả nhóm nhận xét, góp ý. GV đi các nhóm, ghi chép các câu hay hoặc câu chưa đúng để chữa chung trước lớp hoặc chữa riêng cho những em đặt câu chưa đúng yêu cầu.

– GV mời một số HS đọc câu của mình trước lớp.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN THUẬT LẠI SỰ VIỆC

1. Đọc bài văn và trả lời câu hỏi.

– GV nêu khái quát mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập 1: Đọc bài văn và trả lời lần lượt các yêu cầu/ câu hỏi a, b, c, d, e, g.

– HS đọc thầm bài văn (hoặc 1 HS đọc bài văn trước lớp, cả lớp đọc thầm theo).

a. *Bài văn có mấy phần? Đó là những phần nào?*

GV nêu câu hỏi a rồi mời 1 HS trả lời. (VD: Bài văn có 3 phần. Đó là phần mở bài, thân bài và kết bài.)

b. *Phần mở bài giới thiệu những gì?*

– GV nêu câu hỏi b.

– HS trao đổi theo cặp để có câu trả lời. VD:

+ Mở bài giới thiệu sự việc, thời gian và địa điểm diễn ra sự việc.

+ Sự việc: lễ phát động xây dựng thư viện lớp.

+ Thời gian: chiều nay, trong buổi sinh hoạt lớp.

+ Địa điểm: tại lớp học.

c. *Phần thân bài gồm mấy đoạn? Ý chính của mỗi đoạn là gì?*

– GV yêu cầu HS tự đọc câu hỏi c.

– HS trao đổi theo cặp để có câu trả lời. VD:

Phần thân bài gồm có 4 đoạn.

• Đoạn 1: Các hoạt động chuẩn bị.

• Đoạn 2: Phát biểu khai mạc của cô chủ nhiệm.

• Đoạn 3: Bạn lớp trưởng phát động phong trào và thảo luận về cách thức thực hiện.

• Đoạn 4: Phân công nhiệm vụ.

d. *Nêu những hoạt động được thuật lại ở phần thân bài theo đúng trình tự.*

– GV yêu cầu HS đọc câu hỏi d và phần gợi ý trong bảng.

– HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, viết vào vở hoặc vào phiếu học tập theo gợi ý nêu trong SHS.

– GV tổ chức chữa bài. Đáp án có thể viết như sau:

Các hoạt động	Nội dung hoạt động
Trước giờ sinh hoạt lớp	– Bạn Minh viết và vẽ trang trí trên bảng lớp: + Dòng chữ: *Chung tay xây dựng Thư viện lớp 4B.* + Những hình ảnh ngộ nghĩnh: chú gà con đội trên đầu một mảnh vỏ trứng, chú dế mèn bước ra từ cuốn truyện, những cuốn sách mở rộng như sải cánh bay,… – Các bạn nữ chuẩn bị bàn chủ toạ: + Phủ khăn trải bàn + Đặt lọ hoa rực rỡ lên bàn.
Trong giờ sinh hoạt lớp	– *Đầu tiên*: Cô chủ nhiệm phát biểu khai mạc (về tầm quan trọng của sách, ý nghĩa của việc đọc sách, vì sao cần có một thư viện của lớp). – *Tiếp theo*: Bạn lớp trưởng phát động phong trào *Chung tay xây dựng thư viện lớp*; cả lớp thảo luận, đưa ra các hình thức ủng hộ, đóng góp sách báo,… – *Sau cùng*: Bạn lớp phó thông báo thời gian mang sách báo đến góp; nhiệm vụ của các tổ trưởng trong việc tập hợp và ghi tên sách các bạn trong tổ đóng góp.

e. *Những từ ngữ nào giúp em nhận biết các hoạt động được thuật lại theo trình tự?*

HS đọc câu hỏi và trả lời.

Đáp án:

+ Trước giờ sinh hoạt lớp.

+ Trong giờ sinh hoạt lớp: đầu tiên (…); tiếp theo (…); sau cùng (…).

g. *Phần kết bài chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc gì về kết quả hoạt động?*

HS đọc câu hỏi, trao đổi theo nhóm để trả lời.

Đáp án:

+ Nêu kết quả hoạt động/ công việc.

+ Cảm nghĩ của người tham gia hoạt động.

2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia.

– HS đọc câu hỏi, thảo luận nhóm theo gợi ý trong SHS.

– Đại diện các nhóm phát biểu ý kiến.

– GV có thể tổng hợp các ý HS đã phát biểu, VD:

+ Bài văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia thường có 3 phần: mở bài (giới thiệu sự việc); thân bài (thuật lại diễn biến của sự việc theo trình tự thời gian,

không gian,...); kết bài (nêu kết quả, suy đoán sự việc tiếp theo hoặc nêu suy nghĩ, cảm xúc của người viết).

+ Trước khi viết, nên liệt kê và sắp xếp các hoạt động, việc làm,... theo trình tự để không bị bỏ sót hoặc nhầm lẫn.

+ Để làm rõ diễn biến của sự việc, nên sử dụng những từ ngữ: đầu tiên, sau đó, trong khi đó, cuối cùng,...

+ Đoạn văn nên có những từ ngữ, câu văn bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ, nhận xét của người viết về sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia.

– GV mời 2 – 3 HS đọc ghi nhớ. Cả lớp đọc thầm theo.

– GV kết luận, chiếu ghi nhớ trên màn hình hoặc ghi bảng, nhấn mạnh: Các hoạt động được thuật lại theo trình tự hợp lí (theo trình tự thời gian hoặc theo trình tự không gian).

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Ghi lại trình tự các hoạt động trong một buổi sinh hoạt lớp của lớp em.*

G: Dựa vào bài văn thuật lại buổi sinh hoạt phát động xây dựng thư viện lớp học vừa tìm hiểu, em hãy ghi lại trình tự các hoạt động của một buổi sinh hoạt lớp em. Em cần nêu rõ sự việc đầu tiên, các sự việc tiếp theo và sự việc cuối cùng.

CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính đã học:

+ Đọc – hiểu: *Bầu trời trong quả trứng.*

+ Luyện từ và câu: Động từ.

+ Viết: Tìm hiểu cách viết bài văn thuật lại một sự việc.

– GV hỏi HS yêu thích nội dung nào ở Bài 9.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn HS đọc trước Bài 10.

Bài 10 TIẾNG NÓI CỦA CỎ CÂY (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Tiếng nói của cỏ cây*. Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời đối thoại giữa các nhân vật, nhấn giọng đúng từ ngữ, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật qua giọng đọc.

b. Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian, địa điểm cụ thể; nhận xét được đặc điểm, sự thay đổi của sự vật theo thời gian và cảm xúc, suy nghĩ, băn khoăn của nhân vật trước sự thay đổi. Biết dựa vào nội dung câu chuyện để tập lí giải/ giải thích sự thay đổi của sự vật.

2. Lập được dàn ý cho bài văn thuật lại một sự việc theo đúng yêu cầu của kiểu bài.

3. Nói được trước nhóm, trước lớp về một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

4. Có ý thức quan sát, tìm hiểu thế giới xung quanh; ham học hỏi, có mong muốn mở mang hiểu biết và chia sẻ hiểu biết của mình với người thân và bạn bè.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản tự sự (trình tự các sự việc, nhân vật, ngoại hình và tính cách, suy nghĩ và hành động của nhân vật).

– Văn bản thông tin (khoa học thường thức).

2. Phương tiện dạy học

Tranh ảnh minh hoạ câu chuyện *Tiếng nói của cỏ cây*; sưu tầm các bài viết về sự thú vị của thế giới cỏ cây.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 – 3 HS đọc nối tiếp bài *Bầu trời trong quả trứng* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, VD: Em hãy tưởng tượng và nêu những khó khăn chờ đợi gà con ở phía trước khi đã bước ra khỏi bầu trời màu nâu để sống dưới bầu trời xanh đầy nắng và gió.).

ĐỌC

1. Khởi động

– HS đọc yêu cầu.

– GV giao nhiệm vụ: HS làm việc theo nhóm (Từng bạn nêu những điều mình biết về cách trồng hoặc chăm sóc cây cối theo gợi ý trong SHS.). GV khích lệ HS chia sẻ những điều mình đã biết.

– Đại diện 1 – 2 nhóm trình bày trước lớp. VD: Cắt tỉa những cành lá bị sâu bệnh, khô héo./ Bổ sung chất dinh dưỡng cho cây./... Cả lớp có thể nêu câu hỏi để biết rõ hơn thông tin trong lời phát biểu của các bạn.

– GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó GV giới thiệu khái quát câu chuyện *Tiếng nói của cỏ cây*. VD: Thế giới cây cỏ còn rất nhiều bí ẩn. Các nhà khoa học đang khám phá

sự kì diệu của chúng. Bài học hôm nay sẽ giúp các em có thêm những hiểu biết về thế giới cỏ cây nói riêng và thiên nhiên quanh ta nói chung.

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài, đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện những tình tiết bất ngờ hoặc từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện. GV có thể mời 2 – 3 HS đọc nối tiếp các đoạn.

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *trồng cạnh cây hoa hồng*.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến *trong truyện cổ tích*.

+ Đoạn 3: Còn lại.

– GV hướng dẫn HS đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, (VD: *chưa hài lòng, ló rạng, nàng tiên trong truyện cổ tích,…*).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Thấy khóm hoa hồng bạch có vẻ chật chỗ,/ cô bé liền bứng một cây nhỏ nhất/ trồng vào chỗ đất trống dưới cửa sổ.*; *Ngắm nghía một hồi,/ cảm thấy chưa hài lòng,/ cô đến bên khóm huệ,/ chọn một cây/ đem trồng cạnh cây hoa hồng.*;...

+ Đọc diễn cảm thể hiện cảm xúc của nhân vật: *Ô kìa! Bụi hoa hồng được chuyển chỗ mới đẹp làm sao!*;...

+ Nhấn giọng ở một số từ ngữ: *Kì lạ thay, cây hoa huệ dưới cửa sổ giờ đây cũng đẹp trội hơn hẳn những cây mà nó sống cạnh trước kia. Những bông huệ trắng muốt, đẹp như một nàng tiên trong truyện cổ tích.*

– HS làm việc theo nhóm (3 em/ nhóm): Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 3 đoạn), đọc nối tiếp 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân, đọc thầm toàn bài một lượt.

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

– GV giới thiệu về một số loài cây được nhắc đến trong bài (nên có tranh ảnh minh hoạ), VD: cây hoa hồng bạch, cây hoa huệ.

– GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ nêu trong SHS.

– GV nêu câu hỏi 1.

Câu 1. *Chi tiết nào cho thấy Ta-nhi-a cảm thấy thoải mái trong những ngày hè ở nhà ông bà?*

– HS làm việc cá nhân: Đọc lướt đoạn mở đầu và nêu câu trả lời trước lớp. VD: Những ngày hè ở nhà ông bà, Ta-nhi-a cảm thấy rất thoải mái vì: được thoả thích chạy nhảy trong vườn, được ngắm nghía vườn hoa và có thể tự ý trồng cây, chuyển cây theo ý mình.

– GV nêu câu hỏi 2.

Câu 2. *Nêu công việc Ta-nhi-a đã làm trong vườn nhà ông bà theo các ý: Việc đã làm → Lí do.*

– GV giúp HS nắm được nhiệm vụ qua yêu cầu: Đọc thầm, đọc lướt toàn bộ câu chuyện và trả lời các câu hỏi:

+ Ta-nhi-a đã làm gì?

+ Vì sao cô bé làm những việc đó?

– HS thực hiện theo các bước:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân (trả lời câu hỏi theo gợi ý).

+ Bước 2: HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, lần lượt từng em trả lời theo 2 ý đã chuẩn bị và thống nhất câu trả lời.

+ Bước 3: Một số HS phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV tổng kết các ý kiến của HS, có thể nhắc lại: Ta-nhi-a đã bứng một cây hồng bạch nhỏ nhất trồng vào chỗ đất trống dưới cửa sổ, rồi cô lấy một cây hoa huệ trồng cạnh cây hoa hồng. Cô bé làm những việc đó vì thấy khóm hoa hồng bạch có vẻ chật chỗ. Nhìn cây hồng bạch đứng một mình, cô cảm thấy không hài lòng nên đã ra khóm huệ, chuyển một cây hoa huệ sang trồng cạnh cây hoa hồng bạch.

– GV nêu câu hỏi 3 (hoặc HS đọc câu hỏi).

Câu 3. *Nhờ việc làm của Ta-nhi-a, cây hồng và cây huệ nở hoa đẹp như thế nào?*

– HS làm việc cá nhân, đọc lướt câu chuyện và trả lời câu hỏi trước lớp.

– GV mời HS đọc trước lớp đoạn văn nêu rõ kết quả việc làm của Ta-nhi-a: *"Ô kìa! Bụi hoa hồng được chuyển chỗ mới đẹp làm sao! Những bông hoa màu trắng dịu, cánh hoa trong suốt lung linh. Hoa nở nhiều đến nỗi cả bụi như phủ đầy tuyết trắng."; "Kì lạ thay, cây hoa huệ dưới cửa sổ giờ đây cũng đẹp trội hơn hẳn những cây mà nó sống cạnh trước kia. Những bông huệ trắng muốt, đẹp như một nàng tiên trong truyện cổ tích."*;...

– GV chốt lại: Kết quả là cả hai cây đều tươi tốt và nở những bông hoa đẹp hơn hẳn khi chúng ở chỗ cũ.

– GV nêu câu hỏi 4 (hoặc HS đọc câu hỏi).

Câu 4. *Trong câu chuyện, Ta-nhi-a đã suy đoán nguyên nhân biến đổi của cây hồng và cây huệ là gì?*

– HS làm việc nhóm, tìm chi tiết cho thấy cách suy đoán của Ta-nhi-a về sự biến đổi của cây hồng và cây huệ.

– HS trình bày câu trả lời trước lớp. VD: Ta-nhi-a đã suy đoán về nguyên nhân dẫn tới sự biến đổi của hai cây hoa: *"Có lẽ là do chỗ ở mới của chúng thoáng hơn, không bị rễ của cây khác tranh chất màu dưới đất."*;... Ta-nhi-a cho rằng: Có lẽ là do chỗ ở mới của chúng thoáng hơn, không bị rễ của cây khác tranh chất màu dưới đất nên chúng mới thay đổi như vậy.;...

– GV có thể đưa thêm câu hỏi: Em thấy cách suy đoán của Ta-nhi-a về nguyên nhân dẫn tới sự biến đổi của hai cây hoa có hợp lí không? Vì sao? (HS có thể trả lời: Cách suy đoán của Ta-nhi-a cũng có lí, vì cây cối thường cần ở nơi thoáng, có đủ nước, đủ chất màu.)

Câu 5. *Theo em, Ta-nhi-a đã có thêm những trải nghiệm gì trong mùa hè?*

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời. GV khích lệ HS phát biểu ý kiến theo cách hiểu, cách suy đoán, cách diễn đạt của mình. (GV có thể gợi ý HS đọc kĩ đoạn cuối của câu chuyện.)

+ Bước 2: Một số HS phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV hướng dẫn HS: Đoạn kết của câu chuyện có nói đến cuộc trò chuyện giữa cây hoa hồng và cây huệ. Cuộc trò chuyện này cho ta biết thêm nguyên nhân khiến hai cây có sự thay đổi khi trồng cạnh nhau. Cuộc trò chuyện của 2 cây hoa có thể là cách nói khác về sự khám phá, phát hiện của Ta-nhi-a về những điều bí ẩn của thế giới cỏ cây.

– HS phát biểu. GV lưu ý: Các ý kiến của HS có thể khác nhau nhưng đều là những trải nghiệm, những hiểu biết của Ta-nhi-a trong mùa hè tươi đẹp của mình. VD:

+ Cây cối được trồng ở chỗ đất thoáng, rộng sẽ tốt tươi hơn.

+ Mùa hè ở nhà ông bà, Ta-nhi-a có thêm hiểu biết về cây hoa hồng và hoa huệ. Khi chúng trồng cạnh nhau thì cả hai tươi tốt hơn, ra nhiều hoa hơn, hoa đẹp hơn.

+ Cây cối tốt tươi, phát triển không phải chỉ nhờ đủ nước, đủ ánh sáng, đủ chất màu,... mà còn phải biết chúng hợp và không hợp sống gần loài cây nào,...

4. Luyện tập theo văn bản đọc

– HS đọc yêu cầu trong SHS và tự thực hiện yêu cầu (theo hình thức học cá nhân, theo cặp hoặc theo nhóm). GV có thể nhắc các em xem lại các bài học trước về danh từ, động từ để thực hiện yêu cầu luyện tập theo bài đọc.

– Sau thời gian làm bài được GV quy định, HS trình bày kết quả làm bài trước lớp hoặc GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS rồi nêu nhận xét trước lớp.

Đáp án:

Câu 1. *Xếp các từ vào nhóm thích hợp.*

+ Danh từ: *vườn, cây, đất, hoa, bạn.*

+ Động từ: *đi, trồng, chọn, hỏi, ngắm.*

Câu 2. *Đóng vai cây hoa hồng hoặc cây hoa huệ trong câu chuyện* ***Tiếng nói của cỏ cây****, đặt câu nêu cảm xúc của cây khi trở nên đẹp hơn trước. Tìm động từ chỉ cảm xúc trong câu em đặt.*

VD:

Cây hoa hồng: – Bạn huệ ơi, ai cũng khen chúng mình đẹp hơn trước. Tôi vui quá!

Cây hoa huệ: – Tôi cũng rất vui, bạn ạ. Nhưng phải xa anh chị em, tôi nhớ họ lắm.

5. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện:

– Làm việc chung cả lớp (3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– Làm việc cá nhân: HS đọc toàn bài.

TIẾT 3

VIẾT

LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN THUẬT LẠI MỘT SỰ VIỆC

Đề bài: Viết bài văn thuật lại một hoạt động trải nghiệm em đã tham gia và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của em về hoạt động đó.

1. Chuẩn bị.

– GV dành thời gian cho HS đọc lướt lại bài học *Tìm hiểu cách viết bài văn thuật lại một sự việc* (Bài 9), mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi:

+ Bài văn thuật lại một sự việc có mấy phần?

+ Có thể thuật lại sự việc theo trình tự nào?

– GV mời HS đọc yêu cầu của đề bài (*Viết bài văn thuật lại một hoạt động trải nghiệm em đã tham gia và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của em về hoạt động đó.*) và nêu hoạt động trải nghiệm mình muốn thuật lại, muốn chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc.

– HS trao đổi nhóm:

+ Từng em nêu hoạt động trải nghiệm mình muốn thuật lại.

+ Cả nhóm góp ý.

– HS làm việc cá nhân, liệt kê các việc đã làm, các hoạt động đã tham gia (ghi vắn tắt các việc chính đã làm, sắp xếp các việc theo trình tự hợp lí).

2. Lập dàn ý.

– HS dựa vào nội dung đã chuẩn bị, lập dàn ý theo hướng dẫn trong SHS.

– GV kiểm tra dàn ý của HS để có cách hỗ trợ phù hợp.

3. Góp ý và chỉnh sửa dàn ý.

– HS đọc lại dàn ý, tự chỉnh sửa, bổ sung.

– Chia sẻ dàn ý với các bạn để góp ý cho nhau.

+ Cách mở bài, kết bài.

+ Trình tự thuật việc (mở đầu – diễn biến – kết thúc).

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE

TRẢI NGHIỆM ĐÁNG NHỚ

Yêu cầu: Thuật lại một hoạt động trải nghiệm em đã tham gia và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của em về hoạt động đó.

1. Chuẩn bị.

– GV nêu mục đích của tiết học: Rèn cho HS kĩ năng kể lại một sự việc đã tham gia, biết chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân về sự việc đó.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu:

+ Làm việc cá nhân: Thực hiện theo hướng dẫn, gợi ý trong SHS.

+ Làm việc theo cặp: Tập nói về trải nghiệm đáng nhớ của mình.

2. Chia sẻ trải nghiệm.

– GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm: Từng em chia sẻ trải nghiệm.

– GV lưu ý HS cần nói rõ ràng, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ đối với hoạt động đã tham gia.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng:

– *Nói với người thân về những trải nghiệm thú vị mà các bạn ở lớp đã chia sẻ.*

– *Tìm đọc bài thơ, bài văn viết về những trải nghiệm trong cuộc sống giúp ta khôn lớn, trưởng thành*. Có thể đọc lại các bài trong sách Tiếng Việt kể về những trải nghiệm của nhân vật trong câu chuyện:

+ *Nhím nâu kết bạn* (*Tiếng Việt 2, tập một*, trang 89).

+ *Cánh rừng trong nắng* (*Tiếng Việt 3, tập một*, trang 17).

+ *Nhật kí tập bơi* (*Tiếng Việt 3, tập một*, trang 26).

+ *Học nghề* (*Tiếng Việt 3, tập hai*, trang 58).

+ ...

CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính ở Bài 10:

+ Đọc – hiểu: *Tiếng nói của cỏ cây*.

+ Viết: Lập dàn ý cho bài văn thuật lại một sự việc.

+ Nói và nghe: *Trải nghiệm đáng nhớ*.

– GV hỏi HS yêu thích nội dung nào ở Bài 10.

– GV nhận xét kết quả học tập của của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn HS đọc trước Bài 11.

TUẦN 6

Bài 11 TẬP LÀM VĂN (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và diễn cảm bài đọc *Tập làm văn*, biết đọc phân biệt lời kể chuyện của bạn nhỏ (nhân vật xưng "tôi") và những câu văn bạn viết trong bài tập làm văn của mình, biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật.

b. Nhận biết được trình tự các sự việc qua lời kể chuyện của bạn nhỏ (trên đường đi đò dọc về quê đến khi về đến quê, quá trình quan sát cây hoa hồng, việc tưới nước cho cây,... tương ứng với việc bắt đầu viết bài tập làm văn cho đến khi hoàn thành bài viết). Hiểu vì sao bài văn của bạn nhỏ có thêm các chi tiết đặc sắc. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện. (VD: Muốn viết bài văn miêu tả, cần có những trải nghiệm thực tế, cần quan sát kĩ sự vật được miêu tả, cần phát huy trí tưởng tượng của người viết,...)

2. Nhận biết được động từ chỉ hoạt động nói chung và động từ chỉ hoạt động di chuyển nói riêng, tìm được động từ thích hợp với hoạt động được thể hiện trong tranh, đặt được câu với động từ chỉ hoạt động.

3. Viết được bài văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia.

4. Có ý thức đổi mới phương pháp học tập, ham tìm tòi, khám phá để việc học tập đạt kết quả tốt và có tinh thần học tập nghiêm túc.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản truyện (trình tự các sự việc, nhân vật, ngoại hình và tính cách, suy nghĩ và hành động của nhân vật).

– Từ loại tiếng Việt (danh từ, động từ, tính từ).

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ câu chuyện *Tập làm văn*, tranh cây hoa hồng.

– Tranh ảnh (sưu tầm) về hoạt động du lịch (nếu có).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

ÔN BÀI CŨ

– 2 HS đọc nối tiếp bài *Tiếng nói của cỏ cây* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu ở cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, VD: Em biết được điều gì lạ trong thế giới cỏ cây?).

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– GV giới thiệu khái quát về bài học mới, VD: Câu chuyện *Tập làm văn* kể về một bạn nhỏ đã làm bài văn tả cây cối như thế nào.

ĐỌC

1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ:

+ Trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi: *Khi muốn miêu tả một sự vật, làm thế nào để tả đúng đặc điểm của sự vật đó?*

+ Cách thực hiện: Từng em nêu ý kiến, sau đó cả nhóm thống nhất câu trả lời của nhóm để trình bày ý kiến trước lớp.

(GV có thể gợi ý: Ở lớp 2 và lớp 3, các em đã viết các đoạn văn tả đồ vật. Hãy nhớ lại cách mình đã làm để có thể phát hiện và miêu tả đúng đặc điểm của sự vật.)

– HS làm việc theo nhóm. Đại diện 2 – 3 nhóm chia sẻ ý kiến trước lớp, VD: Khi muốn miêu tả một sự vật (VD: đồ vật, con vật, cây cối,...), cần quan sát kĩ sự vật đó bằng nhiều giác quan (VD: mắt, tai, mũi,...), nhìn, nghe, ngửi, chạm tay vào vật,...; quan sát ở nhiều thời điểm khác nhau,...

– Cả lớp có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn những điều bạn trình bày.

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài, đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện dòng suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật. GV có thể mời 2 em đọc nối tiếp các đoạn.

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *để dở dang bài văn.*

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến *bông hồng thả sức đẹp.*

+ Đoạn 3: Còn lại.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *gặp lại, bụi đạ lí, sương lã chã, ốc luộc, kết luận, múc nước,...*

+ Đọc diễn cảm thể hiện cảm xúc của bạn nhỏ.

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– HS làm việc theo nhóm (3 em/ nhóm): Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 3 đoạn), sau đó đổi đoạn để đọc.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

– GV yêu cầu HS đọc mục Từ ngữ (có lời giải nghĩa từ *xào xạc* và *lã chã*). GV hỏi HS có từ ngữ nào trong bài các em chưa hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn HS tra từ điển.

– GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các yêu cầu nêu trong SHS.

Câu 1. *Mục đích về quê của bạn nhỏ là gì?*

– HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm (từng bạn nêu câu trả lời của mình, sau đó thống nhất ý kiến). GV quan sát các nhóm làm việc và có những hỗ trợ phù hợp.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi. VD: Mục đích về quê của bạn nhỏ là để tận mắt quan sát cây hoa hồng với mong muốn tìm được nhiều ý cho bài văn "Tả cây hoa nhà em".

Câu 2. *Khi ở quê, bạn nhỏ đã làm gì để tả được cây hoa theo yêu cầu?*

– GV nêu câu hỏi hoặc 1 HS đọc câu hỏi.

– HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời để trình bày trong nhóm. VD: Khi ở quê, để tìm được nhiều ý cho bài văn của mình, bạn nhỏ đã dậy thật sớm để quan sát cây hoa hồng. Bạn quan sát rất kĩ các bộ phận của cây: thân, cành, lá, hoa, hương sắc,... Bạn còn tưới nước cho cây theo đúng gợi ý của đề bài (Em đã chăm sóc, bảo vệ cây hoa đó như thế nào?).

Câu 3. *Những câu văn nào là kết quả của sự quan sát kết hợp với trí tưởng tượng phong phú của bạn nhỏ?*

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời. GV khích lệ HS trả lời theo cách hiểu của mình. (GV có thể gợi ý HS đọc kĩ các câu văn in nghiêng trong câu chuyện.)

+ Bước 2: HS làm việc nhóm. Từng em nêu câu trả lời. Cả nhóm thống nhất chọn những câu văn là kết quả của sự quan sát kết hợp với trí tưởng tượng phong phú của bạn nhỏ. Sau đó từng em nêu câu trả lời theo ý của mình. Cả nhóm có thể bình chọn ý kiến hợp lí nhất.

Đáp án: Những câu văn là kết quả của sự quan sát kết hợp với trí tưởng tượng phong phú của bạn nhỏ: *Sương như những hòn bi ve tí xíu tụt từ lá xanh xuống bông đỏ, đi tìm mùi thơm ngào ngạt núp đâu giữa những cánh hoa...; Từ tay tôi, cái bình tưới như chú voi con dễ thương đung đưa vòi, rắc lên cây hoa hồng một cơn mưa rào nhỏ;...*

– GV có thể nói thêm: Trong bài văn của bạn nhỏ, tất cả những câu văn có hình ảnh so sánh cũng được coi là câu văn kết hợp sự quan sát và trí tưởng tượng/ liên tưởng của bạn nhỏ. Trên đây là 2 câu văn trên thể hiện rõ nhất trí tưởng tượng của bạn nhỏ.

Câu 4. *Em thích câu văn nào nhất trong bài văn của bạn nhỏ? Theo em, bài văn của bạn nên viết thêm những ý nào?*

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân:

+ Bước 1: Đọc kĩ lại bài văn (đoạn in nghiêng trong câu chuyện), chọn câu văn mình yêu thích, có thể nêu lí do vì sao mình yêu thích câu văn đó.

+ Bước 2: Suy nghĩ để bổ sung ý cho bài văn của bạn nhỏ. Có thể viết câu văn em muốn thêm vào bài văn tả cây hoa hồng của bạn.

– HS trao đổi theo nhóm. GV và cả lớp nhận xét.

– GV khích lệ HS nêu những ý nên bổ sung cho bài văn tả cây hoa hồng của bạn nhỏ trong câu chuyện. GV khen ngợi những ý kiến hay, mới mẻ (VD: Bài văn yêu cầu

"Tả cây hoa nhà em", có lẽ ngoài việc tả cây, cành, lá, hoa, hương hoa, bạn ấy nên tả những nụ hồng, bởi vì bên cạnh mỗi bông hồng đã nở, thường có nhiều nụ hồng./,...).

– GV nói thêm: Ở lớp 4, sang học kì II, các em được học cách viết bài văn miêu tả cây cối. Lúc đó, các em hãy học tập hoặc tham khảo cách tả cây của bạn nhỏ trong câu chuyện này nhé.

Câu 5. *Em học được điều gì về cách viết văn miêu tả sau khi đọc câu chuyện trên?*

– HS trao đổi ý kiến trong nhóm. Các nhóm tập hợp ý kiến của các bạn trong nhóm để trình bày trước lớp.

– GV nhận xét các ý kiến của HS.

4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện:

– Làm việc chung cả lớp (3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– Làm việc cá nhân, tự đọc toàn bài.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ ĐỘNG TỪ

1. Tìm động từ trong ngoặc đơn thay cho bông hoa.

– GV nêu yêu cầu của bài tập 1, hướng dẫn HS làm bài:

+ Làm lần lượt bài a rồi đến bài b.

+ Đọc từ ngữ cho sẵn dưới mỗi đoạn văn.

+ Đọc đoạn văn.

+ Lựa chọn động từ phù hợp thay cho mỗi bông hoa trong từng đoạn.

– HS làm bài cá nhân hoặc theo cặp.

– GV có thể làm mẫu 1 từ để HS nắm được phương pháp (thử đặt từ vào vị trí từng bông hoa để biết từ đó thích hợp với bông hoa ở vị trí nào trong đoạn).

– HS chữa bài. GV mời HS đọc lại câu văn trong đoạn để xác định động từ tìm được có phù hợp hay không.

– GV mời 2 HS đọc toàn bộ 2 đoạn văn sau khi hoàn thành.

Đáp án:

+ Đoạn 1: vỗ – gáy – gáy – kêu – vọng.

+ Đoạn 2: hót – kêu – hót – nhảy – tìm.

GV động viên HS: Các em còn được luyện tập nhiều về động từ, sẽ ngày càng hiểu rõ và sử dụng thành thạo hơn từ loại này.

2. Tìm động từ phù hợp với hoạt động được thể hiện trong tranh.

– GV mời 1 – 2 HS đọc câu lệnh của bài tập 2.

– GV có thể để HS tự thực hiện yêu cầu của bài tập 2, không cần giải thích gì thêm (vì đã có tranh minh hoạ), hoặc GV hướng dẫn HS cách thực hiện: Quan sát kĩ từng bức tranh để dựa vào đó, suy đoán người hoặc vật trong tranh đang làm gì để tìm động từ phù hợp. Có thể làm mẫu bằng cách GV nêu câu hỏi và mời HS trả lời dựa vào 1 tranh. VD:

+ Tranh 1 vẽ gì? (Người leo núi./ Hoạt động thuộc môn thể thao leo núi./,…)

+ Người được vẽ trong tranh đang làm gì? (leo núi/ chống gậy/ đi trên dốc núi/,…)

+ Động từ chỉ hoạt động trong từ ngữ tìm được dựa vào hoạt động được vẽ trong tranh: leo, trèo, chống, đi,…

– HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm để đối chiếu kết quả. GV có thể nhắc HS: Với mỗi tranh, các em có thể tìm ra những từ ngữ khác nhau, miễn là những từ ngữ đó phù hợp với hoạt động được thể hiện trong tranh.

– Đại diện nhóm trình bày kết quả. GV và cả lớp nhận xét. HS có thể đưa ra nhiều từ ngữ khác nhau, VD:

Tranh	Các động từ
1	– đi, leo (núi), trèo (đèo), vượt (dốc),…
2	– cắm (lều, trại), dựng (lều vải),…
3	– câu (cá), giật (cần câu),…
4	– bay, lượn, dang (cánh), vỗ (cánh),…
5	– bơi, lặn, khám phá (đại dương),…

– GV có thể giúp HS phân biệt từ (động từ) với cụm từ (cụm động từ), VD: trèo – trèo đèo,…

3. Ghi lại các động từ chỉ hoạt động di chuyển tìm được ở bài tập 2 và đặt câu với các từ đó.

– GV nêu yêu cầu của bài tập 3, yêu cầu HS làm việc cá nhân (viết từ ngữ mình tìm được ra vở/ giấy nháp/ phiếu học tập,…) trước khi đối chiếu và thống nhất kết quả trong nhóm hoặc trước lớp.

– GV nêu thời gian thực hiện yêu cầu của bài tập 3.

– GV tổ chức chữa bài chung cả lớp.

+ HS nối tiếp nhau nêu động từ chỉ sự di chuyển (dựa vào bài tập 2), VD: đi (bộ), leo (núi), trèo (đèo), vượt (dốc/ núi), bay, lượn, bơi, lặn;…

+ HS nối tiếp nhau đặt câu chứa động từ chỉ hoạt động di chuyển, VD: Vận động viên đang leo núi./ Du khách đang vượt dốc núi./,…

– GV có thể yêu cầu HS tìm thêm các động từ chỉ sự di chuyển khác, VD: đi, chạy, nhảy, bơi, lội, bước,...

– GV hỏi HS về nội dung tiết học và nhận xét kết quả học tập của HS trong tiết học.

TIẾT 3

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN THUẬT LẠI SỰ VIỆC

Đề bài: Viết bài văn thuật lại một hoạt động trải nghiệm em đã tham gia và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của em về hoạt động đó.

1. HS chuẩn bị.

– GV mời HS đọc lại đề bài.

– GV nhắc HS:

+ Đọc lại dàn ý đã lập (có thể điều chỉnh dàn ý cho bài văn hay hơn).

+ Viết bài dựa vào dàn ý (đảm bảo bài văn có đủ 3 phần).

+ Sự việc cần thuật lại theo trình tự hợp lí, trong đó mỗi hoạt động cần nêu cụ thể thời gian, địa điểm, người tham gia, kết quả,...

+ Chú ý đảm bảo thời gian viết bài và đọc soát bài văn.

2. HS viết bài văn.

– HS làm việc cá nhân, viết bài.

– GV quan sát HS, có thể hỗ trợ khi HS đề đạt yêu cầu hoặc hỗ trợ những em có những hạn chế về kĩ năng viết. GV ghi chép nhận xét bài làm của từng HS hoặc một số HS.

3. HS đọc soát bài viết.

– HS đọc lại bài, tự rà soát, phát hiện lỗi theo hướng dẫn của SHS.

– HS sửa lỗi hoặc ghi chép lỗi cần sửa.

4. HS nghe GV nhận xét bài làm.

– HS nghe GV nhận xét chung bài làm của cả lớp, nghe đọc bài hoặc đoạn văn viết hay.

– HS đọc soát bài của nhau, giúp nhau phát hiện và sửa lỗi (nếu có).

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng (*Viết vào vở hoặc sổ tay các từ ngữ chỉ những việc mà em làm trong ngày. Đánh dấu những động từ*). GV nhắc HS dựa vào mẫu trong SHS để phân biệt từ (động từ) với cụm từ (cụm động từ).

CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính ở Bài 11:

+ Đọc – hiểu: *Tập làm văn*.

+ Luyện tập và câu: Luyện tập về động từ.

+ Viết: Viết bài văn thuật lại một sự việc.

– GV có thể hỏi HS về những nội dung cụ thể đã học ở Bài 11.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn HS đọc trước Bài 12.

Bài 12 NHÀ PHÁT MINH 6 TUỔI (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Nhà phát minh 6 tuổi*. Biết đọc lời người dẫn chuyện, lời của nhân vật trong câu chuyện (cha của Ma-ri-a) với giọng điệu phù hợp.

b. Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua điệu bộ, hành động, suy nghĩ, lời nói. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Những trải nghiệm và khám phá sẽ đem lại niềm vui cho mỗi người.

c. Đọc mở rộng theo yêu cầu (đọc bài thơ, bài văn viết về trải nghiệm trong cuộc sống), biết ghi vào phiếu đọc sách các thông tin về bài đọc, biết trao đổi với bạn về một trải nghiệm thú vị của mình với người thân.

2. Tìm hiểu cách viết bài văn kể lại một câu chuyện.

3. Biết chia sẻ suy nghĩ, nhận thức về những hoạt động trải nghiệm, khám phá trong cuộc sống. Biết thể hiện sự trân trọng, niềm vui đối với những trải nghiệm, khám phá.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Văn bản tự sự (trình tự các sự việc, nhân vật, ngoại hình, tính cách, hành động,... của nhân vật); cách viết bài văn kể lại câu chuyện (chọn sự việc, lập dàn ý, cách viết,...).

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ câu chuyện *Nhà phát minh 6 tuổi;* sưu tầm bài thơ, bài văn viết về trải nghiệm trong cuộc sống (trải nghiệm cùng gia đình: đi du lịch, về quê; trải nghiệm ở trường học: học tập, vui chơi, đi thư viện, làm kế hoạch nhỏ, trồng cây,...).

– Từ điển tiếng Việt.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 HS đọc nối tiếp bài *Tập làm văn* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác).

ĐỌC

1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ:

+ Làm việc theo nhóm: *Chia sẻ với bạn câu chuyện về thời niên thiếu của một nhà bác học mà em đã được đọc hoặc được nghe kể*. GV khích lệ HS nói được suy nghĩ riêng của mình.

+ HS làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng.

+ HS (2 – 3 em) đại diện cho nhóm chia sẻ với bạn câu chuyện về những thần đồng hoặc thời niên thiếu của những nhà bác học mà em đã được đọc hoặc được nghe kể.

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV và HS nhận xét, góp ý.

– GV dẫn sang bài đọc *Nhà phát minh 6 tuổi* (VD: Vừa rồi các em đã chia sẻ với bạn câu chuyện về thời niên thiếu của những nhà bác học. Bài đọc *Nhà phát minh 6 tuổi* sẽ cho các em biết thêm một câu chuyện thú vị về thời niên thiếu của nhà bác học Ma-ri-a. Sau đây, chúng ta cùng tìm hiểu câu chuyện nhé!).

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài, đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện những tình tiết quan trọng thể hiện rõ suy nghĩ, cảm xúc của các nhân vật trong câu chuyện, đặc biệt là cô bé Ma-ri-a, nhân vật chính trong câu chuyện (VD: *Cô bé rất thích quan sát.*; *Ma-ri-a nghĩ mãi mà vẫn không hiểu vì sao.*; ...). GV có thể mời 2 em đọc nối tiếp các đoạn (hoặc mời 3 HS, mỗi HS đọc 1 đoạn).

– GV hướng dẫn HS đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *Ma-ri-a, trượt trong đĩa, rớt ra đĩa,...*

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Nhưng khi nước trà rớt ra đĩa/ thì những tách trà kia/ bỗng nhiên dừng chuyển động,/ cứ như bị cái gì đó ngăn lại.*; *Ông nâng bổng cô con gái nhỏ lên vai,/ đi thẳng ra phòng khách,/ hân hoan nói/: "Đây sẽ là giáo sư đời thứ bảy của gia tộc tôi!"*;...

+ Đọc nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện hành động, suy nghĩ, cảm xúc,... của nhân vật: *Ma-ri-a nghĩ mãi mà vẫn không hiểu vì sao.*; *Thế là cô lăng lẽ rời khỏi phòng khách.*; *Cha cô hết sức vui mừng. Ông nâng bổng cô con gái nhỏ lên vai, đi thẳng ra phòng khách, hân hoan nói: "Đây sẽ là giáo sư đời thứ bảy của gia tộc tôi!"*;...

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– HS làm việc theo cặp, mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

– GV hướng dẫn HS đọc từ ngữ được chú thích trong SHS và nêu thêm những từ ngữ còn khó hiểu. GV hướng dẫn HS tra từ điển. VD:

+ *Giáo sư*: chức danh khoa học cao nhất ở trường đại học, viện nghiên cứu,...

+ *Thí nghiệm*: tạo ra một hiện tượng, một sự biến đổi nào đó trong điều kiện xác định để nghiên cứu, kiểm tra hay chứng minh.

+ *Gia nhân*: Người giúp việc theo cách gọi thời xưa.

– GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ, yêu cầu nêu trong SHS (cuối bài đọc).

Câu 1. *Điều lạ mà cô bé Ma-ri-a quan sát được khi gia nhân bưng trà lên là gì?*

– GV nêu câu hỏi (hoặc cho HS đọc lại câu hỏi).

– GV hướng dẫn HS trả lời:

+ GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm (2 em/ nhóm) để tìm câu trả lời.

+ Đại diện một số nhóm nêu câu trả lời trước lớp.

– GV và HS nhận xét, góp ý và thống nhất câu trả lời (VD: Điều lạ mà cô bé Ma-ri-a quan sát được khi gia nhân bưng trà lên là: tách đựng trà thoạt đầu trượt trong đĩa. Nhưng khi nước trà rớt ra đĩa thì những tách trà đó bỗng nhiên dừng chuyển động.).

Câu 2. *Tìm trong bài đọc các thông tin về việc làm thí nghiệm của Ma-ri-a.*

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp.

– GV hướng dẫn HS cách làm việc nhóm:

Cách 1: Mỗi em tìm hiểu một loại thông tin về cuộc thí nghiệm của Ma-ri-a (địa điểm, dụng cụ, mục đích) rồi phát biểu trong nhóm; các bạn nhận xét, bổ sung.

Cách 2: Cả nhóm cùng nhau tìm hiểu các thông tin về cuộc thí nghiệm của Ma-ri-a (địa điểm, dụng cụ, mục đích).

TT	Địa điểm, dụng cụ, mục đích làm thí nghiệm
1	Địa điểm làm thí nghiệm: bếp
2	Dụng cụ làm thí nghiệm: bộ đồ trà
3	Mục đích làm thí nghiệm: để lí giải hiện tượng tại sao khi nước trà rớt ra đĩa thì những tách trà bỗng nhiên dừng chuyển động.

+ HS có thể ghi vắn tắt kết quả thảo luận vào vở, phiếu bài tập hoặc giấy nháp.

+ Đại diện một số nhóm phát biểu trước lớp; GV và cả lớp nhận xét.

Câu 3. *Câu trả lời Ma-ri-a tìm được sau khi làm thí nghiệm là gì?*

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp.

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS suy nghĩ cá nhân, chuẩn bị câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm (lần lượt từng em nêu ý kiến đã chuẩn bị), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– HS thực hiện các bước theo chỉ dẫn.

+ GV và cả lớp nhận xét, thống nhất câu trả lời. (Đáp án: Khi giữa tách trà và đĩa có một chút nước thì tách trà sẽ đứng yên.)

Câu 4. *Câu nói của người cha: "Đây sẽ là giáo sư đời thứ bảy của gia tộc tôi!" thể hiện điều gì?*

– GV nêu câu hỏi hoặc nhắc HS tự đọc câu hỏi và tìm câu trả lời.

– HS suy nghĩ, tìm câu trả lời của mình, sau đó trao đổi trong nhóm, đại diện nhóm phát biểu trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, thống nhất câu trả lời. GV lưu ý đây là câu hỏi khích lệ HS phát biểu theo suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân. Các em có thể đưa ra nhiều ý kiến khác nhau (chẳng hạn: đây là câu khen ngợi Ma-ri-a của người cha; đây là câu nói người cha đánh giá cao khả năng nghiên cứu của Ma-ri-a; đây là câu dự đoán của người cha về cô con gái giỏi giang của mình có khả năng phát huy truyền thống của gia tộc,...), GV cần giúp các em hiểu được ý nghĩa câu nói của người cha về Ma-ri-a là câu nói đầy tự hào của người cha về cô con gái giỏi giang của mình.

– GV khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến, thể hiện suy nghĩ riêng của mình.

Câu 5. *Nêu cảm nghĩ của em về nhân vật Ma-ri-a.*

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp.

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến để phát biểu trong nhóm và trước lớp.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp, nói cảm nghĩ của mình về nhân vật Ma-ri-a.

– GV và cả lớp nhận xét, bổ sung ý kiến và thống nhất đáp án. GV lưu ý đây là câu hỏi khích lệ HS phát biểu suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân. Các em có thể đưa ra nhiều ý kiến khác nhau (VD: Tớ rất thích nhân vật Ma-ri-a vì cô ấy là người say mê nghiên cứu khoa học.; Tớ rất thích Ma-ri-a vì Ma-ri-a có nhiều điểm giống tớ: thích quan sát, thích chia sẻ với bố,...).

4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện:

– Làm việc chung cả lớp (3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– HS đọc theo cặp hoặc nhóm (3 em/ nhóm), góp ý trong nhóm.

5. Luyện tập theo văn bản đọc

– HS đọc yêu cầu trong SHS, trao đổi/ thảo luận theo nhóm để thực hiện yêu cầu của bài tập (có thể sử dụng phiếu bài tập để ghi kết quả).

– Đại diện một số nhóm HS trình bày trước lớp.

– GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp, thống nhất đáp án.

Câu 1. *Tìm trong bài đọc* ***Nhà phát minh 6 tuổi*** *những từ có chứa tiếng "gia", nêu nghĩa của những từ đó.*

Đáp án: Những từ có chứa tiếng "gia" có trong bài ***Nhà phát minh 6 tuổi*** là: *gia đình, gia tộc, gia nhân.*

Nghĩa của từng từ đó như sau:

+ *Gia đình*: là tập hợp người sống chung và gắn bó với nhau bằng quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống.

+ *Gia nhân*: (xem giải nghĩa ở trang 99, SGV).

+ *Gia tộc*: tập hợp nhiều gia đình có cùng huyết thống.

Câu 2. Chuyển câu sử dụng *dấu ngoặc kép* thành câu sử dụng *dấu gạch ngang*.

Đáp án:

Ông nâng bổng cô con gái nhỏ lên vai, đi thẳng ra phòng khách, hân hoan nói:

– Đây sẽ là giáo sư đời thứ bảy của gia tộc tôi!

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CÂU CHUYỆN

1. Đọc bài văn dưới đây và thực hiện yêu cầu.

– GV nêu khái quát mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập: Bài tập 1 giúp HS tìm hiểu cấu trúc và nội dung của một bài văn kể lại câu chuyện.

– GV hướng dẫn HS làm việc:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, đọc bài văn và các câu hỏi, chuẩn bị câu trả lời để trao đổi trong nhóm.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm, trao đổi ý kiến để thống nhất câu trả lời cho các câu hỏi.

+ Bước 3: Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu trước lớp.

– HS làm theo hướng dẫn của GV. (GV giải thích một số từ ngữ trong câu hỏi c: *Bối cảnh* là hoàn cảnh xung quanh nhân vật trong câu chuyện, như địa điểm, thời gian...; *Diễn biến* là sự việc xảy ra như thế nào, nhân vật có hành động, cảm xúc gì.)

– GV và HS thống nhất đáp án.

Đáp án:

a. Mở bài: đoạn đầu tiên của bài văn; thân bài: 3 đoạn tiếp theo; kết bài: đoạn cuối.

Nội dung chính của từng phần:

Mở bài: Giới thiệu về câu chuyện (tên câu chuyện, lí do biết câu chuyện hoặc nêu ấn tượng về câu chuyện,...).

Thân bài: Kể lại câu chuyện theo trình tự diễn ra các sự việc (chú ý bối cảnh và diễn biến của sự việc).

Kết bài: Nêu suy nghĩ, cảm xúc về câu chuyện, mong muốn sau khi đọc câu chuyện hoặc bài học rút ra từ câu chuyện.

b. *Dựa vào câu chuyện được kể trong phần thân bài, nối tiếp diễn biến của các sự việc.*

Sự việc 1 – Bối cảnh: Khi mẹ Lọ Lem mất. – Diễn biến: Bố Lọ Lem lấy vợ mới. Người vợ mới có hai cô con gái riêng.	**Sự việc 2** – Bối cảnh: Khi bố Lọ Lem qua đời. – Diễn biến: Lọ Lem sống rất khổ cực.	**Sự việc 3** – Bối cảnh: Khi vua tổ chức vũ hội. – Diễn biến: Mẹ kế và hai cô con gái đi dự hội, bắt Lọ Lem ở nhà nhặt đậu lẫn trong đống tro khiến Lọ Lem khóc nức nở.
Sự việc 4 – Bối cảnh: Khi Lọ Lem khóc vì không được đi dự hội. – Diễn biến: + Bà tiên xuất hiện giúp cô nhặt đậu, hoá phép cho cô váy dạ hội cùng đôi giày thuỷ tinh tuyệt đẹp để Lọ Lem đi dự hội. Bà tiên còn biến quả bí ngô thành cỗ xe ngựa đưa Lọ Lem đi dự hội. + Bà tiên dặn Lọ Lem về trước 12 giờ đêm vì phép thuật sẽ tan biến sau 12 giờ.	**Sự việc 5** – Bối cảnh: Khi Lọ Lem đi dự hội. – Diễn biến: + Hoàng tử chỉ khiêu vũ với một mình Lọ Lem vì Lọ Lem xinh đẹp. + Đến 12 giờ đêm, vì vội về, Lọ Lem đánh rơi một chiếc giày.	**Sự việc 6** – Bối cảnh: Khi Hoàng tử sai người đi tìm chủ nhân của chiếc giày. – Diễn biến: + Hai cô chị con của người mẹ kế thử giày nhưng không vừa. + Lọ Lem thử thì vừa như in. + Hoàng tử đón Lọ Lem về cung, sống hạnh phúc suốt đời.

c. Trong bài văn, câu chuyện được kể lại theo sự việc diễn ra trong câu chuyện.

d. Những từ ngữ in đậm trong bài văn có tác dụng dẫn dắt, đánh dấu các sự việc theo trình tự diễn ra trong câu chuyện (*chuyện kể rằng*: dẫn dắt, đánh dấu sự việc xảy ra ở đầu câu chuyện; *không lâu sau, thế rồi*: dẫn dắt, đánh dấu các sự việc xảy ra tiếp theo; *từ đó* (hoặc cuối cùng): dẫn dắt, đánh dấu sự việc xảy ra ở cuối câu chuyện, là kết quả của câu chuyện). Ngoài ra, các từ ngữ in đậm còn có tác dụng kết nối (liên kết) các sự việc, để câu chuyện được kể một cách logic, rành mạch.

2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài văn kể lại một câu chuyện.

– GV hướng dẫn HS cách chuẩn bị ý kiến để trao đổi: Đọc hoặc nhớ lại các câu trả lời ở bài tập 1, tìm thêm những điểm cần lưu ý, cần biết, cần thể hiện trong bài văn kể chuyện.

– HS trao đổi nhóm theo hướng dẫn của GV.

– Đại diện các nhóm phát biểu ý kiến.

– GV có thể chốt các ý HS cần nhớ khi viết bài văn kể lại câu chuyện.

+ Bố cục của bài văn có ba phần (mở bài, thân bài, kết bài).

+ Trình tự của các sự việc theo thời gian.

+ Từ ngữ dẫn dắt và kết nối các sự việc: Cần có những từ ngữ dẫn dắt, kết nối các sự việc trong câu chuyện, để câu chuyện được kể một cách logic, mạch lạc.

– GV yêu cầu HS đọc lại phần Ghi nhớ trong SHS hoặc trình chiếu phần ghi nhớ lên bảng để HS đọc lại.

TIẾT 4

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc bài thơ, bài văn viết về những trải nghiệm trong cuộc sống.

GV hướng dẫn HS lựa chọn một bài thơ, bài văn viết về một trải nghiệm nào đó (VD: trải nghiệm cùng gia đình: đi du lịch, về quê; trải nghiệm ở trường học: học tập, vui chơi, đi thư viện, làm kế hoạch nhỏ, trồng cây,...). Có thể nói rõ tại sao mình chọn đọc câu chuyện đó (câu chuyện có ý nghĩa gì với em).

2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

– HS viết phiếu đọc sách theo mẫu.

– GV tổ chức cho HS trao đổi trong nhóm hoặc chia sẻ trước lớp những nội dung cần ghi trong phiếu đọc sách về trải nghiệm được nói đến trong bài thơ, bài văn mà em đã đọc, (VD: Trải nghiệm trong cuộc sống được nhắc đến là gì? Suy nghĩ của em về trải nghiệm. Em đã có trải nghiệm này chưa? Cùng với ai?...).

– GV và HS nhận xét, góp ý.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3. Trao đổi với bạn về một điều thú vị trong bài thơ, bài văn mà em đã đọc.

– GV có thể tổ chức cho HS trao đổi trong nhóm hoặc chia sẻ trước lớp về một điều thú vị trong bài thơ, bài văn các em đã đọc (VD: Điều thú vị đó là gì? Điều đó diễn ra ở đâu? Điều thú vị đó mang lại cho em cảm xúc gì?,...).

– HS phát biểu, chia sẻ thông tin trước lớp.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: Sưu tầm thêm những câu chuyện về các thần đồng hoặc nhà bác học nổi tiếng trên thế giới và ở Việt Nam rồi ghi chép lại. HS có thể nêu cảm xúc, suy nghĩ của mình về các nhân vật đó.

CỦNG CỐ

– GV nhận xét kết quả học tập của buổi học. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực.

– Dặn HS ôn Bài 12 và đọc trước Bài 13.

TUẦN 7

Bài 13 CON VẸT XANH (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Con vẹt xanh*. Biết đọc diễn cảm các đoạn hội thoại phù hợp với tâm lí, cảm xúc của nhân vật.

   b. Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Cần biết nói năng lễ phép với người lớn và biết sửa lỗi khi mắc lỗi.
2. Luyện tập về động từ, nhận diện một số động từ theo đặc điểm về nghĩa.
3. Biết viết mở bài trực tiếp, mở bài gián tiếp; kết bài mở rộng và kết bài không mở rộng cho bài văn kể lại một câu chuyện.
4. Biết yêu thương và bảo vệ động vật; biết cách giao tiếp với người hơn tuổi một cách lịch sự, lễ phép; biết nhận lỗi và sửa lỗi khi mắc lỗi.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản tự sự (địa điểm, thời gian, trình tự các sự việc, suy nghĩ, hành động và lời nói của nhân vật).

– Từ loại (động từ).

– Cấu trúc bài văn kể chuyện.

2. Phương tiện dạy học

Tranh minh hoạ câu chuyện *Con vẹt xanh*, tranh ảnh minh hoạ bài tập phần Luyện từ và câu.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

ÔN BÀI CŨ

GV có thể chọn một hoạt động để ôn tập bài cũ, VD: Nêu tên bài đọc trước và chi tiết em thích nhất trong bài đọc đó.

ĐỌC

1. Khởi động

– GV mời 1 HS nêu yêu cầu của phần Khởi động (*Trao đổi với bạn một điều thú vị mà em biết về thế giới loài vật.*). GV gợi ý: đó có thể là một điều thú vị về đặc điểm hình thức, hoạt động hoặc khả năng, cuộc sống,... của con vật.

– GV giao nhiệm vụ:

+ HS làm việc theo nhóm, từng cá nhân nêu ý kiến của mình. Các HS khác góp ý, hoặc đặt câu hỏi để làm rõ hơn về điều thú vị đang được nói đến. (VD: con dơi mặc dù biết bay nhưng là thú chứ không phải chim; vẹt có thể bắt chước tiếng người; loài vật chạy nhanh nhất thế giới là báo;...).

+ 2 – 3 HS phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV khen ngợi những HS trình bày rõ ràng, tự tin và hấp dẫn.

– GV mời HS quan sát và nêu nội dung tranh minh hoạ bài đọc (VD: Tranh vẽ khung cảnh một khu vườn. Một cậu bé đang ngồi ở bàn chơi với một chú vẹt màu xanh. Có lẽ cậu bé đang cho chú vẹt ăn. Miệng cậu bé hơi he hé, giống như đang nói chuyện với vẹt. Cậu bé có lẽ rất yêu chú vẹt.).

– GV giới thiệu khái quát bài đọc *Con vẹt xanh* (VD: Hôm nay các em sẽ luyện đọc bài đọc *Con vẹt xanh*. Các em sẽ đọc kĩ để hiểu bạn nhỏ trong câu chuyện đã gặp những bất ngờ gì khi chăm sóc chú vẹt.).

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài, đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trong các câu hội thoại. VD: *Vẹt <u>à</u>, dạ!; <u>Giỏi lắm</u>; <u>Cái gì</u>?;...*

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng giọng đọc của nhân vật ở các lời thoại. VD:

• Giọng thân thiết, tình cảm: *Vẹt à, dạ!*

• Giọng vui vẻ, động viên: *Giỏi lắm!*

• Giọng phụng phịu, dỗi dằn: *Cái gì? Kêu chi kêu hoài!* (lời của Tú)

• Giọng cao, đột ngột: *Cái gì?* (lời vẹt)

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *nhỏ, cẩn thận, nói, nhảy nhót, há mỏ, nựng, lông cổ, giỏi lắm, trả lời, cực khổ, sửng sốt, lặng thinh, lễ phép,...*).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Vẹt mỗi ngày một lớn,/ lông xanh óng ả,/ biết huýt sáo lảnh lót/ nhưng vẫn không nói tiếng nào.; Tú hối hận quá,/ chỉ mong anh gọi/ để Tú "dạ" một tiếng thật to,/ thật lễ phép; Con vẹt nhìn Tú,/ dường như cũng biết lỗi/ nên xù lông cổ,/ rụt đầu,/ gù một cái/ nghe như tiếng: "Dạ!";...*

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp (đoạn 1: từ đầu đến *Giỏi lắm!;* đoạn 2: tiếp theo đến *Ngờ đâu một giọng the thé gắt lại: "Cái gì?";* đoạn 3: phần còn lại).

– HS làm việc nhóm (3 HS/ nhóm): Mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 3 đoạn), đọc nối tiếp 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ, yêu cầu nêu trong SHS (cuối bài đọc).

Câu 1. *Tú đã làm gì khi thấy con vẹt bị thương trong vườn nhà?*

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời, sau đó trao đổi theo cặp để thống nhất câu trả lời.

– Một số HS phát biểu ý kiến.

– GV khen ngợi HS trả lời rõ ràng, lưu loát.

– HS và GV thống nhất đáp án.

Đáp án: Tú đã chăm sóc nó rất cẩn thận.

Câu 2. *Những chi tiết nào cho thấy Tú yêu thương vẹt?*

– GV nêu câu hỏi (hoặc nhắc HS đọc câu hỏi).

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc lướt lại văn bản, tìm các chi tiết thể hiện tình cảm của Tú dành cho vẹt. GV lưu ý HS: các chi tiết có thể là nói về hoạt động, cảm xúc, hoặc các lời thoại. HS trao đổi ý kiến trong nhóm và thống nhất câu trả lời.

– Một số HS phát biểu trước lớp. GV chốt đáp án.

Đáp án: Tình cảm yêu thương Tú dành cho vẹt thể hiện qua các hoạt động và lời nói như:

+ Hoạt động: Tú chăm sóc vẹt rất cẩn thận, Tú chạy đến bên vẹt ngay khi đi học về, Tú cho vẹt ăn và nựng vẹt như nựng trẻ con.

+ Lời nói: "Vẹt à" (giọng tình cảm, thân thiết).

Câu 3. *Nêu tâm trạng, cảm xúc của Tú trong mỗi tình huống (Nghe anh trai nói vẹt có thể bắt chước tiếng người.; Lần đầu tiên nghe vẹt bắt chước tiếng mình.; Nghe thấy vẹt bắt chước những lời mình nói trống không với anh.).*

– GV mời 1 HS đọc to câu hỏi và các tình huống. Cả lớp đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, đọc thầm lại văn bản để tìm các chi tiết tương ứng với các tình huống đã cho. HS tìm các từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của Tú trong mỗi tình huống đó để chuẩn bị câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm (lần lượt từng em nêu ý kiến đã chuẩn bị), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời. GV nhắc HS chú ý sự thay đổi tâm trạng, cảm xúc của Tú qua các tình huống.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV chốt đáp án.

Đáp án:

– Khi nghe anh trai nói vẹt có thể bắt chước tiếng người: Tú rất háo hức

– Lần đầu tiên nghe vẹt bắt chước tiếng mình: Tú rất sung sướng

– Nghe thấy vẹt bắt chước những lời mình nói trống không với anh trai: Tú sửng sốt, ân hận.

Câu 4. *Đoạn kết của câu chuyện cho biết Tú đã nhận ra điều gì và sẽ thay đổi như thế nào?*

– GV nêu câu hỏi hoặc nhắc HS tự đọc câu hỏi để tìm câu trả lời.

– GV hướng dẫn HS đọc kĩ đoạn kết của câu chuyện.

– HS trao đổi trong nhóm và thống nhất đáp án.

– 2 – 3 đại diện HS phát biểu trước lớp.

– GV khen ngợi những HS có ý kiến hay, trình bày rõ ràng, rành mạch.

Đáp án: Tú đã nhận ra mình thường nói trống không với anh trai nên rất hối hận về điều đó. Hành động Tú chỉ mong anh gọi để "Dạ" một tiếng thật lễ phép cho biết Tú sẽ thay đổi, nói năng lễ phép và kính trọng anh trong những lần sau.

Câu 5. *Sắp xếp các câu trong SHS thành đoạn văn tóm tắt nội dung câu chuyện* ***Con vẹt xanh.***

– Tiếp nối hoạt động hướng dẫn HS cách tóm tắt một câu chuyện ở Bài 7. *Những bức chân dung*, đây cũng là một hoạt động hướng dẫn HS tóm tắt một câu chuyện. GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, đọc thầm lại văn bản, sau đó đọc kĩ các câu đã cho trước để tìm trật tự sắp xếp phù hợp. HS suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến để phát biểu trong nhóm và trước lớp.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp, phát biểu ý kiến của mình, tranh luận/ trao đổi để thống nhất đáp án.

– 2 – 3 HS đọc đoạn văn tóm tắt câu chuyện *Con vẹt xanh.*

– GV khen ngợi những HS làm đúng, phát biểu rõ ràng, đọc diễn cảm.

Đáp án: d – a – c – b

4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện:

– Làm việc chung cả lớp (3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– HS đọc theo cặp hoặc nhóm (3 em/ nhóm), góp ý trong nhóm.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ ĐỘNG TỪ

GV lưu ý: Động từ là các từ chỉ hoạt động, trạng thái. Tuy nhiên, với mục tiêu không dạy các kiến thức về từ và câu một cách hàn lâm, sách *Tiếng Việt 4 Kết nối tri thức với cuộc sống* không đặt ra vấn đề phân biệt giữa hai nhóm động từ này. Vì thế, tất cả các nhóm động từ trong sách đều chỉ có tên chung là "động từ". Trong tiết học này, thực tế HS sẽ được học về nhóm động từ chỉ trạng thái. Đây là các động từ chỉ trạng thái tâm lí (thể hiện tình cảm, cảm xúc,... như *yêu, thương, ghét, giận,...*), chỉ trạng thái sinh lí của cơ thể (như *đau, ốm, sốt, viêm,...*). GV có thể giới thiệu với HS về nhóm động từ chỉ trạng thái, nhưng không đặt ra yêu cầu các em phải phân biệt động từ chỉ trạng thái và động từ chỉ hoạt động. Các bài tập trong SHS sẽ giúp các em hiểu hơn về nhóm động từ này.

1. Tìm các động từ theo mẫu.

– GV mời 1 HS đọc câu lệnh ở bài tập 1 và các tiếng cho trước.

– GV hướng dẫn cách thực hiện: HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi theo cặp hoặc nhóm để đối chiếu kết quả.

– GV có thể viết đáp án lên bảng. VD:

a. Chứa tiếng "yêu": yêu quý, yêu thương, yêu mến, kính yêu, thương yêu, yêu thích,...

b. Chứa tiếng "thương": thương yêu, thương mến, thương nhớ,...

c. Chứa tiếng "nhớ": nhớ thương, nhớ mong, nhớ nhung,...

d. Chứa tiếng "tiếc": tiếc nuối, tiếc thương,...

2. Tìm các động từ thể hiện tình cảm, cảm xúc thay cho bông hoa (mỗi từ chỉ dùng một lần).

– GV nêu yêu cầu (hoặc mời 1 HS đọc yêu cầu) của bài tập 2.

– GV hướng dẫn HS làm việc trong nhóm: HS chuẩn bị câu trả lời của mình và nêu trong nhóm. Các HS khác góp ý, nhận xét. *Lưu ý*: với mỗi bông hoa, HS có thể đưa ra nhiều đáp án, miễn là phù hợp.

– Đại diện 1 – 2 nhóm phát biểu trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án.

Đáp án gợi ý:

Mẹ ơi!

Con **nhớ** mẹ quá! Sao mẹ đi công tác lâu thế? Tối nào em Chi cũng khóc đòi mẹ. Con **thương** em lắm. Chúng con rất mong mẹ về.

Hôm nay, con vừa giành được giải Nhất cuộc thi cờ vua mẹ ạ. Ai cũng **khâm phục** con. Còn con, con rất **biết ơn** bác Dũng đã dạy con học cờ. Thế mà hồi xưa khi mới học cờ, con **chán** môn này thế. Con còn **dỗi** mẹ vì mẹ cứ thuyết phục con học. Bây giờ thì con **thích** cờ vua lắm.

Mai con lại nhắn tin tiếp cho mẹ nhé. Con **yêu** mẹ!

Con gái

3. Sử dụng động từ để đặt câu phù hợp với tranh.

– GV mời 1 HS đọc to yêu cầu.

– GV hướng dẫn HS làm việc trong nhóm.

+ HS làm việc cá nhân, quan sát kĩ các tranh và chọn từ phù hợp với trạng thái của người trong tranh để đặt câu. *Lưu ý*: Có thể sử dụng nhiều hơn 1 động từ cho 1 tranh. HS nói trong nhóm hoặc viết câu ra vở hoặc giấy nháp,..., sau đó đọc kết quả làm việc của mình.

+ Các nhóm trao đổi, bình chọn những câu hay nhất cho mỗi tranh.

– Đại diện 2 – 3 nhóm đọc các câu đã bình chọn trong nhóm.

– Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– GV khen ngợi những câu được đặt đúng, hay. GV khích lệ những HS biết mở rộng câu và dùng được nhiều từ ngữ để miêu tả một tranh.

TIẾT 3

VIẾT

LUYỆN VIẾT MỞ BÀI, KẾT BÀI CHO BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CÂU CHUYỆN

1. Xếp các mở bài vào nhóm thích hợp.

– GV nêu khái quát mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập: Bài tập 1 giúp HS tìm hiểu về các cách viết mở bài. Có hai cách viết mở bài: mở bài trực tiếp và mở bài gián tiếp.

– GV hướng dẫn HS làm việc:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, đọc các đoạn văn và các nhóm mở bài cho trước. HS lưu ý đọc kĩ cách viết mở bài trực tiếp và mở bài gián tiếp trong hai nhóm đã cho. HS chuẩn bị câu trả lời để trao đổi trong nhóm.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm, trao đổi ý kiến để thống nhất đáp án. GV nhắc HS phân tích nội dung trong các đoạn mở bài (VD: đoạn 1 – giới thiệu ngay câu chuyện, đoạn 2 – dẫn dắt từ 1 cuốn sách yêu thích đến giới thiệu câu chuyện cần kể, đoạn 3 – dẫn dắt từ việc kể chuyện của bà đến giới thiệu câu chuyện cần kể), sau đó xếp vào nhóm phù hợp).

+ Bước 3: Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu trước lớp.

– HS làm theo hướng dẫn của GV.

– GV thống nhất đáp án.

Đáp án:

+ Mở bài trực tiếp: Đoạn 1

+ Mở bài gián tiếp: 2 đoạn còn lại.

2. Xác định kiểu kết bài của mỗi đoạn văn.

– GV nêu khái quát mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập: Bài tập 2 giúp HS tìm hiểu về các cách viết kết bài. Có hai cách viết kết bài: kết bài mở rộng và kết bài không mở rộng.

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện giống như bài tập 1. HS làm việc cá nhân, đọc các đoạn kết bài, sau đó đọc kĩ cách viết hai phần kết bài trong hai nhóm cần xếp để tìm câu trả lời. HS làm việc nhóm, phân tích nội dung của từng đoạn kết bài (đoạn 1: nêu cảm xúc của người viết về câu chuyện, đoạn 2: nêu cảm xúc, lí do có cảm xúc, và đánh giá của người viết về câu chuyện; đoạn 3: nêu mong ước, liên tưởng của người viết sau khi nghe câu chuyện) và xếp vào nhóm phù hợp.

– 2 – 3 HS phát biểu trước lớp.

– GV và HS thống nhất đáp án:

+ Kết bài mở rộng: đoạn 2 và đoạn 3

+ Kết bài không mở rộng: đoạn 1

– GV có thể chốt các ý HS cần nhớ khi viết mở bài và kết bài cho bài văn kể lại câu chuyện.

+ Có hai cách viết mở bài: mở bài trực tiếp (giới thiệu ngay câu chuyện) và mở bài gián tiếp (kể chuyện khác để giới thiệu câu chuyện).

+ Có hai cách viết kết bài: kết bài mở rộng (nêu suy nghĩ, cảm xúc,... và các liên tưởng, suy luận của người viết sau khi nghe hoặc đọc câu chuyện), kết bài không mở rộng (nêu suy nghĩ, cảm xúc về câu chuyện).

3. Viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng khác cho bài văn kể lại câu chuyện *Cô bé Lọ Lem.*

– GV nhắc HS đọc lại một lần nữa về cách viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng trước khi bắt đầu viết.

– GV hướng dẫn HS viết từng phần mở bài và kết bài:

+ Viết mở bài:

• GV hướng dẫn HS suy nghĩ về cách dẫn dắt để giới thiệu câu chuyện (nêu bối cảnh nghe, đọc câu chuyện hoặc nêu cảm nghĩ về câu chuyện, nêu một kỉ niệm gắn với câu chuyện,...). HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và viết vào vở hoặc nháp.

• GV bao quát cả lớp, chấm nhanh một số bài và đọc trước lớp những mở bài hay, sáng tạo. GV nhắc nhở HS những lỗi thường gặp khi viết mở bài gián tiếp (viết lan man; chưa giới thiệu được câu chuyện;...).

+ Viết kết bài:

• GV hướng dẫn HS suy nghĩ về cách viết kết bài mở rộng. HS lựa chọn nêu suy nghĩ, cảm xúc hay mong ước, đánh giá,... và các suy luận, liên tưởng về câu chuyện. HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và viết vào vở hoặc nháp.

• GV chấm nhanh một số bài và đọc trước lớp những kết bài mở rộng hay, để lại ấn tượng. GV nhắc nhở HS những lỗi thường gặp khi viết kết bài mở rộng (tiếp tục kể câu chuyện; nêu nhận xét quá cụ thể về một chi tiết trong câu chuyện khiến kết bài quá dài; viết lan man, chưa đúng trọng tâm của kết bài;...).

– GV mời 1 HS đọc to ghi nhớ về bài văn kể lại một câu chuyện. Các HS khác đọc thầm theo. GV mời 1 – 2 HS xung phong nêu lại các nội dung trong ghi nhớ mà không cần nhìn sách. GV khen ngợi các HS thực hiện yêu cầu tốt.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động Vận dụng: *Kể cho người thân nghe câu chuyện **Con vẹt xanh** và chia sẻ với người thân cảm nghĩ của em về câu chuyện*. HS có thể trao đổi với người thân về bài học rút ra từ câu chuyện.

CỦNG CỐ

– Nhắc lại các nội dung HS đã được học:

+ Đọc và tìm hiểu văn bản *Con vẹt xanh*.

+ Luyện từ và câu: Luyện tập về động từ.

+ Tìm hiểu cách viết mở bài và kết bài cho bài văn kể lại một câu chuyện.

– GV dặn HS: Về nhà kể câu chuyện *Con vẹt xanh* cho người thân nghe.

Bài 14 CHÂN TRỜI CUỐI PHỐ (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Chân trời cuối phố*. Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời kể, tả trong bài.

b. Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động và suy nghĩ của nhân vật. Hiểu được điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Cuộc sống xung quanh chúng ta có rất nhiều điều mà chúng ta chưa biết, giống như những chân trời mở ra vô tận. Chỉ cần chúng ta có khát khao khám phá, chúng ta sẽ được trải nghiệm rất nhiều điều thú vị quanh mình.

2. Biết lập dàn ý cho bài văn kể lại một câu chuyện.

3. Nói và nghe về một việc có ích đã làm cùng bạn bè hoặc người thân.

4. Có ý thức quan sát, chú ý đến những sự việc xảy ra quanh mình; có mong muốn trải nghiệm và khám phá thế giới xung quanh.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản tự sự (hình ảnh, chi tiết, nhân vật).

– Dàn ý cho bài văn kể chuyện.

2. Phương tiện dạy học

Tranh ảnh minh hoạ bài đọc *Chân trời cuối phố* và tranh cho phần câu hỏi đọc hiểu.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ĐỌC

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ:

+ Làm việc theo nhóm: Đọc to câu hỏi khởi động và thảo luận (*Nói về lần đầu tiên em được đến một nơi nào đó (lần đầu ra biển, lần đầu đến thư viện, lần đầu ra chợ cùng mẹ,...). Chia sẻ cảm xúc của em khi đó.*). GV nói thêm: "một nơi nào đó" không cần phải là một nơi rất lớn, rất xa (rừng, biển,...), mà có thể chỉ là một khu vực gần gũi với các em (công viên, khu vui chơi giải trí, thư viện, rạp chiếu phim, cửa hàng, nhà một người bạn, một góc phố, một ngõ nhỏ,...). GV có thể đặt thêm các câu hỏi gợi ý cho HS: Đó là nơi nào? Em đến đó khi nào? Em đến đó với ai? Em thấy những gì ở đó? Em đã làm gì? Em cảm thấy thế nào khi đến đó?,...

+ HS làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng.

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV mời HS nêu nội dung tranh minh hoạ bài đọc. VD: Tranh vẽ cảnh một chú chó nhỏ đang đứng trong cổng nhà. Cánh cổng đang đóng. Chú chó bám hai chân trước vào cánh cổng, nhìn ra ngoài. Bên ngoài là cảnh đường phố, nhà, cây,... Có lẽ chú chó đang rất muốn được ra ngoài. Sau đó GV giới thiệu ý nghĩa của tranh minh hoạ và

giới thiệu khái quát bài đọc *Chân trời cuối phố,* (VD: Đây là câu chuyện về một chú chó nhỏ chưa bao giờ được đi ra khỏi nhà. Chú rất tò mò về thế giới bên ngoài và muốn được khám phá xung quanh. Các em hãy cùng đọc bài để biết chú chó đã khám phá khu phố của chú như thế nào.).

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài, đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm. GV có thể mời 3 em đọc nối tiếp 3 đoạn, (đoạn 1: từ đầu đến *"Cún, vào nhà!*; đoạn 2: tiếp theo đến *ngẩng lên nhìn*; đoạn 3: phần còn lại).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *cũ kĩ, lầy lội, đến nỗi, ngẩng lên, làng quê, bãi bờ,...*).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Từ cổng nhà,/ cún nhìn thấy dãy phố/ với những mái tôn cũ kĩ/ và con đường lầy lội mùa mưa.; Trước mặt,/ dọc bờ sông bên kia:/ làng quê với những bãi bờ,/ cây cối,/ nhà cửa.;...*

+ Đọc diễn cảm với giọng phù hợp ở một số đoạn, (nhấn giọng ở câu khiến: "*Cún, vào nhà!*"; giọng suy tư, băn khoăn: "*Ở cuối dãy phố có gì nhỉ?*"; giọng hào hứng, phấn chấn: *Bao nhiêu điều mới lạ mở oà trước mắt;...*).

+ 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn.

HS làm việc theo nhóm 3: Mỗi HS đọc một đoạn, sau đó đổi lại thứ tự đọc.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Tìm thông tin về nhân vật cún trong câu chuyện theo gợi ý (tên, nơi ở, hình dáng, tính cách, tiếng kêu).*

– GV mời 1 HS nêu câu hỏi và các gợi ý trong SHS.

– HS làm việc theo cặp hoặc trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi (nhóm trưởng mời từng bạn phát biểu, cùng nhau tìm câu trả lời, thống nhất ý kiến).

– GV quan sát các nhóm làm việc và có những hỗ trợ phù hợp.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi trước lớp.

– GV thống nhất câu trả lời. (GV có thể chiếu hoặc dán hình minh hoạ bàn chân chú cún trong SHS lên bảng và viết đáp án bên cạnh.)

Đáp án:

Tên	Nơi ở	Hình dáng	Tính cách	Tiếng kêu
cún	ngôi nhà nhỏ	nhỏ	tò mò, thích khám phá	ắng ắng

Câu 2. *Những chi tiết nào cho thấy cún rất tò mò muốn biết về dãy phố bên ngoài?*

– GV nêu câu hỏi hoặc yêu cầu HS đọc câu hỏi.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu.

– HS làm việc cá nhân: Đọc thầm lại văn bản, tìm các chi tiết để trả lời câu hỏi.

– HS làm việc nhóm: Từng HS phát biểu ý kiến trong nhóm, cả nhóm góp ý và bổ sung (nếu cần thiết).

– Các nhóm bầu một bạn phát biểu trước lớp.

– Làm việc cả lớp:

+ 2 – 3 HS phát biểu.

+ GV và cả lớp nhận xét, thống nhất đáp án.

Đáp án: Cún đã vài lần định ra cổng khám phá dãy phố bên ngoài nhưng người lớn không cho ra (vì cún còn nhỏ). Cún nghĩ "Ở cuối dãy phố có gì nhỉ?". Cún tò mò, rồi tò mò chuyển thành bực mình, bực đến nỗi đang nằm yên cún bỗng ngẩng cổ lên sủa "Ẳng! Ẳng!...".

Câu 3. *Khi có dịp chạy hết dãy phố, những cảnh vật hiện ra trước mắt đã giúp cún nhận ra điều gì?*

– GV nêu câu hỏi hoặc mời HS đọc câu hỏi.

– GV đặt thêm một câu hỏi phụ: Khi chạy hết dãy phố, cún đã thấy những gì? (Cún thấy bên trái là một dãy phố khác, bên phải là bến sông với con đò, trước mặt, dọc bờ sông bên kia là làng quê, bãi bờ, cây cối, nhà cửa.)

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc kĩ lại các chi tiết thể hiện những điều cún đã thấy khi chạy hết dãy phố và tìm ý trả lời cho câu hỏi. Sau đó, HS trao đổi và thống nhất ý kiến trong nhóm.

– Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu.

– Cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).

– GV và cả lớp thống nhất đáp án.

Đáp án: Những cảnh vật mở ra trước mắt khi chạy hết dãy phố đã giúp cún nhận ra: Hết phố này sẽ đến phố khác, hết sông này sẽ đến sông khác, hết làng này sẽ đến làng khác, cuối dãy phố của cún là những chân trời mở ra vô tận.

– GV có thể đặt câu hỏi mở rộng: Em hiểu câu "*Cuối con phố của cún là những chân trời mở ra vô tận.*" như thế nào? (*Gợi ý*: Cuối dãy phố là những sự vật nối tiếp nhau, không bao giờ kết thúc. Thế giới xung quanh rất rộng lớn, có thể khám phá mãi mà không hết được.)

Câu 4. *Tìm những từ ngữ chỉ cảm xúc của cún và giải thích vì sao cún có những cảm xúc đó.*

– GV mời 1 HS đọc câu hỏi.

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc thầm lại văn bản để tìm những từ ngữ chỉ cảm xúc của cún và lí do cún có những cảm xúc đó. HS làm việc theo cặp, trao đổi ý kiến và thống nhất đáp án.

– Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu trước lớp.

– GV và cả lớp thống nhất đáp án.

Đáp án: Những từ ngữ chỉ cảm xúc của cún: bực mình (vì tò mò muốn biết về cuối dãy phố mà lại không được ra ngoài), mừng rỡ (vì được người nhà mở cổng cho ra ngoài, chạy đi khám phá dãy phố).

Câu 5. *Hãy tưởng tượng em cùng cún đi trên dãy phố trong bài đọc, em sẽ nhìn thấy, nghe thấy những gì?*

– GV nêu yêu cầu và hướng dẫn HS làm việc nhóm.

– HS làm việc theo nhóm/ theo cặp: Từng HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi. Các HS khác góp ý, bổ sung. Trong khi HS làm việc nhóm, GV có thể chiếu hoặc treo tranh gợi ý cho câu hỏi lên bảng.

– 2 – 3 HS phát biểu trước lớp. GV khuyến khích HS phát huy trí tưởng tượng để tìm ý trả lời cho câu hỏi. GV có thể gợi ý: Dựa vào các cảnh vật mà cún nhìn thấy, em hãy tưởng tượng về con phố em đang đi có những gì, những thứ đó sẽ được cảm nhận như thế nào. HS có thể nhớ lại các chi tiết trong bài đọc và huy động những gì mình đã từng quan sát, cảm nhận trong thực tế để tưởng tượng thêm. VD: Em sẽ nhìn thấy gì, nghe thấy gì, ngửi thấy gì,... khi đi trên con phố yên tĩnh, có mái tôn cũ kĩ và con đường vốn dĩ lầy lội nhưng hôm nay đã khô ráo?; Em cảm nhận được những gì khi đứng trước một con sông có gió mát ùa đến?;... Cuối cùng, khi cảm nhận tất cả những điều đó, em có cảm xúc thế nào?

– GV khen ngợi những HS có trí tưởng tượng phong phú, biết diễn đạt rõ ràng, rành mạch.

Đáp án gợi ý:

Nhìn	Nghe
con đường, nhà, mái tôn, con đò, bãi bồi, cây cối, nhà cửa,...	tiếng gió thổi, tiếng nước chảy êm đềm, tiếng cây cối xào xạc,...
Ngửi	**Cảm xúc**
mùi nước từ sông, mùi bùn đất khô trên đường,...	vui vẻ, khoan khoái, thích thú, hài lòng,... hoặc: khó chịu, chật chội, buồn tẻ,..., (tuỳ theo cảm nhận của HS).

4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện.

– Làm việc chung cả lớp (3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– Làm việc cá nhân, HS tự đọc toàn bài.

5. Luyện tập theo văn bản đọc

– HS đọc yêu cầu trong SHS và tự thực hiện yêu cầu. GV nêu thời gian thực hiện nhiệm vụ và chỉ dẫn hình thức học (làm việc cá nhân trước khi trao đổi, thống nhất câu trả lời trong nhóm hoặc trong lớp).

– GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp.

Đáp án:

Câu 1.

Câu có dấu hai chấm	Công dụng của dấu hai chấm
Mỗi lần chú định ra cổng là người lớn trong nhà lại nhắc: "Cún, vào nhà!".	Đánh dấu lời nói của nhân vật
Nằm cuộn tròn trên chiếc chổi rơm đầu hè, cún nghĩ: "Ở cuối dãy phố có gì nhỉ?".	Đánh dấu lời nói của nhân vật
Bực đến nỗi, đang nằm yên cún bỗng ngẩng cổ lên sủa: – Ẳng! Ẳng!...	Đánh dấu lời nói của nhân vật
Trước mặt, dọc bờ sông bên kia: làng quê với những bãi bờ, cây cối, nhà cửa.	Đánh dấu phần giải thích, thuyết minh cho phần trước đó.

Câu 2.

Từ ngữ thay thế cho "mừng rỡ"	Từ ngữ thay thế cho "yên ắng"
vui mừng, mừng vui, vui vẻ,...	yên tĩnh, yên lặng, im lặng, lặng yên,...

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TIẾT 3

VIẾT

LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CÂU CHUYỆN

Chọn một trong những đề dưới đây:

Đề 1: Kể lại một câu chuyện cổ tích mà em yêu thích.

Đề 2: Kể lại một câu chuyện mà em đã đọc trong sách giáo khoa Tiếng Việt.

Đề 3: Kể lại một câu chuyện có nhân vật chính là trẻ em.

1. Chuẩn bị.

– GV mời 1 HS đọc 3 đề bài. Cả lớp cùng đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS chọn 1 đề bài và xác định yêu cầu trọng tâm của đề bài.

– HS đọc các yêu cầu chuẩn bị trong SHS.

– HS suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến cá nhân để trình bày trong nhóm. Từng HS trình bày các ý kiến của mình. GV lưu ý HS nêu ngắn gọn các thông tin khái quát về câu chuyện và kể lại các sự việc diễn ra trong câu chuyện theo trình tự hợp lí.

2. Lập dàn ý.

– GV hướng dẫn HS đọc kĩ dàn ý gợi ý trong SHS. HS xác định các phần chính trong bài văn (mở bài, thân bài, kết bài) và tìm ý cho từng phần.

– HS dựa vào các ý đã nêu ở phần chuẩn bị, tự lập dàn ý cho bài làm của mình theo gợi ý.

– HS viết dàn ý đã lập vào vở hoặc giấy nháp.

– GV nhận xét nhanh một số bài của HS, khen ngợi những HS thực hiện tốt yêu cầu và hỗ trợ những HS còn gặp khó khăn trong việc lập dàn ý.

3. Góp ý và chỉnh sửa dàn ý.

– GV hướng dẫn HS đổi vở với bạn trong nhóm hoặc bàn, đọc thầm phần dàn ý của bạn, góp ý nhận xét theo hướng dẫn trong SHS.

– Chỉnh sửa dàn ý theo góp ý.

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE

VIỆC LÀM CÓ ÍCH

Yêu cầu: Kể lại một việc có ích mà em đã làm cùng bạn bè hoặc người thân.

– GV nêu yêu cầu của giờ luyện nói.

– GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các yêu cầu trong SHS. GV lưu ý, GV cần hướng dẫn chung trước khi HS thực hiện các yêu cầu, vì các hoạt động nói và nghe luôn diễn ra xen kẽ (có người nói thì phải có người nghe). GV hướng dẫn HS như sau:

+ Yêu cầu 1 (Chuẩn bị): GV nhắc HS đọc kĩ các nội dung cần chuẩn bị trong SHS và chuẩn bị ý kiến để trình bày trước lớp. GV lưu ý HS: cần kể lại việc đã tham gia theo đúng trình tự các sự việc và nêu rõ công việc đó có ích như thế nào.

+ Yêu cầu 2 (Chia sẻ): GV mời 1 HS đọc phần lưu ý ở sau bài tập 2 (về người nói, người nghe). GV nhắc HS khi trình bày cần nhớ các điều đó.

+ Yêu cầu 3 (Ghi chép khi nghe): GV nêu mục tiêu của bài tập: Giúp HS biết nghe cẩn thận, chọn lọc thông tin chính xác và ghi chép nhanh, đúng những ý quan trọng trong bài phát biểu của người khác. Việc ghi chép khi nghe người khác phát biểu là

rất quan trọng, cần được xây dựng thành kĩ năng để giúp HS nhớ các nội dung cần thiết khi nghe.

1. Chuẩn bị.

HS chuẩn bị phần trình bày của mình. (Có thể ghi các ý chính ra vở, nháp, hoặc vẽ sơ đồ tư duy để trình bày tốt hơn.)

2. Chia sẻ với bạn việc có ích em đã làm cùng bạn bè hoặc người thân.

– HS lần lượt nói trong nhóm theo các nội dung đã chuẩn bị.

– Cả nhóm lắng nghe, góp ý và hỏi lại nếu chưa rõ.

3. Ghi chép những ý quan trọng trong bài phát biểu của bạn để trao đổi với bạn.

– HS ghi chép nhanh ra vở hoặc nháp những ý mà HS thấy quan trọng trong bài phát biểu của bạn. Khi bạn phát biểu xong, HS nêu những ý đó để trao đổi với bạn.

– GV tổng kết tiết học, khen ngợi những HS có phần trình bày tốt.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động Vận dụng: *Tìm đọc câu chuyện về những trải nghiệm trong cuộc sống.* Hoạt động này nhằm chuẩn bị cho tiết Đọc mở rộng ở tuần tiếp theo (Bài 16). HS có thể tìm đọc các câu chuyện có nội dung như trong gợi ý (câu chuyện về một cuộc phiêu lưu, một chuyến du lịch hoặc về quá trình thực hiện một công việc phải vượt qua nhiều khó khăn, thử thách,...). GV có thể nêu ví dụ một số câu chuyện mà HS có thể tìm được (*Em bé và bông hồng* – Trần Hoài Dương, *Đứa trẻ nhút nhát* – Xuân Quỳnh,...) hoặc các câu chuyện khác. HS có thể chia sẻ câu chuyện đã tìm đọc với người thân.

CỦNG CỐ

– GV tổng kết giờ học và khen ngợi các HS đã tham gia tích cực vào bài học.

– GV có thể nêu câu hỏi xem HS thích nhất điều gì trong bài vừa học hoặc đề nghị HS nói lại những điều HS cần lưu ý khi lập dàn ý cho bài văn kể một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

– GV nhắc lại các nội dung HS đã được học:

+ Đọc và tìm hiểu câu chuyện *Chân trời cuối phố.*

+ Lập dàn ý cho bài văn kể lại một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

+ Nói và nghe về một việc có ích mà HS đã tham gia.

– GV dặn HS: Về nhà tìm đọc câu chuyện về những trải nghiệm và đọc trước Bài 15.

TUẦN 8

Bài 15 GẶT CHỮ TRÊN NON (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Gặt chữ trên non*, biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của bạn nhỏ.

   b. Nhận biết được diễn biến cảm xúc của bạn nhỏ trên đường đi học, gắn với thời gian, không gian (địa điểm) cụ thể; nêu được những cảm xúc, suy nghĩ của bạn nhỏ khi đi học (đi tìm cái chữ). Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Trẻ em ở miền núi phải trải qua rất nhiều khó khăn để được đến lớp; được đi học là niềm vui, niềm mong ước của các bạn.

2. Biết cách dùng từ điển và nắm được các công dụng của từ điển.
3. Biết cách viết bài văn kể lại một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.
4. Biết trân trọng cảm xúc của các bạn học sinh vùng núi khi đi học, trân trọng những cố gắng vượt qua nhiều khó khăn để đi học.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Đặc điểm của văn bản thơ (cảm xúc/ mạch cảm xúc, hình ảnh, ngôn ngữ,...).

– Cách dùng và công dụng của từ điển.

– Một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài thơ.

– Tranh ảnh minh hoạ việc đi học của các bạn nhỏ vùng cao.

– Từ điển tiếng Việt.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

ÔN BÀI CŨ

2 HS đọc nối tiếp bài *Chân trời cuối phố* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, VD: Em có suy nghĩ gì về nhan đề của câu chuyện *Chân trời cuối phố?*).

ĐỌC

1. Khởi động

– GV nêu tên bài học (*Gặt chữ trên non*) và giao nhiệm vụ:

+ Quan sát tranh minh hoạ bài đọc. (GV có thể cho HS trả lời các câu hỏi: Các bạn nhỏ trong bức tranh sống ở đâu? Các bạn đang đi học trên con đường như thế nào?)

+ Nêu cảm nghĩ về việc đi học của các bạn nhỏ.

– GV khích lệ HS mạnh dạn nói cảm nghĩ của mình.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp. Cả lớp có thể nêu thêm câu hỏi để hiểu rõ hơn những cảm nghĩ của bạn.

– GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó GV giới thiệu khái quát về bài thơ. (Đọc bài thơ, ta sẽ thấy đó là lời kể chuyện, tâm sự của một bạn nhỏ vùng cao về "con đường" đi "tìm cái chữ" (đi học) và những cảm xúc của bạn nhỏ khi đi học.)

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật).

– GV có thể mời 2 em đọc nối tiếp 2 đoạn thơ.

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *Chữ vẫn gùi trên lưng*.

+ Đoạn 2: Còn lại.

– GV hướng dẫn HS đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *bóng <u>múi</u>, <u>la</u> đà, tán <u>lau</u>,…*

+ Đọc diễn cảm thể hiện cảm xúc của bạn nhỏ khi đi học (nhấn giọng vào những từ ngữ gợi tả, gợi cảm như: *rừng vách đá, hun hút, la đà, vượt, băng, cái chữ rơi, cái chữ bay, rìu ran,…*).

HS làm việc theo cặp, mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 2 đoạn) sau đó đổi đoạn để đọc.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 2 HS đọc nối tiếp 2 đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

– GV yêu cầu HS đọc phần giải nghĩa từ ngữ, hỏi HS còn có từ ngữ nào trong bài thơ chưa hiểu, chưa rõ (GV có thể giải thích thêm).

Ví dụ: từ "gùi":

+ Gùi (danh từ): một vật dụng, thường được đan bằng mây tre, dùng ở một số địa phương miền núi.

+ Gùi (động từ): mang trên lưng bằng gùi.

Từ "gùi" trong bài là động từ.

– GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các yêu cầu nêu trong SHS.

Câu 1. *Bài thơ viết về các bạn nhỏ ở đâu? Những cảnh vật nào giúp em biết điều đó?*

– HS làm việc theo cặp hoặc trao đổi theo nhóm để trả lời lần lượt 2 ý trong câu hỏi (nhóm trưởng mời từng bạn phát biểu, cùng nhau tìm câu trả lời cho ý thứ nhất, thống nhất câu trả lời, sau đó mới trả lời ý thứ hai).

– GV quan sát các nhóm làm việc và có những hỗ trợ phù hợp.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi 1 trước lớp. VD:

+ Ý 1: Bài thơ viết về các bạn nhỏ ở miền núi.

+ Ý 2: Những cảnh vật giúp em biết điều đó là cảnh: núi, thung lũng, suối, rừng, nương ngàn, đồi.

Câu 2. *Những chi tiết nào cho thấy việc đi học của bạn nhỏ ở vùng cao rất vất vả?*

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời. GV khích lệ HS phát biểu ý kiến theo cách hiểu của mình (GV có thể gợi ý HS đọc kĩ lại cả bài thơ).

+ Bước 2: HS làm việc nhóm. Từng em nêu câu trả lời.

– Một số HS trả lời câu hỏi trước lớp, GV động viên HS trả lời câu hỏi theo suy nghĩ, cảm nhận riêng của mình. VD: Những chi tiết cho thấy việc đi học của bạn nhỏ vùng cao vất vả là: vượt suối, băng rừng, đường xa, lớp học ngang lưng đồi, gặt chữ trên đỉnh trời,... Tất cả các chi tiết vừa nêu cho thấy con đường "đi tìm cái chữ" của các bạn nhỏ vùng cao hết sức vất vả, gian nan.

Câu 3. *Trên đường đi học, bạn nhỏ nghe thấy những âm thanh nào? Theo em, những âm thanh đó đem lại cảm xúc gì cho bạn nhỏ?*

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân trước khi làm việc theo nhóm/ lớp:

+ Đọc kĩ lại những dòng thơ kể về việc đi học của bạn nhỏ.

+ Tìm những âm thanh được miêu tả. VD: *tiếng trống rung vách đá; gió đưa theo tiếng sáo;...*

+ Tưởng tượng cảm xúc của bạn nhỏ như thế nào khi nghe những âm thanh ấy.

+ Chuẩn bị câu trả lời. Có thể ghi vắn tắt vào vở những suy nghĩ của em về cảm xúc của bạn nhỏ.

VD: Những âm thanh mà bạn nhỏ nghe thấy như tiếng trống, tiếng sáo đều là những âm thanh thể hiện nhịp sống thanh bình ở vùng cao. Những âm thanh ấy đem lại cảm xúc vui vẻ, hào hứng, phấn khởi,... cho bạn nhỏ.

– GV khích lệ HS nêu suy nghĩ của riêng mình.

Câu 4. *Theo em, hai dòng thơ "Đường xa chân có mỏi/ Chữ vẫn gùi trên lưng" thể hiện điều gì?*

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân trước khi làm việc theo nhóm/ lớp:

+ Đọc lại hai dòng thơ và suy nghĩ xem điều gì được thể hiện qua hai dòng thơ ấy.

+ Nêu ý kiến của em về điều được thể hiện qua hai dòng thơ.

GV có thể phân tích, gợi ý cho HS xuất phát từ những từ ngữ trong hai dòng thơ như *đường xa, chân mỏi* nhưng *chữ vẫn gùi trên lưng* để suy nghĩ về điều mà nhà thơ muốn nói.

VD: Hai dòng thơ thể hiện quyết tâm đi học của bạn nhỏ, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, gian khổ trên đường đi học (*đường xa, chân mỏi*) nhưng vẫn không nản lòng, vẫn vui, vẫn rất hào hứng với việc học tập của mình (qua hình ảnh *chữ vẫn gùi trên lưng*).

Câu 5. *Em thích hình ảnh thơ nào nhất? Vì sao?*

– GV nêu yêu cầu và hướng dẫn HS làm việc nhóm.

– HS làm việc theo nhóm/ cặp: Từng HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi. Các HS khác góp ý, bổ sung.

– 2 – 3 HS phát biểu trước lớp.

– GV khuyến khích HS nêu suy nghĩ của mình.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý và bổ sung đáp án. Đáp án có thể rất đa dạng, nhiều câu trả lời với nhiều hình ảnh thơ khác nhau (VD: Bóng em nhoà bóng núi; Đường xa chân có mỏi nhưng chữ vẫn gùi trên lưng; Mắt em như sao sáng; Gặt chữ trên đỉnh trời;…). Tuy nhiên, điều quan trọng là HS phải giải thích được lí do mình thích hình ảnh thơ ấy. (VD: Em thích hình ảnh thơ mắt em như sao sáng vì hình ảnh này cho thấy niềm vui của bạn nhỏ khi đi "tìm cái chữ". Mặc dù đi đường xa, vượt núi, băng rừng, chân mỏi vì phải đi học chữ trên "đỉnh trời" nhưng bạn nhỏ vẫn vui vì được đi học. Bạn nhỏ xem việc đi học như đi gặt "chữ", mang về niềm vui.).

* *Học thuộc lòng bài thơ.*

– GV hướng dẫn HS học thuộc lòng tại lớp.

– Có thể hướng dẫn HS học 1 – 2 khổ thơ theo cách mà GV cho là hiệu quả (VD: chiếu bài thơ, đoạn thơ lên và che dần các từ ngữ, câu thơ).

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

CÁCH DÙNG VÀ CÔNG DỤNG CỦA TỪ ĐIỂN

1. Đọc hướng dẫn và thực hành sử dụng từ điển.

– GV yêu cầu 1 – 2 HS đọc hướng dẫn các bước sử dụng từ điển (4 bước).

– GV nhấn mạnh: Trước khi tìm nghĩa của từ trong từ điển, cần chọn từ điển thích hợp, đọc phần *Hướng dẫn sử dụng* để biết cách sắp xếp mục từ và những thông tin cần thiết, đọc các quy ước ở phần *Chữ viết tắt*. Những bước này thường áp dụng cho lần đầu tiên sử dụng từ điển, từ những lần sau, nếu đã rõ những thông tin đó rồi thì có thể thực hiện ngay các bước tìm nghĩa của từ.

2. Dựa vào các bước tìm nghĩa của từ theo ví dụ, tìm nhanh nghĩa của các từ *cao ngất, cheo leo, hoang vu* trong từ điển.

– GV yêu cầu HS đọc thầm 4 bước tìm nghĩa của từ *bình minh* trong SHS.

– GV mời 2 – 3 HS đọc to các bước đó trước lớp để cả lớp cùng ghi nhớ.

– GV hỏi HS xem còn điều gì nữa chưa rõ về các bước tìm nghĩa của từ trong từ điển không.

– GV yêu cầu HS vận dụng các bước như hướng dẫn để tìm nghĩa của các từ *cao ngất, cheo leo, hoang vu.*

– HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi, thống nhất trong nhóm.

– Một số HS đại diện nhóm trình bày kết quả trước lớp:

Đáp án:

+ *Cao ngất*: cao đến quá tầm mắt.

+ *Cheo leo*: cao và không có chỗ bấu víu, gây cảm giác nguy hiểm, dễ bị rơi, ngã.

+ *Hoang vu*: ở trạng thái bỏ không, để cho cây cỏ mọc tự nhiên, chưa hề có tác động của con người.

3. Tìm những ý nêu đúng công dụng của từ điển.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu bài tập: đọc các ý trong bài tập, suy nghĩ để xác định ý nào nêu hoặc không nêu công dụng của từ điển.

– HS làm việc cá nhân, tìm ý nêu công dụng của từ điển.

– HS trao đổi trong nhóm, từng bạn đọc đáp án của mình để cả nhóm nhận xét, góp ý.

– GV mời một số HS trả lời trước lớp.

Đáp án:

A. Cung cấp thông tin về từ loại (danh từ, động từ, tính từ,…)
B. Cung cấp cách sử dụng từ thông qua các các ví dụ
D. Giúp hiểu nghĩa của từ

TIẾT 3

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CÂU CHUYỆN

Đề bài: Viết bài văn kể lại một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

1. Dựa vào dàn ý đã lập trong hoạt động Viết ở Bài 14, viết bài văn theo yêu cầu của đề bài.

– GV hướng dẫn HS đọc lại dàn ý đã lập để viết bài văn theo yêu cầu.

– GV hướng dẫn HS viết bài văn và hỗ trợ HS trong quá trình viết bài văn:

+ Nhắc HS viết bài văn theo dàn ý đã lập.

+ Chú ý hỗ trợ những HS hạn chế về kĩ năng viết.

2. Đọc soát và chỉnh sửa.

a. GV hướng dẫn HS đọc lại bài làm của mình để phát hiện lỗi.

Rà soát lỗi theo các gợi ý sau:

Cách viết mở bài, kết bài → Trình tự các sự việc được kể ở thân bài → Cách dùng từ, đặt câu → Chính tả

– HS đọc lại bài làm, rà soát lỗi theo gợi ý, VD:

+ Cách viết mở bài (trực tiếp hoặc gián tiếp), kết bài (mở rộng hoặc không mở rộng).

+ Trình tự các sự việc được kể ở thân bài (HS có thể kể lại theo trình tự của câu chuyện gốc hoặc sáng tạo theo cách riêng của mình mà không theo diễn biến, trình tự gốc.).

+ Cách dùng từ, đặt câu.

+ Chính tả.

b. GV hướng dẫn HS sửa lỗi bài viết (nếu có).

– HS có thể sửa lỗi trong bài làm của mình hoặc ghi lại những lỗi mình dự kiến sửa.

– Nếu còn thời gian, GV gợi ý HS viết lại một số câu hoặc đoạn cho hay hơn.

VẬN DỤNG

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Kể cho người thân nghe những điều em biết về cuộc sống và việc đi học của các bạn học sinh vùng cao.*

– HS có thể nhớ lại những điều đã được học trong bài *Gặt chữ trên non*, coi đó như những hiểu biết của mình về việc đi học của các bạn học sinh vùng cao kết hợp với những hiểu biết về cuộc sống của các bạn học sinh vùng cao mà HS đã tích luỹ trước đó. Sau đó, HS hệ thống hoá lại những hiểu biết đó thành các ý, các nội dung rồi kể cho người thân nghe.

CỦNG CỐ

– GV nhận xét kết quả học tập của HS ở bài *Gặt chữ trên non*, khen ngợi, động viên các em học tập tích cực.

– Dặn HS ôn Bài 15 và đọc trước Bài 16.

Bài 16 TRƯỚC NGÀY XA QUÊ (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Trước ngày xa quê*. Biết đọc diễn cảm phù hợp với dòng cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện.

   b. Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hành động, tâm trạng, cảm xúc,...; nhận biết được những chi tiết, sự việc chính trong diễn biến câu chuyện,... Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Tình yêu, sự gắn bó với quê hương là tình cảm tự nhiên của con người, hãy luôn nhớ, luôn yêu quê hương mình bằng những tình cảm đẹp đẽ nhất.

2. Biết rút kinh nghiệm sau khi trả bài văn kể lại một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

3. Biết trao đổi với bạn trong nhóm, trong lớp về những trải nghiệm được nói đến trong câu chuyện đã đọc.

4. Biết trân trọng cảm xúc của bản thân, bạn bè và những người xung quanh.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Văn bản tự sự (trình tự các sự việc, nhân vật và tính cách, hành động, cảm xúc,... của nhân vật); cách sắp xếp ý trong văn bản kể chuyện.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ câu chuyện *Trước ngày xa quê*.

– Sách, truyện về những trải nghiệm trong cuộc sống.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 - 2

ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 – 3 HS đọc thuộc lòng các đoạn trong bài thơ *Gặt chữ trên non* và trả lời 2 – 3 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, VD: Bài thơ cho em biết điều gì về việc đi học của các bạn nhỏ vùng cao?).

ĐỌC

1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ: làm việc theo nhóm, trả lời câu hỏi: *Em thường nói gì khi gặp gỡ hoặc tạm biệt một người mà em yêu quý?* (GV khích lệ HS kể trong nhóm, có thể giải thích vì sao em nói những điều đó.)

– HS làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng.

– HS (2 – 3 em) lần lượt phát biểu trước lớp về điều em thường nói khi gặp gỡ hoặc tạm biệt một người mà em yêu quý. (GV nhấn mạnh thêm: Điều em nói phải đúng với cảm xúc của em (phải chân thật) và phù hợp với hoàn cảnh, với quan hệ của em với người đó.)

– GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó GV giới thiệu khái quát câu chuyện *Trước ngày xa quê* (VD: Nhìn vào tranh, các em thấy cảnh quê hương của bạn nhỏ rất đẹp với con đường làng uốn lượn, những cánh đồng lúa vàng trĩu hạt, khung cảnh làng quê yên bình,... tất cả đã in sâu trong tuổi thơ của bạn nhỏ. Đó là nơi bạn ấy đã gắn bó như là máu thịt và không bao giờ muốn rời xa. Các em hãy nghe và đọc kĩ để biết câu chuyện kể điều gì nhé!).

KẾT NỐI TRI THỨC

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện những tình tiết, những sự việc quan trọng, những từ ngữ, chi tiết diễn tả tâm trạng, cảm xúc của nhân vật, hình ảnh quê hương trong tâm trí bạn nhỏ như: *oà khóc như khi bị đòn oan, con đường làng gồ ghề, vàng óng rơm mùa gặt, những lùm cây giấu đầy quả ổi, quả mâm xôi chín mọng,…*). GV có thể mời 2 – 3 em đọc từng đoạn hoặc đọc toàn bài.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *lên đường, chiều trước ngày xa quê, nói chuyện, phẳng lì, nơi ấy thật xa lạ, lùm cây, lau nước mắt,...* GV hướng dẫn những HS mắc lỗi phát âm khi đọc bài.

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Quê tôi ở đây,/ con đường làng gồ ghề,/ vàng óng rơm mùa gặt,/ những lùm cây/ giấu đầy quả ổi,/ quả mâm xôi chín mọng;...*

– 2 – 3 HS đọc luân phiên câu chuyện trước lớp.

– HS làm việc theo nhóm, đọc luân phiên câu chuyện.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

– GV hướng dẫn HS sử dụng từ điển để tìm nghĩa của các từ *nghịch ngợm, gồ ghề*.

– GV mời 1 – 2 HS báo cáo kết quả. Cả lớp nhận xét.

– GV giới thiệu về các nhân vật trong câu chuyện.

– GV hướng dẫn HS trả lời lần lượt các câu hỏi nêu trong SHS (sau bài đọc).

Câu 1. *Tìm chi tiết thể hiện cảm xúc của bạn nhỏ khi biết tin sẽ chuyển lên thành phố học.*

– 1 HS đọc yêu cầu trước lớp, cả lớp đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn làm việc theo nhóm:

+ Cách 1: Mỗi HS đọc và nhận biết những chi tiết thể hiện cảm xúc của bạn nhỏ khi biết tin sẽ chuyển lên thành phố học, phát biểu trong nhóm, HS khác nhận xét, bổ sung (nếu cần).

+ Cách 2: Từng em hoặc cả nhóm cùng nhau đọc và nhận biết những chi tiết thể hiện cảm xúc của bạn nhỏ.

– HS làm bài theo hướng dẫn.

– GV yêu cầu 2 – 3 HS trả lời trước lớp.

Đáp án:

Khi biết tin sẽ chuyển lên thành phố học, bạn nhỏ cảm thấy rất buồn, các chi tiết "Nghe bố nói, tôi oà khóc như khi bị đòn oan. Tôi không muốn đi nhưng vẫn phải chuẩn bị lên đường.".

Câu 2. *Buổi chia tay của bạn nhỏ với thầy giáo và các bạn có gì đặc biệt?*

– GV nêu câu hỏi 2 (hoặc mời 1 HS đọc câu hỏi 2).

– GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi.

– HS làm việc theo nhóm, tìm những chi tiết, hình ảnh, câu văn nói về buổi chia tay đặc biệt này (có thể lần lượt từng em nêu ý kiến đã chuẩn bị, các bạn khác có thể nhận xét hoặc bổ sung nếu bạn nêu chưa đầy đủ), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

– Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV nhận xét, khích lệ và khen ngợi những HS đã nêu đầy đủ các chi tiết, hình ảnh cho thấy buổi chia tay rất đặc biệt.

Đáp án: Chiều trước ngày xa quê, các bạn và cả thầy giáo đến tiễn bạn nhỏ. Khác hẳn mọi khi, các bạn ít cười đùa, kẹo cũng chẳng ăn, chỉ thầm nhắc lại những trò nghịch ngợm vừa qua và ngẩn ngơ hỏi nhau thành phố nơi tôi sắp đến như thế nào, có giống quê mình không...

Câu 3. *Hình ảnh quê hương hiện lên trong tâm trí của bạn nhỏ như thế nào trước ngày xa quê?*

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến để phát biểu trong nhóm và trước lớp.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp, nhận biết và chỉ ra những hình ảnh của quê hương hiện ra trong tâm trí bạn nhỏ.

– HS thực hiện các bước theo chỉ dẫn, một số em phát biểu trước lớp.

– GV và các HS khác nhận xét, có thể bổ sung nếu câu trả lời chưa đầy đủ.

– GV khích lệ và khen ngợi những HS đã nêu đầy đủ các hình ảnh về quê hương trong tâm trí bạn nhỏ.

Đáp án: Con đường làng gồ ghề, vàng óng rơm mùa gặt, những lùm cây giấu đầy quả ổi, quả mâm xôi chín mọng.

Câu 4. *Nếu được dự buổi chia tay, em sẽ nói gì với bạn nhỏ?*

– GV nêu câu hỏi 4 (hoặc mời 1 HS đọc câu hỏi 4).

– GV hướng dẫn trả lời câu hỏi:

+ Bước 1: HS suy nghĩ cá nhân, chuẩn bị câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm, chia sẻ trong nhóm điều mà mình sẽ nói với bạn nhỏ nếu được dự buổi chia tay.

– Đại diện một số HS phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV khích lệ và khen ngợi những HS biết nói những lời thể hiện tình cảm khi chia tay bạn.

Lưu ý: Đây là câu hỏi mở, GV khích lệ HS phát biểu theo suy nghĩ và cảm nhận của mình. Các em có thể có nhiều ý kiến khác nhau. Tuy nhiên, GV có thể tổng hợp các ý kiến, giúp HS hiểu rằng thông thường, khi chia tay thì người ta sẽ nói với nhau những gì, VD: chúc bạn (mạnh khoẻ, học giỏi, chăm ngoan,...); mong muốn ở bạn (đừng buồn, đừng quên mình, hãy viết thư, hãy cố gắng,...); nói về cảm xúc của mình (sẽ nhớ bạn nhiều, sẽ không quên bạn,...).

Câu 5. *Theo em, tác giả muốn nói điều gì qua câu chuyện trên?*

– GV nêu câu hỏi 5 (hoặc mời 1 HS đọc câu hỏi 5).

– GV hướng dẫn trả lời câu hỏi:

+ Bước 1: HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm, chia sẻ những suy nghĩ của mình, sau đó trao đổi trong nhóm, cùng bổ sung cho nhau để thống nhất câu trả lời của nhóm.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– HS thực hiện các bước theo chỉ dẫn, suy nghĩ về câu trả lời của mình, sau đó chia sẻ trong nhóm, đại diện nhóm phát biểu trước lớp khi GV yêu cầu.

Lưu ý: Đây là câu hỏi mở, GV khích lệ HS phát biểu theo cảm nhận của mình. Các em có thể có nhiều ý kiến khác nhau. Tuy nhiên, GV có thể hướng các em đến những thông điệp của câu chuyện. VD: Quê hương là nơi mỗi người sinh ra và lớn lên, là nơi mà người ta gắn bó máu thịt. Kỉ niệm, kí ức về quê hương thường rất sâu đậm và đẹp đẽ. Vì vậy, nếu phải xa quê, ai cũng thấy nhớ và có thể buồn nữa.

4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện:

– Làm việc chung cả lớp (từng cặp hoặc nhóm 2 – 3 HS đọc luân phiên); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– Làm việc theo nhóm (2 – 3 em/ nhóm), góp ý trong nhóm.

5. Luyện tập sau văn bản đọc

– HS đọc yêu cầu trong SHS và tự thực hiện yêu cầu. GV có thể nêu thời gian thực hiện nhiệm vụ và chỉ dẫn hình thức học cá nhân, học theo cặp hay theo nhóm (tuỳ vào năng lực của HS trong lớp).

– Sau thời gian làm bài, có thể cho HS trình bày trước lớp, GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp.

Đáp án

Câu 1. *Những động từ thể hiện cảm xúc của các bạn nhỏ là:* ngẩn ngơ, (không) thích, muốn.

Câu 2. *Đặt 2 – 3 câu nêu tình cảm của em đối với quê hương, trong đó có sử dụng động từ thể hiện tình cảm, cảm xúc.*

Lưu ý: Với bài tập này, HS có thể đặt câu tự do. Các em có thể đặt những câu khác nhau, sử dụng những động từ thể hiện cảm xúc khác nhau. Tuy nhiên, GV yêu cầu các em sử dụng đúng những động từ thể hiện cảm xúc.

VD: (1) Khi đi chơi xa, em thường thấy *nhớ* nhà.

(2) Em *yêu* căn phòng nhỏ của em, *yêu* ngôi nhà của em.

(3) Tôi thường *nhớ* về quê hương với những trò chơi tuổi thơ: nhảy dây, đánh khăng,...

TIẾT 3

VIẾT

TRẢ BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CÂU CHUYỆN

1. Nghe thầy cô giáo nhận xét chung.

– GV nêu nhận xét về bài làm của lớp: nhận xét chung về những ưu điểm và nhược điểm chính trong bài làm.

– GV khen ngợi những bài viết hay.

2. Đọc lại bài làm và nhận xét của thầy cô để biết ưu điểm và nhược điểm trong bài.

– GV yêu cầu HS tự đọc bài của mình, đặc biệt, đọc thật kĩ những lời nhận xét của thầy cô.

– HS nắm được ưu điểm và nhược điểm trong bài làm của mình qua lời nhận xét.

– HS tự kiểm tra lại bài của mình theo những gợi ý sau:

Bài có đủ mở bài, thân bài, kết bài.	– Sắp xếp các sự việc theo đúng trình tự. – Kể đầy đủ các sự việc chính.	Dùng từ, viết câu đúng,...	Không mắc lỗi chính tả.

3. Đọc bài làm trong nhóm hoặc bài được thầy cô khen, ghi lại những điều muốn học tập.

– GV yêu cầu HS đọc hoặc nghe đọc bài của bạn trong nhóm hoặc trong lớp, đặc biệt, đọc thật kĩ những lời nhận xét của thầy cô.

– HS ghi lại những điều em muốn học tập.

4. Sửa lỗi trong bài (nếu có) hoặc viết lại một đoạn cho hay hơn.

– GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, cùng giúp nhau tìm cách sửa lỗi trong bài viết của mình (lỗi về nội dung như thông tin giới thiệu, các sự việc được kể, cảm xúc của người kể,...; lỗi về hình thức như cách dùng từ, cách diễn đạt, lỗi chính tả,...).

– GV hướng dẫn HS chọn một sự việc nào đó trong câu chuyện và kể lại cho hay hơn. (Chia sẻ với bạn theo cặp hoặc theo nhóm về sự việc và cách mình định kể lại sự việc.)

TIẾT 4

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc câu chuyện về những trải nghiệm trong cuộc sống.

GV hướng dẫn HS dựa vào yêu cầu của bài tập để lựa chọn một câu chuyện về một trải nghiệm nào đó trong cuộc sống (VD: một chuyến đi dã ngoại với các bạn, một chuyến đi chơi với gia đình, một kỉ niệm đẹp, một lần bị điểm kém,...). Có thể nói rõ tại sao mình chọn đọc câu chuyện đó (Câu chuyện có ý nghĩa gì với em?).

2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

– HS ghi tóm tắt những gì mình đọc được vào phiếu đọc sách.

– GV mời HS trong lớp chia sẻ những nội dung đã ghi trong phiếu đọc sách với các bạn.

3. Trao đổi với bạn về những trải nghiệm được nói đến trong câu chuyện đã đọc.

– GV có thể tổ chức cho HS trao đổi trong nhóm hoặc chia sẻ với lớp về những trải nghiệm được nói đến trong câu chuyện mà các em đã đọc (VD: Trải nghiệm đó mang lại cảm xúc gì? Trải nghiệm đó mang lại cho em bài học gì?,...).

– HS phát biểu, chia sẻ ý tưởng, thông tin trước lớp.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động vận dụng: *Nói với người thân những cảm xúc của bạn nhỏ trong bài đọc* ***Trước ngày xa quê.***

CỦNG CỐ

– GV nhận xét kết quả học tập của tuần học. Khen ngợi, động viên HS học tập tích cực.

– Dặn HS ôn Bài 15, 16 và đọc trước Bài 17.

TUẦN 9

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I

I MỤC TIÊU

Việc ôn tập giữa học kì I giúp đánh giá được kết quả học tập của HS ở nửa đầu học kì I theo các yêu cầu gắn với các nội dung đã học như sau:

1. a. Đọc đúng và diễn cảm các văn bản được học: bước đầu biết nhấn giọng ở các từ ngữ quan trọng, thể hiện được cảm xúc qua giọng đọc,... Tốc độ đọc khoảng 80 – 85 tiếng/ phút.

b. Hiểu nội dung bài đọc (nhận biết được một số chi tiết và nội dung chính, những thông tin chính của bài đọc, bước đầu hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản dựa vào gợi ý, hướng dẫn). Bước đầu biết tóm tắt văn bản, nêu được chủ đề của văn bản (vấn đề chủ yếu mà tác giả muốn nêu ra trong văn bản). Bước đầu nhận biết được các từ ngữ miêu tả hình dáng, điệu bộ, hành động,... thể hiện đặc điểm, tính cách của nhân vật. Nhận biết được trình tự sắp xếp các sự việc trong câu chuyện. Nhận biết mối quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện thể hiện qua cách xưng hô. Nhận biết được hình ảnh trong thơ, lời thoại trong văn bản truyện hoặc kịch. Nhận biết bố cục của văn bản. Nhận biết được thông tin của văn bản qua hình ảnh, số liệu,... Bước đầu nêu được tình cảm, suy nghĩ về văn bản, biết giải thích vì sao mình yêu thích văn bản, ý nghĩa của văn bản đối với bản thân hoặc cộng đồng, nêu được cách ứng xử của bản thân khi gặp tình huống tương tự như tình huống của nhân vật trong văn bản.

2. Viết được bài văn thuật lại một sự việc, kể chuyện có nội dung gắn với các chủ điểm được học; viết được đoạn văn nêu ý kiến (nêu lí do yêu thích câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe). Bước đầu biết viết theo các bước: xác định nội dung viết; quan sát và tìm tư liệu để tìm ý và lập dàn ý; viết được đoạn văn/ bài văn theo dàn ý đã lập; chỉnh sửa bài văn/ đoạn văn (về bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả).

3. Biết nói theo đề tài phù hợp với chủ điểm được học: nói rõ ràng, tập trung vào mục đích và đề tài, bước đầu thể hiện được thái độ tự tin, biết kết hợp cử chỉ, điệu bộ để tăng hiệu quả giao tiếp (có thể kết hợp sử dụng các phương tiện hỗ trợ như tranh ảnh, sơ đồ,...). Kể lại được sự việc đã tham gia, bước đầu biết chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc về sự việc đó. Bước đầu biết trình bày những lí lẽ để củng cố ý kiến hoặc nhận định về một vấn đề gần gũi với đời sống. Nghe và hiểu chủ đề, những chi tiết quan trọng trong câu chuyện, bước đầu biết kết hợp nghe và ghi lại những nội dung quan trọng khi nghe ý kiến của người khác. Biết tuân thủ quy tắc luân phiên lượt lời, tập trung vào vấn đề trao đổi, thảo luận. Biết đóng góp ý kiến trong quá trình trao đổi thảo luận.

4. Nhận biết được quy tắc viết hoa tên riêng của cơ quan, tổ chức. Nhận biết công dụng của từ điển, biết cách tìm từ và nghĩa của từ trong từ điển. Bước đầu hiểu nghĩa của một số thành ngữ và nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng xuất hiện trong bài học. Phân biệt được danh từ, động từ, danh từ riêng và danh từ chung.

II CHUẨN BỊ

– Có thể chuẩn bị các phiếu học tập (theo nội dung các tiết 1, 2, 3, 4, 5) để HS không làm bài vào SHS.

– Phiếu đề kiểm tra tham khảo (tiết 6 – 7) để các em tập làm bài kiểm tra giữa học kì I.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

PHẦN 1 – ÔN TẬP

TIẾT 1 – 2

GV có thể hướng dẫn HS làm lần lượt từng bài hoặc hướng dẫn HS làm việc nhóm (trước khi làm việc nhóm, dành thời gian để từng cá nhân thực hiện yêu cầu).

1. Nói tên các bài đã học.

Yêu cầu này rèn cho HS kĩ năng đọc và nhớ các chi tiết của văn bản.

– HS làm việc cá nhân, đọc yêu cầu và các khổ thơ, lời nói của nhân vật trích từ các bài đọc đã học, chuẩn bị ý kiến (có thể viết ngắn gọn tên các bài đọc vào vở ô li hoặc vở bài tập, nếu có).

– HS làm việc nhóm:

+ Lần lượt từng em đọc khổ thơ, lời của nhân vật và tên bài đọc tương ứng.

+ Cả nhóm nhận xét, góp ý.

2. Nêu ngắn gọn nội dung các bài đã học.

Yêu cầu này rèn cho HS biết tóm tắt văn bản, nhận biết nội dung chính và chủ đề của văn bản đã học.

– HS làm việc cá nhân, đọc yêu cầu và tên các bài đọc (đã cho), chuẩn bị câu trả lời (có thể viết ra vở ghi, giấy nháp hoặc vở bài tập, nếu có).

– HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm/ trước lớp:

+ Một số em phát biểu ý kiến, cả nhóm/ lớp và GV nhận xét.

+ Chọn ra những ý kiến tóm tắt phù hợp để ghi lại.

HS có thể nêu ý kiến như:

+ *Tiếng nói của cỏ cây*: Bài đọc cho biết một điều kì lạ của thế giới cỏ cây, đó là: một số loài cây khi mọc gần nhau sẽ làm cho nhau cùng tươi tốt hơn.

+ *Tập làm văn*: Bài đọc kể về quá trình viết bài văn tả cây cối của bạn nhỏ. Bạn đã tận mắt quan sát cây, trực tiếp tưới cây,... kết hợp với trí tưởng tượng phong phú để viết được bài văn hay.

+ *Nhà phát minh 6 tuổi*: Bài đọc kể về cô bé Ma-ri-a có những "phẩm chất" của người nghiên cứu khoa học, thích quan sát các sự vật, hiện tượng diễn ra xung quanh và đã có những phát hiện thú vị.

+ *Con vẹt xanh*: Câu chuyện kể về quá trình làm bạn với con vẹt xanh của một bạn nhỏ tên là Tú. Khi nghe thấy vẹt bắt chước những lời nói thiếu lễ phép của mình với anh trai, Tú đã hối hận, tự nhận ra mình cần thay đổi: tôn trọng và lễ phép với anh trai hơn.

+ *Chân trời cuối phố*: Câu chuyện kể về những khám phá, trải nghiệm của một chú chó nhỏ về thế giới bên ngoài cánh cổng. Qua câu chuyện, tác giả muốn khẳng định những điều thú vị của hoạt động khám phá, trải nghiệm.

+ *Trước ngày xa quê*: Câu chuyện kể về cuộc chia tay đầy lưu luyến của một bạn nhỏ với thầy giáo và những người bạn. Đó là những trải nghiệm về tình cảm, cảm xúc, về tình yêu đối với quê hương và những người thân thương.

3. Đọc lại một bài đọc trong chủ điểm *Mỗi người một vẻ* hoặc *Trải nghiệm và khám phá*, nêu chi tiết hoặc nhân vật em nhớ nhất.

– HS làm việc nhóm:

+ Từng em chọn đọc 1 bài đọc, nêu chi tiết hoặc nhân vật trong bài mà mình nhớ nhất (hoặc yêu thích nhất).

+ Cả nhóm nhận xét và góp ý.

– GV quan sát HS các nhóm, ghi nhận xét/ cho điểm.

4. Tìm danh từ chung và danh từ riêng trong các câu ca dao để xếp vào nhóm thích hợp nêu trong bảng.

Lưu ý: Trước khi HS làm bài, GV có thể nói để các em biết rằng ở lớp 4, HS mới bắt đầu nhận biết về danh từ, bài tập 4 chỉ yêu cầu các em tìm những danh từ được học:

+ Danh từ chung: danh từ chỉ người, vật, hiện tượng tự nhiên.

+ Danh từ riêng: tên người, tên địa lí.

– HS làm việc cá nhân: Tự xác định danh từ chung và danh từ riêng (kẻ bảng như gợi ý trong SHS) hoặc làm vào vở bài tập (nếu có), sau đó trao đổi theo cặp/ theo nhóm.

– 1 – 2 HS chữa bài trước lớp. GV nhận xét và thống nhất đáp án.

Đáp án:

Danh từ chung			**Danh từ riêng**	
Chỉ người	Chỉ vật	Chỉ hiện tượng tự nhiên	Tên người	Tên địa lí
nàng	phố, chùa		Tô Thị	Đồng Đăng, Kỳ Lừa, Tam Thanh
	tỉnh, chân		Triệu Thị Trinh	Nông Cống, (tỉnh) Thanh
	cành, trúc, chuông, chày, mặt, gương	gió, khói, sương		Trần Vũ, Thọ Xương, Yên Thái, Tây Hồ
	trời, nước, cơm, bạc, vàng	mưa, nắng		

Lưu ý:

+ Có thể cho các em tìm thêm danh từ chỉ thời gian (danh từ chung): *thì, ngày* (tức là thời, trong *"mưa nắng phải thì"*).

+ Các từ *canh gà, công lệnh, nơi,...* chưa yêu cầu HS xác định là danh từ. Tuy vậy, nếu HS có nêu ra thì GV cần khích lệ và giải thích thêm cho các em: danh từ có thể chỉ những sự vật mà ta không nhìn thấy được như *công lệnh, nơi* (một phạm vi không gian không xác định);...

+ Các từ *bạc, vàng* là danh từ, nhưng nếu xét trong kết hợp từ *"nước bạc, cơm vàng"* thì chúng được dùng với nghĩa chuyển (chỉ sự quý giá, dùng như tính từ).

+ Trong đáp án trên có một số cụm từ (VD: *cành trúc, tiếng chuông, mặt gương*) do HS khó phân biệt ranh giới giữa từ và cụm từ trong những trường hợp này, nên có thể chấp nhận đó là danh từ.

– GV nhận xét kết quả luyện tập ở tiết 1 – 2.

5. Nghe – viết.

– GV nêu yêu cầu nghe – viết.

– GV đọc 1 lần đoạn văn sẽ viết chính tả cho HS nghe.

– GV hướng dẫn HS đọc thầm lại toàn đoạn để nắm được:

+ Những danh từ riêng có trong đoạn để viết hoa cho đúng quy tắc.

+ Những chữ đầu mỗi câu cần viết hoa.

+ Viết những tiếng khó hoặc những tiếng dễ viết sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương.

+ Cách trình bày một đoạn văn.

– GV đọc tên bài, đọc từng câu/ đọc lại từng vế câu/ cụm từ cho HS viết vào vở.

– GV đọc lại đoạn văn cho HS soát lại bài viết. Sau đó, HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.

– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên khen ngợi các em.

TIẾT 3 – 4

1. Dựa vào từng gợi ý, nói tên bài thơ và tên tác giả. Đọc một đoạn thơ hoặc một bài thơ em thuộc.

HS làm việc theo hướng dẫn sau:

– Bước 1: Nói tên bài thơ và tên tác giả.

+ HS đọc thầm yêu cầu của bài tập 1.

+ Mỗi em đọc 1 gợi ý rồi nói tên bài thơ, tên tác giả.

– Bước 2: Đọc một đoạn thơ hoặc một bài thơ (tự lựa chọn).

+ 1 em đọc 1 đoạn (hoặc cả bài).

+ 1 em mở sách để theo dõi, nhận xét và góp ý (sau đó đổi vai).

– GV quan sát HS các nhóm, ghi nhận xét/ cho điểm.

2. Tìm câu chủ đề trong từng đoạn văn.

GV có thể hướng dẫn cách làm: HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, xác định lần lượt câu chủ đề trong từng đoạn văn. Suy nghĩ xem câu chủ đề nằm ở vị trí nào trong đoạn.

– Bước 1: Tìm câu chủ đề trong đoạn văn a.

+ Đọc thầm yêu cầu và đoạn văn thứ nhất.

+ Từng em suy nghĩ, tìm câu chủ đề của đoạn rồi nêu câu trả lời.

+ Cả nhóm bàn luận để thống nhất câu trả lời. Đáp án: Câu chủ đề của đoạn thứ nhất là câu mở đầu đoạn "*Biển động.*".

– Bước 2: Tìm câu chủ đề trong đoạn văn b (cách làm tương tự như bước 1).

Đáp án: Câu chủ đề của đoạn văn là câu mở đầu đoạn "*Những ngày hè đi bên bờ Hạ Long, Bãi Cháy hoặc Tuần Châu,... ta có cảm giác như đi trước cửa gió.*".

– Bước 3: Tìm câu chủ đề trong đoạn văn c (cách làm tương tự như bước 1).

Đáp án: Câu chủ đề của đoạn văn là câu cuối đoạn "*Ngần ấy loại chuồn chuồn cũng đủ cho chúng tôi mê tơi trong suốt mùa hè.*".

3. Tìm các động từ trong một đoạn văn (a, b hoặc c) ở bài tập 2.

– HS làm việc cá nhân, đọc yêu cầu và tìm động từ trong 1 đoạn văn mình chọn (có thể viết động từ tìm được vào vở ô li hoặc vở bài tập, nếu có). GV khích lệ các em làm bài nhanh để có thể tìm động từ ở các đoạn còn lại.

– HS làm việc nhóm:

+ Lần lượt từng em nêu các động từ tìm được.

+ Cả nhóm nhận xét, góp ý. GV và HS thống nhất đáp án.

Đáp án: a: động, thét, đập, rít, bay, cắt, vật vã; b: đi, đi, mang, thổi, nghe, reo, vỗ, vọng; c: mặc, thích, phơi, soi (gương), đứng, ngắm, mê tơi.

4. Tìm thêm 2 – 3 động từ cho mỗi nhóm.

Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5
chào	bay	bơi	mọc	trôi
trao đổi, học, hỏi, trả lời, suy nghĩ,...	làm tổ, hút mật, chui, đậu,...	quẫy, nhảy, thở, ăn, đớp (mồi), nhìn,...	nở, đổ, phát triển, kết (trái), đâm chồi,...	cập (bến), đậu, dừng, lật, đắm, chìm, trôi,...

5. Viết đoạn văn (4 – 5 câu) theo chủ đề tự chọn, có chứa động từ ở bài tập 4.

– HS làm việc cá nhân. GV có thể gợi ý cách làm, VD: Các em có thể viết về sự vật ở 1 nhóm và sử dụng một số động từ tìm được ở nhóm đó.

– HS làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp: Từng em/ một số em đọc đoạn văn đã viết, GV và cả lớp nhận xét, góp ý (chú ý vào việc sử dụng động từ có phù hợp hay không?).

– GV nhận xét kết quả học tập của HS ở tiết 3 – 4.

TIẾT 5

1. Quan sát tranh, đọc lời dưới tranh rồi tóm tắt câu chuyện.

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân: quan sát tranh, đọc lời dưới tranh, nhận biết việc xảy ra có liên quan tới các nhân vật trong tranh và tóm tắt câu chuyện (sao cho ngắn gọn hơn mà vẫn thể hiện được nội dung chính của câu chuyện).

– HS làm việc theo hướng dẫn của GV, sau đó tập tóm tắt câu chuyện theo cặp/ theo nhóm hoặc trước lớp (theo yêu cầu của GV). GV cùng cả lớp nhận xét về cách tóm tắt của các nhóm/ cá nhân.

VD:

Bam-bi đã lớn, nai mẹ quyết định rời xa để con sống tự lập. Không thấy mẹ, Bam-bi kêu khóc, gọi mẹ vang rừng. Nai bố xuất hiện với vẻ nghiêm nghị, khích lệ Bam-bi. Bam-bi cảm thấy yên tâm, nó thấy tương lai của mình qua bóng dáng của bố.

Từ đó, Bam-bi làm quen với cuộc sống tự lập: khám phá thế giới, học cách suy nghĩ, dùng hiểu biết của mình để xử lí các tình huống,... Nhiều năm trôi qua, Bam-bi trở thành chàng nai thông minh, dũng cảm.

2. Viết mở bài hoặc kết bài cho câu chuyện *Nai con Bam-bi* theo ý em.

– HS làm việc cá nhân, chọn viết mở bài hoặc kết bài.

– HS đọc bài làm của mình trong nhóm, cả nhóm góp ý.

– GV đọc một số bài trước lớp, nhận xét chung về bài làm của HS.

(Nếu không đủ thời gian, GV nhắc HS về nhà hoàn thành yêu cầu của bài tập 2).

– GV nhận xét kết quả học tập của HS ở tiết ôn tập thứ 5.

PHẦN 2 – ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I

TIẾT 6 – 7

Tuần 9 có 7 tiết, trong đó:

– 5 tiết dành cho ôn tập.

– 2 tiết dành cho kiểm tra, đánh giá giữa học kì.

SHS có giới thiệu đề kiểm tra để HS tập làm hoặc để HS làm quen với cách làm bài kiểm tra giữa học kì. GV có thể giới thiệu cấu trúc của phiếu kiểm tra, gồm:

– Bài kiểm tra đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi (trả lời miệng).

– Bài kiểm tra đọc hiểu (đọc một bài và trả lời câu hỏi bằng hình thức viết).

– Viết một bài văn theo yêu cầu.

HS tự làm bài kiểm tra vào phiếu hoặc GV hướng dẫn thực hiện, tuỳ theo năng lực HS và điều kiện của lớp.

Gợi ý hướng dẫn thực hiện Đề tham khảo

ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I

(Đề tham khảo)

A. ĐỌC

1. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi.

– HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động kiểm tra đọc thành tiếng bài *Con chim chiền chiện* của nhà thơ Huy Cận, giới thiệu sơ lược về bài đọc và giải thích một số từ ngữ khó (nếu HS chưa hiểu).

– HS đọc bài và trả lời câu hỏi:

+ Câu 1. *Những từ ngữ nào cho thấy chim chiền chiện bay lượn giữa không gian cao rộng?*

(Những từ ngữ như: bay vút, vút cao, trời xanh, cao hoài, cao vợi.)

+ Câu 2. *Tiếng hót của chim chiền chiện được miêu tả qua những câu thơ nào? Nêu cảm nghĩ của em về tiếng chim chiền chiện trong bài thơ.*

(Những câu thơ tả tiếng hót của chim chiền chiện: *Khúc hát ngọt ngào/ Tiếng hót long lanh/ Như cành sương chói/ Tiếng ngọc trong veo/ Chim gieo từng chuỗi/ Đồng quê chan chứa/ Những lời chim ca/ Chỉ còn tiếng hót/ Làm xanh da trời.*)

Lưu ý: HS nêu cảm nghĩ về tiếng chim chiền chiện trong bài thơ theo cảm nhận riêng của mình. GV khích lệ các em nêu cảm nghĩ của mình. Các em có thể nêu ý kiến như: Tiếng chim chiền chiện rất vang, rất trong, rất rộn ràng, làm cho lòng người vui theo,…

2. Đọc hiểu.

Trả lời câu hỏi và thực hiện yêu cầu.

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động kiểm tra – đánh giá đọc hiểu bài *Trai ngọc và hải quỳ*.

– GV đọc bài *Trai ngọc và hải quỳ* và giải thích một số từ khó (nếu cần).

– HS thực hiện bài tập.

– Đáp án:

+ Câu 1. Đáp án C (Mang một cái lọ mực).

+ Câu 2. Đáp án B (Vì cá mực hơi sợ khi nhìn thấy vỏ ngoài của cô trai).

+ Câu 3. Đáp án B (Vì hải quỳ đẹp, những cánh tay hoa mềm mại như gọi chào).

+ Câu 4. Đáp án: Cô trai đã gọi cá mực và cá cơm để ngăn cá mực và cá cơm đừng bơi đến gần hải quỳ vì cô trai sợ hải quỳ sẽ cuốn chặt lấy cá mực và cá cơm.

+ Câu 5. HS có thể trả lời theo cách cảm nhận và diễn đạt khác nhau, VD: Cá mực đã hiểu: Hải quỳ là bông hoa đẹp nhưng lại rất dữ, rất độc; Cô trai có tấm lòng tốt và đẹp như ngọc ẩn bên trong vẻ bề ngoài xấu xí.

+ Câu 6. HS tự nêu bài học mình rút ra, VD: *Cái đẹp bên ngoài chưa hẳn là cái tốt, cái xấu bên ngoài chưa hẳn là cái xấu.*

+ Câu 7. Từ có nghĩa giống với mỗi từ đã cho. VD: vội vã – vội/ vội vàng; mừng rỡ – mừng rơn/ mừng vui/ phấn khởi; sợ hãi – sợ/ lo sợ/ sợ sệt; cảm động – xúc động/,…

Đặt câu với một từ tìm được. (VD: Đàn gà con vội vàng chạy theo gà mẹ.)

+ Câu 8. Động từ chỉ tình cảm, cảm xúc trong mỗi câu:

– Cá mực **sợ hãi,** chạy lại gần cô trai.

– Cá mực **kinh ngạc** khi thấy trong lòng cô trai có một viên ngọc sáng đẹp lạ thường.

– Cá mực **cảm động**.

Lưu ý: Vì HS lớp 4 mới học về động từ, để hướng tới một giải pháp đơn giản trong việc nhận diện (động từ) cho HS, trong đoạn văn có một số cụm từ có thể xác định như động từ, VD: bơi đi, chạy lại.

B. VIẾT

HS tuỳ chọn đề số 1 hoặc số 2. Các dạng đề này đã được hướng dẫn cách làm và thực hành qua nhiều tiết học.

NIỀM VUI SÁNG TẠO

TUẦN 10

Bài 17 VẼ MÀU (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Vẽ màu*, biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của bạn nhỏ khi vẽ tranh.

   b. Nhận biết được màu sắc của các sự vật, cách gọi màu sắc của sự vật trong bài thơ; nhận xét được đặc điểm, cách gọi màu sắc của sự vật cùng những cảm xúc, suy nghĩ của bạn nhỏ. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Cần trân trọng, phát huy năng lực tưởng tượng, sáng tạo của mỗi cá nhân.

2. Nắm được khái niệm biện pháp nhân hoá và nhận biết được biện pháp nhân hoá.

3. Biết cách viết đoạn văn tưởng tượng dựa trên một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

4. Biết thể hiện sự trân trọng những sáng tạo của bản thân, bạn bè và những người xung quanh.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản thơ (cảm xúc/ mạch cảm xúc, hình ảnh, ngôn ngữ,…).

– Biện pháp nhân hoá.

– Đoạn văn tưởng tượng.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài thơ *Vẽ màu*.

– Một vài bức tranh HS tự vẽ (nếu có).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

ÔN BÀI CŨ

– 2 HS đọc nối tiếp bài *Trước ngày xa quê* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, VD: Vì sao bạn nhỏ không muốn xa quê?).

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– GV giới thiệu chủ điểm mới: Các em đã trải qua một tuần ôn tập và kiểm tra giữa kì sau khi học qua hai chủ điểm của học kì I là: *Mỗi người một vẻ, Trải nghiệm và khám phá*. Hai chủ điểm đầu là những bài học thú vị, giúp các em có thêm những hiểu biết cần thiết trong cuộc sống như nên tôn trọng sự khác biệt của nhau vì "mỗi người một vẻ" hoặc những trải nghiệm trong cuộc sống sẽ giúp ta lớn lên và cũng giúp ta khám phá thêm nhiều điều thú vị. Hôm nay, các em sẽ tìm hiểu chủ điểm thứ ba: *Niềm vui sáng tạo*. Hãy quan sát tranh chủ điểm và cho biết bức tranh nói với em điều gì về chủ điểm này (HS phát biểu theo cảm nhận của cá nhân.). GV có thể nói thêm: Tranh chủ điểm có các hình ảnh, nét vẽ sinh động, ngộ nghĩnh (tất cả đều có cánh) – đó là bức tranh tượng trưng cho thế giới của trí tưởng tượng và sáng tạo.

ĐỌC

1. Khởi động

– GV nêu tên bài học (*Vẽ màu*) và giao nhiệm vụ cho HS:

+ Giới thiệu về một bức tranh em vẽ.

+ Giải thích về việc sử dụng màu sắc trong bức tranh đó.

(GV khích lệ HS mạnh dạn nói điều mình tưởng tượng.)

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp. Cả lớp có thể nêu câu hỏi để cảm nhận rõ hơn những điều bạn tưởng tượng, hình dung.

– GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó GV giới thiệu khái quát về bài thơ. (Đọc bài thơ, sẽ thấy đó là sự tưởng tượng, khám phá về sắc màu của bạn nhỏ khi ngồi trước hộp màu và giá vẽ. Bạn nhỏ tưởng tượng và khám phá màu sắc của vạn vật xung quanh mình, cố gắng gọi tên chúng cho dù bạn biết rằng "sắc màu không kể hết".)

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ màu sắc, thể hiện tâm trạng, cảm xúc, sự khám phá của nhân vật).

– GV có thể mời 2 HS đọc nối tiếp các khổ thơ.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *Còn màu xanh chiếc **lá**; **Làm** mát những rặng cây; Màu **nâu này** biết không;* ...

+ Đọc diễn cảm, thể hiện cảm xúc của bạn nhỏ (nhấn giọng vào những từ ngữ chỉ màu sắc, thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật).

– 5 HS đọc nối tiếp cả bài thơ trước lớp.

– HS làm việc theo cặp, mỗi cặp đọc luân phiên từng khổ thơ đến hết bài, sau đó đổi lại.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 2 hoặc 5 HS đọc nối tiếp cả bài thơ trước lớp.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

– GV hướng dẫn HS sử dụng từ điển để tìm nghĩa của từ *đại ngàn*. Mời 1 – 2 HS đọc nghĩa và ví dụ về cách sử dụng từ. Cả lớp nhận xét.

– GV hướng dẫn HS trả lời lần lượt các câu hỏi trong SHS.

Câu 1. *Tìm trong bài thơ những từ ngữ chỉ màu sắc của mỗi sự vật* (*hoa hồng, nắng, đêm, lá cây, hoàng hôn, rừng đại ngàn*).

– 2 HS đọc câu hỏi trước lớp, cả lớp đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi:

+ Bước 1: HS đọc kĩ bài thơ, tìm từ ngữ chỉ màu sắc của các sự vật trên.

+ Bước 2: GV mời một số HS phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Cách 1:

• Làm việc nhóm, mỗi em đọc câu thơ/ đoạn thơ liên quan để tìm màu sắc của sự vật được yêu cầu (VD: câu thơ "Màu đỏ cánh hoa hồng" cho biết hoa hồng được bạn nhỏ vẽ bằng màu đỏ).

• Mỗi em phát biểu trong nhóm, các bạn nhận xét, bổ sung.

+ Cách 2: Từng em hoặc cả nhóm cùng nhau lần lượt tìm màu sắc của sự vật được nói đến.

– HS làm bài theo hướng dẫn nêu trên. Có thể ghi vắn tắt vào vở, phiếu bài tập hoặc giấy nháp.

– Một số HS phát biểu trước lớp.

– Cả lớp nhận xét, GV chốt đáp án.

Đáp án:

TT	Sự vật	Màu sắc
1	hoa hồng	màu đỏ
2	nắng	màu vàng
3	đêm	màu đen (mực)
4	lá cây	màu xanh
5	hoàng hôn	màu tím
6	rừng đại ngàn	màu nâu

Câu 2. *Các khổ thơ 2, 3, 4 nói về màu sắc của cảnh vật ở những thời điểm nào?*

– 2 HS đọc câu hỏi trước lớp, cả lớp đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS tìm câu trả lời:

Có thể tổ chức hoạt động theo 2 cách sau:

+ Cách 1: Làm việc nhóm, mỗi em đọc lại các khổ thơ 2, 3, 4, tìm những từ ngữ chỉ thời gian được nói đến trong các khổ thơ này. Mỗi em phát biểu trong nhóm, các bạn nhận xét, bổ sung.

+ Cách 2: Làm việc cá nhân, từng em lần lượt đọc lại từng khổ thơ và tìm những từ ngữ chỉ thời gian được nói đến trong mỗi khổ thơ.

Lưu ý: Cách này nên hạn chế hơn vì số sự vật được tả trong bài thơ khá nhiều, nên dùng cách 1 – làm theo nhóm – sẽ đỡ dồn gánh nặng cho một người.

– HS làm bài theo hướng dẫn. Có thể ghi vắn tắt vào vở, phiếu bài tập hoặc giấy nháp.

– Một số HS phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV chốt đáp án: Các khổ thơ 2, 3, 4 nói về màu sắc của cảnh vật ở những thời điểm buổi sáng (được nhận biết qua từ *bình minh* ở khổ 2), buổi chiều tối (được nhận biết qua từ *hoàng hôn* ở khổ 3), buổi đêm (được nhận biết qua từ *đêm* ở khổ 4).

Câu 3. *Theo em, bạn nhỏ muốn nói gì qua hai dòng thơ "Em tô thêm màu trắng/ Trên tóc mẹ sương rơi..."?*

– HS đọc câu hỏi, suy nghĩ và trả lời trong nhóm hoặc trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý, khen ngợi sự sáng tạo.

VD: Khi "tô thêm màu trắng trên tóc mẹ", có lẽ bạn nhỏ đã hiểu rằng tóc mẹ mình đã điểm bạc, mẹ của mình đã già; "sương rơi" trên tóc mẹ ý nói về sự vất vả, một nắng hai sương mà mẹ đã trải qua. Các hình ảnh thơ cho thấy, bạn nhỏ là người thương mẹ, quan tâm đến mẹ, thấu hiểu nỗi vất vả của mẹ. Bạn nhỏ là người con rất yêu thương mẹ.

– GV khích lệ HS nêu những suy nghĩ của mình.

Lưu ý: Đây là câu hỏi mở, cách trả lời hoàn toàn phụ thuộc vào hiểu biết, sự quan sát và cảm nhận của mỗi cá nhân HS. GV khích lệ để HS thể hiện sự hiểu biết, khả năng cảm nhận và nhận thức của mình.

Câu 4. *Nếu được vẽ một bức tranh với đề tài tự chọn, em sẽ vẽ gì? Em chọn màu vẽ nào để vẽ? Vì sao?*

– GV nêu yêu cầu của câu hỏi 4.

– HS làm việc cá nhân rồi chia sẻ theo cặp hoặc trong nhóm, mình sẽ vẽ gì, những màu mà mình lựa chọn để vẽ bức tranh và lí do mình lựa chọn những màu đó.

– GV mời một số HS chia sẻ kết quả.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý, khen ngợi sự sáng tạo.

Lưu ý: Đây là câu hỏi mở, những màu mà mỗi HS lựa chọn để vẽ bức tranh đó hoàn toàn phụ thuộc vào khả năng sáng tạo và trí tưởng tượng của mỗi HS. GV khích lệ HS thể hiện sự tưởng tượng, sáng tạo của mình qua cách lựa chọn màu khi các em sử dụng để vẽ tranh và lí do của sự lựa chọn.

4. Học thuộc lòng bài thơ

– GV hướng dẫn HS học thuộc lòng tại lớp.

– Có thể hướng dẫn HS học 1 – 2 khổ thơ theo cách mà GV cho là hiệu quả (VD: chiếu bài thơ, đoạn thơ lên và che dần các từ ngữ, câu thơ).

– HS làm việc cá nhân, tự đọc toàn bài.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

BIỆN PHÁP NHÂN HOÁ

1. Mỗi từ in đậm trong đoạn văn dùng để gọi con vật nào? Em có nhận xét gì về cách dùng những từ đó trong đoạn văn?

– GV nêu yêu cầu của bài tập 1 và mời 1 HS đọc đoạn văn, cả lớp đọc thầm.

– GV yêu cầu 1 HS đọc to, rõ các từ in đậm trong đoạn văn (**anh, cô, chú, ả, chị, bác**).

– HS làm việc nhóm, trao đổi, thống nhất kết quả trong nhóm.

– Một số HS nêu câu trả lời, cả lớp nhận xét. VD: Từ **anh** dùng để gọi con chuồn chuồn ớt.

– GV nêu câu hỏi: Em có nhận xét gì về cách dùng những từ đó trong đoạn văn?

– GV mời một số HS trả lời, cả lớp nhận xét.

– GV tổng hợp ý kiến của HS và chỉnh sửa (nếu cần) và chốt đáp án.

STT	Từ in đậm	Con vật
1	anh	chuồn chuồn ớt
2	cô	chuồn chuồn kim
3	chú	bọ ngựa
4	ả	cánh cam
5	chị	cào cào
6	bác	giang, dế
Tác dụng: Các từ hô gọi trên làm cho các con vật trong đoạn văn trở nên sinh động, gần gũi với con người hơn.		

– GV tổng kết: Đoạn văn viết về những con vật như nói về con người.

2. Tìm trong đoạn thơ những từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm của người được dùng để tả các vật hoặc hiện tượng tự nhiên.

– GV hướng dẫn cách thực hiện: HS làm việc cá nhân, đọc kĩ bài thơ, tìm từ ngữ theo yêu cầu của bài tập. (Có thể ghi các từ ngữ đó vào vở, vào giấy nháp,... rồi đối chiếu kết quả của mình với các bạn khác.)

– GV mời HS chữa bài trước lớp.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Đáp án:

Vật, hiện tượng tự nhiên	Từ ngữ chỉ người hoặc đặc điểm, hoạt động của người
Bụi tre	tần ngần, gỡ tóc
Hàng bưởi	bế lũ con
Chớp	rạch ngang trời
Sấm	ghé xuống sân, khanh khách cười
Cây dừa	sải tay bơi
Ngọn mùng tơi	nhảy múa

– GV mời 1 HS đọc ghi nhớ về biện pháp nhân hoá, cả lớp đọc thầm theo.

3. Trong đoạn thơ, những vật và hiện tượng tự nhiên nào được nhân hoá? Chúng được nhân hoá bằng cách nào?

– GV hướng dẫn cách thực hiện: HS làm việc cá nhân, đọc kĩ bài thơ, tìm những vật và hiện tượng tự nhiên được nhân hoá và cách nhân hoá. (Có thể ghi tên các vật, hiện tượng tự nhiên và cách nhân hoá vào vở, vào giấy nháp,... rồi đối chiếu kết quả của mình với các bạn khác.)

– GV mời HS chữa bài trước lớp. GV hướng dẫn HS nhận xét.

Đáp án:

STT	Vật, hiện tượng tự nhiên được nhân hoá	Cách nhân hoá
1	Mầm cây *tỉnh giấc*	Dùng từ chỉ hoạt động, đặc điểm của người để nói về hoạt động, đặc điểm của vật.
2	Hạt mưa *trốn tìm*	
3	Cây đào *lim dim, cười*	
4	Quất *gom nắng*	

4. Đặt 1 – 2 câu về con vật, cây cối, đồ vật,... trong đó có sử dụng biện pháp nhân hoá.

– GV khích lệ HS đặt câu có sử dụng biện pháp nhân hoá.

– HS làm việc cá nhân, đặt câu rồi viết ra vở, giấy nháp,...

– HS làm việc nhóm, từng em đọc câu của mình, các bạn góp ý.

– GV mời đại diện nhóm đọc các câu đã đặt, hướng dẫn cả lớp nhận xét.

– GV tổng kết tiết học. Khen ngợi các HS học tập tích cực.

VD:

+ Cây chuối mẹ nghiêng mình, vòng tay ôm lấy các con.

+ Trên trời có một cô mây xinh đẹp, khi thì cô mặc áo trắng như bông, khi thì cô thay chiếc áo xanh biếc, lúc thì lại diện chiếc áo hồng tươi.

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN TƯỞNG TƯỢNG

1. Đọc đoạn văn và thực hiện yêu cầu.

– GV nêu khái quát mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập 1 (GV lưu ý dành thời gian cho HS đọc đoạn văn của Vũ Tú Nam).

– GV nêu yêu cầu a của bài tập.

– GV yêu cầu HS so sánh đoạn văn tưởng tượng với đoạn văn gốc của Vũ Tú Nam để xem người viết đoạn văn tưởng tượng đã thêm những gì vào đoạn văn gốc. GV hướng dẫn HS tìm những chi tiết mà người viết đã thêm vào đoạn văn tưởng tượng. HS trả lời.

Đáp án:

+ Thêm lời thoại: lời của công, lời của chích choè.

– GV nêu yêu cầu b của bài tập.

– GV cho HS làm việc nhóm, mỗi HS suy nghĩ xem có điều gì thú vị ở các chi tiết tưởng tượng trong đoạn văn rồi chia sẻ với các thành viên trong nhóm.

– GV mời đại diện một số nhóm trả lời. Khuyến khích HS phát biểu suy nghĩ của mình.

Lưu ý: Đây là câu hỏi mở, ý kiến của mỗi HS về sự thú vị của các chi tiết tưởng tượng hoàn toàn phụ thuộc vào cách cảm nhận của mỗi em. GV khích lệ để HS thể hiện những cảm nhận cá nhân của mình.

2. Nếu viết đoạn văn tưởng tượng dựa vào câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe, em thích cách viết nào?

– GV yêu cầu HS đọc 3 cách viết đoạn văn tưởng tượng được nêu trong SHS.

– GV mời 2 – 3 cặp chia sẻ về cách viết đoạn văn tưởng tượng mà em thích, nêu lí do tại sao em thích cách viết đó, cả lớp nhận xét, bổ sung hoặc chỉnh sửa câu trả lời.

3. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn tưởng tượng dựa vào câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

– GV yêu cầu HS nhắc lại những cách viết đoạn văn tưởng tượng được gợi ý ở bài tập 2.

– GV đề nghị HS bổ sung thêm những phương án khác (chẳng hạn: chọn một cách mở đầu khác, phát triển một vài chi tiết quan trọng,...). Khuyến khích HS phát huy tính sáng tạo của mình. GV và các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV yêu cầu 1 – 2 HS đọc ghi nhớ, chốt lại những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn tưởng tượng về một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Kể cho người thân nghe một câu chuyện tưởng tượng về loài vật và chia sẻ những chi tiết mà em thích trong câu chuyện đó.*

CỦNG CỐ

– GV nhận xét kết quả học tập Bài 17. *Vẽ màu*. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực.

– Dặn HS ôn Bài 17 và đọc trước Bài 18.

Bài 18 ĐỒNG CỎ NỞ HOA (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Đồng cỏ nở hoa*. Biết đọc lời người dẫn chuyện, lời nói của các nhân vật (Bống, ông hoạ sĩ) trong câu chuyện với giọng điệu phù hợp.

b. Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua điệu bộ, hành động, suy nghĩ,...; nhận biết được cách liên tưởng, so sánh,... trong việc xây dựng nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Đam mê hội hoạ sẽ đem đến niềm vui cho các bạn nhỏ.

2. Biết tìm ý cho đoạn văn tưởng tượng dựa vào câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

3. Biết cách giới thiệu về một sản phẩm tự tay làm ra.

4. Biết chia sẻ niềm vui sáng tạo với người thân và những người xung quanh. Biết trân trọng những sản phẩm được tạo ra từ hoạt động sáng tạo của bản thân và bạn bè.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Văn bản tự sự (trình tự các sự việc, nhân vật, ngoại hình, tính cách, hành động,... của nhân vật); kiến thức về bài văn tưởng tượng (bài văn được viết ra dựa vào trí tưởng tượng chứ không phải do quan sát từ thực tế).

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ câu chuyện *Đồng cỏ nở hoa*.

– Một số đồ vật do HS tự làm (VD: máy bay giấy, cái diều, đèn ông sao,...).

– Từ điển tiếng Việt.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 HS đọc nối tiếp bài *Vẽ màu* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác).

ĐỌC

1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ:

+ Làm việc theo nhóm đôi: *Nếu có thời gian rảnh rỗi, em sẽ làm gì* (*vẽ, nghe nhạc, chơi thể thao,...*)? *Vì sao em thích làm việc đó?* GV khích lệ HS nói được suy nghĩ cá nhân.

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– HS làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng.

– HS (2 – 3 em) đại diện cho nhóm chia sẻ những hoạt động sáng tạo mà các bạn trong nhóm sẽ làm khi có thời gian rảnh rỗi và lí do chọn làm những việc đó.

– GV và HS nhận xét, góp ý.

– GV dẫn vào bài đọc *Đồng cỏ nở hoa* (VD: Vẽ tranh là một trong những hoạt động sáng tạo, các em nên lựa chọn khi có thời gian rảnh rỗi. Vẽ tranh sẽ giúp các em phát triển trí tưởng tượng của mình và đem lại niềm vui cho bản thân, cho mọi người xung quanh. Tìm hiểu bài đọc *Đồng cỏ nở hoa* chúng ta sẽ thấy rất rõ những điều đó.)

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện những tình tiết quan trọng hoặc những câu nói thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của các nhân vật trong câu chuyện, VD: *Bống là một cô bé có tài hội hoạ.; Cái Bống rất hay vẽ, nhưng đáng chú ý hơn là nó vẽ rất giống.; Chà chà! Vẽ như đồng cỏ đến kì nở hoa!;...* GV có thể mời 2 HS đọc nối tiếp các đoạn (hoặc mời 3 HS, mỗi HS đọc 1 đoạn).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *xấp tranh, tặc lưỡi, trầm trồ, chóp nhọn,...*

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Mẹ Phít nó/ cũng chẳng lẫn được với ai,/ cái mặt tròn như đồng xu/ với hai con mắt lá răm./; Ông hoạ sĩ/ xem cả xấp tranh vẽ con chó,/ con mèo,/ cây cau,/ chân dung bố và mẹ Bống/ thì tặc tặc lưỡi trầm trồ:/"Chà chà!/ Vẽ như đồng cỏ đến kì nở hoa!";...*

+ Đọc nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện hành động, suy nghĩ, cảm xúc,... của nhân vật: *Bống là một cô bé <u>có tài hội hoạ.;</u> Ông hoạ sĩ... <u>tặc tặc lưỡi trầm trồ: "Chà! Chà! Vẽ như đồng cỏ đến kì nở hoa!</u>; Đó là tí của nó ạ. <u>Không có tí, gà con bú mẹ sao được a</u>.*

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– HS làm việc theo cặp, mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

– GV hướng dẫn HS đọc chú giải từ ngữ trong SHS và nêu thêm những từ ngữ chưa hiểu, GV hướng dẫn HS để tự tra từ điển.

– GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ, yêu cầu nêu trong SHS (cuối bài đọc).

Câu 1. *Tài năng hội hoạ của Bống được giới thiệu như thế nào ở đoạn mở đầu?*

– 1 – 2 HS đọc yêu cầu trước lớp, cả lớp đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm:

+ HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.

+ HS có thể ghi kết quả thảo luận nhóm vào phiếu bài tập, giấy nháp, vở.

– Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả.

– GV và HS nhận xét, góp ý và thống nhất câu trả lời. (Tài năng hội hoạ của Bống được giới thiệu ở đoạn mở đầu như sau: Bống là một cô bé có tài hội hoạ; Bống rất mê vẽ; Bống vẽ rất tự nhiên như người ta thở, như người ta nhìn, như người ta nghe; Bống vẽ được cả các nàng tiên, các cô công chúa, các chàng công tử.)

Câu 2. *Điều đáng chú ý trong những bức tranh Bống vẽ là gì?*

– GV nêu câu hỏi hoặc 1 – 2 HS đọc yêu cầu trước lớp.

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi.

– 3 – 4 HS báo cáo kết quả.

– GV và cả lớp nhận xét, bổ sung.

– GV và cả lớp thống nhất đáp án. (Điều đáng chú ý trong những bức tranh Bống vẽ là nó vẽ rất giống. Con mèo Kết ra con mèo Kết. Con chó Lu ra con chó Lu. Cây cau ra cây cau. Bố Lít nó ra bố Lít. Mẹ Phít nó cũng chẳng lẫn được với ai, cái mặt tròn như đồng xu với hai con mắt lá răm.)

Câu 3. *Em hiểu thế nào về nhận xét của ông hoạ sĩ Phan đối với tranh Bống vẽ: "Chà chà! Vẽ như đồng cỏ đến kì nở hoa!"? Chọn câu trả lời cho trước hoặc nêu ý kiến của em.*

– GV nêu câu hỏi hoặc 1 – 2 HS đọc yêu cầu và các phương án trả lời.

– GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi.

+ Bước 1: HS suy nghĩ cá nhân, chọn đáp án.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm (lần lượt từng HS nêu ý kiến đã chuẩn bị), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

+ HS thực hiện theo các bước chỉ dẫn.

+ GV và cả lớp nhận xét, thống nhất câu trả lời. GV lưu ý là câu hỏi có đáp án mở. Vì vậy, tuỳ theo cảm nhận của mình, HS sẽ chọn các đáp án được đưa ra. Hoặc HS có thể

nêu những ý kiến khác như: Đây là câu ông hoạ sĩ vừa khen Bống vẽ đẹp, vừa dự đoán Bống là một tài năng trong tương lai…

Câu 4. *Những chi tiết nào trong bài cho thấy Bống có trí tưởng tượng rất phong phú?*

– GV nêu câu hỏi hoặc nhắc HS tự đọc câu hỏi và tìm câu trả lời.

– HS suy nghĩ, tìm câu trả lời, sau đó trao đổi trong nhóm, đại diện nhóm phát biểu trước lớp khi GV yêu cầu.

– GV và cả lớp nhận xét, thống nhất câu trả lời. (VD: Những chi tiết trong bài cho thấy Bống có trí tưởng tượng rất phong phú là: Đó là tí của nó ạ. Không có tí, gà con bú mẹ sao được? (Tưởng tượng gà mẹ có tí); Chi tiết: Dạ lưng con mèo ạ. Ý cháu là… hỡi tên chuột kia, mi hãy giờ hồn, mèo chưa quay đầu lại đâu! (Tưởng tượng có một con mèo đang đứng cạnh con chuột.)

– GV khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến, thể hiện suy nghĩ riêng của mình.

Câu 5. *Em có ấn tượng với nhân vật nào trong các bức vẽ của Bống? Vì sao?*

– GV nêu câu hỏi hoặc 1 – 2 HS đọc yêu cầu trước lớp.

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến để phát biểu trong nhóm và trước lớp.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp để mỗi cá nhân được nói ra suy nghĩ của mình.

– GV và cả lớp nhận xét, bổ sung ý kiến và thống nhất đáp án. GV lưu ý đây là câu hỏi mở, cần khích lệ HS nêu ý kiến cá nhân của mình. Các em có thể có câu trả lời khác nhau (VD: Em ấn tượng với mẹ Phít của Bống vì mẹ có cái mặt tròn như đồng xu; Em ấn tượng với chú chuột nhắt vì trông chú rất ngộ nghĩnh,…).

4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện:

– Làm việc chung cả lớp (3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– HS đọc theo cặp hoặc nhóm (3 em/ nhóm), góp ý trong nhóm.

5. Luyện tập theo văn bản đọc

– HS đọc yêu cầu trong SHS, trao đổi/ thảo luận theo nhóm để thực hiện yêu cầu bài tập (có thể sử dụng phiếu bài tập để ghi kết quả).

– Đại diện một số nhóm trình bày trước lớp.

– GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp, thống nhất đáp án.

Đáp án:

Câu 1. *Tìm nghĩa ở cột B phù hợp với mỗi từ ở cột A.*

– *sáng tạo*: tạo ra những giá trị mới về vật chất hoặc tinh thần

– *sáng chế*: nghĩ và chế tạo ra cái trước đó chưa từng có

– *sáng tác*: làm ra tác phẩm văn học, nghệ thuật

Câu 2. *Đặt 1 – 2 câu với từ ở cột A, bài tập 1.*

– HS làm việc cá nhân, đặt câu viết vào vở, vào giấy nháp,...

– GV mời một số HS đọc câu của mình trước lớp. (VD: Bống vẽ rất sáng tạo.; Ê-đi-xơn đã sáng chế ra đèn sợi đốt, máy chiếu phim,...)

TIẾT 3

VIẾT

TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN TƯỞNG TƯỢNG

Đề bài: Viết đoạn văn tưởng tượng dựa vào một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

1. Chuẩn bị.

– 1 – 2 HS đọc đề bài.

– GV hướng dẫn HS: Các em đã học bài *Tìm hiểu cách viết đoạn văn tưởng tượng*. Bây giờ, các em hãy đọc phần chuẩn bị trong SHS và thực hiện yêu cầu.

+ Lựa chọn câu chuyện yêu thích.

+ Lựa chọn một phương án viết đoạn văn tưởng tượng.

– GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm:

+ Lựa chọn câu chuyện yêu thích và một phương án viết đoạn văn tưởng tượng; Phương án 1: Bổ sung lời kể, tả cho câu chuyện; Phương án 2: Viết tiếp đoạn kết; Phương án khác (theo lựa chọn của em).

+ Cả nhóm góp ý.

2. Tìm ý.

– GV hướng dẫn HS: Dựa vào kết quả của phần Chuẩn bị, các em tìm ý cho đoạn văn tưởng tượng.

– Cách thức thực hiện: HS dựa vào gợi ý trong SHS, tìm ý cho đoạn văn tưởng tượng mình cần viết:

+ Mở đầu: Giới thiệu tên câu chuyện đã gợi cho em những liên tưởng, tưởng tượng.

+ Triển khai: Kể, tả lại những gì em đã tưởng tượng về câu chuyện theo phương án đã lựa chọn.

+ Kết thúc: Nêu cảm nghĩ hoặc gợi ra những điều tưởng tượng tiếp theo.

3. Chỉnh sửa.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chỉnh sửa dàn ý của các bạn.

– HS chia sẻ kết quả chỉnh sửa cho bài viết của bạn, VD:

+ Cần trình bày rõ những điều tưởng tượng dựa trên câu chuyện đã chọn.

+ Nội dung tưởng tượng có thể hiện được sự sáng tạo không?

– GV mời 1 – 2 HS có kết quả tìm ý tốt để đọc trước lớp.

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE

CHÚNG EM SÁNG TẠO

Yêu cầu: Giới thiệu về một sản phẩm mà em tự tay làm ra.

1. Chuẩn bị.

– 1 – 2 HS đọc yêu cầu.

– GV hướng dẫn HS đọc kĩ một số gợi ý trong SHS về cách lựa chọn sản phẩm, về cách giới thiệu sản phẩm và cách sử dụng phương tiện khi nói.

– HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.

2. Nói.

– Theo hướng dẫn của GV ở phần Chuẩn bị, từng HS giới thiệu sản phẩm trong nhóm của mình.

– GV mời 3 – 4 HS giới thiệu trước lớp.

3. Trao đổi, góp ý.

GV mời HS nhận xét sau khi nghe bạn giới thiệu (VD: Có thể bổ sung nội dung như đặc điểm nổi bật của sản phẩm mà mình thấy bạn chưa nêu, có thể nhận xét về cách nói, cử chỉ, điệu bộ của bạn.)

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện 2 yêu cầu ở hoạt động Vận dụng:

1. *Chia sẻ với người thân về sản phẩm em đã giới thiệu ở hoạt động Nói và nghe.*

2. *Tìm đọc sách, truyện về các phát minh khoa học.*

HS nêu suy nghĩ về các phát minh đó hoặc nêu điều em biết về tác giả của các phát minh.

CỦNG CỐ

– GV nhận xét kết quả học tập của buổi học. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực.

– Dặn HS ôn Bài 18 và đọc trước Bài 19.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TUẦN 11

Bài 19. THANH ÂM CỦA NÚI (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Thanh âm của núi*. Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời kể, tả giàu hình ảnh, giàu cảm xúc trong bài.

b. Hiểu nghĩa của các từ ngữ, hình ảnh miêu tả cây khèn, tiếng khèn, người thổi khèn cùng cảnh vật miền núi Tây Bắc qua lời văn miêu tả, biểu cảm của tác giả. Nhận biết được ý chính của mỗi đoạn trong bài. Cảm nhận được tình cảm, cảm xúc của tác giả đối với cái hay, cái đẹp của nghệ thuật truyền thống, tài năng của nghệ sĩ dân gian.

2. Nhận biết được các vật, hiện tượng được nhân hoá, biện pháp nhân hoá và nói, viết được câu văn sử dụng biện pháp nhân hoá.

3. Viết được đoạn văn tưởng tượng dựa vào câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe, bước đầu xây dựng được những chi tiết thể hiện sự sáng tạo.

4. Có ý thức quan sát, khám phá những điều kì diệu, thể hiện sự sáng tạo của bàn tay, khối óc con người.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản tự sự (hình ảnh, chi tiết, nhân vật).

– Biện pháp tu từ nhân hoá.

2. Phương tiện dạy học

Tranh ảnh minh hoạ bài đọc; sưu tầm tranh ảnh, bài thơ, bài văn,... về các nhạc cụ dân gian trên các miền đất nước; video về tiết mục biểu diễn khèn của người Mông.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 – 3 HS đọc nối tiếp bài *Đồng cỏ nở hoa* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, VD: Em nhớ nhất bức vẽ nào của bạn nhỏ? Vì sao?).

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ: HS làm việc theo nhóm (*Trao đổi với bạn những điều em biết về một nhạc cụ dân tộc như khèn, đàn bầu, đàn t'rưng, đàn đá,...*) theo gợi ý. GV khích lệ HS mạnh dạn chia sẻ ý kiến. GV có thể mời 1 – 2 HS trình bày ý kiến trước lớp, các bạn có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về nhạc cụ được bạn giới thiệu.

– GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó GV giới thiệu bài đọc *Thanh âm của núi*. Bài đọc là cảm nhận của tác giả khi đến với miền núi Tây Bắc, được thưởng thức tiếng khèn của người Mông trên đỉnh núi cao, giữa không gian khoáng đạt của rừng núi.

– GV có thể giới thiệu sâu hơn một chút về cây khèn của người Mông dựa vào những thông tin dưới đây:

+ **Cuộc sống của đồng bào người Mông**: Người Mông chủ yếu sinh sống trên những vùng núi cao nên có nhiều khó khăn, thiếu thốn. Ngày nay, nhiều hộ gia đình đã chuyên chú làm ăn, từng bước vươn lên thoát nghèo, làm giàu cho gia đình, cho bản làng.

+ **Cây khèn của người Mông**: Chính vì sống trên vùng núi cao, xung quanh là những cánh rừng tre, nứa nên từ xa xưa, bà con người Mông đã biết tận dụng các loại tre, nứa, trúc để làm những vật dụng phục vụ cuộc sống sinh hoạt hằng ngày. Nhạc cụ truyền thống của người Mông ở Tây Bắc bao gồm khèn, kèn, trống, chiêng, sáo, khèn môi, kèn lá,... Các nhạc cụ được chế tác tại chỗ, từ bàn tay khéo léo, sáng tạo của chính những người sử dụng. Nhạc cụ đã và đang góp phần làm giàu có thêm bản sắc văn hoá vốn vô cùng đa dạng và độc đáo của đồng bào Mông ở Tây Bắc.

+ **Tiếng khèn với người Mông**: Khèn có mặt trong hầu hết các hình thức sinh hoạt văn hoá của đồng bào Mông ở Tây Bắc và người Mông trong cả nước. Cây khèn luôn là vật bất li thân của người đàn ông dân tộc Mông. Nhờ cây khèn độc đáo này, người Mông không chỉ thổ lộ tâm tình qua âm điệu du dương, trầm bổng mà còn là đạo cụ sinh động, giàu tạo hình trong những động tác múa điêu luyện. Múa khèn còn thể hiện tinh thần thượng võ, ý chí kiên cường của người đàn ông miền sơn cước.

2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn HS đọc mục Từ ngữ để hiểu nghĩa của các từ mới trong bài.

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả khi lên Tây Bắc). GV có thể mời 2 HS đọc nối tiếp các đoạn.

– GV hướng dẫn HS đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *vấn vương trong lòng, xếp khéo léo,...*).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Đến Tây Bắc,/ bạn sẽ được gặp những nghệ nhân người Mông/ thổi khèn nơi đỉnh núi mênh mang lộng gió.; Núi vút ngàn cao,/ rừng bao la rộng/ cũng chẳng thể làm chìm khuất tiếng khèn/ đầy khát khao, dạt dào sức sống./;...*

+ Nhấn giọng ở một số từ ngữ thể hiện cảm xúc của tác giả khi nghe tiếng khèn của người Mông: *Ai đã một lần lên Tây Bắc, được nghe tiếng khèn của người Mông, sẽ thấy nhớ, thấy thương, thấy vấn vương trong lòng...*

– 2 HS đọc nối tiếp 2 đoạn trước lớp.

– HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp các đoạn 1 – 2 lượt).

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 2 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

– GV hướng dẫn HS đọc từ ngữ được giải nghĩa trong mục Từ ngữ và có thể nêu thêm các từ ngữ trong bài mà các em chưa hiểu (để tra từ điển).

– GV hoặc HS đọc câu hỏi 1.

Câu 1. *Đến Tây Bắc, du khách thường có cảm nhận như thế nào về tiếng khèn của người Mông?*

HS đọc lướt lại đoạn mở đầu, tìm chi tiết để trả lời câu hỏi. VD: Đến Tây Bắc, được nghe tiếng khèn của người Mông, du khách thấy nhớ, thấy thương, thấy vấn vương trong lòng... Âm thanh của cây khèn có thể làm đắm say cả những du khách khó tính nhất.

Câu 2. *Đóng vai một người Mông, giới thiệu về chiếc khèn (vật liệu làm khèn; những liên tưởng, tưởng tượng gợi ra từ hình dáng cây khèn).*

GV dành thời gian cho HS chuẩn bị câu trả lời, mời 2 – 3 HS đóng vai người Mông (mặc trang phục của người Mông, nếu có); cả lớp đóng vai du khách lắng nghe, nêu câu hỏi và nhận xét.

VD: Người Mông chúng tôi rất tự hào về chiếc khèn được người xưa tạo ra. Khèn của người Mông chúng tôi được chế tác bằng gỗ cùng sáu ống trúc lớn, nhỏ, dài, ngắn khác nhau. Với chúng tôi, sáu ống trúc này tượng trưng cho tình anh em tụ hợp. Chúng được xếp khéo léo, song song trên thân khèn. Các bạn hãy nhìn và tưởng tượng thêm một chút, sẽ thấy chúng như dòng nước đang trôi. Đúng hơn, đó là dòng thanh âm chứa đựng tình cảm, cảm xúc của người Mông chúng tôi qua mỗi chặng đường của cuộc sống...

Câu 3. *Theo em, vì sao tiếng khèn trở thành báu vật của người Mông?*

– HS suy nghĩ và chuẩn bị ý kiến rồi chia sẻ trong nhóm. GV khuyến khích HS trả lời câu hỏi theo suy luận, cảm nhận của mình.

– Đại diện một số nhóm phát biểu. GV tổng hợp các ý kiến và có thể nói với HS: Mỗi nhạc cụ truyền thống đều là sản phẩm sáng tạo của con người qua mỗi chặng đường. Sản phẩm đó không chỉ thể hiện tài năng, óc sáng tạo của con người mà còn chứa đựng cảm xúc, tình yêu cuộc sống của người xưa. Với người Mông, tiếng khèn như "báu vật" tinh thần của người xưa để lại. Bởi nó không thể thiếu vắng trong cuộc sống tâm hồn,

tình cảm của người Mông. Tiếng khèn vang lên trong bản làng mỗi độ xuân về, tiếng khèn cùng người Mông khi lên nương, lúc xuống chợ,... Tiếng khèn là một phần quý báu trong đời sống tinh thần của người Mông.

Câu 4. *Đoạn cuối bài đọc muốn nói điều gì về tiếng khèn và người thổi khèn?*

– 2 HS nêu câu hỏi 4. GV yêu cầu HS trả lời ý 1 trước (Đoạn cuối bài nói lên điều gì?).

– GV có thể hướng dẫn HS tìm hiểu ý chính của mỗi đoạn trong bài *Thanh âm của núi*.

+ Đoạn 1: Ấn tượng khái quát về tiếng khèn của người Mông.

+ Đoạn 2: Giới thiệu đặc điểm cây khèn (cấu tạo, vật liệu làm khèn,...).

+ Đoạn 3: Ý nghĩa của tiếng khèn đối với người Mông.

+ Đoạn 4: Vẻ đẹp của nghệ nhân thổi khèn và sức sống của tiếng khèn người Mông giữa núi rừng Tây Bắc.

– GV có thể chia sẻ cảm nhận của mình về đoạn kết, VD: Đoạn kết như vẽ ra một bức tranh gợi bao cảm xúc. Hình ảnh nghệ nhân dân gian thổi khèn như tạc vào không gian núi rừng, trời mây và tiếng khèn vang lên như thể thanh âm của núi, thanh âm của rừng, thanh âm của tiếng lòng người Mông qua bao thế hệ...

Câu 5. *Xác định chủ đề của bài đọc* ***Thanh âm của núi.***

– GV giải thích để HS hiểu "chủ đề" và vấn đề chính, điều tác giả muốn nói trong bài.

– HS đọc 4 phương án và đưa ra lựa chọn của mình. Đáp án: C.

4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài đọc:

– Làm việc chung cả lớp (2 – 3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– Làm việc cá nhân, tự đọc toàn bài.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ BIỆN PHÁP NHÂN HOÁ

1. Tìm các vật, hiện tượng tự nhiên được nhân hoá trong những đoạn thơ, đoạn văn. Cho biết chúng được nhân hoá bằng cách nào.

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu của bài tập.

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện:

+ HS làm việc cá nhân, đọc thầm lại các đoạn thơ, đoạn văn; dự kiến câu trả lời: những vật, hiện tượng tự nhiên được nhân hoá trong các đoạn thơ, đoạn văn đó và cách chúng được nhân hoá.

+ HS làm việc nhóm, thảo luận và thống nhất câu trả lời. HS ghi câu trả lời vào phiếu bài tập, vở hoặc giấy nháp.

– Một số HS đại diện nhóm trình bày kết quả. GV và cả lớp nhận xét.

– GV và HS thống nhất đáp án:

Đoạn	Vật, hiện tượng được nhân hoá	Cách nhân hoá		
		Gọi vật, hiện tượng tự nhiên bằng những từ ngữ chỉ người	Dùng từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm của người để kể, tả về vật, hiện tượng tự nhiên	Trò chuyện, xưng hô với vật, hiện tượng tự nhiên như với người
a	chim		mừng, rủ nhau về	
	cào cào		mặc (áo xanh, đỏ); giã gạo	
	hạt (lúa)		níu, nhờ	
	gió	chị	mách tin	
b	cái cây nhỏ		(mọc) khép nép, im lặng, nhìn, vẫy vẫy, không trả lời, chưa biết nói	– Chào cây! – Cậu bé nói. – Tên cậu là gì? – Cậu bé lại hỏi.
c.	chích choè, khướu, chào mào, cu gáy	thím, chú, anh, bác	nhanh nhảu, lắm điều, đỏm dáng, trầm ngâm	

2. Em thích hình ảnh nhân hoá nào trong đoạn thơ? Nêu tác dụng của hình ảnh nhân hoá đó.

– GV nêu yêu cầu của bài tập 2.

– HS làm việc nhóm: Từng em nêu hình ảnh nhân hoá mình thích và lí do yêu thích hình ảnh đó; nêu tác dụng của hình ảnh nhân hoá trong đoạn thơ.

– GV mời một số HS phát biểu ý kiến trước lớp, GV và cả lớp nhận xét, góp ý.

Lưu ý: Đây là câu hỏi mở, GV khích lệ HS phát biểu theo suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân. Các em có thể đưa ra nhiều ý kiến khác nhau và biết giải thích vì sao mình thích hình ảnh nhân hoá đó.

– GV khen ngợi những HS có câu trả lời thể hiện suy nghĩ của bản thân, có cách giải thích thú vị, sáng tạo.

– GV chốt lại tác dụng của biện pháp nhân hoá: giúp cho sự vật, hiện tượng vô tri, vô giác trở nên có hồn hơn, sinh động hơn, giống với con người, gần gũi với con người hơn.

3. Đặt 2 – 3 câu có hình ảnh nhân hoá nói về cảnh vật, hiện tượng tự nhiên.

– HS làm việc cá nhân: dựa vào câu mẫu, đặt câu viết vào vở, vào giấy nháp,...

– HS làm việc nhóm, từng bạn đọc các câu của mình để cả nhóm nhận xét, góp ý về cách nhân hoá.

– GV quan sát, đi đến các nhóm, ghi chép các câu hay hoặc câu chưa đúng để chữa chung trước lớp hoặc chữa bài riêng cho những HS đặt câu chưa đúng yêu cầu.

– GV mời một số HS đọc câu văn hay trước lớp.

TIẾT 3

VIẾT

VIẾT ĐOẠN VĂN TƯỞNG TƯỢNG

Đề bài: Viết đoạn văn tưởng tượng dựa vào một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

1. HS chuẩn bị.

– GV yêu cầu HS đọc lại dàn ý đã lập trong hoạt động Viết ở Bài 18 và trả lời các câu hỏi:

+ Đề bài yêu cầu những gì?

+ Em đã chọn câu chuyện nào để dựa vào đó viết đoạn văn tưởng tượng?

+ Em có muốn thay đổi hoặc điều chỉnh gì ở dàn ý đã lập?

– GV hướng dẫn HS: Các em đã được tìm hiểu cách viết đoạn văn tưởng tượng dựa vào câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe. Tiết học trước các em đã chọn phương án viết đoạn tưởng tượng và lập dàn ý theo phương án đó. Tiết học này, các em viết đoạn văn theo dàn ý đã lập. Chú ý đảm bảo thời gian viết bài và soát lỗi trước khi nộp bài.

2. HS viết bài.

– HS viết đoạn văn dựa vào dàn ý đã lập.

– GV quan sát HS, có thể hỗ trợ khi HS đề đạt yêu cầu hoặc hỗ trợ các em có những hạn chế về kĩ năng viết.

– GV kiểm tra bài của HS khi các em đang làm bài để biết em nào viết được đoạn văn hay, em nào còn lúng túng, chưa biết cách viết đoạn văn tưởng tượng để có những hỗ trợ, hướng dẫn riêng.

3. HS đọc soát lỗi.

– HS làm việc cá nhân, tự đọc lại bài, tự phát hiện dựa vào gợi ý trong SHS.

– HS có thể trao đổi bài để góp ý cho nhau.

4. HS tự sửa lỗi đoạn văn (nếu có).

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng:

Chia sẻ với người thân về nội dung tưởng tượng trong đoạn văn mà em đã viết.

CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính ở Bài 19:

+ Đọc – hiểu: *Thanh âm của núi*.

+ Luyện từ và câu: Luyện tập về biện pháp nhân hoá.

+ Viết: Viết đoạn văn tưởng tượng dựa vào một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

– GV hỏi HS yêu thích nội dung nào ở Bài 19.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn HS đọc trước Bài 20.

Bài 20 BẦU TRỜI MÙA THU (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Bầu trời mùa thu*. Biết đọc diễn cảm lời đối thoại của các nhân vật trong câu chuyện: nhấn giọng đúng từ ngữ, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật qua giọng đọc. Sử dụng được từ điển học sinh để tìm nghĩa của một số từ.

b. Nhận biết được sự việc gắn với thời gian, địa điểm cụ thể; nhận biết được các cách thể hiện sự sáng tạo riêng của mỗi nhân vật trong thực hiện công việc, nhiệm vụ. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện. Biết học cách sáng tạo của các nhân vật trong miêu tả sự vật.

2. Nhận biết được ưu điểm và nhược điểm trong đoạn văn tưởng tượng đã viết. Biết chỉnh sửa đoạn văn cho hay hơn.

3. Tìm đọc được sách báo để có thêm những hiểu biết về các thành tựu của khoa học, công nghệ, viết được phiếu đọc sách theo mẫu.

4. Có nhu cầu, có ý thức tạo ra được những sản phẩm có tính sáng tạo.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản tự sự (sự việc, nhân vật, suy nghĩ, cảm xúc,... của nhân vật).

– Tư liệu, sách báo chứa thông tin về khoa học, công nghệ.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ câu chuyện *Bầu trời mùa thu*, sưu tầm thêm các bức tranh bầu trời ở các mùa khác nhau.

– Từ điển học sinh.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 – 3 HS đọc nối tiếp bài *Thanh âm của núi* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, VD: Em nhớ nhất câu văn nào trong bài? Vì sao?).

ĐỌC

1. Khởi động

– GV giới thiệu: Trong môn Tiếng Việt, tiết học giúp các em phát huy cá tính sáng tạo nhiều nhất là tiết viết đoạn văn, bài văn. Làm thế nào để bài văn, lời văn của mỗi người có cái hay riêng, có màu sắc riêng, điều đó phụ thuộc vào khả năng suy nghĩ độc lập và cảm nhận riêng của mỗi người. Các em hãy thể hiện ý kiến riêng của mình khi tham gia hoạt động khởi động trong bài học hôm nay. *Trao đổi với bạn: Bầu trời đẹp nhất vào lúc nào? Vì sao?*

– GV giao nhiệm vụ: Làm việc theo nhóm (Từng HS nêu ý kiến của mình và có thể giải thích, miêu tả,… để thuyết phục các bạn trong nhóm), sau đó mỗi nhóm cử 1 – 2 HS nêu ý kiến trước lớp.

– Một số HS trình bày trước lớp.

– GV nhận xét chung và dẫn vào bài *Bầu trời mùa thu*.

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện những tình tiết bất ngờ hoặc từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện). GV có thể mời 3 em đọc nối tiếp các đoạn.

Có thể tạm chia bài đọc thành 3 đoạn như sau để HS luyện đọc nối tiếp:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *để nói về bầu trời*.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến *và mỉm cười*.

+ Đoạn 3: Còn lại.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *tia nắng mặt trời, mặt nước mệt mỏi, những làn sóng,…*).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Còn bây giờ,/chẳng có chim én nữa,/ vì thế / bầu trời cúi xuống lắng nghe/ để tìm xem chim én đang ở trong bụi cây/ hay ở nơi nào.; Cứ thế,/ các cô/ cậu/ hào hứng suy nghĩ và tưởng tượng/ để nói về bầu trời theo cách của riêng mình.;…*

+ Đọc nhấn giọng ở từ dùng để hỏi, VD: *Vì sao mặt nước lại mệt mỏi?/ Còn Va-li-a, vì sao em im lặng thế?/ Em đã tìm được chưa?/,...*

+ Đọc nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện cảm xúc phù hợp với nội dung miêu tả trong các câu văn của mỗi bạn trong câu chuyện.

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– HS làm việc nhóm (3 em/ nhóm), đọc nối tiếp 3 đoạn từ 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp, GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

– GV giới thiệu bài đọc nói về lớp học của các bạn nhỏ nước Nga. Bầu trời mùa thu nước Nga rất đẹp. (Có thể giới thiệu qua hình ảnh sưu tầm.)

– GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ nêu trong SHS.

– GV nêu yêu cầu 1 (hoặc chiếu yêu cầu 1 trên màn hình hoặc mời 1 HS đọc yêu cầu 1, cả lớp đọc thầm theo).

Câu 1. *Các bạn học sinh được thầy giáo giao cho nhiệm vụ gì?*

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, tìm chi tiết để trả lời câu hỏi.

+ Bước 2: HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm (lần lượt từng em trả lời câu hỏi).

+ Bước 3: Một số HS nêu câu trả lời trước lớp, GV động viên HS trả lời theo các cách khác nhau. VD: Câu chuyện kể về một giờ học viết văn miêu tả. Thầy giáo dẫn các bạn học sinh ra cánh đồng vào một buổi sáng mùa thu để quan sát bầu trời và tập tả bầu trời.

– GV nhận xét và nói rõ hơn: Thầy giáo dẫn các bạn học sinh ra cánh đồng để quan sát bầu trời, vì khi viết bài văn miêu tả, HS cần có những cảm nhận riêng về sự vật được miêu tả.

– HS đọc câu hỏi 2 trước lớp, cả lớp đọc thầm.

Câu 2. *Em có nhận xét gì về cách tả bầu trời của các bạn nhỏ qua các câu văn?*

– GV nêu câu hỏi, 5 HS lần lượt đọc các câu văn tả bầu trời.

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ HS làm việc cá nhân theo yêu cầu.

+ HS thảo luận nhóm và thống nhất đáp án.

– GV tổ chức cho HS chữa bài trước lớp. Một số HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp. GV hướng dẫn cả lớp nhận xét. HS có thể trình bày theo cách cảm nhận, cách diễn đạt riêng của mình:

+ Cách cảm nhận về bầu trời có điểm gì giống nhau?

(VD: Trong những câu văn được nêu, cách cảm nhận về bầu trời có một điểm chung: Bầu trời có hành động, cử chỉ, điệu bộ (rửa mặt, cúi xuống, ghé sát,…), có tâm trạng, cảm xúc (trầm ngâm, nhớ, buồn bã,…), có tính tình, tính cách (dịu dàng) của con người, giống như con người.)

+ Em có thích đọc những câu văn này không? Vì sao?

(Với câu hỏi này, HS được phát biểu theo cảm nhận của mình. GV có thể cho HS hiểu: Đây chính là biện pháp nhân hoá. Cách miêu tả sự vật bằng biện pháp nhân hoá làm cho sự vật thêm gần gũi với con người hơn.)

– GV có thể nói thêm: Sử dụng biện pháp nhân hoá, so sánh sẽ làm cho bài văn thêm sinh động. Tuy nhiên, vẫn có thể viết được những câu văn hay bằng việc chọn lọc từ ngữ như câu văn của các bạn nhỏ trong bài đọc: *Bầu trời xanh biếc*.

– HS đọc câu hỏi 3 trước lớp, cả lớp đọc thầm theo.

Câu 3. *Trong bài có rất nhiều câu văn tả bầu trời, em thích câu văn nào? Vì sao?*

GV tổ chức cho HS thảo luận. HS được nói theo cảm nhận của mình, ý thích riêng của mình. GV khích lệ HS phát biểu ý kiến trong nhóm, trước lớp và nhận xét/ bổ sung ý kiến của các bạn. GV động viên HS cố gắng giải thích để các bạn thấy ý kiến của mình là hợp lí.

Câu 4. *Theo em, vì sao hình ảnh bầu trời trong các câu văn của mỗi bạn nhỏ rất khác nhau?*

GV tổ chức cho HS thảo luận. HS được nói theo cảm nhận, suy luận, trải nghiệm riêng của mình. GV khích lệ HS phát biểu ý kiến trong nhóm, trước lớp và nhận xét/ bổ sung ý kiến của các bạn, hỏi lại bạn để hiểu rõ hơn ý kiến bạn đã nêu. GV nhắc HS tập giải thích rõ ràng, có lí lẽ thuyết phục.

VD: Hình ảnh bầu trời hiện ra trong các câu văn của mỗi bạn nhỏ rất khác nhau vì các bạn nhìn bầu trời các góc, các hướng khác nhau/ vì các bạn nhìn bầu trời và có những liên tưởng, tưởng tượng khác nhau/ vì các bạn có vốn từ ngữ khác nhau (do đọc các sách, truyện nhiều, ít khác nhau)/,...

Câu 5. *Viết 1 – 2 câu văn tả bầu trời theo quan sát và cảm nhận của em.*

– HS làm việc cá nhân, tự đọc và viết theo yêu cầu.

– Làm việc theo nhóm/ lớp, từng em đọc các câu văn đã viết, cả nhóm nhận xét, góp ý; HS tự chỉnh sửa theo góp ý.

– GV mời một số HS có câu văn hay đọc trước lớp.

4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện:

– HS làm việc chung cả lớp (3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– HS làm việc cá nhân, tự đọc toàn bài.

5. Luyện tập theo văn bản đọc

– HS đọc yêu cầu trong SHS và tự thực hiện yêu cầu. GV nêu thời gian thực hiện nhiệm vụ và hướng dẫn hình thức học (làm việc cá nhân trước khi trao đổi, thống nhất câu trả lời trong nhóm hoặc lớp).

– GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp.

Đáp án:

Câu 1. *Tìm câu văn sử dụng cả hai biện pháp so sánh và nhân hoá.*

Câu văn sử dụng cả 2 biện pháp so sánh và nhân hoá là: Bầu trời xanh như mặt nước mệt mỏi trong ao – phương án A.

Câu 2. *Đặt câu kể, tả về một hiện tượng tự nhiên, trong đó có sử dụng biện pháp nhân hoá.*

TIẾT 3

VIẾT

TRẢ BÀI VIẾT ĐOẠN VĂN TƯỞNG TƯỢNG

1. GV đánh giá kết quả làm bài của HS.

– GV nhận xét kết quả làm bài chung của cả lớp có đạt những yêu cầu dưới đây hay không.

+ Đoạn văn được viết dựa trên một câu chuyện.

+ Đoạn văn có chi tiết tưởng tượng.

+ Bố cục đoạn văn hợp lí.

– GV nhận xét những em có nhiều cố gắng, tiến bộ hoặc viết được đoạn văn thể hiện trí tưởng tượng sáng tạo, thú vị, cuốn hút người đọc.

– GV mời HS có đoạn văn hay đọc trước lớp.

– GV động viên cả lớp chỉnh sửa bài theo góp ý và phấn đấu bài làm sau sẽ tốt hơn.

2. HS chỉnh sửa, hoàn thiện bài làm.

– Đọc bài làm của mình và nhận xét của thầy cô, dự kiến chỉnh sửa đoạn văn theo góp ý.

– Đọc bài của bạn (đặc biệt là những bài được thầy cô khen), ghi lại những điều mình muốn học tập.

– Trao đổi với bạn về dự kiến chỉnh sửa bài làm của mình.

– Viết lại những câu muốn sửa, muốn thay.

TIẾT 4

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc sách báo viết về các thông tin khoa học và công nghệ và viết phiếu đọc sách theo mẫu.

– GV nêu yêu cầu của giờ đọc mở rộng, nhắc HS thực hiện các yêu cầu:

+ Đọc sách báo,... viết về các thông tin về khoa học và công nghệ (các cuốn sách theo gợi ý trong SHS hoặc các sách báo khác. Có thể đọc lại các bài trong *Tiếng Việt 3, tập hai*: *Rô-bốt ở quanh ta*; *Rô-bốt đang đến gần cuộc sống*;...).

+ Viết phiếu đọc sách theo mẫu trong SHS.

+ Trao đổi, chia sẻ với bạn về những thông tin khoa học, công nghệ trong sách báo,... đã đọc.

– HS làm việc cá nhân (thực hiện yêu cầu 1 và 2).

Lưu ý: GV nhắc HS có thể chia sẻ sách báo cho nhau; không gây ồn ào làm ảnh hưởng đến các bạn,...

2. Trao đổi với bạn những kiến thức hoặc phát minh khoa học trong sách báo đã đọc.

– HS làm việc theo nhóm:

+ Từng em chia sẻ, phát biểu ý kiến: những kiến thức hoặc phát minh khoa học được nói tới; những thông tin thú vị, bổ ích đối với bản thân;...

+ Các thành viên trong nhóm có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn sách báo bạn đã đọc hoặc hiểu rõ hơn những thông tin bạn chia sẻ.

– GV tổng kết tiết học. Khen ngợi các HS đọc nhiều sách báo; chia sẻ được nhiều thông tin với bạn; động viên các em tự tin nói trước lớp hoặc mạnh dạn chia sẻ, đề xuất ý kiến.

VẬN DỤNG

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Chia sẻ với người thân về những thông tin bổ ích trong sách báo mà em và các bạn đã đọc.*

– GV nhắc HS ghi chép những thông tin bổ ích đối với bản thân mình.

CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính ở Bài 20:

+ Đọc – hiểu: *Bầu trời mùa thu*.

+ Viết: Trả bài viết đoạn văn tưởng tượng.

+ Đọc mở rộng: Đọc sách báo viết về các thông tin khoa học và công nghệ.

– GV hỏi HS thấy yêu thích nhất nội dung nào ở Bài 20.

– GV nhận xét kết quả học tập của của HS. Khen ngợi, động viên các em có cố gắng trong bài văn tả cây cối.

– Dặn HS đọc trước Bài 21.

TUẦN 12

Bài 21 LÀM THỎ CON BẰNG GIẤY (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài đọc *Làm thỏ con bằng giấy*. Biết ngắt nghỉ câu phù hợp sau dấu chấm, dấu phẩy; nhấn giọng vào những từ ngữ, chi tiết quan trọng trong văn bản.

   b. Nhận biết được thông tin quan trọng trong bài đọc *Làm thỏ con bằng giấy* (dụng cụ, vật liệu, các bước làm thỏ con bằng giấy,...). Hiểu nội dung khái quát của bài đọc: Những hướng dẫn cụ thể để làm thỏ con bằng giấy.

2. Biết tính từ là từ chỉ đặc điểm của sự vật, hoạt động, trạng thái,...; biết dùng tính từ để miêu tả đặc điểm của sự vật.

3. Nắm được cấu trúc của bài viết hướng dẫn thực hiện một công việc.

4. Biết cách sắp xếp các hoạt động khi thực hiện một công việc; biết vận dụng các điều đã được học vào thực tế và chia sẻ với mọi người xung quanh; biết trân trọng những đồ vật do mình tự làm ra.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

GV nắm được đặc điểm của văn bản thông tin hướng dẫn thực hiện một công việc (nội dung, trật tự sắp xếp các thông tin trong văn bản, ngôn ngữ,...).

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài đọc (có thể chiếu trên màn hình, nếu có).

– Tranh minh hoạ bài tập phần Luyện tập tiếng Việt.

– Tranh minh hoạ phần Viết: Tìm hiểu cách viết bài hướng dẫn thực hiện một công việc.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

ÔN BÀI CŨ

Nêu tên bài đọc trước (*Bầu trời mùa thu*) và nêu cảm nghĩ của em về một chi tiết em thích trong bài đọc.

ĐỌC

1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ:

+ Làm việc theo nhóm, trao đổi nội dung trong hoạt động Khởi động. (*Em biết làm những đồ chơi nào? Chia sẻ với bạn cách làm một đồ chơi.*)

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– HS làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng.

– HS (2 – 3 em) nói về những đồ chơi mình biết làm và chia sẻ cách làm một đồ chơi.

– GV và HS nhận xét, góp ý.

– GV dẫn sang bài đọc *Làm thỏ con bằng giấy* (VD: Qua chia sẻ của các bạn, cả lớp đã biết thêm nhiều loại đồ chơi và cách làm một số đồ chơi. Bài đọc hôm nay hướng dẫn các em cách làm một đồ chơi đơn giản, dễ làm và sau khi đọc bài, các em có thể thực hiện được ngay để tặng bạn bè. Đó là đồ chơi nào vậy? Chúng ta cùng quan sát tranh và đọc bài *Làm thỏ con bằng giấy* để biết thông tin.).

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện những thông tin quan trọng trong bài đọc *Làm thỏ con bằng giấy* như *dụng cụ, vật liệu*; *cách làm*,...). GV có thể mời 2 em đọc nối tiếp các phần (1. Đoạn mở đầu; 2. Chuẩn bị; 3. Hướng dẫn thực hiện (Bước 1. Cắt); 4: Bước 2. Dán; 5. Bước 3. Vẽ; 6. Đoạn kết thúc).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *nét đứt, trang trí, vui sướng,...* (GV hướng dẫn đọc đúng cho những HS hay mắc lỗi phát âm khi đọc bài.)

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Dùng hồ dán hai mép của mỗi hình chữ nhật/ để tạo đầu thỏ/ và thân thỏ.*;...

+ Đọc nhấn giọng vào những từ ngữ chứa thông tin về dụng cụ, vật liệu, hoạt động trong các bước làm thỏ con bằng giấy: *Dùng hồ dán hai mép của mỗi hình chữ nhật để tạo đầu thỏ và thân thỏ; Dùng bút màu vẽ mắt, râu, mũi, miệng ở đầu thỏ và tay ở thân thỏ.*

– 2 HS đọc nối tiếp các phần trước lớp.

– HS làm việc theo cặp, mỗi HS đọc một phần, đọc nối tiếp đến hết bài.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

– GV hướng dẫn HS đọc chú giải từ ngữ trong SHS và nêu thêm những từ ngữ còn khó hiểu, GV hướng dẫn HS tra từ điển.

– GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ, yêu cầu nêu trong SHS (cuối bài đọc).

Câu 1. *Dựa vào bài đọc, cho biết cần chuẩn bị những đồ vật nào để làm thỏ con bằng giấy.* (băng dính, bút chì, hồ dán, kéo, giấy trắng, bút màu, giấy màu, kim chỉ)

– GV nêu câu hỏi hoặc mời 1 – 2 HS đọc toàn bộ câu hỏi 1.

– GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm để thống nhất câu trả lời. GV cũng có thể chuẩn bị trước các thẻ chữ để phát cho mỗi nhóm, yêu cầu nhóm chọn thẻ chữ phù hợp, sau đó báo cáo kết quả trước lớp.

– Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả trước lớp (dán các thẻ chữ lên bảng).

– GV và HS nhận xét, góp ý và thống nhất câu trả lời: Để làm thỏ con bằng giấy, cần chuẩn bị: hồ dán, bút chì, kéo, giấy trắng, giấy màu, bút màu.

Câu 2. *Để làm được thỏ con bằng giấy, cần phải thực hiện những bước nào? Nêu hoạt động chính trong mỗi bước.*

– GV nêu câu hỏi hoặc mời 1 – 2 HS đọc câu hỏi.

– GV hướng dẫn HS cách thức thực hiện (làm việc nhóm):

+ Cách 1: Mỗi em tìm hiểu một bước làm thỏ con bằng giấy cùng những việc cụ thể trong mỗi bước rồi phát biểu trong nhóm; các bạn trong nhóm nhận xét, bổ sung (3 em/ nhóm).

+ Cách 2: Cả nhóm cùng nhau tìm hiểu các bước và các việc cụ thể trong mỗi bước làm thỏ con bằng giấy.

+ HS ghi kết quả vào vở, phiếu bài tập hoặc giấy nháp:

Bước	Tên bước và các hoạt động chính
1	Cắt: cắt hai hình chữ nhật để làm đầu thỏ, thân thỏ; cắt hình tai thỏ từ giấy trắng, sau đó gấp theo đường kẻ nét đứt; cắt đế từ giấy màu.
2	Dán: dùng hồ dán hai mép của mỗi hình chữ nhật để tạo đầu thỏ và thân thỏ; dán tai thỏ, đầu thỏ, thân thỏ với nhau, sau đó dán lên đế.
3	Vẽ: dùng bút màu vẽ trang trí tai thỏ; dùng bút màu vẽ mắt, râu, mũi, miệng ở đầu thỏ và tay ở thân thỏ.

– Đại diện một số nhóm phát biểu trước lớp; GV và cả lớp nhận xét.

Câu 3. *Dựa vào bài đọc, trình bày 1 – 2 bước làm thỏ con bằng giấy.*

– GV nêu yêu cầu hoặc mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu.

– GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi:

+ Bước 1: HS suy nghĩ cá nhân, chọn 1 – 2 bước làm thỏ con bằng giấy và chuẩn bị ý để trình bày.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm (lần lượt từng em nêu ý kiến đã chuẩn bị), sau đó phát biểu trong nhóm. Nhóm bầu 1 bạn phát biểu tốt nhất để trình bày ý kiến trước lớp.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– HS thực hiện theo chỉ dẫn.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý. GV khen ngợi những HS trình bày tốt, đúng yêu cầu.

Câu 4. *Giới thiệu về chú thỏ con bằng giấy được nói đến trong bài đọc.*

– 1 HS đọc câu hỏi. GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, quan sát chú thỏ trong tranh và đọc lại các bước làm chú thỏ con bằng giấy.

– HS làm việc nhóm, giới thiệu chú thỏ con về đặc điểm hình thức (GV đặt câu hỏi gợi ý: Chú thỏ được làm bằng nguyên liệu gì? Hình dáng ra sao? Kích thước thế nào? Chú thỏ bằng giấy gồm những bộ phận gì?...) và cách làm chú thỏ (GV đặt câu hỏi gợi ý: Để làm chú thỏ cần thực hiện mấy bước? Mỗi bước cần làm gì?...). GV lưu ý HS chỉ nêu tóm tắt các bước thực hiện, không giới thiệu lại toàn bộ quá trình làm chú thỏ như trong bài đọc.

– HS thực hiện hoạt động theo hướng dẫn của GV.

– 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý. GV khen ngợi những HS có cách giới thiệu hay, sinh động.

4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc lại bài đọc:

– Làm việc chung cả lớp (2 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– HS đọc theo cặp, góp ý cho nhau.

TIẾT 3

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TÍNH TỪ

1. Tìm từ chỉ đặc điểm theo yêu cầu.

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu của bài tập 1.

– GV hướng dẫn cách thực hiện: HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm để đối chiếu kết quả.

– Đối với mỗi yêu cầu, GV mời 1 – 2 HS nêu các từ thích hợp. GV lưu ý: chấp nhận mọi đáp án của HS miễn là đúng yêu cầu, (VD: vị của quả táo HS có thể nêu tất cả các từ chỉ "vị" như ngọt, chua, chát,… miễn là không vô lí như cay, mặn,…).

– GV viết lên bảng:

Vị của quả táo: ngọt, ngọt ngào, ngọt lịm, chua, chát,...	**Mùi hương** của hoa hồng: thơm, thơm lừng, thơm ngát, thơm phức,...	**Kích thước** của một chú voi: to, cao, to lớn, to đùng,...
Màu của mặt trời: vàng, cam, đỏ, hồng,...	**Hình dáng** của cầu vồng: cong, cong cong,...	**Âm thanh** trong giờ ra chơi: ồn, ồn ào, ầm ĩ, xôn xao,...

2. Tìm các từ chỉ đặc điểm trong đoạn văn và xếp vào nhóm thích hợp.

– GV nêu yêu cầu hoặc mời 1 HS đọc yêu cầu của bài tập 2.

– GV có thể nêu 1 đáp án làm ví dụ cho HS hiểu "từ chỉ đặc điểm của sự vật" và "từ chỉ đặc điểm của hoạt động". VD: vàng ruộm (là đặc điểm của sự vật "ánh nắng"), nhanh (là đặc điểm của hoạt động "lướt đi").

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm.

– HS tìm các từ chỉ đặc điểm trong đoạn văn và xác định đó là đặc điểm của sự vật nào, hoạt động nào. HS chuẩn bị câu trả lời và thảo luận trong nhóm. Các HS góp ý, nhận xét cho nhau.

– Đại diện 1 – 2 nhóm phát biểu trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án.

Đáp án:

Từ chỉ đặc điểm của sự vật	Từ chỉ đặc điểm của hoạt động
vàng ruộm, thơm nồng, nâu sẫm, đỏ rực, xanh mướt, um tùm, nhỏ xíu, tròn xoe, bé nhỏ	nhanh, thoăn thoắt, kín đáo, nhè nhẹ, chậm rãi, cao

Lưu ý: Để HS hiểu rõ hơn và chắc chắn về đáp án, GV có thể chỉ rõ các từ đã tìm được chỉ đặc điểm của sự vật, hoạt động cụ thể nào. VD:

+ vàng ruộm, nâu sẫm, đỏ rực, xanh mướt (đặc điểm của *nắng*), thơm nồng (đặc điểm của *cánh đồng*), um tùm (đặc điểm của *vườn cây*), nhỏ xíu, tròn xoe, bé nhỏ (đặc điểm của *giọt sương*).

+ nhanh (đặc điểm của hoạt động *lướt*), thoăn thoắt (đặc điểm của hoạt động *đổi màu*), kín đáo (đặc điểm của hoạt động *nấp*), nhè nhẹ, chậm rãi (đặc điểm của hoạt động *đậu xuống*), cao (đặc điểm của hoạt động *lên*).

– GV giới thiệu kiến thức cần ghi nhớ: Những từ trong bài tập 1 và bài tập 2 được gọi là tính từ.

– GV mời 1 – 2 HS đọc to phần ghi nhớ. Cả lớp đọc thầm theo. GV mời 1 – 2 HS xung phong nói về tính từ trước lớp mà không cần nhìn sách (Tính từ là từ chỉ đặc điểm của sự vật, hoạt động, trạng thái,...). GV chốt lại kiến thức về tính từ.

(GV có thể nói với HS: Ở lớp 2 và lớp 3, các em đã được học từ ngữ chỉ đặc điểm. Tiết học này, các em bước đầu nhận biết thế nào là tính từ. Các em sẽ còn được tìm hiểu về tính từ ở nhiều tiết học khác.)

3. Đặt câu có sử dụng 1 – 2 tính từ nói về đặc điểm của từng sự vật, hoạt động dưới đây:

Bữa sáng của em

Bộ quần áo em thích

Một hoạt động trong giờ học

– GV nêu yêu cầu của bài tập 3, nhấn mạnh kiến thức về tính từ.

– GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp.

– HS nhớ lại bữa sáng hôm nay mình đã ăn (để tìm các tính từ miêu tả sự vật theo yêu cầu 1), nhớ lại bộ quần áo mình thích hoặc có thể quan sát ngay bộ quần áo đang mặc (để tìm các tính từ miêu tả sự vật theo yêu cầu 2), và chọn một giờ học, suy nghĩ về một số hoạt động trong giờ học đó (để tìm các tính từ miêu tả hoạt động theo yêu cầu 3).

– HS làm việc cá nhân, sau đó luân phiên nói với bạn mình theo từng yêu cầu.

– Đại diện 2 – 3 nhóm nêu các tính từ đã tìm được theo từng yêu cầu. Các nhóm khác nhận xét, góp ý.

– GV khuyến khích HS có thể tìm nhiều hơn 2 tính từ (càng nhiều càng tốt).

VD:

Bữa sáng của em	**Bộ quần áo em thích**	**Một hoạt động trong giờ học**
thơm phức, ngon lành, nóng hổi, giòn tan,...	(áo) trắng tinh, (quần) xanh thẫm, phẳng phiu, mềm mại, thơm tho,...	VD: hoạt động đóng kịch: vui nhộn, thú vị, lâu, nhanh,...

4. Chơi trò chơi: *Đoán đồ vật.*

– GV nêu trò chơi và luật chơi (hoặc mời 1 HS đọc luật chơi).

– GV hướng dẫn HS chơi trong nhóm hoặc cử 2 nhóm đại diện chơi với nhau.

– GV tổng kết trò chơi và khen ngợi các đội chơi đoán đúng và nhanh.

TIẾT 3

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT CÔNG VIỆC

1. Đọc bài hướng dẫn và thực hiện yêu cầu.

– GV nêu khái quát mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập: Bài tập 1 giúp HS tìm hiểu cấu trúc và nội dung của bài viết hướng dẫn thực hiện một công việc.

– GV hướng dẫn HS làm việc:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, đọc bài hướng dẫn và các câu hỏi, chuẩn bị câu trả lời để trao đổi trong nhóm. GV lưu ý HS đọc kĩ bài hướng dẫn và phân tích các phần của bài viết theo đánh dấu trong SHS.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm, trao đổi ý kiến để thống nhất câu trả lời cho các câu hỏi.

+ Bước 3: Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu trước lớp.

– HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.

– GV thống nhất đáp án.

Đáp án:

a. Bài viết hướng dẫn thực hiện công việc làm một đồ chơi (chú nghé ọ bằng lá).

b. Phần chuẩn bị yêu cầu phải có vật liệu, dụng cụ để làm đồ chơi, gồm: một chiếc lá, hai sợi dây cước nhỏ, kéo (hoặc tay).

c. Phần hướng dẫn thực hiện có 2 bước. Bước 1: Dùng kéo cắt hoặc dùng tay xé hai đường chéo theo gân lá để tạo thành hai chiếc sừng. Bước 2: Cuộn phần lá hai bên lại thành hình tròn để tạo bụng nghé. Buộc một sợi dây quanh cuộn lá để không bị bung ra. Sau đó dùng sợi dây còn lại buộc vào cuống lá, luồn dây qua bụng để kéo, tạo chuyển động cho đầu nghé.

2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài hướng dẫn thực hiện một công việc.

– GV hướng dẫn HS cách chuẩn bị ý kiến để trao đổi: đọc (hoặc nhớ lại các câu trả lời của bài tập 1), tìm thêm những điểm cần lưu ý, cần biết, cần thể hiện trong bài viết hướng dẫn thực hiện một công việc.

– HS trao đổi nhóm theo hướng dẫn của GV.

– Đại diện các nhóm phát biểu ý kiến.

– GV có thể chốt các ý mà HS cần nhớ khi viết bài hướng dẫn thực hiện một công việc.

+ Cấu trúc bài viết: chuẩn bị, các bước thực hiện.

+ Cách trình bày: trật tự các bước thực hiện được trình bày rõ ràng, cân đối.

+ Từ ngữ diễn đạt: ngắn gọn, súc tích, đủ thông tin, rõ ràng, mạch lạc.

– GV mời 1 HS đọc to Ghi nhớ về bài viết hướng dẫn thực hiện một công việc. Các HS khác đọc thầm theo. GV có thể mời 1 – 2 HS xung phong lên bảng nêu nội dung của Ghi nhớ mà không cần nhìn sách.

– GV khen ngợi các HS tích cực tham gia xây dựng bài, trình bày tự tin, rõ ràng, mạch lạc.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động Vận dụng: *Tìm đọc bài viết hướng dẫn cách làm một đồ chơi đơn giản và cùng người thân làm đồ chơi đó*. GV khuyến khích HS mang đồ chơi đã làm đến lớp để giới thiệu với bạn bè ở buổi học sau.

CỦNG CỐ

– GV nhắc lại các nội dung HS đã được học:

+ Đọc và tìm hiểu văn bản: *Cách làm thỏ con bằng giấy*.

+ Luyện từ và câu: Tìm hiểu về tính từ.

+ Viết: Tìm hiểu về cách viết hướng dẫn thực hiện một công việc.

– GV dặn HS về tìm đọc bài viết hướng dẫn cách làm một đồ chơi và cùng người thân làm đồ chơi đó.

Bài 22 BỨC TƯỜNG CÓ NHIỀU PHÉP LẠ (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Bức tường có nhiều phép lạ*. Biết đọc diễn cảm các từ ngữ và các đoạn hội thoại phù hợp với tâm lí, cảm xúc của nhân vật.

   b. Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Để làm một bài văn nói chung và văn miêu tả nói riêng, chúng ta cần phối hợp giữa quan sát thực tế và tưởng tượng, tái hiện lại những hình ảnh đã từng gặp trong trí nhớ.

2. Biết cách viết bài văn hướng dẫn thực hiện một công việc.

3. Nghe hiểu câu chuyện *Nhà phát minh và bà cụ*, kể lại được câu chuyện dựa vào tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện theo lời GV kể).

4. Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống để đem lại niềm vui cho chính bản thân và mọi người xung quanh.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Đặc điểm của văn bản tự sự (địa điểm, thời gian, trình tự các sự việc, lời nói và hành động của nhân vật).

– Đặc điểm của văn bản thông tin hướng dẫn làm một sản phẩm (nội dung, trật tự sắp xếp các thông tin trong văn bản, ngôn ngữ,...).

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài đọc *Bức tường có nhiều phép lạ*, tranh ảnh minh hoạ câu chuyện *Nhà phát minh và bà cụ*.

– Từ điển tiếng Việt.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 HS đọc nối tiếp bài *Làm thỏ con bằng giấy* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác).

ĐỌC

1. Khởi động

– GV gọi 1 – 2 HS nêu yêu cầu của phần Khởi động.

– GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm để thực hiện yêu cầu (*Nói về một điều tưởng tượng mà em mong là có thật*). GV gợi ý HS nghĩ đến những điều mà HS đã từng gặp trong truyện, trong phim, hoặc chính HS tưởng tượng ra. GV có thể chiếu/ treo lên bảng để gợi ý cho HS: Tranh một cô bé đang bay lượn với chong chóng của Doraemon, tranh một tốp trẻ con đang chạy nhảy trên mây, tranh một cậu bé hoá thành siêu nhân bay lượn,...). HS lựa chọn một điều tưởng tượng mà HS mong muốn thành hiện thực nhất để nói trong nhóm.

– HS lần lượt nói ý kiến của mình trong nhóm. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp. GV động viên, khen ngợi HS có những ý tưởng hay.

– GV mời HS nêu nội dung tranh minh hoạ bài đọc và dẫn vào bài đọc. VD: Tranh vẽ bạn HS đang cắm cúi viết và bóng nghĩ vẽ rất nhiều hình ảnh trong mưa: chiếc ô tô đang chạy, chiếc thuyền giấy đang trôi, người nông dân và trâu đi cày,... Để biết bạn HS đang làm gì mà nghĩ đến những hình ảnh như vậy, chúng ta cùng tìm hiểu bài đọc *Bức tường có nhiều phép lạ*.

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài, đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật. GV có thể mời 3 em đóng vai người dẫn chuyện, Quy và bố Quy để đọc bài, hoặc mời 3 em đọc 3 đoạn (đoạn 1: từ đầu đến *bảo Quy cách làm bài*; đoạn 2: tiếp theo đến *trời đang nắng thì mưa...*; đoạn 3: phần còn lại).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *đọc nhẩm, tả lại, nhìn thẳng, phép lạ, nhìn mãi, đúng lúc,...*).

+ Cách ngắt giọng ở câu dài, VD: *Quy ngồi vào bàn,/ nhìn lên bức tường/ và thấy chiếc thuyền giấy trôi bồng bềnh giữa sân,/ những vai áo ướt sũng nước mưa của người đi cày,/ những hạt mưa đan nhau rơi xuống rào rào.;...*

– Đọc nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện cảm xúc của nhân vật: *tài thật; có chứ; thế mà con bảo chẳng thấy gì.*

– HS làm việc nhóm 3, mỗi HS đọc một đoạn, hoặc mỗi HS đóng một vai đọc các đoạn theo vai, sau đó đổi lại thứ tự đọc.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 3 HS đọc trước lớp.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

– GV hướng dẫn HS nêu những từ ngữ khó hiểu, GV hướng dẫn HS tra từ điển.

– GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ, yêu cầu nêu trong SHS (cuối bài đọc).

Câu 1. *Tìm chi tiết tả không gian nơi Quy đang ngồi học.*

– GV nêu câu hỏi hoặc mời 1 – 2 HS đọc toàn bộ câu hỏi 1.

– GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm để thống nhất câu trả lời, sau đó báo cáo kết quả trước lớp.

– Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả (dán các thẻ chữ lên bảng).

– GV và HS nhận xét, góp ý và thống nhất câu trả lời. Đáp án (Chi tiết tả không gian Quy ngồi học: Quy nhìn lên bức tường trước mặt. Màu vôi xanh mát hiện ra như tấm màn ảnh rộng).

Câu 2. *Hành động và suy nghĩ nào của Quy cho biết Quy đang gặp khó khăn với bài làm văn?*

– GV nêu câu hỏi hoặc mời 1 – 2 HS đọc câu hỏi.

– GV hướng dẫn cách thức thực hiện: làm việc nhóm

+ Cách 1: Mỗi em sẽ tìm câu trả lời rồi phát biểu trong nhóm; các bạn trong nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau (3 em/ nhóm).

+ Cách 2: Cả nhóm cùng nhau tìm hiểu hành động và suy nghĩ của Quy cho biết Quy đang gặp khó khăn với bài làm văn.

+ HS ghi kết quả vào vở, phiếu bài tập hoặc giấy nháp.

– Đại diện một số nhóm phát biểu trước lớp; GV và cả lớp nhận xét, thống nhất đáp án.

Hành động	Suy nghĩ
Quy chống tay, tì má, đọc nhẩm đề bài tập làm văn, thở dài	Trời thì nắng mà bài văn lại yêu cầu tả mưa.

Câu 3. *Điều gì khiến Quy nghĩ bức tường vôi xanh có phép lạ?*

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu:

– Bước 1: HS làm việc cá nhân.

+ Đọc thầm lại văn bản.

+ Tìm các chi tiết có thể giải thích cho câu hỏi.

– Bước 2: HS làm việc nhóm.

+ Từng HS nêu câu trả lời.

+ Cả nhóm góp ý và bổ sung.

+ Cả nhóm bầu một bạn phát biểu trước lớp.

– Bước 3: HS làm việc cả lớp.

+ 2 – 3 HS phát biểu trước lớp.

+ GV và cả lớp nhận xét, thống nhất đáp án. (Vì Quy quan sát thấy bố thường tì cằm lên tay, nhìn vào bức tường một hồi rồi cầm bút viết lia lịa, nên Quy nghĩ bức tường có phép lạ, có thể gợi ý cho bố cách viết văn.)

Câu 4. *Vì sao bố kể cho Quy nghe về những trận mưa?*

– GV nêu yêu cầu và hướng dẫn HS làm việc theo nhóm/ cặp.

– HS làm việc theo nhóm/ theo cặp: Từng HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi. Các HS khác góp ý, bổ sung. (HS có thể lựa chọn đáp án bằng cách loại trừ.)

– 2 – 3 HS phát biểu trước lớp. GV khuyến khích HS nêu lí do lựa chọn.

– GV và cả lớp nhận xét và thống nhất đáp án.

Đáp án: C. *Vì bố muốn gợi cho Quy nhớ lại những trận mưa mà Quy đã gặp.*

Câu 5. *Theo em, vì sao Quy có thể làm được bài văn mà không cần nhìn bức tường có nhiều phép lạ nữa?*

– GV nêu câu hỏi hoặc mời 1 – 2 HS đọc câu hỏi.

– GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm để thống nhất câu trả lời, ghi kết quả thảo luận nhóm vào phiếu bài tập hoặc giấy nháp, sau đó báo cáo kết quả trước lớp.

+ Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả trước lớp.

+ GV và HS nhận xét, góp ý và thống nhất câu trả lời. GV lưu ý đây là câu hỏi mở, HS có thể có những câu trả lời khác nhau nhưng GV cần lưu ý HS: Quy làm văn mà không cần nhìn vào bức tường có nhiều phép lạ. Vì Quy đã hiểu ra cách làm một bài văn tả cơn mưa là cần dựa vào những gì mình đã quan sát và ghi nhớ được, sau đó kết hợp với trí tưởng tượng và dùng từ ngữ để thể hiện những điều đó.

– GV nói thêm: Như vậy, để làm một bài văn miêu tả, đầu tiên cần phải quan sát và ghi nhớ những điều mình đã quan sát, sau đó tái hiện trong đầu, kết hợp với tưởng tượng, dùng ngôn ngữ để tả lại những gì được tái hiện. Việc quan sát là vô cùng quan trọng khi muốn làm một bài văn miêu tả tốt.

4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài đọc.

– HS làm việc chung cả lớp (2 HS đọc trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– HS làm việc cá nhân, tự đọc toàn bài.

5. Luyện tập theo văn bản đọc

– HS đọc yêu cầu trong SHS, trao đổi/ thảo luận theo nhóm để thực hiện yêu cầu của bài tập (có thể sử dụng phiếu bài tập để ghi kết quả).

– Đại diện một số nhóm HS trình bày trước lớp.

– GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp, thống nhất đáp án.

Câu 1. *Tìm 3 – 5 tính từ chỉ đặc điểm của sự vật hoặc hoạt động có trong bài* ***Bức tường có nhiều phép lạ.***

– Tính từ chỉ đặc điểm của sự vật: *xanh mát, rộng, tài, bé tí,...*

– Tính từ chỉ đặc điểm của hoạt động: (nhìn) *thẳng*, (viết) *lia lịa*, (trôi) *bồng bềnh*, (rơi) *rào rào*, *cắm cúi* (viết)...

Câu 2. *Viết 2 – 3 câu tả một cơn mưa, trong đó có sử dụng tính từ tả tiếng mưa.*

Đây là bài tập có đáp án mở. HS có thể có nhiều đáp án khác nhau. Tuy nhiên GV cần lưu ý HS là câu được viết ra phải thoả mãn 2 yêu cầu: 1, Tả cơn mưa; 2, Trong câu có sử dụng tính từ tả tiếng mưa.

VD: – Trận mưa hôm qua to quá. Em nghe rõ tiếng mưa lộp độp trên mái nhà.

– Trận mưa này dai dẳng quá. Tiếng mưa tí tách suốt ngày đêm.

TIẾT 3

VIẾT

VIẾT HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT CÔNG VIỆC

Đề bài: Viết hướng dẫn các bước làm một đồ chơi mà em yêu thích.

1. Chuẩn bị.

– GV hướng dẫn HS: Các em đã học bài *Tìm hiểu cách viết hướng dẫn thực hiện một công việc*. Bây giờ, các em hãy đọc phần chuẩn bị trong SHS, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.

+ Em chọn đồ chơi nào để viết hướng dẫn?

+ Đồ chơi đó được làm bằng gì?

+ Cần chuẩn bị dụng cụ, vật liệu gì để làm đồ chơi?

+ Khi làm đồ chơi, cần thực hiện những bước nào?

– HS trao đổi, thảo luận nhóm.

– Đại diện 1 – 2 nhóm báo cáo kết quả trước lớp.

– GV và HS góp ý.

2. Lập dàn ý.

– GV hướng dẫn HS đọc thầm dàn ý được gợi ý trong SHS.

– GV phân tích dàn ý.

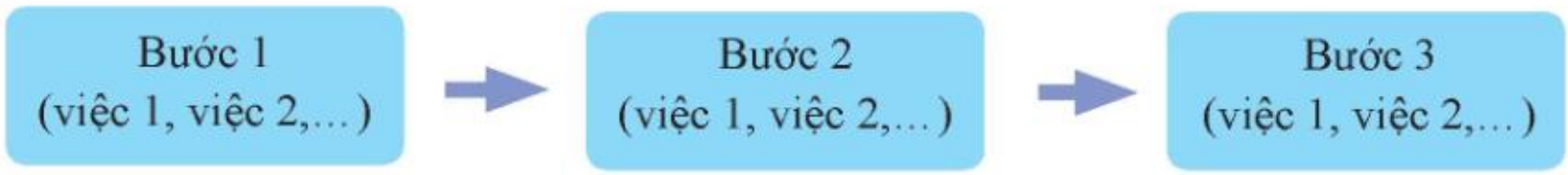
– HS thảo luận nhóm, mỗi cá nhân trình bày dàn ý cho bài văn viết hướng dẫn các bước làm một đồ chơi em yêu thích mà mình xây dựng dựa vào gợi ý.

– Đại diện 1 – 2 nhóm báo cáo kết quả trước lớp.

– GV và HS thống nhất kết quả. GV lưu ý HS, dàn ý cho bài văn hướng dẫn các bước làm một đồ chơi yêu thích cần trình bày được hai nội dung chính:

+ Dụng cụ, vật liệu cần chuẩn bị để làm đồ chơi.

+ Hướng dẫn thực hiện: kể lại các bước hướng dẫn làm đồ chơi theo trình tự, mỗi bước có thể gồm một số việc.



3. Viết hướng dẫn theo dàn ý đã lập.

– 1 – 2 HS đọc yêu cầu của bài tập.

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân: viết hướng dẫn các bước làm một đồ chơi em yêu thích theo dàn ý đã lập.

– GV lưu ý HS một số điểm khi viết hướng dẫn các bước làm đồ chơi.

+ Trước khi viết, em cần quan sát chi tiết từng bước làm đồ chơi xem mỗi bước có những hoạt động nào, sử dụng những vật liệu và dụng cụ nào.

+ Cần sử dụng dấu hiệu phù hợp để chỉ ra trình tự các bước làm đồ chơi như chữ số (1, 2, 3,...) hoặc chữ cái (a, b, c,...).

– GV hỗ trợ những HS gặp khó khăn trong quá trình viết.

4. Đọc soát và chỉnh sửa.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để đọc rà soát và chỉnh sửa bài viết cho nhau về cách trình bày các bước, cách dùng từ, đặt câu.

– HS chia sẻ bài làm, đọc bài làm của nhau và nêu điều mình muốn góp ý cho bạn, VD: bố cục, cách trình bày các bước, cách dùng từ, đặt câu.

– GV mời một số HS đọc bài trước lớp.

– GV và HS nhận xét, khen ngợi các bài viết hay.

TIẾT 3

NÓI VÀ NGHE

Kể chuyện NHÀ PHÁT MINH VÀ BÀ CỤ

1. Nghe kể chuyện và ghi lại những sự việc chính.

– HS đọc yêu cầu 1.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu 1 theo các bước:

+ GV giới thiệu nhân vật Ê-đi-xơn và bà cụ trong câu chuyện.

+ GV kể câu chuyện (lần 1) kết hợp chỉ tranh.

+ GV kể câu chuyện (lần 2), thỉnh thoảng dừng lại để hỏi Ê-đi-xơn và bà cụ nói chuyện gì với nhau; vì sao sau khi nói chuyện với bà cụ, Ê-đi-xơn lại nảy ra ý định chế tạo xe điện; sự việc tiếp theo là gì để cho HS tập kể theo/ kể cùng GV, khích lệ các em nhớ chi tiết của câu chuyện.

+ GV có thể hỏi HS: Em ấn tượng nhất với sản phẩm nào do Ê-đi-xơn tạo ra và mời một số em trả lời câu hỏi.

– Dựa vào tranh và phần kể chuyện của GV, HS ghi lại những sự việc chính của câu chuyện. VD:

+ Sự việc 1: Mọi người đến xem đèn điện do Ê-đi-xơn chế tạo ra.

+ Sự việc 2: Ê-đi-xơn nói chuyện với bà cụ và nảy ra ý định làm một cái xe chạy bằng dòng điện.

+ Sự việc 3: Ê-đi-xơn đang chế tạo, lắp ráp xe điện.

+ Sự việc 4: Ê-đi-xơn và bà cụ đang ngồi trên xe điện, khuôn mặt bà cụ rất vui tươi.

– Một số HS phát biểu ý kiến trước lớp; GV và cả lớp nhận xét.

2. Kể lại câu chuyện.

– GV nêu yêu cầu, hướng dẫn HS cách thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, nhìn tranh và tập kể lại đoạn đó (GV nhắc HS không phải kể đúng từng câu, từng chữ mà GV đã kể).

+ Bước 2: HS tập kể trong nhóm (nhóm 4) và nghe các bạn góp ý.

+ Bước 3: GV mời 1 – 2 HS kể trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, động viên, khen ngợi.

GV lưu ý: Tuỳ theo năng lực của HS mà có thể cho các em kể lại cả câu chuyện hoặc kể lại 1 – 2 đoạn mà mình nhớ nhất.

3. Điều em ấn tượng nhất về nhà phát minh Ê-đi-xơn là gì? Vì sao?

– GV mời HS đọc yêu cầu.

– GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.

– Đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả.

– GV và cả lớp nhận xét, thống nhất kết quả. GV lưu ý đây là câu hỏi khích lệ HS phát biểu theo suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân. Các em có thể đưa ra nhiều ý kiến khác nhau (VD: Điều em ấn tượng nhất về nhà phát minh Ê-đi-xơn là ông rất yêu khoa học.; Nhà phát minh Ê-đi-xơn rất giàu lòng thương người; Nhà phát minh Ê-đi-xơn không những rất giỏi về khoa học mà còn luôn gần gũi, thân thiện với mọi người,...).

– GV khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến thể hiện suy nghĩ của mình.

NHÀ PHÁT MINH VÀ BÀ CỤ

Ê-đi-xơn là một nhà bác học nổi tiếng người Mỹ. Khi ông chế ra đèn điện, người từ khắp nơi ùn ùn kéo đến xem. Trong số đó có một bà cụ phải đi bộ mười hai cây số. Đến nơi, cụ mỏi quá, ngồi xuống bóp chân, đấm lưng thùm thụp.

Lúc ấy, Ê-đi-xơn đi qua. Ông dừng lại hỏi chuyện. Bà cụ nói:

– Già đã phải đi bộ gần ba giờ đồng hồ để được nhìn tận mắt cái đèn điện. Giá như ông Ê-đi-xơn làm được cái xe chở người già đi nơi này nơi khác có phải may mắn hơn cho già không?

– Thưa cụ, tôi tưởng vẫn có xe ngựa chở khách chứ?

– Đi xe ấy thì ốm mất. Già chỉ muốn có một thứ xe không cần ngựa kéo mà lại thật êm.

Nghe bà cụ nói vậy, bỗng một ý nghĩ loé lên trong đầu Ê-đi-xơn. Ông reo lên:

– Cụ ơi! Tôi là Ê-đi-xơn đây. Nhờ cụ mà tôi nảy ra ý định làm một cái xe chạy bằng dòng điện đấy.

Bà cụ vô cùng ngạc nhiên khi thấy nhà bác học cũng bình thường như mọi người khác. Lúc chia tay, Ê-đi-xơn bảo:

– Tôi sẽ mời cụ đi chuyến xe điện đầu tiên.

– Thế nào già cũng đến... Nhưng ông phải làm nhanh lên nhé, kẻo tuổi già chẳng còn được bao lâu đâu.

Từ lần gặp bà cụ, Ê-đi-xơn miệt mài với công việc chế tạo xe điện và đã thành công.

Hôm chạy thử xe điện, người ta xếp hàng dài để mua vé. Ê-đi-xơn mời bà cụ dạo nọ đi chuyến đầu tiên. Đến ga, ông bảo:

– Tôi đã giữ đúng lời hứa với cụ rồi nhé!

Bà cụ cười móm mém:

– Cảm ơn ông. Giờ thì già có thể đi chơi cả ngày với chiếc xe này rồi!

(Theo *Tiếng Việt 3, tập hai*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016)

VẬN DỤNG

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng.

– HS có thể lựa chọn thực hiện một trong hai nhiệm vụ:

+ *Kể lại cho người thân nghe câu chuyện* ***Nhà phát minh và bà cụ****,* nêu cảm nghĩ về câu chuyện đó. HS cần kể câu chuyện mạch lạc rõ ràng, kể chính xác nội dung câu chuyện. HS cũng cần nêu cảm nghĩ của mình về bà cụ trong câu chuyện (VD: yêu quý, kính trọng...).

+ *Tìm đọc một câu chuyện về nhà khoa học* để chuẩn bị cho hoạt động Đọc mở rộng ở Bài 24.

CỦNG CỐ

– GV nhận xét kết quả học tập của buổi học. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực.

– Dặn HS ôn Bài 22 và đọc trước Bài 23.

TUẦN 13

Bài 23 BÉT-TÔ-VEN VÀ BẢN XÔ-NÁT *ÁNH TRĂNG* (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Bét-tô-ven và bản xô-nát "Ánh trăng"*. Biết đọc diễn cảm với giọng kể ca ngợi, khâm phục tài năng và lòng nhân ái của nhà soạn nhạc cổ điển vĩ đại Bét-tô-ven. Biết đọc diễn cảm lời người dẫn chuyện.

   b. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Bản xô-nát *Ánh trăng* được ra đời không chỉ bởi tài năng, đam mê âm nhạc của nhà soạn nhạc vĩ đại Bét-tô-ven mà còn bởi lòng nhân ái, luôn thấu hiểu và đồng cảm với con người, đặc biệt là những con người có số phận không may mắn.
2. Luyện tập về tính từ.
3. Tìm hiểu cách viết đơn.
4. Biết trân trọng giá trị của những sáng tạo nghệ thuật, đặc biệt những sáng tạo nghệ thuật có cội nguồn từ lòng nhân ái.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Văn bản tự sự (trình tự các sự việc, nhân vật, tính cách, hành động,... của nhân vật); khái niệm và cách sử dụng tính từ; kiến thức về đơn từ (một loại văn bản dùng trong giao tiếp hành chính, được tạo lập theo một khuôn mẫu nhất định).

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ câu chuyện *Bét-tô-ven và bản xô-nát "Ánh trăng"*.

– Một số mẫu đơn (Đơn xin nghỉ học, Đơn xin tham gia câu lạc bộ,...).

– Từ điển tiếng Việt.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 HS đọc nối tiếp bài *Bức tường có nhiều phép lạ* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài.

ĐỌC

1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ:

+ Làm việc theo nhóm đôi (*Kể tên một số bài hát thiếu nhi mà em yêu thích. Tác giả của những bài hát đó là ai?*).

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– HS làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng.

– Đại diện 2 – 3 nhóm báo cáo kết quả làm việc nhóm.

– GV và HS nhận xét, góp ý.

– GV dẫn vào bài đọc *Bét-tô-ven và bản xô-nát "Ánh trăng"* (VD: Trên đây chúng ta đã làm quen với một số bài hát thiếu nhi. Mỗi bài hát ấy thường do một nhạc sĩ sáng tác. Một nhạc sĩ trong cuộc đời của mình có thể sáng tác nhiều bài hát, nhiều bản nhạc khác nhau. Mỗi bài hát, bản nhạc đều được ra đời trong một hoàn cảnh nhất định. Bét-tô-ven là nhà soạn nhạc cổ điển vĩ đại. Ông cũng đã sáng tác nhiều bản nhạc. Bản xô-nát *Ánh trăng* ra đời trong một hoàn cảnh rất đặc biệt. Chúng ta cùng tìm hiểu bài đọc *Bét-tô-ven và bản xô-nát "Ánh trăng"* để biết rõ điều đó.).

2. Đọc văn bản

GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện những tình tiết quan trọng hoặc những câu văn thể hiện rõ suy nghĩ, cảm xúc của các nhân vật trong câu chuyện, VD: *Đứng trên cầu, ông say sưa ngắm dòng sông lấp lánh ánh trăng trong một không gian tĩnh lặng.; Đến đó, ông bắt gặp một người cha đang chăm chú ngồi nghe cô con gái mù của mình chơi đàn.; Cô gái mù có cảm giác mình đang được ngắm nhìn, đùa giỡn với ánh trăng trên dòng sông Đa-nuýp.;...* GV có thể mời 2 em đọc nối tiếp các đoạn (hoặc mời 4 HS, mỗi HS đọc 1 đoạn).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *Bét-tô-ven, xô-nát Ánh trăng, Đa-nuýp, sóng sông Đa-nuýp,...*

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Thấy Bét-tô-ven,/ người cha đau khổ chia sẻ rằng:/ Con gái ông có một ước mơ duy nhất/ là được ngắm nhìn ánh trăng trên dòng Đa-nuýp.; Xúc động trước tình cảm của người cha dành cho con gái/ và tiếng đương cầm da diết của người thiếu nữ mù,/ Bét-tô-ven đến bên cây đàn,/ ngồi xuống và bắt đầu chơi.; Những nốt nhạc ngẫu hứng vang lên,/ tràn đầy cảm xúc yêu thương của nhà soạn nhạc thiên tài,/ lúc êm ái,/ nhẹ nhàng như ánh trăng,/ lúc lại mạnh mẽ như sóng sông Đa-nuýp.;...*

+ Đọc nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện hành động, suy nghĩ, cảm xúc,... của nhân vật: *Đứng trên cầu, ông <u>say sưa ngắm</u> dòng sông lấp lánh ánh trăng trong một không gian tĩnh lặng.; "<u>Xúc động</u> trước tình cảm của người cha dành cho con gái/ và*

tiếng dương cầm da diết của người thiếu nữ mù,/ Bét-tô-ven đến bên cây đàn,/ ngồi xuống và bắt đầu chơi; ...

– 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp.

– HS làm việc theo cặp, mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

– GV hướng dẫn HS đọc từ ngữ được chú thích trong SHS và nêu thêm những từ ngữ khó hiểu. GV hướng dẫn để HS tự tra từ điển.

– GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ, yêu cầu nêu trong SHS (cuối bài đọc).

Câu 1. *Đoạn mở đầu giới thiệu những gì về Bét-tô-ven?*

– GV nêu câu hỏi hoặc mời 1 – 2 HS đọc câu hỏi.

– GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, ghi kết quả thảo luận nhóm vào phiếu bài tập hoặc giấy nháp, sau đó báo cáo kết quả trước lớp.

+ Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả trước lớp.

+ GV và HS nhận xét, góp ý và thống nhất câu trả lời. (VD: Đoạn mở đầu giới thiệu Bét-tô-ven là nhà soạn nhạc cổ điển vĩ đại trên thế giới và là tác giả của bản nhạc nổi tiếng: bản xô-nát "Ánh trăng".)

Câu 2. *Bét-tô-ven đã gặp cha con cô gái mù trong hoàn cảnh nào? Cô gái mù có ước mơ gì?*

– 1 – 2 HS nêu câu hỏi.

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.

– HS có thể ghi kết quả thảo luận nhóm vào phiếu bài tập, giấy nháp, vở.

– Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả.

– GV và cả lớp nhận xét, bổ sung ý kiến cho các nhóm, thống nhất đáp án.

+ Bét-tô-ven gặp cô gái mù trong hoàn cảnh: Vào một đêm trăng sáng, Bét-tô-ven đến cây cầu bắc qua dòng sông Đa-nuýp xinh đẹp trong thành Viên. Bỗng Bét-tô-ven nghe thấy tiếng dương cầm văng vẳng ở phía xa. Tiếng đàn đã đưa bước chân Bét-tô-ven đến một ngôi nhà trong khu lao động, nơi có cha con cô gái mù. Người cha đang chăm chú ngồi nghe cô gái mù chơi đàn.

+ Cô gái mù có một ước mơ duy nhất là được ngắm nhìn ánh trăng trên dòng Đa-nuýp.

Câu 3. *Bét-tô-ven đã làm gì để giúp cô gái thực hiện ước mơ của mình?*

– 1 – 2 HS nêu câu hỏi.

– GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi:

+ HS suy nghĩ, tìm câu trả lời, sau đó trao đổi trong nhóm, đại diện nhóm phát biểu.

+ GV và cả lớp nhận xét, thống nhất câu trả lời. (VD: Bét-tô-ven đến bên cây đàn, ngồi xuống và bắt đầu chơi. Những nốt nhạc của nhà soạn nhạc thiên tài đã khiến cho cô gái mù có cảm giác mình đang được ngắm nhìn, đùa giỡn với ánh trăng trên dòng sông Đa-nuýp và như vậy, cô đã thực hiện được ước mơ của mình.)

Câu 4. *Tìm những câu văn miêu tả vẻ đẹp của bản nhạc mà Bét-tô-ven đã dành tặng cô gái mù.*

– 1 – 2 HS nêu câu hỏi.

– GV hướng dẫn trả lời câu hỏi theo các bước:

+ Bước 1: HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm (lần lượt từng em nêu ý kiến đã chuẩn bị), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– HS thực hiện các bước theo hướng dẫn.

– GV và cả lớp nhận xét, thống nhất câu trả lời. (VD: Những câu văn miêu tả vẻ đẹp của bản nhạc mà Bét-tô-ven dành tặng cô gái mù là: Những nốt nhạc ngẫu hứng vang lên, tràn đầy cảm xúc yêu thương của nhà soạn nhạc thiên tài, lúc êm ái, nhẹ nhàng như ánh trăng, lúc lại mạnh mẽ như sóng sông Đa-nuýp. Trong tâm trí của hai cha con, dường như không còn cuộc sống khổ đau vì tật bệnh, chỉ còn một thế giới huyền ảo, lung linh, tràn ngập ánh trăng.)

Câu 5. *Vì sao bản nhạc Bét-tô-ven dành tặng cô gái mù lại có tên là "Ánh trăng"?*

– 1 – 2 HS nêu câu hỏi.

– GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi theo các bước:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến để phát biểu trong nhóm và trước lớp.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm (nhóm đôi) nói suy nghĩ của mình.

– 1 – 2 nhóm báo cáo kết quả trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, bổ sung ý kiến và thống nhất đáp án. GV lưu ý đây là câu hỏi mở, HS có thể thể hiện suy nghĩ cá nhân (VD: Bản nhạc có tên là "Ánh trăng" vì bản nhạc được sáng tác trong một đêm trăng; Bản nhạc có tên là "Ánh trăng" vì bản nhạc êm ái, nhẹ nhàng như ánh trăng; Bản nhạc có tên là "Ánh trăng" vì bản nhạc đưa cô gái mù đến một thế giới huyền ảo, lung linh, tràn ngập ánh trăng,...)

4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện:

– Làm việc chung cả lớp (2 hoặc 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– HS đọc theo cặp hoặc nhóm (4 em/ nhóm), góp ý trong nhóm.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ TÍNH TỪ

1. Tìm tính từ có trong bài đọc *Bét-tô-ven và bản xô-nát "Ánh trăng"* theo 2 nhóm.

– GV mời 1 HS đọc câu lệnh, nêu yêu cầu của bài tập 1.

– GV hướng dẫn cách thực hiện:

+ HS làm việc cá nhân, đọc thầm lại bài đọc *Bét-tô-ven và bản xô-nát "Ánh trăng"*, dự kiến câu trả lời.

+ HS làm việc nhóm. HS ghi câu trả lời vào phiếu bài tập, vở hoặc giấy nháp.

– Một số HS đại diện nhóm trình bày kết quả. GV và cả lớp nhận xét.

– GV và HS thống nhất đáp án:

+ Tính từ chỉ đặc điểm của tiếng nhạc: êm ái, nhẹ nhàng, mạnh mẽ.

+ Tính từ chỉ đặc điểm của dòng sông: xinh đẹp, lấp lánh (ánh trăng).

2. Tính từ nào (*trắng, đen, đỏ, hiền, xấu, đẹp*) có thể thay cho mỗi ô vuông?

– GV nêu yêu cầu của bài tập 2.

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm hoặc chơi trò chơi, thực hiện yêu cầu của bài tập: chọn các tính từ *trắng, đen, đỏ, hiền, xấu, đẹp* để hoàn thiện các thành ngữ (các thành ngữ có thể được ghi vào các thẻ chữ).

– GV mời một số nhóm HS báo cáo kết quả trước lớp hoặc dán thẻ chữ lên bảng.

– GV và HS nhận xét, góp ý.

– GV và HS thống nhất câu trả lời (hiền như bụt, đen như than, đỏ như gấc, xấu như ma, trắng như tuyết, đẹp như tiên).

– Nếu còn thời gian, GV có thể yêu cầu HS tìm thêm các thành ngữ có chứa các tính từ này.

3. Đọc đoạn thơ và thực hiện các yêu cầu.

– GV nêu yêu cầu của bài tập 3 hoặc GV mời 1 – 2 HS nêu yêu cầu của bài tập.

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm, thực hiện yêu cầu của bài tập.

– GV mời một số HS báo cáo kết quả trước lớp.

– GV và HS nhận xét, góp ý.

– GV và HS thống nhất câu trả lời.

a. Các tính từ chỉ màu xanh trong đoạn thơ là: xanh, xanh mát, xanh ngắt. Mỗi tính từ đó được dùng để tả đặc điểm của các sự vật khác nhau: tính từ *xanh* chỉ đặc điểm của tre, lúa, ước mơ; tính từ *xanh mát* chỉ đặc điểm của dòng sông; tính từ *xanh ngắt* chỉ đặc điểm của mùa thu (của bầu trời mùa thu).

b. Câu b có đáp án mở. HS có thể có nhiều đáp án khác nhau. GV chỉ cần lưu ý HS về số lượng câu cần viết và các câu đó phải sử dụng tính từ chỉ màu xanh em đã tìm được ở bài 3a (VD: Bầu trời *xanh ngắt*, không một gợn mây; Chúng tôi thích thú vì được vui chơi trong khu rừng *xanh mát* này;…).

– GV khen ngợi những HS có câu trả lời thú vị, sáng tạo.

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐƠN

1. Đọc đơn và trả lời câu hỏi.

– GV nêu khái quát mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập 1: đọc đơn và trả lời lần lượt 4 câu hỏi a, b, c, d.

– GV hướng dẫn cách thực hiện bài tập: Trước hết, các em đọc thầm *Đơn xin tham gia Câu lạc bộ Sáng tạo*, thảo luận theo nhóm (bàn) và trả lời 4 câu hỏi bên dưới (GV lưu ý dành thời gian cho HS đọc và thảo luận bài tập 1).

a. – HS đọc thầm lại phần nội dung đơn, sau đó trả lời câu hỏi: *Đơn trên được viết nhằm mục đích gì*?

– HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời rồi trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm. GV mời 2 – 3 HS trả lời. (VD: Đơn trên được viết nhằm mục đích xin được tham gia Câu lạc bộ Sáng tạo…)

b. GV nêu câu hỏi b (*Đơn do ai viết? Đơn được gửi cho ai?*).

– Đại diện các nhóm trả lời. (VD: Đơn do bạn Vũ Nam Hải, HS lớp 4C Trường Tiểu học Trung Hoà viết. Đơn gửi cho Ban Giám hiệu Trường Tiểu học Trung Hoà.)

– HS khác nhận xét, bổ sung.

c. GV nêu câu hỏi c (*Người viết đã trình bày những gì trong đơn?*).

– HS đọc thầm lại đơn và nêu câu trả lời, HS khác lắng nghe, nhận xét.

– GV và HS thống nhất câu trả lời: Người viết đã giới thiệu bản thân, nêu lí do viết đơn, lời hứa, lời cảm ơn.

d. GV nêu câu hỏi d (*Đơn gồm có những mục nào? Nêu cách sắp xếp các mục đó.*) và hướng dẫn HS đọc lướt lá đơn, tìm câu trả lời:

+ Đơn gồm: quốc hiệu, tiêu ngữ, tên đơn, nơi nhận đơn, nội dung đơn, địa điểm và thời gian viết đơn; chữ kí và họ tên người viết đơn.

+ Các mục trên được sắp xếp theo một trật tự cố định.

2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đơn.

– GV hướng dẫn HS cách chuẩn bị ý kiến để trao đổi: đọc thầm, đọc lướt đơn ở bài tập 1, tìm những điểm cần lưu ý khi viết loại văn bản này.

– HS trao đổi nhóm theo hướng dẫn của GV về các vấn đề:

+ Hình thức của đơn: đơn viết theo khuôn mẫu, có tiêu ngữ, tên đơn, thông tin về người viết, người nhận đơn (người viết đơn cần kí và ghi rõ họ tên); người nhận đơn có thể là cá nhân hoặc tập thể.

+ Nội dung của đơn cần viết đầy đủ các thông tin: (1) Giới thiệu thông tin về bản thân (họ và tên, các thông tin khác: tuổi, lớp học, trường học,…); (2) Lí do viết đơn (cần trình bày cụ thể); (3) Lời hứa; (4) Lời cảm ơn.

– Đại diện các nhóm phát biểu ý kiến.

– GV và HS nhận xét.

– GV lưu ý HS đọc phần Ghi nhớ trong SHS hoặc chiếu phần Ghi nhớ này lên màn hình để HS theo dõi.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Trao đổi với người thân về một tình huống cần viết đơn.*

HS cần tìm và nêu được một vài tình huống cần viết đơn (xin nghỉ học vì bị ốm, xin tham gia câu lạc bộ tiếng Anh, xin học đàn,…), sau đó hỏi người thân cách viết đơn phù hợp với các tình huống đó.

CỦNG CỐ

– GV nhận xét kết quả học tập của buổi học. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực.

– Dặn HS ôn Bài 23 và đọc trước Bài 24.

Bài 24 NGƯỜI TÌM ĐƯỜNG LÊN CÁC VÌ SAO (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Người tìm đường lên các vì sao*.

Biết đọc diễn cảm với giọng điệu ca ngợi, khâm phục nhà khoa học, đọc đúng lời thoại của các nhân vật trong câu chuyện.

b. Hiểu được nhờ lòng say mê khoa học, khổ công nghiên cứu, kiên trì tìm tòi, sáng tạo suốt 40 năm mà nhà khoa học Xi-ôn-cốp-xki đã thực hiện thành công ước mơ tìm đường lên các vì sao.

2. Đọc mở rộng theo yêu cầu (tự tìm đọc câu chuyện về một nhà khoa học, nắm được những thông tin trong câu chuyện, ghi được thông tin vào phiếu đọc sách). Biết chia sẻ thông tin về một nhà khoa học hoặc một phát minh đã đọc.

3. Dựa vào mẫu đơn đã học, viết được đơn theo yêu cầu.

4. Tìm đọc thêm sách, truyện viết về nhà khoa học, nắm được những thông tin trong câu chuyện và chia sẻ với người thân. Nêu được suy nghĩ, nhận thức, đánh giá của mình về những thông tin ấy.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Văn bản tự sự (diễn biến các sự việc, đặc điểm về tính cách, suy nghĩ, hành động của nhân vật,...); cách trình bày, sắp xếp ý khi viết đơn.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ câu chuyện *Người tìm đường lên các vì sao*, có thể sưu tầm thêm các tranh ảnh, video về pháo thăng thiên, tên lửa nhiều tầng, cảnh tên lửa, tàu vũ trụ được phóng lên không trung (nếu có).

– Từ điển tiếng Việt.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 HS đọc nối tiếp bài đọc *Bét-tô-ven và bản xô-nát "Ánh trăng"* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, VD: Bài đọc nói về ai? Em khâm phục điều gì nhất ở ông?).

1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ:

+ Làm việc theo nhóm (*Kể tên một nhà khoa học hoặc nói những điều mà em biết về người đó.*). GV khích lệ HS kể trong nhóm, nói cho các bạn biết em đọc thông tin về nhà khoa học ở đâu hoặc các em có thể cho các bạn xem tranh ảnh, bài viết sưu tầm được về một nhà khoa học).

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV khen ngợi phần trình bày của các nhóm và cho HS xem tranh ảnh hoặc video về pháo thăng thiên, tên lửa nhiều tầng, cảnh tên lửa, tàu vũ trụ được phóng lên không trung, từ đó giới thiệu vào bài đọc. (VD: Từ xa xưa, việc muốn đặt chân lên các vì sao để nghiên cứu, tìm hiểu luôn là ước muốn của các nhà khoa học, trong đó có nhà khoa học nổi tiếng Xi-ôn-cốp-xki. Ông đã làm gì để thực hiện được mơ ước của mình, chúng ta cùng đọc bài *Người tìm đường lên các vì sao* để biết được điều đó...)

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện những tình tiết bất ngờ hoặc từ ngữ thể hiện suy nghĩ, lòng quyết tâm, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện, VD: *dại dột, ngã gãy chân, không nản chí, khổ công*,...).

– GV có thể mời 2 HS đọc nối tiếp các đoạn (hoặc mời 4 HS, mỗi HS đọc 1 đoạn).

– GV hướng dẫn HS đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *dại dột, rủi ro, non nớt, Xi-ôn-cốp-xki, hằng tâm niệm*,...). GV hướng dẫn những HS đọc đúng những từ ngữ khó phát âm hoặc dễ bị đọc sai.

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Cậu làm thế nào mà mua được nhiều sách/ và dụng cụ thí nghiệm như thế?*; *Được gợi ý từ chiếc pháo thăng thiên,/ sau này,/ ông đã đề xuất mô hình tên lửa nhiều tầng,/ trở thành một phương tiện bay tới các vì sao.*;...

+ Đọc nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện hành động và quyết tâm của nhân vật: *Để tìm hiểu điều bí mật đó, Xi-ôn-cốp-xki đọc không biết bao nhiêu là sách. Nghĩ ra điều gì, ông lại hì hục làm thí nghiệm, có khi đến hàng trăm lần.*

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp (đoạn 1: từ đầu đến *vẫn bay được;* đoạn 2: tiếp theo đến *các vì sao*; đoạn 3: còn lại).

– HS làm việc theo nhóm đôi hoặc nhóm ba, mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

– GV hướng dẫn HS đọc các từ ngữ được chú thích trong SHS và có thể nêu thêm các từ ngữ trong bài mà các em chưa hiểu để tra từ điển.

– GV hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu, trả lời các câu hỏi nêu trong SHS (cuối bài đọc).

Câu 1. *Chi tiết nào cho thấy từ nhỏ Xi-ôn-cốp-xki đã ham tìm tòi, khám phá?*

– GV đọc câu hỏi 1 hoặc gọi 1 – 2 HS đọc câu hỏi 1 trước lớp, cả lớp đọc thầm theo.

– HS làm việc nhóm. Có thể ghi vắn tắt vào vở, phiếu bài tập hoặc giấy nháp.

– Đại diện các nhóm báo cáo kết quả trước lớp.

– HS khác nhận xét, bổ sung.

Đáp án: Từ nhỏ, Xi-ôn-cốp-xki đã mơ ước được bay lên bầu trời, ông dại dột nhảy qua cửa sổ để bay theo những cánh chim. Kết quả, ông bị ngã gãy chân. Nhưng rủi ro lại làm nảy ra trong đầu óc non nớt của ông lúc bấy giờ một câu hỏi: "Vì sao quả bóng không có cánh mà vẫn bay được?". Để tìm hiểu điều bí mật đó, Xi-ôn-cốp-xki đọc không biết bao nhiêu là sách. Nghĩ ra điều gì, ông lại hì hục làm thí nghiệm, có khi đến hàng trăm lần.

Câu 2. *Xi-ôn-cốp-xki đã kiên trì thực hiện ước mơ của mình như thế nào?*

– GV nêu câu hỏi 2 hoặc cho HS đọc câu hỏi 2.

– HS đọc thầm, suy nghĩ, tìm câu trả lời, nêu ý kiến cá nhân trong nhóm.

– Các nhóm cử đại diện phát biểu trước lớp.

Đáp án: Quanh năm ông chỉ ăn bánh mì suông, để dành dụm tiền mua sách vở và dụng cụ thí nghiệm, làm nhiều lần thí nghiệm, ông đã tìm ra cách chế tạo khí cầu bay bằng kim loại. Sa hoàng chưa tin nên không ủng hộ. Không nản chí, ông tiếp tục đi sâu vào lí thuyết bay trong không gian, hơn 40 năm khổ công nghiên cứu,...

– HS khác lắng nghe, bổ sung cho bạn.

– GV có thể đặt thêm câu hỏi để HS nêu ý kiến: Em thích chi tiết nào? Vì sao? hoặc những chi tiết này cho em biết điều gì về Xi-ôn-cốp-xki? (Ông là người có ước mơ và có lòng quyết tâm, kiên trì thực hiện ước mơ của mình,...)

– GV cung cấp thêm thông tin về nhà khoa học Xi-ôn-cốp-xki cho HS (VD: Xi-ôn-cốp-xki là nhà khoa học người Nga (1857 – 1935). Ông từng là một giáo viên Toán tại một trường trung học. Ông là một nhà khoa học, nhà nghiên cứu, người đặt nền móng cho ngành du hành vũ trụ hiện đại. Ngoài ra, ông còn được biết đến với vai trò là nhà sáng chế tên lửa của nước Nga, là người tiên phong trong lĩnh vực nghiên cứu lí thuyết du hành vũ trụ...).

Câu 3. *Những nghiên cứu, tìm tòi của Xi-ôn-cốp-xki đã đem lại kết quả gì?*

– Bước 1: HS làm việc theo nhóm (lần lượt từng em nêu ý kiến), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

– Bước 2: Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. GV và HS thống nhất câu trả lời (VD: Xi-ôn-cốp-xki đã tìm ra cách chế tạo khí cầu bay bằng kim loại, đề xuất mô hình tên lửa nhiều tầng trở thành một phương tiện bay tới các vì sao và ông đã thực hiện được điều ông hằng tâm niệm: Các vì sao không phải để tôn thờ mà để chinh phục,...).

– GV cho HS xem tranh ảnh hoặc video về khí cầu, tên lửa nhiều tầng,...

Câu 4. *Theo em, nhan đề "Người tìm đường lên các vì sao" muốn nói điều gì?*

– HS làm việc cá nhân, suy nghĩ để tìm câu trả lời.

– HS trình bày trước lớp (VD: Nhan đề "Người tìm đường lên các vì sao" ca ngợi ý chí, nghị lực, lòng say mê khoa học và kết quả nghiên cứu đã góp phần tạo nên phương tiện bay tới các vì sao của Xi-ôn-cốp-xki,...). GV giúp HS hiểu ích lợi của phát minh này: giúp con người nghiên cứu, tìm hiểu về những hành tinh ngoài Trái Đất.).

Câu 5. *Nếu trở thành một nhà khoa học, em muốn sáng chế những gì? Vì sao?*

– GV nêu cách thức thực hiện: HS đọc câu hỏi 5.

+ HS làm việc theo nhóm (nhóm đôi hoặc nhóm bốn): Nhóm trưởng điều khiển để từng thành viên nêu ý kiến.

+ Đại diện các nhóm trình bày ý kiến.

– GV hướng dẫn cả lớp nhận xét, bổ sung hoặc nêu ý kiến của riêng mình (khuyến khích những ý tưởng sáng tạo. GV lắng nghe, điều chỉnh những sáng chế chưa hợp lí của HS nếu có).

4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện:

– Làm việc chung cả lớp (2 hoặc 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– Làm việc nhóm: HS đọc theo cặp hoặc nhóm (3 – 4 em/ nhóm), góp ý trong nhóm.

5. Luyện tập theo văn bản đọc

– HS đọc yêu cầu trong SHS và tự thực hiện yêu cầu. GV có thể nêu thời gian thực hiện nhiệm vụ và chỉ dẫn hình thức học cá nhân, học theo cặp hoặc theo nhóm (tuỳ vào năng lực của HS trong lớp).

– Sau thời gian làm bài, có thể cho HS trình bày trước lớp hoặc GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp.

Đáp án:

Câu 1. *Tìm những tính từ nêu phẩm chất của nhà khoa học*? (miệt mài, thông thái, thông minh, kiên trì,...)

Câu 2. *Đặt 2 – 3 câu giới thiệu về một nhà khoa học hoặc một phát minh khoa học mà em biết.*

– GV khuyến khích HS nêu ý kiến của cá nhân.

– Từng em đọc bài làm của mình trong nhóm. Các thành viên trong nhóm góp ý, nhận xét.

TIẾT 3

VIẾT

VIẾT ĐƠN

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

Đề 1: Đơn xin tham gia câu lạc bộ em yêu thích.

Đề 2: Đơn xin nghỉ một buổi học.

– GV nêu khái quát mục tiêu, nhiệm vụ: suy nghĩ, lựa chọn 1 trong 2 đề.

– HS lựa chọn đề bài.

1. Dựa vào mẫu đơn trong hoạt động Viết ở Bài 23, viết đơn theo yêu cầu em đã chọn.

– GV dành thời gian cho HS đọc lại mẫu đơn ở Bài 23, suy nghĩ về nội dung cần viết trong đơn.

(Đơn được gửi cho ai? Lí do viết đơn là gì? Các mục trong đơn được trình bày thế nào?...)

– *Lưu ý*: Nếu HS quên khái niệm *quốc hiệu*, *tiêu ngữ*,... GV giải thích lại cho HS nhớ.

– HS viết đơn.

2. Đọc soát và chỉnh sửa.

– HS đọc lại bài làm của mình, soát lỗi theo gợi ý trong SHS.

– HS chỉnh sửa lỗi (nếu có).

– GV chiếu lên màn hình (hoặc mời HS đọc) một số bài làm của các em và chữa nhanh.

– GV khen ngợi những bài viết đúng yêu cầu, đầy đủ các mục trong đơn và diễn đạt rõ ràng.

TIẾT 4

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc một câu chuyện về nhà khoa học.

– GV cho HS quan sát ảnh của 3 nhà khoa học nổi tiếng trong SHS, đọc tên của các nhà khoa học dưới ảnh. GV hướng dẫn HS chia sẻ cách tìm văn bản đọc mở rộng theo yêu cầu nêu trong SHS. GV hướng dẫn HS cách chọn bài đọc theo chủ đề.

– HS nào tìm được câu chuyện theo yêu cầu và có mang sách, truyện đến lớp thì tự đọc hoặc đọc trong nhóm. HS nào chưa tìm được thì đọc chung với các bạn (hoặc GV cung cấp).

2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

– HS ghi chép các thông tin cơ bản vào phiếu đọc sách hoặc có thể trao đổi về nội dung bài đọc theo nhóm.

– HS chia sẻ trong nhóm, ghi vào phiếu đọc sách các thông tin cơ bản theo yêu cầu.

3. Trao đổi với bạn những thông tin về một nhà khoa học hoặc một phát minh được nêu trong câu chuyện mà em đã đọc.

– HS trao đổi với các bạn những thông tin về nhà khoa học hoặc phát minh đã đọc được (VD: tên nhân vật (nhà khoa học), phát minh hoặc đóng góp của nhà khoa học, đặc điểm nổi bật của nhà khoa học, suy nghĩ của em về nhà khoa học,...).

– HS làm việc nhóm 3 hoặc nhóm 4: Giới thiệu về nhà khoa học, những bài viết, thông tin các em đọc được nói về nhà khoa học hoặc phát minh,...

– HS có thể đọc các cuốn sách: *Phát minh và khám phá*, *Marie Curie*, *Einstein*,...

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Tìm đọc thêm một số cuốn sách, truyện viết về nhà khoa học và chia sẻ những thông tin thú vị với người thân.*

CỦNG CỐ

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực.

– Dặn HS ôn lại Bài 24 và đọc trước Bài 25.

CHẮP CÁNH ƯỚC MƠ

TUẦN 14

Bài 25 BAY CÙNG ƯỚC MƠ (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Bay cùng ước mơ*. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp, nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.

   b. Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian, địa điểm cụ thể. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật, nêu được đặc điểm của các nhân vật trong câu chuyện dựa vào hành động, lời nói của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Ai cũng có ước mơ và ước mơ nào cũng rất đẹp. Có ước mơ, chia sẻ về ước mơ và nuôi dưỡng ước mơ là cách để chúng ta cố gắng phấn đấu cho một tương lai tốt đẹp hơn.
2. Biết nhận diện, sử dụng tính từ trong các trường hợp cụ thể, biết sử dụng các từ chỉ mức độ kết hợp với tính từ.
3. Nhận biết cấu trúc một bài văn miêu tả con vật.
4. Biết hình thành và nuôi dưỡng ước mơ, tôn trọng ước mơ của bản thân và người khác, nỗ lực trong hành trình thực hiện ước mơ của mình.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản tự sự (trình tự các sự việc, nhân vật, ngoại hình và tính cách, suy nghĩ và hành động của nhân vật).

– Văn miêu tả con vật.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ câu chuyện *Bay cùng ước mơ* (có thể chiếu trên màn hình, nếu có).

– Tranh ảnh minh hoạ phần Luyện từ và câu.

– Tranh ảnh minh hoạ phần Viết.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

ÔN BÀI CŨ

Nêu tên bài học trước (*Người tìm đường lên các vì sao*) và nói cảm nghĩ của em về một chi tiết em thích trong bài đọc.

GIỚI THIỆU CHỦ ĐIỂM

– GV hướng dẫn HS xem tranh chủ điểm và nêu nội dung tranh (VD: Tranh vẽ các bạn nhỏ đang bám lấy những ngôi sao bay lên bầu trời, chạm vào một vầng sáng rực rỡ giống như mặt trăng. Trong vầng sáng có tên chủ điểm *Chắp cánh ước mơ*. Bạn nhỏ nào cũng tươi cười, vui vẻ.).

– GV giới thiệu: Bầu trời xưa nay luôn gợi liên tưởng về một thế giới tươi đẹp, kì diệu. Các bạn nhỏ được những ngôi sao nâng lên, bay vào bầu trời tươi đẹp và chạm tay vào vầng trăng huyền diệu – biểu tượng cho ước mơ của riêng mỗi bạn. Hành trình bay lên bầu trời diệu kì, chạm tay vào vầng trăng chính là hành trình thực hiện ước mơ của các bạn nhỏ và cũng là nội dung của chủ điểm 4: *Chắp cánh ước mơ*.

ĐỌC

1. Khởi động

– GV nêu yêu cầu (*Quan sát tranh minh hoạ, đoán xem các bạn nhỏ đang nói chuyện gì.*). GV hướng dẫn HS quan sát tranh và trả lời một số câu hỏi gợi ý: Tranh vẽ cảnh ở đâu? Trong tranh có những ai? Mỗi người đang làm gì? Nếu em là một trong các bạn nhỏ trong tranh, em sẽ nói điều gì với các bạn? Qua đó có thể đoán, các bạn nhỏ đang nói về chuyện gì,...

– HS làm việc nhóm:

+ Từng HS quan sát và nói trong nhóm. Các HS khác lắng nghe, nhận xét (VD: Tranh vẽ cảnh một thảm cỏ rộng dưới vòm trời mênh mông. Trong tranh có 5 bạn đang nằm trên thảm cỏ. Bạn thì đang chỉ tay lên trời, có lẽ là đang chỉ mây, bạn thì cười, bạn thì nói. Có lẽ các bạn đang nói chuyện với nhau về khung cảnh đẹp ở xung quanh, các bạn có thể đang tưởng tượng ra rất nhiều điều khi nhìn lên bầu trời...). GV khuyến khích HS tích cực chia sẻ trong nhóm.

+ Nhóm bầu 1 bạn trình bày trước lớp.

– 2 – 3 HS nói trước lớp. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó giới thiệu bài đọc *Bay cùng ước mơ* (VD: Đây là câu chuyện về một cuộc trò chuyện giữa năm bạn nhỏ. Các bạn đang nằm ngắm trời mây và bay bổng theo những ước mơ của mình. Các em hãy cùng đọc bài để biết các bạn nhỏ đã ước mơ những gì.).

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (giọng kể chuyện, thay đổi ngữ điệu khi đọc lời nói trực tiếp của các nhân vật).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *lưng đồi, tím lịm, nâu sậm, hải quân, lái tàu, vũ trụ, nấp, lửng lơ,…*).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài VD: *Những vườn rau xanh mướt,/ với rất nhiều bù nhìn/ làm bằng rơm vàng óng/ hoặc nâu sậm,/ gắn thêm các mảnh áo mưa/ bay phấp phới.; Cứ thế,/ chúng tớ thay đổi ước mơ liên tục,/ cho đến khi những tia nắng cuối ngày nấp sau lưng đồi/ hoặc đi ngủ từ lúc nào không hay.;…*

+ Đọc diễn cảm ở các câu là lời nói trực tiếp của các nhân vật.

– 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *áo mưa bay phấp phới*.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến *mở mắt và mơ thôi*.

+ Đoạn 3: Tiếp theo đến *ước mơ làm cô giáo*.

+ Đoạn 4: Còn lại.

– HS làm việc theo nhóm đôi hoặc nhóm bốn, mỗi HS đọc một đoạn (nối tiếp 4 đoạn), sau đó đổi lại thứ tự đọc.

HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 4 HS đọc nối tiếp xen kẽ 4 đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Tìm thông tin về bối cảnh diễn ra câu chuyện (thời gian, địa điểm).*

– GV nêu câu hỏi. GV đặt câu hỏi phụ "Thế nào là bối cảnh diễn ra câu chuyện?" và mời 1 – 2 HS trả lời (Bối cảnh là hoàn cảnh xung quanh nhân vật trong câu chuyện, như thời gian, địa điểm,... diễn ra câu chuyện.).

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc lại các chi tiết nói về thời gian, địa điểm,... diễn ra câu chuyện để chuẩn bị câu trả lời. HS trao đổi ý kiến trong nhóm. Nhóm nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV chốt đáp án: Địa điểm: bãi cỏ ở lưng đồi; Thời gian: buổi chiều (nhận biết qua chi tiết các bạn nói chuyện với nhau đến khi những tia nắng cuối ngày đã tắt).

Câu 2. *Các bạn nhỏ cảm nhận như thế nào khi quan sát ngôi làng và bầu trời?*

– HS làm việc theo cặp hoặc trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi, nhóm trưởng mời từng bạn nêu câu trả lời, thống nhất ý kiến. GV quan sát các nhóm làm việc và có những hỗ trợ phù hợp.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời trước lớp.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (VD: Trong quan sát của các bạn nhỏ, ngôi làng và bầu trời được miêu tả rất đẹp: Bầu trời cao vời vợi, xanh thăm thẳm và có mây đang bay; Ngôi làng được miêu tả đẹp như một bức tranh: *Những mái nhà cao thấp, nhấp nhô. Những rặng dừa cao vút ôm quanh ao phủ đầy bèo tây hoa nở tím lịm. Những vườn mía lá xanh rờn. Những vườn rau xanh mướt, với rất nhiều bù nhìn làm bằng rơm vàng óng hoặc nâu sậm, gắn thêm các mảnh áo mưa bay phấp phới.*)

– GV có thể nói thêm: Đây là một đoạn văn miêu tả rất đẹp. Nhờ quan sát, các bạn nhỏ đã nhận ra được vẻ đẹp của cảnh vật xung quanh và miêu tả lại bằng những từ ngữ sinh động, giàu hình ảnh. Do vậy, muốn miêu tả tốt, các em nhớ việc quan trọng đầu tiên là cần phải quan sát thật kĩ, sau đó lựa chọn những từ ngữ giàu hình ảnh để miêu tả một cách sinh động nhất.

Câu 3. *Các bạn nhỏ đã ước mơ những gì? Đóng vai một bạn nhỏ trong câu chuyện, nói về ước mơ của mình và giải thích vì sao mình có ước mơ đó.*

– GV mời 1 HS nêu yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.

– HS làm việc cá nhân, tách câu hỏi thành 2 ý: (1) Các bạn nhỏ đã ước mơ những gì? (2) Đóng vai một bạn nhỏ... HS đọc lướt toàn bộ văn bản để tìm các chi tiết nói về ước mơ của các bạn nhỏ. Sau đó, HS lựa chọn một bạn trong câu chuyện để đóng vai và chuẩn bị các ý để nói về ước mơ của bạn đó.

– HS làm việc theo nhóm/ theo cặp, nêu ước mơ của các bạn nhỏ. Nhóm thống nhất đáp án. Sau đó, lần lượt từng HS đóng vai một bạn nhỏ và kể về ước mơ của bạn nhỏ đó. Các HS khác nhận xét, góp ý.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời ý 1 trong câu hỏi (Tuyết ước mơ làm cô giáo, Văn ước mơ làm bộ đội hải quân, Điệp ước mơ làm y tá, Lê ước mơ làm lái xe, Thành ước mơ làm phi công). 2 – 3 HS xung phong để thực hiện yêu cầu 2 (VD đóng vai Văn: Tôi là Văn. Tôi ước mơ làm bộ đội hải quân vì tôi thích được tha hồ đọc thư của học sinh gửi cho...).

– GV khen ngợi những HS trả lời tích cực, diễn đạt tốt.

Câu 4. *Nêu cảm nghĩ của em về hình ảnh bạn nhỏ mơ mình và các bạn bám vào những quả bóng ước mơ bay lên trời xanh.*

– GV mời 1 HS đọc to yêu cầu. GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, suy nghĩ về hình ảnh bạn nhỏ mơ mình và các bạn bám vào những quả bóng ước mơ bay lên trời xanh.

– HS trao đổi ý kiến trong nhóm. HS có thể nêu những ý kiến khác nhau, tuỳ vào cảm nhận của mình. GV khuyến khích HS thoải mái nêu ý kiến của mình, không theo khuôn mẫu cho trước.

– 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

– GV khen ngợi các HS có ý kiến hay. VD: Đó là hình ảnh rất đẹp, tượng trưng cho những ước mơ của các bạn nhỏ luôn bay thật cao, thật xa. Ước mơ càng bay cao, bay xa thì các bạn nhỏ sẽ càng cố gắng thực hiện ước mơ để có một cuộc sống tốt đẹp hơn.

– GV có thể nói thêm: Ước mơ của mỗi người đều rất phong phú. Khi còn nhỏ, ta ước mơ được làm cô lao công, bác bán hàng, chú lái xe,... – là những người ta nhìn thấy xung quanh, hằng ngày. Lớn lên một chút, ta hiểu hơn về công việc của bố mẹ và ước mơ được làm nghề giống như bố mẹ. Khi lớn hơn nữa, biết nhiều thứ hơn, gặp nhiều người thú vị hơn, ta lại tiếp tục thay đổi ước mơ. Như vậy, ước mơ sẽ thay đổi theo nhận thức và suy nghĩ của chúng ta. Nhưng dù có thay đổi bao nhiêu lần, thì có một điểm chung giữa các ước mơ là luôn hướng con người tới những điều tốt đẹp. Việc thay đổi ước mơ là việc rất bình thường và đáng yêu của trẻ nhỏ. Ước mơ càng bay cao, bay xa, thì tương lai sẽ càng có khả năng tốt đẹp.

Câu 5. *Nếu tham gia vào câu chuyện của các bạn nhỏ, em sẽ kể những gì về ước mơ của mình?*

– GV nêu yêu cầu, hướng dẫn HS tự suy nghĩ để trả lời câu hỏi sau đó chia sẻ trong nhóm. HS có thể kể về ước mơ hiện tại của bản thân mình, hoặc những ước mơ đã từng có... GV khuyến khích HS nêu lí do HS có ước mơ đó.

– 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

– GV khen ngợi những HS có ý kiến hay, trình bày tốt.

4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện:

– Làm việc chung cả lớp (4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– Làm việc nhóm (HS đọc theo nhóm 4, góp ý trong nhóm).

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ TÍNH TỪ

1. Tìm từ ngữ thích hợp để tả độ cao tăng dần của mỗi con vật trong hình.

– GV mời 1 HS đọc câu lệnh và chiếu/ treo tranh các con vật ở bài tập 1 lên bảng để HS quan sát.

– GV hướng dẫn cách thực hiện: Quan sát kĩ các tranh, so sánh độ cao của các con vật trong tranh và chọn từ ngữ thích hợp để tả độ cao của nó.

– HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm để đối chiếu kết quả.

– 1 – 2 HS nêu kết quả làm việc.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án. (ngựa – hơi cao, lạc đà – khá cao, voi – cao, hươu cao cổ – rất cao).

GV nói thêm: Bài tập này giúp các em biết về các từ chỉ mức độ như *hơi*, *khá*, *rất* có thể kết hợp với tính từ. Ngoài các từ này, các em còn có thể sử dụng các từ chỉ mức độ như *lắm*, *quá* (thường sử dụng khi nói).

2. Đặt 3 câu có dùng từ *hơi, khá, rất, quá, lắm* kết hợp với từ *chậm* hoặc *nhanh* để tả đặc điểm của các con vật theo mẫu.

– GV mời 1 HS đọc to yêu cầu.

– GV hướng dẫn HS làm việc trong nhóm. HS làm việc cá nhân, tả đặc điểm hoạt động của từng con vật trong tranh theo yêu cầu. GV lưu ý khuyến khích HS tìm nhiều từ ngữ chỉ hoạt động khác nhau, VD: hoạt động di chuyển chậm có thể có: *đi*, *bò*, *nhích từng bước*,... hoạt động di chuyển nhanh có thể có: *chạy*, *phi*, *lao*, *lướt*,...

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả. Các nhóm khác nhận xét, góp ý.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án. VD:

Tranh 1: Gấu túi di chuyển hơi chậm. Rùa nhích từng bước khá chậm. Ốc sên bò rất chậm (Ốc sên bò chậm quá/ chậm lắm).

Tranh 2: Mèo chạy khá nhanh. Ngựa đang phi nhanh quá! Báo đang lao đi rất nhanh.

3. Tìm từ thay cho mỗi ô vuông trong bảng.

– GV mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu và gợi ý trong SHS.

– GV hướng dẫn HS phân tích hàng đầu tiên trong bảng (đã được điền hoàn chỉnh làm mẫu): các từ trong 1 hàng được sắp xếp theo mức độ tăng dần về màu sắc từ trái sang phải, nghĩa là trăng trắng là màu trắng ở mức độ nhạt (trăng trắng), sau đó đến mức độ tiêu chuẩn (trắng) và cuối cùng là mức độ đậm (trắng tinh).

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc kĩ các từ đã có sẵn trong mỗi hàng và tìm các từ chỉ mức độ của màu sắc còn thiếu trong bảng.

– HS trao đổi trong nhóm về kết quả nhận xét của mình, nhóm góp ý, thống nhất đáp án.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV thống nhất đáp án (vị trí của mỗi ô vuông có thể có nhiều đáp án).

trăng trắng	trắng	trắng tinh, trắng xoá,...
đo đỏ	đỏ	đỏ rực, đỏ ối, đỏ au, đỏ chót, đỏ chói,...
tim tím	tím	tím lịm, tím ngắt,...
xanh xanh	xanh	xanh ngắt, xanh rì, xanh um, xanh biếc, xanh lè, xanh lét,...

GV lưu ý, HS có thể tìm thấy các kết hợp từ như: tím nhạt, tím thẫm, tím sẫm, tím đậm,... Mặc dù đây không phải là từ mà là ngữ (cụm từ), nhưng GV vẫn có thể chấp nhận các đáp án này vì việc phân biệt từ và cụm từ với HS là rất khó.

4. Từ ngữ nào có thể thay thế cho từ ngữ in đậm trong đoạn văn?

– GV mời 1 HS đọc to yêu cầu.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm: HS làm việc cá nhân, phân tích sự khác nhau giữa các phương án có thể thay thế cho một từ ngữ in đậm (VD: thay cho *rất vàng* có thể

là *vàng rực* hoặc *vàng nhạt*, nhưng *rất vàng* là từ ngữ chỉ mức độ màu sắc ở mức độ cao, vì thế cần thay thế bằng *vàng rực)*. HS thử thay thế các từ cho trước vào đoạn văn, đọc nhẩm lại câu và đoạn để kiểm tra sự phù hợp, sau đó nêu trong nhóm. Nhóm thống nhất đáp án thay thế.

– Đại diện 2 – 3 nhóm đọc đoạn văn đã thay thế từ ngữ. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án. (Mặt trời vừa hé những tia nắng đầu ngày. Thoáng chốc, nắng đã bừng lên toả khắp nơi, khiến vạn vật đều **vàng rực** theo màu nắng. Những đám mây trôi **chậm rãi** trên nền trời **xanh xanh** như dùng dằng chờ gió đến đẩy đi. Chờ mãi gió không tới, mây lại đứng soi mình xuống mặt hồ nước **trong veo**, phẳng lặng.)

GV chốt kiến thức: Các từ ngữ được in đậm và các từ ngữ thay thế đều thể hiện mức độ của đặc điểm. Như vậy, để thể hiện mức độ của tính từ, chúng ta có thể kết hợp tính từ với *hơi, khá, rất, quá, lắm* hoặc dùng các tính từ thể hiện mức độ (như trong veo, trắng tinh, vàng rực, xanh xanh,...), các kết hợp từ tạo ra dựa trên một từ chỉ mức độ tiêu chuẩn (đỏ thẫm, đỏ đậm, đỏ nhạt). Ngoài hai cách đã nêu trong bài học, chúng ta còn có thể tạo ra phép so sánh. VD:

– Tờ giấy này trắng hơn.

– Tờ giấy này trắng nhất.

Việc thể hiện mức độ đặc điểm như thế nào là phụ thuộc vào sự lựa chọn của HS.

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN MIÊU TẢ CON VẬT

1. Hướng dẫn HS tìm hiểu bài văn.

– GV nêu khái quát mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập. Bài tập 1 giúp HS tìm hiểu cấu trúc và nội dung của một bài văn miêu tả con vật.

– GV hướng dẫn HS làm việc:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, đọc bài văn và các câu hỏi, chuẩn bị câu trả lời để trao đổi trong nhóm.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm, trao đổi ý kiến để thống nhất câu trả lời cho các câu hỏi.

+ Bước 3: Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu trước lớp.

– HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.

– GV thống nhất đáp án.

Đáp án:

a. Phần mở bài, thân bài, kết bài của bài văn là:

– Mở bài: Đoạn đầu tiên.

– Thân bài: 2 đoạn tiếp theo.

– Kết bài: Đoạn cuối cùng.

b. – Phần thân bài có 2 đoạn.

– Đoạn đầu tả các bộ phận của con rùa là *mai* (rất cứng, như được ghép bởi các mảnh gỗ, màu nâu vàng, như chiếc áo giáp), *đầu* (tròn, thuôn nhọn), và *mắt* (nhỏ xíu như hạt đậu). Đoạn sau tả *chân* (tí hon), năm *ngón chân* (ngắn ngủn, có vuốt dài nhưng không sắc) và *hoạt động đặc trưng* của rùa là đi rất chậm.

2. Nêu những điểm khác nhau giữa hai cách mở bài và hai cách kết bài.

Để thực hiện bài tập này, GV có thể gợi ý HS trả lời những câu hỏi dưới đây:

– Về mở bài:

+ Mỗi đoạn văn gồm có mấy câu?

+ Với đoạn văn chỉ có 1 câu, nội dung của câu đó là gì (hoặc câu đó giới thiệu như thế nào về con vật)?

+ Với đoạn văn có nhiều hơn 1 câu, câu nào là câu giới thiệu về con vật cần tả? Câu đầu tiên trong đoạn làm nhiệm vụ gì?

– Về kết bài:

+ Mỗi đoạn văn gồm có mấy câu?

+ Với đoạn văn chỉ có 1 câu, nội dung của câu đó là gì (hoặc người viết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc gì với con vật qua câu đó?)?

+ Với đoạn văn có nhiều hơn 1 câu, câu nào là câu nêu cảm xúc, suy nghĩ của người viết với con vật? Những câu còn lại cho biết điều gì?

Sau khi HS trả lời, GV chốt lại:

Các đoạn văn	Hình thức	Nội dung
Mở bài trực tiếp	Ngắn gọn (1 câu)	Giới thiệu ngay về con vật.
Mở bài gián tiếp	Nhiều hơn 1 câu	Dẫn dắt về các sự vật, hiện tượng,... khác, sau đó mới giới thiệu về con vật.
Kết bài mở rộng	Dài hơn 1 câu	Nêu suy nghĩ, cảm xúc và có liên hệ mở rộng.
Kết bài không mở rộng	Ngắn gọn (1 câu)	Nêu ngay suy nghĩ, cảm xúc với con vật và không liên hệ mở rộng.

GV có thể nói thêm: Mặc dù ví dụ về mở bài trực tiếp và kết bài không mở rộng trong sách chỉ có 1 câu, nhưng đây là ví dụ điển hình để giúp HS dễ nhận diện (so sánh với cách mở bài và kết bài còn lại). Trên thực tế, mở bài trực tiếp và kết bài không mở rộng có thể có nhiều hơn một câu, nhưng tất cả các câu đó đều phải làm chung một nhiệm vụ là giới thiệu ngay con vật cần tả (với mở bài) hoặc nêu suy nghĩ, cảm xúc về con vật (với kết bài), chứ không dẫn dắt hay liên hệ, suy tưởng.

3. Trao đổi những điểm cần lưu ý khi viết bài văn miêu tả con vật.

– GV hướng dẫn HS đọc kĩ các gợi ý trong SHS, sau đó suy nghĩ cá nhân để chuẩn bị ý kiến nêu trong nhóm.

– HS làm việc nhóm, trao đổi các ý kiến của mình. Nhóm góp ý, thống nhất ý kiến.

– Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, góp ý.

– GV mời 1 HS đọc to phần Ghi nhớ. Các HS khác đọc thầm theo. GV mời 1 – 2 HS xung phong nêu lại những nội dung trong Ghi nhớ mà không cần nhìn sách.

– GV khen ngợi HS tích cực tham gia tìm hiểu bài và ghi nhớ được những nội dung cần thiết khi làm bài văn miêu tả con vật.

VẬN DỤNG

– GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động Vận dụng: HS chọn một con vật (vật nuôi trong nhà hoặc con vật đã thấy trong tranh ảnh, trên ti vi,...), quan sát thật kĩ và tìm một số tính từ tả đặc điểm ngoại hình của con vật đó, ghi chép và trao đổi với người thân. GV gợi ý HS: Nếu là con vật em quan sát ngoài đời thực, em có thể tìm các tính từ được gợi ra khi em **nhìn, nghe, chạm,...** vào con vật.

– GV lưu ý HS khi nói phải rõ ràng, rành mạch. Nói xong phải biết lắng nghe những trao đổi của người thân.

– GV gợi ý HS: Ghi chép lại các ý đã trao đổi với người thân để chuẩn bị cho phần thực hành quan sát và tìm ý để miêu tả con vật ở bài sau.

CỦNG CỐ

– GV có thể tổng kết bài học bằng nhiều cách. GV có thể nhắc lại các nội dung HS đã được học:

+ Đọc và tìm hiểu văn bản *Bay cùng ước mơ*.

+ Tìm hiểu về tính từ, từ chỉ mức độ.

+ Tìm hiểu cách viết bài văn miêu tả con vật.

– GV có thể nhắc lại về chủ điểm, nói rõ thêm đây là bài học đầu tiên của chủ điểm *Chắp cánh ước mơ*. Bài đọc *Bay cùng ước mơ* cho các em thấy ước mơ của ai cũng thật đẹp. Chúng ta cần nuôi dưỡng ước mơ để có động lực vươn tới một tương lai tốt đẹp hơn.

– GV dặn HS: Về nhà đọc trước Bài 26.

Bài 26 CON TRAI NGƯỜI LÀM VƯỜN (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Con trai người làm vườn*. Biết đọc diễn cảm các đoạn hội thoại phù hợp với tâm lí, cảm xúc của nhân vật.

b. Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Cứ quyết tâm, kiên trì và cố gắng, chúng ta sẽ thực hiện được ước mơ của mình.

2. Biết quan sát, tìm ý cho bài văn miêu tả một con vật.

3. Nói và nghe về một ước mơ của em.

4. Biết nuôi dưỡng ước mơ và quyết tâm thực hiện ước mơ, biết bảo vệ ước mơ và lựa chọn của mình, biết tôn trọng ước mơ và lựa chọn của người khác.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản tự sự (địa điểm, thời gian, diễn biến các sự việc, suy nghĩ, hành động và lời nói của nhân vật).

– Dàn ý bài văn miêu tả con vật.

2. Phương tiện dạy học

Tranh gợi ý cho phần khởi động, tranh minh hoạ câu chuyện *Con trai người làm vườn*, tranh ảnh minh hoạ bài tập phần Luyện từ và câu.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

ÔN BÀI CŨ

GV có thể chọn một hoạt động để ôn bài cũ, VD: Nêu tên bài đọc trước (*Bay cùng ước mơ*) và tên các nhân vật trong bài đọc, nói về điều em thích nhất trong bài đọc trước.

ĐỌC

1. Khởi động

– GV mời 1 HS nêu yêu cầu của phần Khởi động (*Trao đổi với bạn những hiểu biết của em về công việc của một thuỷ thủ.*). GV chiếu/ treo tranh gợi ý cho phần Khởi động.

+ HS làm việc nhóm. Nhóm trưởng hướng dẫn các bạn thực hiện nhiệm vụ.

+ 2 – 3 HS lần lượt phát biểu ý kiến trước lớp. GV gợi ý: HS có thể nêu những hiểu biết về trang phục khi làm việc, công việc, nơi làm việc,... của một thuỷ thủ.

– GV mời HS nêu nội dung tranh minh hoạ bài đọc. GV có thể gợi ý: Phòng của bạn nhỏ có gì đặc biệt? Em đoán bạn nhỏ đang đọc sách gì? Em đoán cha của bạn nhỏ làm nghề gì? (VD: Tranh vẽ cảnh một bạn nhỏ đang ngồi trên giường đọc sách. Trong phòng của bạn nhỏ có nhiều tranh ảnh được dán ở khắp nơi: trên tường, trên đầu giường,... và tất cả tranh ảnh đều là tranh ảnh về các loại tàu thuyền trên biển,... Cậu bé đang đọc sách về thuỷ thủ. Có lẽ cậu bé rất thích biển, tàu thuyền hoặc thích làm thuỷ thủ. Cha của cậu bé đang cắt tỉa cây, có lẽ ông ấy là người làm vườn.).

– GV giới thiệu khái quát bài đọc *Con trai người làm vườn.* (VD: Mỗi người đều có rất nhiều ước mơ. Ước mơ có thể rất to lớn, vĩ đại như trở thành siêu anh hùng giải cứu trái đất,..., có thể chỉ nhỏ bé, khiêm nhường như dậy thật sớm một lần để nhìn thấy mặt trời mọc,...và ước mơ nào cũng đáng trân trọng. Hôm nay các em sẽ luyện đọc bài *Con trai người làm vườn.* Các em sẽ đọc kĩ để hiểu bạn nhỏ trong câu chuyện ước mơ điều gì, ước mơ đó mãnh liệt ra sao và bạn nhỏ đã thực hiện ước mơ của mình như thế nào.)

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật. VD: *Có một cậu bé vô cùng yêu biển. Ánh mắt cậu hướng về phía xa xăm, chất chứa niềm khát khao mãnh liệt. Công việc làm vườn không phải rất tốt hay sao?...*

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *biển, trở thành, thuyền trưởng, làm vườn, giảng giải, nghĩ, niềm, mãnh liệt, buồn bã, hễ, mở mắt, lớn khôn, tiếp quản, giữ nguyên, thuỷ thủ, biển cả, hải tặc, gặp nạn, bình tĩnh, mưa bão, nể phục, dũng cảm, sinh lực, cảm động, lòng, hão huyền, rơi lệ,...*).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Anh bình tĩnh/ hướng dẫn mọi người/ đối phó với mưa bão/ và chiến thắng hải tặc.; Nhìn anh tràn trề sinh lực,/ sắc mặt tươi tắn,/ bờ vai to khoẻ,/ người cha cảm động rơi nước mắt.;...*

– 2 HS đọc nối tiếp 2 đoạn trước lớp (đoạn 1: từ đầu đến *hễ mở mắt là nhìn thấy chúng*, đoạn 2: tiếp theo đến hết.)

– HS làm việc theo cặp, mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp 2 đoạn), đọc nối tiếp 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

Với câu hỏi 1 và 2, GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời, sau đó trao đổi theo cặp để thống nhất câu trả lời.

– Một số HS phát biểu ý kiến, GV khen ngợi HS trả lời rõ ràng, lưu loát.

– GV và HS thống nhất đáp án.

Câu 1. *Ước mơ của cậu bé và mong muốn của người cha khác nhau như thế nào?*

Đáp án: Cậu bé ước mơ làm thuyền trưởng nhưng người cha mong cậu trở thành người làm vườn.

Câu 2. *Những chi tiết nào thể hiện ước mơ mãnh liệt của cậu bé?*

Đáp án:

– Chi tiết cậu bé không chú ý nghe bố giảng giải về công việc làm vườn mà chỉ nghĩ về biển trông như thế nào. Khi suy nghĩ như vậy, ánh mắt cậu hướng về phía xa xăm, chất chứa niềm khát khao mãnh liệt.

– Chi tiết cậu bé thể hiện tình yêu với biển cả qua việc tìm báo, tạp chí giới thiệu về các loại tàu thuyền, cắt hình con tàu dán lên đầu giường để hễ mở mắt là nhìn thấy chúng.

– Chi tiết khi lớn khôn, dù các bạn đều tiếp quản công việc của cha mẹ mình nhưng cậu bé vẫn giữ nguyên tình yêu với biển và kiên trì thực hiện ước mơ từ nhỏ của mình.

Câu 3. *Người con được miêu tả như thế nào khi đã trở thành thuyền trưởng và trở về thăm cha?*

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc lại văn bản, tìm đoạn văn nói về người con khi đã trở thành thuyền trưởng và trở về thăm cha. HS tìm các chi tiết miêu tả ngoại hình và cảm xúc của người con khi đó.

– HS trao đổi ý kiến trong nhóm và thống nhất ý kiến.

Một số HS phát biểu trước lớp. GV chốt đáp án. (về ngoại hình: sắc mặt tươi tắn, bờ vai to khoẻ, tràn trề sinh lực; về cảm xúc: hạnh phúc, tự hào)

– GV nói thêm: Những chi tiết miêu tả người con cho thấy hình ảnh người con khi về thăm cha là hình ảnh của một người trưởng thành, thành công trong công việc của mình và rất hạnh phúc với công việc đó.

Câu 4. *Theo em, vì sao người cha rơi nước mắt khi người con trở về?*

– GV nêu yêu cầu, khuyến khích HS phát biểu ý kiến theo nhiều cách khác nhau (tuỳ theo suy nghĩ của HS).

– HS trao đổi ý kiến cá nhân trong nhóm. Các thành viên trong nhóm nhận xét, góp ý từng ý kiến.

– 2 – 3 HS phát biểu trước lớp. GV khen ngợi những ý kiến hay, độc đáo.

Đáp án

VD: Giọt nước mắt của người cha mang rất nhiều cảm xúc. Đó là giọt nước mắt cảm động, tự hào vì thấy con mình đã trưởng thành, thành công trong công việc. Đó cũng là giọt nước mắt ân hận vì người cha nhận ra mình đã sai khi trước đây đã không ủng hộ ước mơ của con, cho rằng ước mơ của con là hão huyền. Đó là giọt nước mắt của một người cha rất yêu con.

Câu 5. *Câu chuyện muốn nói điều gì? Tìm câu trả lời đúng.*

– GV mời 1 HS đọc to câu hỏi và các phương án lựa chọn. Cả lớp đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu:

+ Bước 1: HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm (lần lượt từng em nêu ý kiến đã chuẩn bị), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời. GV lưu ý HS có thể tìm phương án đúng bằng cách loại trừ. HS nên nêu lí do khi lựa chọn một phương án.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV chốt đáp án. Đáp án B. *Có đam mê và lòng kiên trì thì sẽ thực hiện được ước mơ.*

4. Luyện tập theo văn bản đọc

– GV mời HS đọc từng yêu cầu của bài tập 1 và 2. GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, chuẩn bị ý trả lời trước, sau đó trình bày trong nhóm và bầu một bạn phát biểu trước lớp.

– HS làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng, lần lượt thực hiện yêu cầu trong bài tập 1 và 2.

– Với mỗi bài tập, GV mời đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu trước lớp.

– GV khen ngợi các HS tích cực thực hiện cả hai bài tập, đặc biệt khen ngợi HS có cách nói hay, diễn đạt tốt, trình bày hấp dẫn (đối với bài tập 2).

Đáp án:

Câu 1. *Tìm các danh từ chỉ người làm việc trên biển trong đoạn văn.*

Đáp án:

*Anh lên tàu, trở thành **thuỷ thủ**, hằng ngày được nhìn thấy biển cả mênh mông. Một lần, trong đêm bão to, tàu của anh gặp hải tặc. **Thuyền trưởng, thuyền phó** đều gặp nạn. Anh bình tĩnh hướng dẫn mọi người đối phó với mưa bão và chiến thắng hải tặc.*

GV lưu ý thêm: Trong đoạn văn có một danh từ chỉ người là *hải tặc*. *Hải tặc* nghĩa là cướp biển. Đi cướp tài sản của người khác không phải là một công việc, nên *hải tặc* không phải là đáp án đúng (danh từ chỉ người làm việc trên biển).

Câu 2. *Đóng vai người con trai, kể cho bố nghe về hành trình trên biển của mình.*

HS đóng vai người con trai trong câu chuyện và kể theo cách của mình. GV lưu ý HS sử dụng đúng các từ ngữ xưng hô, các từ ngữ thể hiện sự kính trọng với bố,... khi HS đóng vai người con. GV khuyến khích HS tưởng tượng thêm các chi tiết để bài nói sinh động, ấn tượng hơn (VD: tả cảnh biển, tả con tàu, thêm các chi tiết khi chiến đấu với hải tặc,...).

5. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện:

– Làm việc chung cả lớp (2 HS đọc nối tiếp 2 đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– HS đọc theo cặp hoặc nhóm (2 em/ nhóm), góp ý trong nhóm.

TIẾT 3

VIẾT

QUAN SÁT CON VẬT

1. Chuẩn bị.

– GV hướng dẫn HS đọc các yêu cầu chuẩn bị và đọc kĩ gợi ý trong SHS.

– GV hướng dẫn HS các nội dung chuẩn bị:

+ HS suy nghĩ, lựa chọn một con vật để miêu tả.

+ Quan sát, ghi chép đặc điểm của con vật (đặc điểm ngoại hình và hoạt động, thói quen của con vật). Đây là bước quan trọng nhất để tìm ý cho một bài văn miêu tả con vật. HS đã được tập luyện bước này trong phần Vận dụng của Bài 25.

– HS làm việc theo hướng dẫn của GV.

– GV bao quát cả lớp, hỗ trợ các HS còn gặp khó khăn trong việc chuẩn bị.

2. Quan sát và ghi chép kết quả quan sát.

– GV hướng dẫn HS đọc kĩ các ví dụ gợi ý trong SHS để biết cách sử dụng từ ngữ trong mỗi phần miêu tả con vật.

– GV hướng dẫn HS quan sát:

+ Bước 1: Quan sát và ghi chép các đặc điểm về ngoại hình của con vật (từ quan sát tổng thể để thấy các đặc điểm bao quát đến quan sát từng bộ phận của con vật để thấy các đặc điểm của từng bộ phận). Lưu ý các đặc điểm về ngoại hình nổi bật của con vật.

+ Bước 2: Quan sát hoạt động, thói quen của con vật. Lưu ý những hoạt động của con vật khiến em thấy thú vị.

– HS có thể quan sát con vật qua tranh ảnh, nhớ lại các đặc điểm của một con vật đã từng quan sát để ghi chép vào vở, hoặc sử dụng kết quả ghi chép của phần Vận dụng ở Bài 25 làm kết quả quan sát.

3. Sắp xếp ý.

– GV hướng dẫn HS tham khảo gợi ý sắp xếp ý trong SHS (cách 1: miêu tả lần lượt từ đặc điểm ngoại hình đến các hoạt động, thói quen của con vật; cách 2: miêu tả kết hợp các đặc điểm ngoại hình và hoạt động, thói quen của con vật). HS cũng có thể lựa chọn cách sắp xếp khác theo ý mình.

– HS làm việc cá nhân, sắp xếp ý và viết vào vở hoặc giấy nháp.

– GV nhận xét nhanh một phần ghi chép kết quả quan sát (đã sắp xếp) của HS. GV khen ngợi những HS thực hiện tốt yêu cầu và hỗ trợ những HS còn gặp khó khăn trong việc quan sát tìm ý.

4. Trao đổi, góp ý.

– GV hướng dẫn HS đổi vở với bạn trong nhóm hoặc bàn, đọc thầm phần ghi chép của bạn, góp ý nhận xét theo hướng dẫn trong SHS.

– Chỉnh sửa theo góp ý.

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE

ƯỚC MƠ CỦA EM

Yêu cầu: Nói về một ước mơ của em.

1. Chuẩn bị.

GV hướng dẫn HS: Đọc yêu cầu, suy nghĩ và chuẩn bị ý để nói theo các câu hỏi gợi ý trong SHS. HS có thể ghi nhanh các ý kiến mình chuẩn bị ra vở, nháp hoặc vẽ sơ đồ tư duy để hỗ trợ cho phần trình bày.

2. Chia sẻ với các bạn ước mơ của em.

– HS thực hiện theo hướng dẫn của GV. Từng em phát biểu ý kiến trong nhóm. 3 – 5 em phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV mời các HS trong lớp phát biểu ý kiến sau khi nghe bạn phát biểu.

– GV khen ngợi những HS có ý kiến hay, tích cực, những HS có tranh ảnh minh hoạ cho phần phát biểu và biết dùng cử chỉ, ngôn ngữ bộc lộ cảm xúc phù hợp.

3. Lắng nghe những chia sẻ của bạn.

– HS nghe chia sẻ và phản hồi lại bạn khi cần thiết.

– GV nhắc nhở HS về các điều cần lưu ý đối với người nói, người nghe khi hoạt động trong giờ Nói và nghe.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động Vận dụng: *Tìm đọc một bài thơ về ước mơ.* Đây là hoạt động chuẩn bị cho phần Đọc mở rộng Bài 28. HS chú ý tìm đúng thể loại "thơ" và có thể chia sẻ với người thân về bài thơ mình tìm được.

CỦNG CỐ

– GV nhắc lại các nội dung HS đã được học:

+ Đọc và tìm hiểu câu chuyện *Con trai người làm vườn.*

+ Luyện tập quan sát con vật.

+ Nói và nghe về một ước mơ của em.

– GV dặn HS: Về nhà ôn Bài 26 và đọc trước Bài 27.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TUẦN 15

Bài 27 NẾU EM CÓ MỘT KHU VƯỜN (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài đọc *Nếu em có một khu vườn*. Biết đọc diễn cảm phù hợp với cảm xúc của người viết.

b. Nhận biết được đặc điểm của khu vườn, của các loài cây thể hiện qua những hình ảnh, bộ phận của cây được miêu tả; thấy được ích lợi mà khu vườn mang lại cho bạn nhỏ, những cảm xúc của bạn nhỏ khi viết về những loài cây thân thuộc trong khu vườn mơ ước của mình.

2. Nhận biết được công dụng của *dấu gạch ngang*.

3. Biết cách viết một đoạn văn miêu tả con vật.

4. Biết và trân trọng mơ ước của bản thân, bạn bè và những người xung quanh.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Văn bản miêu tả; cách sắp xếp ý, cách dùng từ ngữ, đặc biệt là các tính từ trong văn bản miêu tả.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài văn *Nếu em có một khu vườn*.

– Tranh ảnh các loài cây có trong khu vườn mơ ước.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 HS đọc nối tiếp bài *Con trai người làm vườn* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, VD: Em nghĩ gì về ước mơ của bạn nhỏ trong bài? Hãy nói về ước mơ của em.).

ĐỌC

1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ:

+ HS làm việc theo nhóm, trả lời câu hỏi Khởi động (*Nếu em có một khu vườn, em sẽ trồng những cây gì? Vì sao?*). GV khích lệ HS nói tự do trong nhóm, nói tên những loài cây mà em dự định sẽ trồng và giải thích vì sao em muốn trồng những cây đó.

– HS làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng.

– HS (2 – 3 em) lần lượt nói trước lớp ý kiến của mình: nêu tên những loài cây mình muốn trồng và giải thích lí do.

– GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó GV giới thiệu khái quát bài đọc *Nếu em có một khu vườn*. (VD: Nhìn vào tranh, các em thấy một khu vườn xinh đẹp với rất nhiều hoa trái, đó là ước mơ của bạn nhỏ. Các em sẽ nghe và đọc kĩ để biết bạn ấy mơ ước những gì.)

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả vẻ đẹp, ích lợi của các loài cây, những từ ngữ diễn tả tâm trạng, cảm xúc của bạn nhỏ khi nói về khu vườn mơ ước của mình, VD: *chạy ù ù, gió thổi lồng lộng, mát rượi, phơn phớt hồng, phơn phớt tím, thoang thoảng hương,...*). GV có thể mời 2 em đọc nối tiếp các đoạn.

– GV hướng dẫn HS đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *lá me non, nấu canh, cá mực, nở rộ, hoà lẫn,..*).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài (VD: *Em sẽ xâu những chiếc lá vàng, lá đỏ/ thành vòng lá,/ đội lên đầu,/ hoá thành công chúa.; ...*).

+ Đọc nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc của các nhân vật: *em chạy ù ù để gió thổi lồng lộng cho chong chóng xoay tít; Và ngày nào em cũng không thôi mơ ước, nếu em có một khu vườn như ở quê...*

– HS làm việc theo nhóm, từng HS trong mỗi nhóm đọc nối tiếp.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

– GV hướng dẫn HS sử dụng từ điển để tìm nghĩa của các từ ngữ: *xế trưa, phơn phớt, nhao nhác, sực tỉnh*.

– GV mời 1 – 2 HS đọc nghĩa của từ và ví dụ về cách sử dụng của từ. Cả lớp nhận xét.

– GV hướng dẫn HS trả lời lần lượt các câu hỏi nêu trong SHS (cuối bài đọc).

Câu 1. *Trong khu vườn mơ ước, bạn nhỏ muốn trồng cây mít để làm gì?*

– 1 HS đọc câu hỏi, cả lớp đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi.

– HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời.

– GV mời một số HS phát biểu ý kiến trước lớp.

Đáp án: Trong khu vườn mơ ước, bạn nhỏ muốn trồng cây mít để được cùng chơi với các bạn những trò chơi tuổi thơ như hái lá mít làm trâu, làm chong chóng, nhặt lá vàng, lá đỏ xâu thành vòng lá, đội lên đầu, hoá thành công chúa.

Câu 2. *Ghép từ ngữ chỉ cây, hoa, lá trong khu vườn tưởng tượng với từ ngữ chỉ đặc điểm của nó.*

– GV nêu câu hỏi 2 (hoặc 1 HS đọc câu hỏi 2).

– GV hướng dẫn trả lời câu hỏi.

+ Bước 1: HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời (đọc tên các loài cây, hoa, lá và tìm các đặc điểm của chúng được nhắc đến trong bài đọc).

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm (lần lượt từng em nêu ý kiến đã chuẩn bị), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm nêu câu trả lời trước lớp (lần lượt ghép tên mỗi loại cây với đặc điểm của cây đó theo tưởng tượng của bạn nhỏ).

– HS thực hiện các bước theo hướng dẫn, một số em phát biểu trước lớp.

– GV nhận xét và thống nhất đáp án.

Đáp án:

lá me	non, vị chua
hoa anh đào	phơn phớt hồng, phơn phớt tím, thoang thoảng hương
những khóm hoa dại	bé xíu, trắng muốt

Câu 3. *Em thích loài cây nào nhất trong khu vườn mơ ước của bạn nhỏ? Vì sao?*

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến để phát biểu trong nhóm và trước lớp.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp, phát biểu ý kiến, thảo luận hoặc trao đổi; cần lưu ý lập luận để thuyết phục mọi người.

– GV nhận xét các ý kiến.

GV lưu ý HS: Mỗi người có những cảm nhận riêng của mình về các loài cây. Vì vậy, ý kiến của mỗi người có thể giống hoặc khác nhau. Điều quan trọng không phải việc thích hình ảnh tưởng tượng về loài cây nào mà là việc giải thích được một cách thuyết phục là vì sao thích loài cây đó. VD: Em thích khóm hoa dại bé xíu, trắng muốt vì trông nó rất xinh xắn, dễ thương.

Câu 4. *Vì sao khu vườn hiện ra rất sống động trong trí tưởng tượng của bạn nhỏ? Chọn câu trả lời cho trước hoặc nêu ý kiến của em.*

– GV nêu câu hỏi 4 hoặc nhắc HS tự đọc câu hỏi để tìm câu trả lời.

– GV hướng dẫn HS lựa chọn phương án trả lời. Nếu HS có ý kiến khác thì khuyến khích các em nêu ý kiến riêng của bản thân.

– 2 – 3 HS đại diện các nhóm phát biểu trước lớp. (HS có thể lựa chọn 1 trong 3 đáp án hoặc đưa ra đáp án riêng của mình và cần phải có giải thích phù hợp.)

– GV khen ngợi những HS có ý kiến hay, trình bày rõ ràng, rành mạch.

4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện.

– Làm việc chung cả lớp (2 HS đọc nối tiếp trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– Làm việc theo cặp: từng cặp HS đọc nối tiếp, góp ý cho nhau.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

DẤU GẠCH NGANG

1. Xác định công dụng của *dấu gạch ngang* được sử dụng trong mỗi đoạn.

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu của bài tập.

– GV hướng dẫn cách thực hiện: HS làm việc nhóm, đọc các câu, đoạn a, b, c và xác định các dấu gạch ngang được sử dụng và công dụng của chúng trong các câu, đoạn.

– Đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và cả lớp nhận xét.

– GV và cả lớp nhận xét, đánh giá.

Đáp án:

+ Các dấu gạch ngang trong đoạn a được dùng để đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.

+ Các dấu gạch ngang trong đoạn b được dùng để nối các từ ngữ trong một liên danh.

+ Các dấu gạch ngang trong đoạn c được dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.

2. Nêu công dụng của *dấu gạch ngang* trong mỗi trường hợp.

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu của bài tập 2, sau đó 2 HS khác đọc 2 ý a, b của bài tập.

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện: Đọc thầm và quan sát kĩ cách viết các câu trong các trường hợp a và b, xác định câu nào có dấu gạch ngang. Căn cứ vào vị trí của các dấu gạch ngang trong câu hoặc tổng thể cả đoạn văn để xác định xem các dấu gạch ngang trong các trường hợp a và b được dùng để làm gì hay có công dụng gì.

– HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi theo cặp hoặc nhóm để đối chiếu kết quả. Các HS trao đổi trong nhóm. Cả nhóm thống nhất kết quả.

– Một số em đại diện nhóm trình bày kết quả. GV và cả lớp nhận xét.

Đáp án: Trong trường hợp a, các câu có dấu gạch ngang đặt ở đầu dòng, dùng để đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê; trong trường hợp b, dấu gạch ngang dùng để nối các từ trong một liên danh.

– GV mời 1 HS đọc ghi nhớ để nắm được các công dụng của dấu gạch ngang mà HS được học trong bài.

3. Dấu câu nào có thể thay cho các bông hoa? Nêu công dụng của dấu câu đó.

– GV nêu yêu cầu của bài tập 3; nhắc HS đọc thầm ngữ liệu ở phần a và b; ghi ra vở, giấy nháp các dấu câu thích hợp để thay cho mỗi bông hoa trong từng câu, đoạn.

– HS nêu các dấu câu tìm được. GV có thể chiếu lần lượt ngữ liệu ở từng bài tập trên màn hình, thay dấu câu mà HS tìm được vào mỗi bông hoa. Mời HS đọc lại để xác định dấu câu tìm được có phù hợp hay không.

– GV mời 2 HS đọc toàn bộ phần a và phần b sau khi hoàn thành và giải thích chức năng của các dấu câu.

Đáp án:

a. Nhạc sĩ Hoàng Vân đã phổ nhạc cho bài thơ *Hà Nội – Huế – Sài Gòn* của nhà thơ Lê Nguyên.

b. Để làm một con diều giấy, chúng ta phải thực hiện 3 bước:

– Làm khung diều.

– Đo và cắt áo diều.

– Ráp các bộ phận của diều.

Công dụng: các dấu gạch ngang ở phần a là dùng để nối các từ ngữ trong một liên danh và ở phần b là để đánh dấu các ý liệt kê.

TIẾT 3

VIẾT

LUYỆN VIẾT ĐOẠN VĂN MIÊU TẢ CON VẬT

1. Đọc các đoạn văn và trả lời câu hỏi.

– GV nêu khái quát mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập. Bài tập 1 giúp HS tìm hiểu một số cách viết đoạn văn miêu tả con vật.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu:

+ Bước 1: Làm việc cá nhân, đọc các đoạn văn và các câu hỏi, chuẩn bị câu trả lời để trao đổi trong nhóm.

+ Bước 2: Làm việc nhóm, trao đổi ý kiến để thống nhất câu trả lời cho các câu hỏi (đặc biệt lưu ý câu hỏi c là câu hỏi về những cảm nhận, ý kiến cá nhân của HS).

+ Bước 3: Đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu trước lớp.

GV có thể tổ chức theo 2 cách: cách 1 là trả lời theo từng câu hỏi (GV nêu từng câu hỏi, mỗi nhóm cử đại diện trả lời, hết lượt các nhóm thì mới chuyển sang câu hỏi khác); cách 2 là trả lời theo nhóm (mỗi nhóm trả lời cả 4 câu rồi mới chuyển sang nhóm khác).

– HS làm việc theo hướng dẫn của GV.

– GV và HS thống nhất đáp án.

Đáp án:

a. *Mỗi đoạn văn tả con vật nào?*

Đoạn 1 tả con ong, đoạn 2 tả con cá rô ron, đoạn 3 tả cái vòi của voi con.

b. *Những từ ngữ in đậm trong các đoạn văn có tác dụng gì đối với việc miêu tả con vật?*

+ Đoạn 1: Các từ ngữ in đậm là các tính từ, giúp cho việc miêu tả con vật trở nên cụ thể, sinh động hơn.

+ Đoạn 2: Các từ ngữ in đậm được dùng với biện pháp so sánh để miêu tả hoạt động của con vật và môi trường xung quanh nó giúp cho con vật và hoạt động của nó trở nên sinh động hơn.

+ Đoạn 3: Các từ ngữ in đậm được dùng với biện pháp nhân hoá, giúp biểu hiện những trạng thái tâm lí, cảm xúc của con vật giống như những trạng thái tâm lí, cảm xúc của con người.

c. Em thích cách miêu tả con vật trong đoạn văn nào nhất? Vì sao?

Đây là câu hỏi mở, cách miêu tả con vật mà mỗi HS thích hoàn toàn phụ thuộc vào cảm nhận của mỗi HS. GV khích lệ HS thể hiện ý kiến cá nhân và trình bày được lí do vì sao HS thích cách miêu tả đó.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2. Viết đoạn văn tả hoạt động hoặc đặc điểm ngoại hình của con vật mà em yêu thích.

– GV nêu khái quát mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập là giúp HS thực hành viết đoạn văn miêu tả con vật theo cách mà HS đã làm quen ở bài tập 1.

– GV hướng dẫn HS lựa chọn một con vật yêu thích để tả hoạt động hoặc đặc điểm ngoại hình trong một đoạn văn ngắn.

– GV hướng dẫn HS viết đoạn văn.

– GV hỗ trợ HS trong quá trình viết đoạn văn; đọc các bài làm hay trước lớp; trao đổi, góp ý, hướng dẫn riêng những em viết chưa tốt.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Nói với người thân về khu vườn mơ ước của em.*

CỦNG CỐ

GV nhận xét kết quả học tập bài *Nếu em có một khu vườn*. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực. Dặn HS ôn Bài 27 và đọc trước Bài 28.

Bài 28 BỐN MÙA MƠ ƯỚC (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Bốn mùa mơ ước*, biết nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện cảm xúc về ước mơ của bạn nhỏ.

b. Nhận biết được những ước mơ của bạn nhỏ trong bài thơ. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Ước mơ của mỗi người đều rất đẹp, rất đáng trân trọng. Con người cần nuôi dưỡng những hoài bão, ước mơ đẹp đẽ, hướng tới những điều tốt đẹp trong cuộc sống, cho mọi người xung quanh và cho bản thân mình.

2. Biết lập dàn ý cho bài văn miêu tả con vật.

3. Đọc được bài thơ về ước mơ và viết phiếu đọc sách theo mẫu.

4. Có những ước mơ đẹp, biết trân trọng ước mơ của bản thân, bạn bè và những người xung quanh.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Văn bản thơ (cảm xúc/ mạch cảm xúc, hình ảnh, ngôn ngữ,...).

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài thơ.

– Một vài bài thơ nói về ước mơ.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

2 HS đọc nối tiếp bài *Nếu em có một khu vườn* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, VD: Em nghĩ gì về ước mơ của bạn nhỏ?).

ĐỌC

1. Khởi động

– GV nêu tên bài học (*Bốn mùa mơ ước*) và giao nhiệm vụ cho HS:

+ Trả lời câu hỏi: *Hãy nói về một mơ ước của em* (Em mơ ước điều đó khi nào? Vì sao em mơ ước như vậy?).

+ GV có thể gợi ý HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc, nêu nội dung bức tranh và xem đó như những gợi ý về ước mơ.

– GV khích lệ HS mạnh dạn nói về mơ ước của mình.

– Đại diện 2 – 3 HS trình bày trước lớp. Cả lớp có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về mơ ước của bạn.

– GV nhận xét các ý kiến của HS, sau đó giới thiệu khái quát về bài thơ. (VD: Bây giờ chúng ta sẽ đọc và tìm hiểu bài thơ *Bốn mùa mơ ước*, để xem bạn nhỏ trong bài thơ đã chia sẻ những gì về ước mơ của mình.)

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện nỗi khát khao và những cảm xúc đẹp của bạn nhỏ). GV có thể mời 2 em đọc nối tiếp các khổ thơ.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *nắng xuân, muôn nơi, nỗi niềm, nắng hạ, nồng oi, lung linh, ...*

+ Đọc diễn cảm, thể hiện cảm xúc (nhấn giọng vào những từ ngữ, những câu thơ nói lên ước mơ của bạn nhỏ. VD: *Em mơ mình là cánh én/ Em mơ mình là cơn gió/ Em mơ là vầng trăng tỏ/ Em mơ mình là ngọn lửa*).

– 5 HS đọc nối tiếp cả bài thơ trước lớp.

– HS làm việc theo cặp, mỗi HS đọc luân phiên từng khổ thơ đến hết bài, sau đó đổi vị trí.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 2 – 3 HS đọc nối tiếp cả bài thơ trước lớp.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

– GV kiểm tra xem có những từ ngữ nào trong bài mà HS chưa hiểu thì giải thích hoặc hướng dẫn HS tra từ điển.

– GV hướng dẫn HS trả lời lần lượt các câu hỏi trong SHS.

Câu 1. *Mỗi mùa, bạn nhỏ mơ ước điều gì?*

– 2 HS đọc câu hỏi trước lớp, cả lớp đọc thầm theo.

– GV nêu cách thức thực hiện.

– HS làm việc nhóm, mỗi em đọc thầm 4 khổ thơ đầu, suy nghĩ và tìm những từ ngữ nói về ước mơ của bạn nhỏ trong mỗi mùa. Từng em phát biểu trong nhóm, các bạn nhận xét, bổ sung, thống nhất câu trả lời của nhóm.

– HS làm bài theo hướng dẫn. Có thể ghi vắn tắt vào vở, phiếu bài tập hoặc giấy nháp.

– Một số HS nêu câu trả lời trước lớp; GV và cả lớp nhận xét, bổ sung.

Đáp án: Mùa xuân, bạn nhỏ mơ ước làm cánh én; Mùa hạ, bạn nhỏ mơ ước làm làn gió; Mùa thu, bạn nhỏ mơ ước làm vầng trăng; Mùa đông, bạn nhỏ mơ ước làm ngọn lửa.

Câu 2. *Cùng bạn hỏi – đáp về lí do bạn nhỏ có những mơ ước đó trong mỗi mùa.*

– GV hướng dẫn HS đọc câu mẫu rồi thực hiện yêu cầu.

– HS làm việc theo cặp, đọc thầm lại 4 khổ thơ đầu, tìm các chi tiết nói về lí do khiến bạn nhỏ có những mơ ước trong mỗi mùa.

– Từng cặp HS hỏi – đáp theo mẫu.

– 3 cặp HS phát biểu trước lớp về ước mơ vào mùa hè, mùa thu và mùa đông.

– GV và cả lớp nhận xét, thống nhất đáp án.

(1) – Vì sao bạn nhỏ mơ là cơn gió?

– Vì bạn nhỏ muốn làm mát những ngày nắng hạ nồng oi và cùng mây bay đây đó, đem mưa làm dịu mát cho muôn nơi.

(2) – Vì sao bạn nhỏ mơ là vầng trăng tỏ?

– Vì bạn nhỏ muốn được sáng lung linh giữa trời thu và được vui cùng những ngôi sao nhỏ.

(3) – Vì sao bạn nhỏ mơ là ngọn lửa?

– Vì bạn nhỏ muốn xua tan cái giá lạnh của mùa đông, mang lại sự ấm áp, vui tươi cho con người và vạn vật.

Câu 3. *Theo mơ ước của bạn nhỏ, khung cảnh mỗi mùa hiện ra có gì đẹp? Em thích khung cảnh nào nhất? Vì sao?*

– 1 HS đọc câu hỏi 3 trước lớp, cả lớp đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn trả lời ý thứ nhất của câu hỏi.

– GV nêu cách thức thực hiện: HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm, suy nghĩ và tìm những câu thơ, hình ảnh thơ thể hiện khung cảnh của mỗi mùa trong ước mơ của bạn nhỏ.

– HS suy nghĩ và trả lời trước lớp hoặc trong nhóm.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý, khen ngợi những câu trả lời hay.

Đáp án gợi ý: Mùa xuân hiện ra với không gian đầy nắng và rộn rã tiếng cười. Mùa hè hiện ra với khung cảnh những ngày nắng hạ oi nồng, có mây bay và có mưa làm mát không gian. Mùa thu hiện ra với khung cảnh đêm trăng (có thể là đêm Rằm Trung thu), có vầng trăng sáng giữa trời với hàng ngàn ngôi sao lấp lánh. Mùa đông hiện ra với khung cảnh ấm áp của bữa cơm chiều quê đông đủ các thành viên trong gia đình, cánh chim bay về tổ.

Lưu ý: Do có một số hình ảnh ẩn dụ và có cách hiểu khác với nghĩa gốc của một số từ ngữ nên có thể HS sẽ có những sự liên tưởng khác nhau. GV động viên HS phát huy trí tưởng tượng và mạnh dạn thể hiện suy nghĩ của mình trước lớp.

Câu 4. *Theo em, khổ thơ cuối muốn nói điều gì về mơ ước của tuổi thơ? Chọn câu trả lời cho trước hoặc nêu ý kiến của em.*

– 1 HS đọc câu hỏi trước lớp, cả lớp đọc thầm theo.

– GV nêu cách thức thực hiện.

– HS làm việc nhóm, mỗi em đọc thầm khổ thơ cuối, suy nghĩ xem khổ thơ này muốn nói điều gì. HS đọc các câu gợi ý để lựa chọn, nếu không có ý nào phù hợp thì nêu ý kiến riêng của mình. Từng em phát biểu trong nhóm, các bạn nhận xét, bổ sung.

– HS làm bài theo hướng dẫn nêu trên. Có thể ghi vắn tắt vào vở, phiếu bài tập hoặc giấy nháp.

– Một số HS nêu ý kiến của mình trước lớp; GV và cả lớp nhận xét, bổ sung.

Lưu ý: Đây là câu hỏi lựa chọn trong giới hạn và có thể trả lời theo ý kiến riêng của mình, vì vậy, không có một đáp án cứng cho câu trả lời. GV khuyến khích HS lựa chọn hoặc trả lời theo ý kiến riêng.

4. Học thuộc lòng bài thơ

– GV hướng dẫn HS học thuộc lòng tại lớp.

– Có thể hướng dẫn HS học 1 – 2 khổ thơ theo cách mà GV cho là hiệu quả (VD: chiếu bài thơ, đoạn thơ lên và dùng cách che dần các từ ngữ, câu thơ).

– HS làm việc cá nhân, học thuộc lòng 4 khổ thơ đầu (hoặc cả bài thơ).

5. Luyện tập sau bài đọc

– HS đọc yêu cầu trong SHS và tự thực hiện yêu cầu. GV nêu thời gian thực hiện nhiệm vụ và chỉ dẫn hình thức thực hiện (làm việc cá nhân trước khi trao đổi, thống nhất câu trả lời trong nhóm hoặc lớp).

– GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp.

Đáp án:

Câu 1. Những thành ngữ nói về ước mơ, mong muốn của con người là: *Cầu được ước thấy, Ước sao được vậy, Muốn gì được nấy*.

Câu 2. – Những từ ngữ có nghĩa giống với từ *ước mơ* là: *ao ước, hoài bão, mong ước, khát vọng*.

– Đặt câu với 2 trong số các từ trên.

VD: Mong ước của em là có một khu vườn nhỏ xinh ở ban công để tự mình có thể trồng và chăm sóc những loài cây mà em thích.

TIẾT 3

VIẾT

LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN MIÊU TẢ CON VẬT

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

Đề 1: Miêu tả một con vật mà em đã chăm sóc và gắn bó.

Đề 2: Miêu tả một con vật em đã được quan sát trên ti vi hoặc trong phim ảnh.

1. Chuẩn bị.

– GV mời 1 HS đọc đề bài, cả lớp cùng đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS lựa chọn 1 trong 2 đề và xác định yêu cầu trọng tâm của đề bài mà mình lựa chọn.

– HS đọc các yêu cầu chuẩn bị trong SHS.

– GV hướng dẫn HS các bước chuẩn bị ý:

+ Bước 1: HS suy nghĩ, lựa chọn một con vật để miêu tả cho đề bài mà mình lựa chọn.

+ Bước 2: Quan sát hoặc nhớ lại kết quả đã quan sát và ghi chép đặc điểm của con vật (đặc điểm ngoại hình và hoạt động, thói quen của con vật). Đây là bước quan trọng nhất để tìm ý cho một bài văn miêu tả con vật. HS huy động các ý đã ghi chép để chuẩn bị ý kiến; ghi các ý ra vở hoặc nháp.

+ Bước 3: Lựa chọn trình tự miêu tả. HS tham khảo gợi ý sắp xếp trong SHS (cách 1: miêu tả lần lượt từ đặc điểm bên ngoài đến các hoạt động của con vật; cách 2: miêu tả đặc điểm ngoại hình kết hợp miêu tả hoạt động của con vật). HS cũng có thể lựa chọn cách sắp xếp khác theo ý mình.

– HS làm việc theo các hướng dẫn của GV.

– GV bao quát cả lớp, hỗ trợ các HS gặp khó khăn trong việc chuẩn bị.

2. Lập dàn ý.

– GV hướng dẫn HS đọc kĩ dàn ý gợi ý trong SHS. HS xác định các phần chính trong bài văn (mở bài, thân bài, kết bài) và tìm ý cho từng phần.

– HS dựa vào các ý đã chuẩn bị, tự lập dàn ý cho bài làm của mình theo gợi ý.

– HS viết vào vở hoặc giấy nháp phần chuẩn bị cho dàn ý.

– GV nhận xét nhanh một số bài của HS; khen ngợi những HS thực hiện tốt yêu cầu và hỗ trợ những HS còn gặp khó khăn trong việc lập dàn ý.

3. Chỉnh sửa.

– GV hướng dẫn HS đổi vở với bạn trong nhóm hoặc bàn, đọc thầm phần dàn ý của bạn, góp ý nhận xét theo hướng dẫn trong SHS.

– Chỉnh sửa dàn ý theo góp ý.

TIẾT 4

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc một bài thơ viết về ước mơ và điền thông tin vào phiếu đọc sách.

– GV hướng dẫn HS: Các em dựa vào yêu cầu (*Đọc một bài thơ viết về ước mơ.*) để lựa chọn một bài thơ viết về một ước mơ nào đó (VD: 1 bài thơ trong các tập thơ như *Thơ thiếu nhi*, *Bài ca Trái Đất*, *Chốn thần tiên*,…). Có thể nói rõ tại sao mình chọn đọc bài thơ đó (Bài thơ có ý nghĩa gì với em?).

– HS ghi tóm tắt những gì mình đọc được vào phiếu đọc sách.

– GV mời HS trong lớp chia sẻ những nội dung đã ghi trong phiếu đọc sách với các bạn (*tên bài thơ, tác giả, ngày đọc, ước mơ được nói đến, câu thơ, khổ thơ em thích nhất*).

2. Trao đổi với bạn những cảm nghĩ của em khi đọc bài thơ.

– GV có thể tổ chức cho HS trao đổi trong nhóm hoặc chia sẻ trong lớp về ước mơ được nói đến trong bài thơ mà các em đã đọc (VD: Ước mơ đó có ý nghĩa gì đối với em?,…).

– HS phát biểu, chia sẻ cảm nghĩ của mình với các bạn trong lớp.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Đọc bài thơ* ***Bốn mùa mơ ước*** *cho người thân nghe và nói về một hình ảnh mà em yêu thích trong bài thơ.*

CỦNG CỐ

– GV mời HS nêu những nội dung đã được học trong bài, nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực.

– Dặn HS ôn Bài 28 và đọc trước Bài 29.

TUẦN 16

Bài 29 Ở VƯƠNG QUỐC TƯƠNG LAI (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và diễn cảm văn bản kịch *Ở Vương quốc Tương Lai*. Biết đọc ngắt giọng để phân biệt tên nhân vật với lời nói của nhân vật; biết đọc với giọng hồn nhiên, thể hiện được tâm trạng háo hức, thán phục hoặc thái độ tự tin, tự hào phù hợp với mỗi nhân vật.

   b. Nhận biết được đặc điểm của các nhân vật trong vở kịch (thể hiện qua hành động, lời nói). Hiểu điều tác giả muốn nói qua vở kịch: Ước mơ của các bạn nhỏ về một cuộc sống đầy đủ, hạnh phúc. Ở đó, trẻ em là những nhà phát minh sáng tạo, góp sức mình phục vụ cuộc sống.

2. Nắm được tác dụng của *dấu gạch ngang*, biết sử dụng *dấu gạch ngang* trong văn cảnh cụ thể. Viết được câu có sử dụng *dấu gạch ngang* với công dụng đã học.

3. Viết được bài văn miêu tả con vật dựa vào dàn ý đã lập.

4. Biết tìm đọc thêm các bài văn miêu tả con vật, trao đổi với người thân về đặc điểm con vật trong bài văn của mình.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản kịch (các nhân vật trong vở kịch,...).

– Các công dụng của *dấu gạch ngang*.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ vở kịch. Video vở kịch hoặc kịch bản vở kịch *Con chim xanh* của nhà văn Mát-téc-lích – nhà văn người Bỉ, từng đoạt giải Nô-ben văn học.

– Ảnh nhà bác học Ma-ri Quy-ri.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

2 HS đọc nối tiếp bài thơ *Bốn mùa mơ ước* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ĐỌC

1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ:

+ Làm việc theo nhóm: *Trao đổi với bạn: Em mong con người sẽ làm ra những sản phẩm gì để cuộc sống tốt đẹp hơn trong tương lai?*

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– HS khác nêu ý kiến nhận xét, bổ sung.

– GV khuyến khích HS nói mạnh dạn, tự tin.

– GV giới thiệu: Bài đọc hôm nay là một màn kịch trích trong vở kịch *Con chim xanh* của nhà văn Mát-téc-lích. Chúng ta cùng đọc bài để biết trong vở kịch có những nhân vật nào, vì sao vở kịch có tên là *Ở Vương quốc Tương Lai* nhé.

2. Đọc văn bản

– GV cho HS đọc thầm toàn bộ bài đọc.

– Bài đọc gồm mấy phần? (Bài đọc gồm 2 phần: phần giới thiệu, màn kịch.)

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, phân biệt giọng người dẫn chuyện và các nhân vật, chú ý những câu hỏi, câu cảm của các nhân vật). GV có thể mời 2 em đọc nối tiếp các phần.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *Vương quốc Tương Lai*, *Tin-tin*, *Mi-tin*, *đôi cánh xanh*, *sáng chế*,...

– 2 HS đọc nối tiếp 2 đoạn trước lớp (có thể chia màn kịch thành 2 đoạn nhỏ).

– HS làm việc nhóm đôi hoặc nhóm ba, mỗi HS đọc một đoạn (đọc nối tiếp các đoạn) sau đó đổi lại.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 2 – 3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp.

– Với những lớp có nhiều HS đọc tốt, GV có thể hướng dẫn, tổ chức cho HS đọc phân vai bài đọc theo nhóm (vai Người dẫn chuyện, vai Tin-tin, vai Mi-tin, vai Em bé thứ nhất, vai Em bé thứ hai, vai Em bé thứ ba, vai Em bé thứ tư và vai Em bé thứ năm).

– GV tổ chức thi đọc giữa các nhóm.

– GV nhận xét việc đọc bài của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

– GV hướng dẫn HS đọc từ ngữ được giải nghĩa trong SHS và có thể nêu thêm các từ ngữ trong bài mà các em chưa hiểu để tra từ điển.

– GV hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi và thực hiện yêu cầu nêu trong SHS.

Câu 1. *Vở kịch có những nhân vật nào?*

– HS làm việc theo cặp hoặc trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi (nhóm trưởng mời từng bạn phát biểu). GV quan sát các nhóm làm việc và có những hỗ trợ phù hợp.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi trước lớp. (VD: Người dẫn chuyện, Tin-tin, Mi-tin, Em bé thứ nhất, Em bé thứ hai, Em bé thứ ba, Em bé thứ tư, Em bé thứ năm).

– GV có thể hỏi thêm vai trò của người dẫn chuyện trong vở kịch là gì? (dẫn phần giới thiệu và phần diễn tả hành động của các nhân vật)

Câu 2. *Tìm công dụng của mỗi sự vật do các em bé ở Vương quốc Tương Lai sáng chế.*

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, làm vào nháp hoặc vở bài tập. GV có thể gợi ý HS đọc kĩ lại cả bài để tìm câu trả lời đúng.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm để bàn và trao đổi ý kiến với bạn. Từng em nêu câu trả lời.

– HS khác nhận xét. GV và cả lớp thống nhất câu trả lời.

– Làm ra thuốc trường sinh – giúp con người sống lâu.

– Làm ra một thứ ánh sáng kì lạ – để cuộc sống của con người tràn ngập ánh sáng.

– Làm ra máy giúp dò tìm kho báu – để làm giàu cho mọi người.

– Làm ra cái máy biết bay trên không – giúp con người di chuyển nhanh và thú vị.

– GV có thể đưa thêm câu hỏi: Những đồ vật nào được sáng chế ở Vương quốc Tương Lai hiện nay đã có ở thế giới của chúng ta? và mời HS trả lời. GV khích lệ và khen ngợi những HS trả lời tốt. (máy biết bay trên không, máy giúp dò tìm kho báu*)*.

Câu 3. *Tác giả muốn nói điều gì qua nhân vật các em bé ở Vương quốc Tương Lai?*

– HS làm việc nhóm bốn:

+ Nhóm trưởng nêu câu hỏi, các thành viên trong nhóm suy nghĩ, trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét góp ý.

+ Đại diện các nhóm nêu ý kiến. (VD: Qua nhân vật các em bé ở Vương quốc Tương Lai, tác giả muốn nói đến ước mơ về một cuộc sống đầy đủ, hạnh phúc. Nơi đó, trẻ em là những nhà phát minh sáng tạo, góp sức mình phục vụ cuộc sống.)

Câu 4. *Theo em, vì sao nơi Tin-tin và Mi-tin đến có tên là* ***Vương quốc Tương Lai****? Chọn câu trả lời cho trước hoặc nêu ý kiến của em.*

– GV nêu câu hỏi (hoặc gọi HS đọc câu hỏi 4).

– HS làm việc cá nhân, suy nghĩ tìm câu trả lời đúng.

– Thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm bốn, từng em nêu ý kiến, HS khác trong nhóm góp ý.

– Đại diện các nhóm trả lời. Đáp án B (*Vì nơi đó chính là cuộc sống mơ ước trong tương lai*) hoặc HS có thể nêu ý kiến cá nhân. HS khác nhận xét.

Câu 5. *Nếu là một công dân ở Vương quốc Tương Lai, em muốn sáng chế vật gì?*

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân trước khi làm việc theo nhóm/ lớp.

– HS suy nghĩ, tưởng tượng, hình dung mình đang sống ở Vương quốc Tương Lai, được tự mình sáng chế những vật kì diệu,...

– HS làm việc nhóm, kể những vật mình muốn sáng chế trong nhóm.

– GV khích lệ HS nêu điều mình tưởng tượng.

4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm vở kịch:

– Làm việc chung cả lớp (2 HS đọc nối tiếp 2 đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm, cách ngắt hơi và thay đổi ngữ điệu để phân biệt tên nhân vật với lời nói của nhân vật, phân biệt lời nói của nhân vật và câu diễn tả hành động của nhân vật.

– Làm việc theo nhóm: phân vai, đọc lại vở kịch.

– Thi đọc hay giữa các nhóm.

TIẾT 3

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ DẤU GẠCH NGANG

1. Nêu công dụng của *dấu gạch ngang* được sử dụng trong mỗi đoạn.

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu của bài tập 1.

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện, đọc thầm 2 đoạn văn để tìm những câu có *dấu gạch ngang* (ghi nhanh vào nháp hoặc vở bài tập). Tìm hiểu vị trí và tác dụng của *dấu gạch ngang* trong các câu đó.

– 1 – 2 em HS báo cáo kết quả.

– GV có thể chiếu bài làm của HS lên để lớp nhận xét.

Đáp án:

a. Trong đoạn, có 5 *dấu gạch ngang* đặt ở đầu dòng được dùng để đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê:

– Giải thưởng Nô-ben Vật lí, Giải thưởng Nô-ben Hoá học

– Tiến sĩ khoa học Vật lí xuất sắc

– Huân chương Bắc Đẩu bội tinh của Chính phủ Pháp

– Viện sĩ Viện Hàn lâm Y học Pháp.

GV giới thiệu về nhà bác học Ma-ri Quy-ri. GV giới thiệu ảnh chụp nhà bác học và một vài thông tin về bà: Bà sinh năm 1867, mất năm 1934. Bà là người phụ nữ đầu tiên nhận giải Nô-ben, người đầu tiên và là người phụ nữ duy nhất vinh dự giành được hai giải Nô-ben trong hai lĩnh vực khác nhau (Vật lí và Hoá học). Ma-ri Quy-ri là nữ giảng viên đại học đầu tiên tại Đại học Paris – Pháp.

b. Trong đoạn có một *dấu gạch ngang* để nối các từ ngữ trong một liên danh (Việt – Pháp).

GV có thể giúp HS phân biệt *dấu gạch ngang* nối các từ ngữ trong một liên danh với *dấu gạch nối* nối các âm tiết trong tên nước ngoài phiên âm ra tiếng Việt.

2. Dấu câu nào có thể thay cho các bông hoa trong đoạn văn? Nêu công dụng của dấu câu đó.

– GV cho HS đọc yêu cầu và nội dung phần a, phần b.

– HS làm việc cá nhân, làm bài vào nháp hoặc vở bài tập. GV và HS thống nhất đáp án.

– GV có thể chiếu đoạn văn lên màn hình, HS nêu dấu câu đã điền và nêu tác dụng của dấu câu đó.

Đáp án:

a. Ông Giô-dép dắt con trai đến gặp thầy giáo để xin học. Thầy Rơ-nê đã già, mái tóc ngả màu xám. Thầy hỏi:

– Con tên là gì?

– Thưa thầy, con là Lu-i Pa-xtơ ạ! – Cậu bé lễ phép.

– Đã muốn đi học chưa hay còn thích chơi?

– Thưa thầy, con thích đi học ạ!

Thầy giáo gật gù:

– Thế thì được!

Thầy bằng lòng nhận cậu vào trường.

Công dụng của *dấu gạch ngang* là đánh dấu lời nói của nhân vật.

b. Từ khi thành lập đến nay, Hội Hữu nghị và Hợp tác Việt – Pháp đã hỗ trợ làm cầu nối cho sự hợp tác kinh tế, thương mại, khoa học – công nghệ, giáo dục – đào tạo, văn hoá – thể thao,… giữa các tổ chức và cá nhân của Việt Nam với đối tác Pháp.

Công dụng của *dấu gạch ngang* là nối các từ ngữ trong một liên danh.

3. Cùng bạn hỏi – đáp về một nhà khoa học. Ghi lại 1 – 2 câu hỏi – đáp của em và bạn, trong đó có sử dụng *dấu gạch ngang*.

– HS làm việc nhóm, trao đổi và hỏi đáp về một nhà khoa học. VD: Tên của nhà khoa học đó là gì? Ông (hoặc bà) là người nước nào? Ông (hoặc bà) đã có phát minh gì nổi tiếng?,…

– HS làm việc cá nhân, làm bài vào nháp hoặc vở bài tập.

– GV chiếu bài của một số HS lên bảng, HS khác nhận xét hoặc đổi vở chữa bài.

TIẾT 4

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN MIÊU TẢ CON VẬT

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

Đề 1. Miêu tả một con vật mà em đã chăm sóc và gắn bó.

Đề 2. Miêu tả một con vật em đã được quan sát trên ti vi hoặc trong phim ảnh.

1. Dựa vào dàn ý đã lập trong hoạt động Viết ở Bài 28, viết bài văn miêu tả con vật mà em yêu thích.

HS làm việc cá nhân:

– Đọc lại dàn ý đã lập trong hoạt động viết ở Bài 28.

– Dựa vào dàn ý đã lập trong hoạt động Viết ở Bài 28, viết bài văn có đủ mở bài, thân bài, kết bài.

– GV lưu ý HS khi viết nhớ sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá để câu văn sinh động.

2. Đọc soát và chỉnh sửa bài viết.

a. Đọc lại bài làm của em để phát hiện lỗi.

GV cho HS đọc lại bài làm của mình, dựa vào gợi ý phần a của SHS để phát hiện lỗi hoặc cho HS đổi vở với bạn bên cạnh để soát lỗi cho nhau.

b. Chỉnh sửa lỗi (nếu có).

– GV chiếu một số bài của HS lên bảng.

– Các HS khác nhận xét, góp ý theo các nội dung: Các đặc điểm của con vật; Trình tự sắp xếp các ý; Cách dùng từ, viết câu. (Nếu không có máy chiếu, GV cho HS đọc to bài làm, HS khác lắng nghe, nhận xét. GV có thể viết nhanh một số câu cần sửa chữa của HS lên bảng để sửa chữa.)

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS nắm được yêu cầu Vận dụng: *Tìm đọc các bài văn miêu tả con vật hoặc trao đổi với người thân về đặc điểm con vật trong bài văn em viết.*

CỦNG CỐ

– GV hỏi để HS nêu những nội dung đã được học trong bài, nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực.

– Dặn HS ôn Bài 29 và đọc trước Bài 30.

Bài 30 CÁNH CHIM NHỎ (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Cánh chim nhỏ*. Biết đọc diễn cảm, nhấn giọng các từ ngữ gợi tả sự vật, các từ ngữ gợi tả suy nghĩ, cảm xúc của các nhân vật trong câu chuyện.

b. Hiểu được những điều tưởng như giản dị, bình thường quanh chúng ta lại là ước mơ của nhiều người khác. Biết yêu thương, chia sẻ, động viên và giúp đỡ những người kém may mắn hơn mình.

2. Nhận biết được ưu điểm, nhược điểm bài văn miêu tả con vật của mình, viết lại được 1 – 2 đoạn trong bài văn của mình cho hay hơn.

3. Nghe hiểu câu chuyện *Đôi cánh của ngựa trắng*; kể lại được câu chuyện dựa vào tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện theo lời GV kể).

4. Biết chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân về nhân vật trong bài đọc.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Văn bản tự sự (trình tự các sự việc, cảm xúc, suy nghĩ, hành động của nhân vật,...); cách trình bày, sắp xếp trình tự, lựa chọn từ ngữ, cách sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá trong một bài văn miêu tả con vật.

2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ câu chuyện *Cánh chim nhỏ*, *Đôi cánh của ngựa trắng*.

– Từ điển tiếng Việt.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 – 3 HS đọc nối tiếp bài *Ở Vương quốc Tương Lai* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài.

ĐỌC

1. Khởi động

– Làm việc theo nhóm (*Tưởng tượng: Em có một đôi cánh có thể bay như chim, em muốn bay đi đâu, gặp gỡ những ai,...?*). GV khích lệ HS kể trong nhóm, nói với các bạn biết về ước muốn của em bay đi đâu, gặp gỡ những ai (HS có thể nêu lí do).

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV khen ngợi phần trình bày của các nhóm.

– Giới thiệu bài. (VD: Hai bạn nhỏ mới quen đã mơ ước điều gì? Các bạn ấy có thực hiện được ước mơ đó của mình không? Các em hãy cùng đọc bài *Cánh chim nhỏ* để biết được điều đó nhé.)

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả sự vật, các từ ngữ gợi tả hành động, suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện, VD: *chao liệng, tại sao mình lại không thể bay nhỉ, ước gì, chia sẻ, cười giòn tan, thầm thì, ôm ghì,...*).

– GV có thể mời 2 HS đọc nối tiếp 2 đoạn (hoặc có thể chia đoạn 2 thành 2 phần và gọi 3 HS nối tiếp đọc bài: đoạn 1: Từ đầu đến *nói với bạn*; đoạn 2: phần còn lại).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *ước mơ, giòn tan, dứt lời, rưng rưng, dang rộng,...*

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Nhìn những cánh chim chao liệng trên trời cao,/ cậu nghĩ/ tại sao mình lại không thể bay nhỉ.; Một hôm,/ cậu đến công viên chơi/ và gặp một cậu bé đang ngồi nghịch cát.;...*

+ Đọc nhấn giọng vào những từ ngữ gợi cảm xúc, hình ảnh: *Ồ, ước gì mình chia sẻ được với cậu cảm giác đó...; Người cha đứng lặng nhìn theo, mắt rưng rưng;...*

– 2 hoặc 3 HS đọc nối tiếp 2 đoạn trước lớp.

– HS làm việc theo cặp hoặc nhóm ba, mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS trả lời lần lượt các câu hỏi, thực hiện yêu cầu nêu trong SHS (cuối bài đọc).

Câu 1. *Hai cậu bé gặp nhau ở đâu? Mỗi cậu bé mơ ước hoặc mong muốn điều gì?*

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi 1 trước lớp, cả lớp đọc thầm theo.

– HS làm việc nhóm: từng bạn nêu câu trả lời của mình, các bạn khác góp ý.

– Đại diện các nhóm trình bày; GV và HS thống nhất câu trả lời.

Đáp án: Hai cậu bé gặp nhau trong công viên. Một cậu bé ước mơ được bay như chim, còn cậu bé bị liệt chỉ muốn được đi và chạy như người bình thường.

– GV khuyến khích HS diễn đạt theo ý hiểu của các em.

– GV giúp HS hiểu: Những điều tưởng như giản dị, bình thường quanh chúng ta lại là ước mơ của nhiều người kém may mắn khác,...

Câu 2. *Khi biết mong muốn của người bạn mới gặp, cậu bé mơ ước biết bay đã làm gì?*

– GV nêu câu hỏi 2 hoặc nhắc HS đọc câu hỏi 2.

– GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi.

+ Bước 1: HS làm việc theo nhóm, đọc thầm lại bài, quan sát tranh minh hoạ (lần lượt từng em nêu ý kiến), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

+ Bước 2: Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– HS lắng nghe, nhận xét, bổ sung (VD: Khi biết mong muốn của người bạn mới gặp, cậu bé mơ ước biết bay nói: "Ồ, ước gì mình chia sẻ được với cậu cảm giác đó" và cậu đã cõng bạn trên lưng, chạy trong công viên để bạn có cảm giác như đang được bay,...).

Câu 3. *Theo em, cậu bé bị liệt có cảm xúc như thế nào khi được bạn cõng chạy trong công viên?*

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ HS đọc câu hỏi 3.

+ HS làm việc nhóm. Nhóm trưởng điều khiển, từng thành viên nêu ý kiến.

+ Đại diện các nhóm trình bày ý kiến.

– GV hướng dẫn cả lớp nhận xét, bổ sung hoặc nêu ý kiến cá nhân. GV khuyến khích các em nêu ý kiến của riêng mình (có thể nêu dẫn chứng minh hoạ). (VD: Cậu bé bị liệt sẽ thấy rất vui, sung sướng và có cảm giác như mình đang bay,…)

Câu 4. *Nêu nhận xét của em về việc làm của cậu bé mơ ước biết bay.*

– GV nêu cách thức thực hiện: HS đọc câu hỏi 4.

+ HS làm việc theo nhóm. Nhóm trưởng điều khiển, từng thành viên nêu ý kiến.

+ Đại diện các nhóm trình bày ý kiến.

– GV khuyến khích các em nêu ý kiến của cá nhân. (VD: Cậu bé mơ ước biết bay biết chia sẻ với người bạn kém may mắn hơn mình, cậu là người nhân hậu,…).

4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện:

– Làm việc chung cả lớp (2 hoặc 3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– HS đọc theo cặp hoặc nhóm (2 – 3 em/ nhóm), góp ý trong nhóm.

5. Luyện tập theo văn bản đọc

– HS đọc yêu cầu trong SHS và tự thực hiện yêu cầu. GV có thể nêu thời gian thực hiện nhiệm vụ và chỉ dẫn hình thức học cá nhân, học theo cặp hoặc theo nhóm (tuỳ vào năng lực của HS trong lớp).

– Sau thời gian làm bài, có thể cho HS trình bày trước lớp hoặc GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp.

Đáp án:

Câu 1. Những từ ngữ thể hiện cảm xúc của hai bạn nhỏ trong bài đọc *Cánh chim nhỏ* là: cười giòn tan, ôm ghì, hét to,…

Câu 2. HS đặt 1 – 2 câu với những từ ngữ tìm được ở bài tập 1,… HS đọc câu của mình trong nhóm. HS khác nhận xét, góp ý cho câu của bạn vừa trình bày.

TIẾT 3

VIẾT

TRẢ BÀI VĂN MIÊU TẢ CON VẬT

1. Nghe thầy cô giáo nhận xét chung.

GV trả bài cho cả lớp và nhận xét chung. GV lưu ý nhận xét kĩ các lỗi nhiều HS mắc phải và khen ngợi một số bài làm tốt. GV có thể đọc 1 – 2 bài làm tốt để HS học tập.

2. Đọc lại bài làm của em và nhận xét của thầy cô để biết ưu điểm và nhược điểm của bài làm.

– GV hướng dẫn HS đọc kĩ bài làm và nhận xét của GV.

– GV dành thời gian để HS đọc bài và sửa chữa lỗi theo nhận xét.

– Sau khi HS đã tự sửa lỗi, GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp, trao đổi bài viết để đọc và góp ý cho nhau theo 3 gợi ý trong SHS.

– GV bao quát cả lớp để hỗ trợ những cặp HS chưa biết cách trao đổi, góp ý bài làm cho nhau.

3. Đọc bài làm của các bạn được thầy cô khen, nêu những điều em muốn học tập.

– GV chiếu một số bài làm tốt lên màn hình (hoặc đọc lại cho HS nghe).

– HS nêu ý kiến nhận xét về bài làm của bạn, nêu những điều muốn học tập ở bài viết của bạn như VD trong SHS hoặc những từ ngữ, hình ảnh,… hay.

4. Viết lại 1– 2 đoạn trong bài làm của em cho hay hơn.

– HS làm việc cá nhân, viết lại 1 – 2 đoạn trong bài làm cho hay hơn. GV chiếu đoạn văn trước và sau khi viết lại của HS để lớp nhận xét.

– GV khen ngợi kết quả bài viết của HS và tổng kết tiết học.

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE

Kể chuyện ĐÔI CÁNH CỦA NGỰA TRẮNG

1. Nghe kể chuyện.

– GV kể chuyện *Đôi cánh của ngựa trắng* hoặc bật băng ghi âm giọng kể chuyện. (Nếu có điều kiện sưu tầm video có lời kể kết hợp hình ảnh hoạt hình minh hoạ câu chuyện.)

– HS lắng nghe, có thể ghi nhanh tên nhân vật hoặc tình tiết chính của chuyện.

ĐÔI CÁNH CỦA NGỰA TRẮNG

Ngày xưa, có một chú ngựa trắng rất thơ ngây. Bộ lông chú trắng nõn nà như một đám mây bồng bềnh trên nền trời xanh thẳm. Mẹ chú ta yêu chú ta nhất, lúc nào cũng dặn:

– Con phải ở cạnh mẹ đấy. Con hãy hí to lên khi gọi mẹ nhé!

Ngựa mẹ gọi con suốt ngày. Tiếng ngựa non hí thật đáng yêu. Ngựa mẹ sung sướng lắm nên thích dạy con tập hí hơn là luyện cho vó con phi dẻo dai hoặc cú đá hậu thật mạnh mẽ.

Gần nhà ngựa có anh đại bàng núi. Là một chú chim non nhưng sải cánh đã vững vàng. Mỗi lúc nó liệng vòng, cánh không động, khẽ nghiêng bên nào là chao bên ấy, bóng cứ loang loáng trên bãi cỏ.

Ngựa trắng mê quá, cứ ước ao được bay như đại bàng:

– Anh Đại Bàng ơi! Làm thế nào để có cánh như anh?

Đại Bàng cười:

– Phải đi tìm! Cứ quanh quẩn cạnh mẹ, biết bao giờ mới có cánh!

Thế là ngựa trắng xin phép mẹ lên đường cùng đại bàng. Thoáng cái đã xa lắm... Chưa thấy "đôi cánh" đâu nhưng ngựa ta đã gặp bao nhiêu cảnh lạ. Chỉ phiền là mỗi lúc trời một tối, thấp thoáng đâu đây đã lấp lánh những đốm sao.

Bỗng có tiếng "Hú... ú... ú" vẳng lên mỗi lúc một gần. Rồi từ trong bóng tối hiện ra một con sói xám sừng sững ngáng đường. Ngựa con mếu máo gọi mẹ.

Sói xám cười man rợ và nhảy chồm đến.

– Ôi!

Không phải tiếng ngựa trắng thét lên mà là tiếng sói xám rống to. Một cái gì từ trên cao giáng rất mạnh xuống giữa trán sói làm nó hốt hoảng cúp đuôi chạy mất. Ngựa trắng mở mắt thấy loang loáng bóng đại bàng núi. Thì ra, đúng lúc sói vồ ngựa, đại bàng từ trên cao đã lao tới kịp thời.

Ngựa trắng lại khóc, gọi mẹ, đại bàng núi vỗ nhẹ đôi cánh dỗ dành:

– Đừng khóc! Anh đưa em về với mẹ!

– Nhưng mà em không có cánh!

Đại Bàng cười, chỉ vào bốn chân Ngựa:

– Cánh của em đấy chứ đâu! Nếu phi nước đại, em còn "bay" nhanh hơn cả anh nữa ấy chứ! Đại bàng núi sải cánh, ngựa trắng chồm lên và thấy bốn chân mình thật sự bay như đại bàng.

(*Theo* Thy Ngọc)

2. Dựa vào tranh, kể lại câu chuyện trên.

– HS đọc yêu cầu của bài tập 2, quan sát 4 tranh minh hoạ trong SHS.

– HS làm việc nhóm bốn: Lần lượt từng HS kể từng đoạn theo nội dung mỗi bức tranh, kể toàn bộ câu chuyện, HS trong nhóm góp ý, nhận xét.

– Đại diện các nhóm trình bày.

– Cả lớp nhận xét, bổ sung.

– GV động viên khen ngợi những nhóm HS nhớ và kể lại được nội dung câu chuyện bằng lời của mình, kết hợp cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,...

3. Nêu những cảm xúc, suy nghĩ của em sau khi nghe câu chuyện.

– GV hướng dẫn HS suy nghĩ, phát biểu ý kiến cá nhân.

– GV giúp HS hiểu ý nghĩa của câu chuyện: Phải mạnh dạn, tự tin vào bản thân, đi đó đi đây để mở rộng tầm hiểu biết mới mau khôn lớn, vững vàng để thực hiện được ước mơ của mình.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS nắm được yêu cầu của phần Vận dụng:

1. *Trao đổi với người thân về ý nghĩa của câu chuyện* ***Đôi cánh của ngựa trắng***.

2. *Tìm đọc câu chuyện viết về ước mơ*. (Có thể hướng dẫn HS tìm đọc những câu chuyện ở phần gợi ý ở bài tập 2 trong SHS).

CỦNG CỐ

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực.

– Dặn HS ôn lại Bài 30 và đọc trước Bài 31.

TUẦN 17

Bài 31 NẾU CHÚNG MÌNH CÓ PHÉP LẠ (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Nếu chúng mình có phép lạ*, biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc, mơ ước của bạn nhỏ.

b. Nhận biết được những điều mơ ước của bạn nhỏ khi "có phép lạ". Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ.

2. Biết được sự khác biệt giữa danh từ, động từ, tính từ và nhận diện được chúng trong ngữ cảnh (văn bản).

3. Biết cách viết một bức thư.

4. Biết trân trọng ước mơ của bản thân, bạn bè và những người xung quanh.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Văn bản thơ (cảm xúc/ mạch cảm xúc, hình ảnh, ngôn ngữ,...).

– Từ loại tiếng Việt (danh từ, động từ, tính từ).

2. Phương tiện dạy học

Tranh ảnh minh hoạ bài thơ.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

ÔN BÀI CŨ

2 HS đọc nối tiếp bài *Cánh chim nhỏ* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, VD: Em nghĩ gì về nhan đề của câu chuyện "Cánh chim nhỏ" ?).

ĐỌC

1. Khởi động

– GV nêu tên bài học và giao nhiệm vụ:

+ Quan sát tranh, nêu nội dung tranh.

+ Trả lời câu hỏi Khởi động: *Nếu có một phép lạ, em muốn dùng phép lạ đó để làm gì? Vì sao?*

– GV khích lệ HS mạnh dạn nói điều mình tưởng tượng.

– Một số HS trình bày trước lớp. Cả lớp có thể nêu câu hỏi để cảm nhận rõ hơn những điều bạn tưởng tượng, hình dung.

– GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó GV giới thiệu khái quát về bài thơ. (Đọc bài thơ, sẽ thấy đó là mơ ước có phép lạ của bạn nhỏ. Đó có thể là những mơ ước bình dị, nhưng cũng có thể là những mơ ước lớn lao. Nhưng tất cả những ước mơ ấy đều là những mong muốn đẹp đẽ cho các bạn thân yêu của mình, cho loài người nói chung.)

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện ước mơ, cảm xúc của bạn nhỏ). GV có thể mời 2 em đọc nối tiếp các khổ thơ.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *phép lạ, này mầm, ngọt lành, người lớn, lặn, lái máy bay, thuốc nổ,...*

+ Đọc diễn cảm, thể hiện cảm xúc (nhấn giọng vào những từ ngữ chỉ ước mơ, cảm xúc của bạn nhỏ).

– HS làm việc theo cặp: Mỗi cặp HS đọc luân phiên từng khổ thơ đến hết bài, sau đó đổi vị trí.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 2 hoặc 5 HS đọc nối tiếp cả bài thơ trước lớp.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

3. Trả lời câu hỏi

– GV hướng dẫn HS đọc phần chú giải *Từ ngữ* trong SHS, tra từ điển một số từ khác mà HS chưa hiểu nghĩa.

– GV hướng dẫn HS trả lời lần lượt các câu hỏi trong SHS (cuối bài đọc).

Câu 1. *Nếu có phép lạ, bạn nhỏ ước những điều gì?*

– 1 HS đọc câu hỏi trước lớp, cả lớp đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi.

– HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời.

– GV mời một số HS phát biểu ý kiến trước lớp.

Đáp án: Bạn nhỏ đã ước: cây nhiều quả chín, lớn nhanh, lặn xuống biển, lái máy bay, không còn mùa đông, hoá trái bom thành trái ngon, không còn chiến tranh,...

Câu 2. *Theo em, hai điều ước "không còn mùa đông" và "hoá trái bom thành trái ngon" có ý nghĩa gì?*

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến để phát biểu trong nhóm và trước lớp.

+ HS làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp, phát biểu ý kiến cá nhân.

– GV mời một số HS phát biểu ý kiến trước lớp.

Đáp án: – Ước "không còn mùa đông" có nghĩa là ước thời tiết dễ chịu, không còn thiên tai, không còn những hiểm hoạ tự nhiên đe doạ cuộc sống của con người.

– Ước "hoá trái bom thành trái ngon" có nghĩa là ước thế giới hoà bình, không còn bom đạn, chiến tranh để mọi người được sống yên vui.

Câu 3. *Em thích ước mơ nào trong bài thơ? Vì sao?*

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu.

– HS làm việc cá nhân, đọc thầm lại các khổ thơ, suy nghĩ xem ước mơ nào mình thích nhất.

– HS làm việc nhóm:

+ Từng HS nêu ý kiến của mình.

+ Cả nhóm góp ý và bổ sung.

+ Cả nhóm bầu 1 bạn phát biểu trước lớp.

– 2 – 3 HS đại diện các nhóm phát biểu trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, bổ sung ý kiến: Đây là câu hỏi khích lệ HS phát biểu theo suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân. HS thích ước mơ nào không quan trọng nhưng GV cần hướng dẫn HS nêu được lí do vì sao HS thích ước mơ đó. (VD: Em thích ước mơ ngủ dậy thành người lớn ngay vì khi là người lớn thì em sẽ được làm những việc, những nghề mà mình ao ước như lái tàu thuỷ, lái máy bay mà không cần chờ thời gian để lớn lên.)

Câu 4. *Việc lặp lại hai lần câu thơ "Nếu chúng mình có phép lạ" ở cuối bài thơ nói lên điều gì?*

– GV nêu yêu cầu và hướng dẫn HS làm việc nhóm.

– HS làm việc nhóm/ cặp: Từng HS nêu suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi. Các HS khác góp ý, bổ sung.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– 2 – 3 HS đại diện các nhóm/ cặp phát biểu trước lớp.

Lưu ý: GV khuyến khích HS nêu ý kiến cá nhân.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý và bổ sung đáp án. (Đáp án gợi ý: Việc lặp lại hai lần câu thơ nói lên mong ước có phép lạ một cách tha thiết, mãnh liệt để có thể làm gì đó cho cuộc sống tốt đẹp hơn.)

4. Học thuộc lòng bài thơ

– GV hướng dẫn HS học thuộc lòng tại lớp.

– Có thể hướng dẫn HS học thuộc bài thơ theo cách mà GV cho là hiệu quả (VD: chiếu từng đoạn thơ lên và dùng cách che dần các từ ngữ, câu thơ).

– HS làm việc cá nhân, tự đọc toàn bài.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ DANH TỪ, ĐỘNG TỪ, TÍNH TỪ

1. Tìm từ không cùng loại trong mỗi nhóm từ.

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu của bài tập 1; sau đó, 1 HS đọc các nhóm danh từ, động từ, tính từ cho trước.

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện: Đọc kĩ các từ trong từng nhóm để xác định từ không cùng loại.

– HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi theo cặp hoặc nhóm để đối chiếu kết quả (HS có thể ghi lại kết quả vào vở hoặc giấy nháp).

– Một số HS đại diện các cặp/ nhóm trình bày kết quả.

– Cả lớp và GV nhận xét.

Đáp án:

+ Nhóm danh từ: từ không cùng loại là "biến" (vì là động từ).

+ Nhóm động từ: từ không cùng loại là "quả" (vì là danh từ).

+ Nhóm tính từ: từ không cùng loại là "bom" (vì là danh từ).

2. Chọn từ ngữ thích hợp thay cho bông hoa.

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu của bài tập 2; 1 HS đọc các từ cho trước ở bên trái.

– HS làm việc theo cặp/ theo nhóm, cùng thống nhất từ ngữ nào có thể thay cho bông hoa nào.

– Một số HS đại diện nhóm trình bày kết quả. GV và cả lớp nhận xét.

Đáp án:

a. Tôi sinh ra và lớn lên trong một gia đình kiến đỏ ***đông đúc***. Gia đình tôi có hàng nghìn miệng ăn, tuy không thật ***sung túc*** nhưng ai cũng được no đủ quanh năm. Tất cả chị em chúng tôi sống ***quây quần*** bên nhau, dưới một mái nhà ấm cúng, ***yên vui***.

(*Theo* Vũ Kim Dũng)

b. Nửa đêm, trời nổi cơn mưa lớn. Tôi và Dế Trũi ***trú mưa*** dưới tàu lá chuối, cả đêm nghe mưa ***rơi*** như đánh trống trên đầu. Sáng hôm sau, bừng mắt dậy, trời đã ***tạnh*** hẳn. Tôi ***nhìn*** ra trước mặt, thấy một làn nước mưa ***chảy*** veo veo giữa đôi bờ cỏ. Đấy là một con sông mà đêm qua tối trời, chúng tôi không nhìn rõ.

(*Theo* Tô Hoài)

3. Viết 4 – 5 câu về chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng các từ ngữ: *mơ, bà tiên, kì lạ.*

– GV yêu cầu HS suy nghĩ để lựa chọn chủ đề và viết 4 – 5 câu về chủ đề đó, trong đó có sử dụng các từ *mơ, bà tiên, kì lạ*.

– HS làm việc cá nhân: viết 4 – 5 câu ra vở, giấy nháp,...

– HS làm việc nhóm: Từng em đọc đoạn văn của mình, các bạn góp ý.

– GV mời đại diện nhóm đọc đoạn văn đã viết, hướng dẫn cả lớp nhận xét.

– GV tổng kết tiết học. Khen ngợi các HS viết đúng, viết hay.

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT THƯ

1. Đọc bức thư và trả lời các câu hỏi.

– GV nêu khái quát mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập 1: Đọc bức thư và trả lời lần lượt 2 câu hỏi a, b. Trước hết, các em đọc thầm bức thư, trao đổi thảo luận theo nhóm bàn (hoặc nhóm 4) và trả lời 2 câu hỏi bên dưới. (Dành thời gian cho HS đọc và thảo luận bài tập 1.)

a. – GV nêu câu hỏi a. *Thư trên của ai gửi cho ai? Dựa vào đâu mà em biết?*

– Đại diện các nhóm trả lời. (Đáp án: Bức thư của bạn Phương Linh viết cho bạn Việt Phương. Em biết điều đó dựa vào lời chào đầu thư và cuối thư.)

– HS khác nhận xét, bổ sung.

b. – GV yêu cầu HS đọc thầm lại phần nội dung đơn, sau đó nêu câu hỏi b. *Bức thư gồm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần.*

– HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời rồi trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm. GV mời 2 – 3 HS trả lời.

VD: Bức thư gồm có 3 phần: phần mở đầu, nội dung, kết thúc. Phần mở đầu gồm thời gian, địa điểm viết thư, lời chào; Phần nội dung, hỏi thăm bạn Việt Phương, kể về chuyến đi chơi công viên Thủ Lệ của gia đình mình, ước mơ và cách bạn sẽ làm để

thực hiện ước mơ của mình;... Phần kết thúc, hỏi về ước mơ của người bạn, chúc, xưng hô và chào.

Lưu ý: HS cũng có thể nêu cụ thể: Dòng đầu tiên ghi địa điểm và thời gian viết thư, tiếp theo là lời chào đầu thư, nội dung thư, cuối thư (xưng hô hoặc chào, chữ kí,...).

– GV yêu cầu HS đọc thầm phần Ghi nhớ và có thể hỏi thầy cô những chỗ chưa hiểu.

2. Trao đổi về những thông tin em muốn viết trong thư gửi cho bạn ở xa.

– GV hướng dẫn HS:

+ HS làm việc trong nhóm, đọc yêu cầu 2 và gợi ý nội dung trao đổi:

• Thăm hỏi bạn hoặc gia đình bạn (sức khoẻ, công việc, học tập,...).

• Chia sẻ thông tin về trường, lớp, gia đình, ước mơ,... (những thay đổi, hoạt động, lí do).

+ HS phát biểu trong nhóm lần lượt từng nội dung. Các thành viên trong nhóm góp ý, nhận xét, cử đại diện phát biểu trước lớp.

– Đại diện các nhóm phát biểu. Góp ý, nhận xét.

– GV động viên, khen ngợi những HS có ý sáng tạo, lời hỏi thăm tình cảm, chân thành, quan tâm tới người nhận thư,...

– Dặn dò HS ghi lại những ý mình đã nói trong tiết học để tiết sau thực hành viết thư.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Viết 3 – 4 câu về tình cảm của em đối với người thân hoặc bạn bè, trong đó có sử dụng các động từ thể hiện tình cảm, cảm xúc.*

CỦNG CỐ

– GV mời HS nêu những nội dung đã được học trong bài, nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên những em tích cực trong học tập.

– Dặn HS ôn lại Bài 31 và đọc trước Bài 32.

Bài 32 ANH BA (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Anh Ba*. Biết đọc diễn cảm lời dẫn chuyện, lời thoại của các nhân vật trong bài.

b. Hiểu nghĩa của các từ ngữ, hình ảnh miêu tả ý chí, quyết tâm, lòng hăng hái của Bác Hồ khi tìm đường cứu nước. Nhận biết được ý chính của mỗi đoạn trong bài. Cảm nhận được tình cảm, cảm xúc của tác giả – người kể chuyện đối với Bác Hồ.

2. Viết được một bức thư gửi người thân hoặc bạn bè ở xa.

3. Đọc một câu chuyện kể về ước mơ, ghi lại được những thông tin quan trọng về câu chuyện đã đọc và trao đổi được những suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện ấy với các bạn.

4. Có ý thức học hỏi, tự tin vào bản thân, có quyết tâm thực hiện những dự định của mình.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

Văn bản chuyện kể (diễn biến, tình tiết, nhân vật).

2. Phương tiện dạy học

Tranh ảnh minh hoạ bài đọc; sưu tầm tranh ảnh, những bài thơ, bài văn, những câu chuyện về cuộc đời hoạt động của Bác Hồ.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 – 3 HS đọc thuộc lòng bài thơ *Nếu chúng mình có phép lạ* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài.

ĐỌC

1. Khởi động

– GV cho HS làm việc theo nhóm. (*Trao đổi với bạn một điều em biết về cuộc đời hoạt động của Bác Hồ.*) GV khích lệ HS mạnh dạn chia sẻ ý kiến.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó GV giới thiệu bài 32. *Anh Ba* – đây là câu chuyện kể về thời điểm Bác quyết định rời quê hương ra nước ngoài để tìm đường cứu nước.

2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, đặc biệt là có sự phân biệt giữa lời người kể chuyện/ lời người dẫn chuyện với lời thoại của các nhân vật).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *máy nước, lạ, yêu nước, làm như thế nào, làm việc, lấy đâu ra, lòng hăng hái, phiêu lưu, lời hứa,...*

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Sau này,/ anh Lê mới biết/ người thanh niên yêu nước đầy nhiệt huyết ấy/ đã đi khắp năm châu bốn biển/ để tìm ra con đường cứu nước, cứu dân.*

+ Nhấn giọng ở một số lời thoại thể hiện cảm xúc của các nhân vật, VD: *Tất nhiên là có chứ!; Nhưng bạn ơi! Chúng ta lấy đâu ra tiền mà đi?; Đây, tiền đây!,...*

– 3 HS đóng vai người dẫn chuyện, anh Ba và anh Lê đọc phân vai trước lớp.

– HS làm việc theo theo nhóm ba, luân phiên đóng các vai và đọc lại câu chuyện trong nhóm mình.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét.

3. Trả lời câu hỏi

– GV hướng dẫn HS đọc các từ ngữ được chú giải ở phần *Từ ngữ* và có thể nêu thêm các từ ngữ trong bài mà các em chưa hiểu để tra từ điển.

– GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ nêu trong SHS.

Câu 1. *Trước khi đề nghị anh Lê ra nước ngoài với mình, anh Ba đã hỏi anh Lê những gì?*

– GV mời 1 HS đọc câu hỏi (hoặc chiếu câu hỏi 1 trên màn hình, cả lớp đọc thầm).

– GV tổ chức cho HS trả lời câu hỏi 1 theo các bước:

+ Bước 1: HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm cùng trao đổi để tìm những câu anh Ba đã hỏi anh Lê trước khi đề nghị anh Lê ra nước ngoài với mình.

+ Bước 2: Chia sẻ kết quả làm việc nhóm/ phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV mời HS nhận xét các câu trả lời và khen ngợi các câu trả lời đúng.

Đáp án: Trước khi đề nghị anh Lê ra nước ngoài với mình, anh Ba đã hỏi anh Lê: *Anh Lê, anh có yêu nước không?*; *Anh có thể giữ bí mật không?*

Câu 2. *Những câu nói nào cho biết mục đích ra nước ngoài của anh Ba?*

– GV yêu cầu HS suy nghĩ và chuẩn bị câu trả lời rồi chia sẻ trong nhóm của mình.

– Đại diện một số nhóm phát biểu.

– GV mời một số HS nhận xét câu trả lời.

Đáp án: Những câu nói cho biết mục đích đi ra nước ngoài của anh Ba là: "Tôi muốn đi ra nước ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta.".

Câu 3. *Câu nói "Chúng ta sẽ làm việc, chúng ta sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi." thể hiện điều gì?*

– GV tổ chức cho HS trả lời câu hỏi.

– HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, cùng nhau trao đổi để tìm xem câu nói thể hiện điều gì.

– Chia sẻ kết quả làm việc nhóm/ phát biểu ý kiến trước lớp.

– HS nhận xét các câu trả lời của các bạn.

– GV khen ngợi các câu trả lời đúng.

GV lưu ý, đây là câu hỏi suy luận, HS có thể có những suy luận khác nhau nhưng về cơ bản phải nói được đại ý là câu nói thể hiện lòng hăng hái, tinh thần quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, gian khổ để tìm ra được con đường cứu dân, cứu nước của anh Ba (hay của Bác Hồ).

Câu 4. *Theo em, tác giả muốn nói điều gì qua câu chuyện này?*

– GV nêu câu hỏi 4.

– GV tổ chức cho HS trả lời câu hỏi theo các bước:

+ Bước 1: HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm (cùng nhau trao đổi về điều tác giả muốn nói qua câu chuyện).

+ Bước 2: Chia sẻ kết quả làm việc nhóm/ phát biểu ý kiến trước lớp. Khuyến khích HS chia sẻ cảm nghĩ của cá nhân mình.

Đáp án gợi ý: Qua câu chuyện này, tác giả muốn nói: Để làm được việc lớn, phải có ý chí và lòng quyết tâm; Để tìm được con đường cứu nước, cứu dân, trước hết phải yêu nước, thương dân, sau đó là cần có nhiệt huyết, ý chí và nghị lực để vượt qua mọi khó khăn, gian khổ.

Câu 5. *Kể lại một câu chuyện về Bác Hồ mà em đã đọc hoặc đã nghe.*

– GV mời 1 HS đọc câu hỏi hoặc chiếu trên màn hình, cả lớp đọc thầm.

– GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm và thực hiện yêu cầu theo các bước:

+ Bước 1: Lựa chọn câu chuyện về Bác Hồ mà em định kể.

+ Bước 2: Nhớ lại nội dung câu chuyện. Sắp xếp các sự việc diễn ra trong câu chuyện theo trình tự rồi kể vắn tắt câu chuyện trong cặp hoặc trong nhóm.

– GV mời 1 – 2 HS đại diện nhóm kể chuyện trước lớp (có thể khuyến khích HS xung phong).

– GV mời các HS khác nhận xét. GV có thể khen ngợi những HS kể chuyện hay.

(Có thể tìm các câu chuyện trong cuốn "Những câu chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" hoặc trong bộ sách "Kể chuyện Bác Hồ".)

4. Luyện đọc lại

– GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện.

– HS làm việc chung cả lớp hoặc theo nhóm (3 HS đóng vai người dẫn chuyện, anh Ba, anh Lê, đọc lại câu chuyện trước lớp.)

– GV và cả lớp góp ý cách thể hiện cảm xúc của từng vai.

– HS làm việc cá nhân, tự đọc toàn bài.

5. Luyện tập theo văn bản đọc

– HS đọc yêu cầu trong SHS và tự thực hiện yêu cầu (theo hình thức học cá nhân/ theo cặp/ nhóm). GV có thể nhắc các em đọc lướt lại câu chuyện để thực hiện yêu cầu luyện tập theo bài đọc.

– Sau thời gian làm bài được GV quy định, HS trình bày kết quả làm bài trước lớp hoặc GV kiểm tra kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS rồi nêu nhận xét trước lớp.

Đáp án:

Câu 1. *Những danh từ riêng trong câu chuyện là* (anh) Ba, (anh) Lê, Bác Hồ, Sài Gòn, Pháp.

Câu 2. *Tìm từ có nghĩa giống với từ "hăng hái, can đảm" và đặt câu với những từ em tìm được.*

– VD: *nhiệt tình, dũng cảm*

– Đặt câu: Phong trào kế hoạch nhỏ được tất cả các bạn trong lớp *nhiệt tình* tham gia.

TIẾT 3

VIẾT

VIẾT THƯ

1. Dựa vào nội dung hướng dẫn trong hoạt động Viết ở Bài 31, viết một bức thư theo yêu cầu của đề bài.

– GV nêu khái quát mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập 1.

– GV yêu cầu HS đọc thầm các lưu ý trong SHS.

– Căn cứ vào các nội dung hướng dẫn trong hoạt động Viết ở Bài 31, GV yêu cầu HS viết thư.

2. Đọc soát và chỉnh sửa.

– GV yêu cầu HS đọc lại bài làm của mình để phát hiện lỗi. Lưu ý các lỗi liên quan đến:



– GV hướng dẫn HS đánh dấu hoặc ghi lại những lỗi trong bài làm của mình.

– GV hướng dẫn HS sửa lỗi (nếu có).

3. Nghe thầy cô nhận xét về bài làm và chỉnh sửa theo góp ý.

– GV nêu nhận xét về bài làm của cả lớp (nhận xét chung về những ưu điểm và nhược điểm chính của cả lớp).

– GV nhận xét bài của một vài HS, lấy ví dụ về những lỗi đáng chú ý.

– GV yêu cầu HS trong lớp xem lại bài của mình xem có những lỗi tương tự không. Nếu có, HS tự sửa theo hướng dẫn.

TIẾT 4

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc một câu chuyện kể về ước mơ và điền thông tin vào phiếu đọc sách.

GV hướng dẫn HS lựa chọn một câu chuyện về một ước mơ nào đó. Có thể nói rõ tại sao mình chọn đọc câu chuyện đó (câu chuyện có ý nghĩa gì với em).

– HS ghi tóm tắt những gì mình đọc được vào phiếu đọc sách.

– GV mời HS trong lớp chia sẻ với các bạn những nội dung đã ghi trong phiếu đọc sách.

2. Trao đổi với bạn về ước mơ được nói đến trong câu chuyện và ý nghĩa của câu chuyện.

– GV có thể tổ chức cho HS trao đổi trong nhóm hoặc chia sẻ trước lớp về ước mơ trong những câu chuyện mà các em đã đọc và ý nghĩa của câu chuyện đó. (VD: Đó là ước mơ như thế nào? Ước mơ đó có ý nghĩa gì đối với em?,...)

– HS phát biểu, chia sẻ thông tin trước lớp.

VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Kể lại cho người thân nghe một câu chuyện về Bác Hồ mà em đã đọc và chia sẻ suy nghĩ của em về câu chuyện đó.*

CỦNG CỐ

GV nhận xét kết quả học tập trong tuần. Động viên các em cố gắng nhiều hơn nữa trong học tập, tích cực, chủ động hơn trong giờ học.

TUẦN 18

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Củng cố kĩ năng đọc diễn cảm một câu chuyện, bài thơ đã học trong học kì I; tốc độ đọc khoảng 80 – 90 tiếng/ phút. Biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu hoặc chỗ ngắt nhịp thơ. Đọc theo ngữ điệu phù hợp với vai được phân trong những đoạn đối thoại có hai hoặc ba nhân vật.

b. Nắm được nội dung chính của các bài đọc. Hiểu được nội dung hàm ẩn của văn bản trên cơ sở suy luận từ các chi tiết trong văn bản.

2. Củng cố kĩ năng viết một số kiểu đoạn văn, bài văn đã học trong học kì I (viết đoạn văn tưởng tượng dựa vào một câu chuyện đã đọc, đã nghe; viết bài hướng dẫn các bước thực hiện một công việc; viết bài văn miêu tả con vật; viết đơn hoặc viết thư cho bạn bè, người thân,...).

3. Củng cố kĩ năng nói ngắn gọn về một đề tài phù hợp với chủ điểm đang học; kể lại được một sự việc đã tham gia và chia sẻ được cảm xúc của mình.

4. Củng cố kiến thức và kĩ năng sử dụng ngôn ngữ liên quan đến tính từ; phân biệt danh từ, động từ, tính từ; biện pháp tu từ nhân hoá; nghĩa của một số thành ngữ; dấu gạch ngang.

II CHUẨN BỊ

– Các thẻ chữ hoặc thẻ giấy trắng, các phiếu học tập cần thiết tuỳ theo nội dung của từng bài ôn (VD: ô chữ tiết 3 – 4,…).

– Tranh ảnh về một số con vật yêu thích.

– Phiếu bài đọc hiểu và bài viết đoạn ở tiết 6 – 7 để các em làm quen với một bài kiểm tra.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. PHẦN 1 – ÔN TẬP

TIẾT 1 – 2

1. Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của bài tập.

– GV hướng dẫn HS tìm câu trả lời cho ý a (*Xếp tên các bài đọc trên những chiếc khinh khí cầu vào hai chủ điểm* ***Niềm vui sáng tạo*** *và* ***Chắp cánh ước mơ***).

– GV gọi 1 – 2 HS đọc những dòng chữ trên những chiếc khinh khí cầu. Các HS khác đọc thầm theo.

– GV cho HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, tìm câu trả lời.

– Đại diện một số cặp hoặc nhóm trả lời trước lớp. GV và cả lớp nhận xét.

Đáp án: Các bài đọc *Đồng cỏ nở hoa, Bầu trời mùa thu, Bức tường có nhiều phép lạ* thuộc chủ điểm *Niềm vui sáng tạo* và các bài đọc *Nếu em có một khu vườn, Ở Vương quốc Tương Lai, Anh Ba* thuộc chủ điểm *Chắp cánh ước mơ*.

– GV hướng dẫn HS tìm câu trả lời cho ý b (*Kể tên những bài đọc chưa được nhắc đến trong hai chủ điểm trên*).

– HS làm việc cá nhân, nhớ lại những bài đã học để tìm câu trả lời.

– HS trao đổi trong nhóm và thống nhất đáp án.

– 2 – 3 đại diện nhóm phát biểu trước lớp.

Đáp án: Những bài đọc chưa được nhắc đến trong hai chủ điểm trên là *Vẽ màu, Thanh âm của núi, Làm thỏ con bằng giấy, Bét-tô-ven và bản xô-nát "Ánh trăng", Người tìm đường lên các vì sao, Bay cùng ước mơ, Bốn mùa mơ ước, Cánh chim nhỏ, Con trai người làm vườn, Nếu chúng mình có phép lạ.*

2. Đọc 1 bài trong các chủ điểm đã học và trả lời câu hỏi.

– GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập, cả lớp đọc thầm theo.

– GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi, mỗi nhóm luân phiên hỏi và trả lời về 1 bài đọc.

+ *Bài đọc thuộc chủ điểm nào?*

+ *Nội dung chính của bài đọc đó là gì?*

+ *Nhân vật hoặc chi tiết nào trong bài để lại cho em ấn tượng sâu sắc?*

– GV quan sát các nhóm làm việc, lắng nghe ý kiến một số nhóm.

– GV gọi đại diện các nhóm trình bày. Nên để mỗi bài đọc đều được hỏi – đáp ít nhất một lần. (GV có thể chỉ định từng nhóm hoặc có thể nêu yêu cầu, VD: Nhóm nào có thể hỏi – đáp về bài *Đồng cỏ nở hoa*?)

3. Tìm từ để hoàn thiện sơ đồ và đặt câu với một từ tìm được trong mỗi nhóm.

– GV yêu cầu HS quan sát kĩ sơ đồ tư duy về tính từ và các nhánh về màu sắc, âm thanh, hương vị, hình dáng.

– GV có thể tổ chức thực hiện bài tập dưới hình thức thi hoàn thiện sơ đồ: tổ chức lớp thành 3 hoặc 4 đội, mỗi đội hội ý tìm nhanh 2 tính từ chỉ màu sắc, 2 tính từ chỉ âm thanh, 2 tính từ chỉ hương vị, 2 tính từ chỉ hình dáng trong thời gian giới hạn (tuỳ GV ấn định khoảng thời gian). Các nhóm viết kết quả vào giấy. Nhóm nào xong trước thì bấm chuông giành quyền trả lời. Hết thời gian mà chưa nhóm nào bấm chuông thì tất cả các nhóm phải dừng lại và nộp kết quả cho cô giáo.

– GV yêu cầu đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả. Cả lớp lắng nghe và nhận xét kết quả của nhóm bạn.

– GV và HS cùng nhận xét, ghi nhận những đáp án đúng. Nhóm nào có kết quả đúng nhiều nhất và nhanh nhất sẽ được khen.

– Đặt câu với một từ tìm được trong mỗi nhóm.

+ GV chiếu/ viết lên bảng tất cả các từ mà các nhóm vừa tìm.

+ GV yêu cầu HS đặt câu theo tinh thần xung phong.

+ GV và HS cùng nhận xét, ghi nhận, khen ngợi những câu đúng và hay.

4. Xếp những từ in đậm trong đoạn văn vào nhóm thích hợp.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của bài tập.

– GV yêu cầu 1 – 2 HS đọc các từ in đậm và tên các nhóm.

– HS làm việc cá nhân, xếp các từ in đậm vào các nhóm, nêu kết quả làm việc trong nhóm. Cả nhóm thống nhất đáp án.

– Đại diện 2 – 3 nhóm nêu kết quả.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án.

Đáp án:

+ Danh từ: danh từ riêng (Bá Dương Nội); danh từ chung (gió, buổi chiều, sân đình, làng).

+ Động từ: động từ chỉ hoạt động (tổ chức, bay, ngắm, trao); động từ chỉ trạng thái (ngất ngây).

+ Tính từ: Tính từ chỉ đặc điểm của sự vật (rực rỡ, cao), tính từ chỉ đặc điểm của hoạt động (cao, xa). (*Lưu ý*: Cùng từ "cao", nhưng trong câu này là tính từ chỉ đặc điểm của sự vật, trong câu khác lại có thể là tính từ chỉ đặc điểm của hoạt động, vì vậy, thực chất sự phân biệt này thuộc về cách dùng, chứ không phải là vấn đề từ loại.)

5. Tìm vật, hiện tượng tự nhiên được nhân hoá trong các đoạn và cho biết chúng được nhân hoá bằng cách nào.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của bài tập.

– GV yêu cầu 1 HS đọc các cách nhân hoá.

– GV gọi 2 HS, mỗi em đọc 1 đoạn văn hoặc thơ ở bài tập 5, các HS khác đọc thầm theo.

– HS làm việc nhóm, thảo luận để xác định sự vật được nhân hoá và cách nhân hoá.

– Đại diện các nhóm nêu kết quả của nhóm mình.

– GV và HS cùng nhận xét, ghi nhận những đáp án đúng.

Đáp án:

Sự vật được nhân hoá	Cách nhân hoá
cá	gọi con vật bằng những từ chỉ người
hươu cao cổ	gọi con vật bằng những từ chỉ người
rùa	– gọi con vật bằng những từ chỉ người – dùng từ chỉ hoạt động, đặc điểm của người để chỉ vật
mặt trời	dùng từ chỉ hoạt động, đặc điểm của người để chỉ vật
bóng đêm	dùng từ chỉ hoạt động, đặc điểm của người để chỉ vật
bê vàng	– gọi con vật bằng từ chỉ người – trò chuyện với vật như với người

6. Đặt câu về nội dung tranh, trong đó có sử dụng biện pháp nhân hoá.

– GV mời 1 HS nêu yêu cầu của bài tập.

– GV hướng dẫn cách thực hiện. HS làm việc nhóm, quan sát bức tranh rồi đặt câu về nội dung bức tranh, trong đó có sử dụng biện pháp nhân hoá (Gợi ý: Bức tranh có những con vật nào? Những con vật ấy đang làm gì? Trông chúng như thế nào?...).

– GV mời một số HS đặt câu trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, đánh giá.

– GV khen ngợi, khích lệ những HS đặt được câu hay về nội dung bức tranh.

TIẾT 3 – 4

1. Đọc thuộc lòng 1 trong 3 bài thơ (*Nếu chúng mình có phép lạ, Vẽ màu, Bốn mùa mơ ước*) và trả lời câu hỏi: Em thích câu thơ hoặc khổ thơ nào nhất? Vì sao?

Bài tập này kiểm tra trí nhớ của HS ở phần học thuộc lòng.

– GV yêu cầu HS đọc thầm lại các bài thơ *Nếu chúng mình có phép lạ, Vẽ màu, Bốn mùa mơ ước*.

– GV mời 3 HS (theo tinh thần xung phong), mỗi HS đọc 1 bài trong số 3 bài thơ trước lớp. Cả lớp lắng nghe và nhận xét.

– GV mời 3 HS khác (cũng theo tinh thần xung phong), mỗi HS đọc 1 câu thơ hoặc khổ thơ mà mình thích trong 3 bài thơ và giải thích lí do vì sao thích nhất câu thơ hoặc khổ thơ đó.

Lưu ý: Đây là câu hỏi khích lệ HS đọc phần mình đã học thuộc lòng. Các em có thể thích các câu thơ hoặc khổ thơ khác nhau nhưng quan trọng nhất là các em lí giải được vì sao các em thích câu thơ hoặc khổ thơ đó.

VD: Em thích câu thơ "Em tô thêm màu trắng/ trên tóc mẹ sương rơi" trong bài thơ *Vẽ màu*. Vì câu thơ cho thấy bạn nhỏ hiểu được nỗi vất vả của mẹ, quan tâm đến mẹ và biết thương mẹ. Đó là tình cảm tốt đẹp của người con dành cho mẹ của mình mà chúng ta nên học tập.

2. Các vật và hiện tượng tự nhiên nào dưới đây được nhân hoá? Em thích hình ảnh nhân hoá nào nhất? Vì sao?

– GV gọi 2 HS, 1 HS đọc đoạn văn a, 1 HS khác đọc đoạn thơ b, các HS khác đọc thầm theo.

– HS làm việc nhóm, thảo luận để xác định các vật và hiện tượng tự nhiên được nhân hoá trong đoạn văn và đoạn thơ.

– Đại diện các nhóm nêu kết quả.

– GV và HS cùng nhận xét, ghi nhận những đáp án đúng.

– Đáp án: con dế (*anh dế còm, tân trang bộ râu, diện bộ cánh xịn nhất đi làm*), con cóc (*cụ giáo cóc đã thôi nghiến răng vì bớt hẳn bệnh nhức xương*), con giun đất (*bác giun đất chui ra khỏi phòng lạnh để tận hưởng không khí trong lành*); cây (*chẳng mỏi lưng, xếp hàng, cười*), lá vàng (*ngăn nắp*), gió (*lang thang, cù cây*), chồi non (*làm dáng*).

– GV hướng dẫn HS trả lời ý tiếp theo: HS đọc thầm lại đoạn văn, đoạn thơ một lần nữa để cảm nhận cái hay, cái đẹp của các hình ảnh nhân hoá, suy nghĩ xem mình thích nhất hình ảnh nào và vì sao mình thích.

Lưu ý: Đây là câu hỏi mở, HS thích hình ảnh nào là hoàn toàn phụ thuộc vào cảm nhận cá nhân của mỗi em. GV khích lệ HS thể hiện ý kiến cá nhân và trình bày được lí do vì sao HS thích hình ảnh đó.

3. Dấu câu nào có thể thay cho mỗi bông hoa?

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thầm đoạn văn, vừa đọc vừa quan sát và chọn dấu câu phù hợp để thay cho các bông hoa.

– GV chiếu (hoặc viết) đoạn văn lên bảng, đọc đoạn văn, đọc đến chỗ cần điền dấu thì dừng lại gọi 1 HS trả lời, mời một vài HS khác nhận xét đúng, sai.

Đáp án:

Chim sâu con hỏi bố:

– Bố ơi, chúng ta có thể trở thành hoạ mi được không ạ?

– Tại sao con muốn trở thành hoạ mi?

– Con muốn có tiếng hót hay để được mọi người yêu quý.

Chim bố nói:

– Con hãy bắt thật nhiều sâu để bảo vệ cây cối, hoa màu, con sẽ được mọi người yêu quý.

(*Theo* Nguyễn Đình Quảng)

4. Chọn dấu câu thích hợp thay cho bông hoa. Nêu tác dụng của các dấu câu đó.

– GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn a và câu b.

– GV phát cho mỗi nhóm một phiếu bài tập 4 và tổ chức cho các nhóm thi điền dấu nhanh. Nhóm nào điền xong trước thì bấm chuông giành quyền trả lời. GV nhận bài của 5 nhóm bấm chuông đầu tiên (xếp theo thứ tự từ nhóm 1 đến nhóm 5).

– GV yêu cầu đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả, lần lượt từ nhóm 1 đến nhóm 5. Cả lớp lắng nghe và nhận xét đúng, sai.

– GV và HS cùng nhận xét, ghi nhận những đáp án đúng. Nhóm nào đúng nhiều nhất và nhanh nhất sẽ giành phần thắng.

Đáp án:

a. Hoạt động bảo vệ môi trường của các bạn nhỏ đã lan toả sâu rộng. Các phong trào thiếu nhi chung tay bảo vệ môi trường gồm có:

– Trồng cây gây quỹ Đội

– Vì màu xanh quê hương

– Sạch nhà – sạch lớp – sạch trường

– Làm kế hoạch nhỏ.

b. Đoàn tàu Hà Nội – Vinh khởi hành tại ga Hà Nội lúc 18 giờ hằng ngày.

Tác dụng của các dấu câu:

– Dấu gạch ngang trong đoạn a dùng để đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.

– Dấu gạch ngang trong đoạn b dùng để nối các từ ngữ trong một liên danh.

5. Giải ô chữ.

GV chọn 2 hình thức tổ chức: thi theo nhóm hoặc tổ chức làm chung cả lớp. Dưới đây là phương án thi theo nhóm.

– GV chọn 2 nhóm, mỗi nhóm 5 HS.

– GV làm trọng tài và đọc từng thành ngữ, tục ngữ để các nhóm tìm tiếng còn thiếu (có thể đọc không theo thứ tự).

– Sau khi nghe GV đọc, nhóm nào trả lời được nhanh hơn và đúng thì ghi 1 điểm, nhóm còn lại 0 điểm. Nếu nhóm giành quyền trả lời trước mà trả lời sai thì nhóm sau được quyền trả lời, nếu trả lời đúng ghi 1 điểm, nhóm trả lời sai bị 0 điểm. Nếu cả 2 nhóm đều trả lời sai thì mỗi nhóm 0 điểm và chuyển sang câu khác. Hết 14 câu, nhóm nào hơn điểm thì thắng cuộc.

– GV mời HS trong lớp xung phong làm những câu còn lại để giải ô chữ.

– Sau khi giải xong các ô chữ hàng ngang, mời 1 HS đọc ô chữ hàng dọc.

(GV có thể chiếu ô chữ lên bảng và mỗi khi giải đúng được một ô chữ thì GV điền vào. Hoặc nếu không dùng máy tính thì có thể vẽ ô chữ lên bảng hoặc vẽ sẵn lên giấy khổ lớn, treo lên bảng để điền chữ vào). Trường hợp chưa giải hết các ô hàng ngang mà HS đã điền được ô hàng dọc thì GV khuyến khích HS điền, khen ngợi nếu HS điền đúng. Sau khi điền ô hàng dọc rồi thì tiếp tục điền nốt các ô hàng ngang để hoàn thiện ô chữ.

– Đáp án:

(1)	B	Ó	N	G			
(2)	C	H	I	A			
(3)		B	Ê	N			
(4)			M	Ự	C		
(5)			V	Â	N	G	
(6)	T	R	U	Y	Ề	N	
(7)		G	I	À			
(8)			K	H	U	Y	A
(9)		T	H	Ắ	T		
(10)		C	Á	N	H		
(11)			M	À	I		
(12)	G	Ặ	P				
(13)		C	H	Ị			
(14)		R	Á	C	H		

Từ ngữ xuất hiện ở hàng dọc màu xanh là NIỀM VUI KHÁM PHÁ.

6. Nghe – viết.

– GV đọc đoạn văn trước một lần.

– GV nói rõ mục tiêu luyện nghe viết đoạn văn này là để cho HS luyện tập viết danh từ riêng.

– HS hết sức chú ý nghe, nhận diện danh từ riêng và viết hoa.

– GV đọc đoạn văn, đọc chậm từng câu một, mỗi câu đọc 3 – 4 lần, HS viết theo.

– Sau khi HS viết xong, GV đọc lại đoạn văn cho HS soát lỗi và chỉnh sửa.

– GV chữa bài.

TIẾT 5

1. Nói về một con vật có điểm đặc biệt về ngoại hình hoặc hoạt động.

– GV chiếu sơ đồ gợi ý lên bảng.

– GV yêu cầu 1 HS đọc sơ đồ gợi ý, các HS khác đọc thầm theo.

– HS làm việc cá nhân, lựa chọn con vật mình yêu thích, hình dung bài nói, sắp xếp ý theo sơ đồ đã gợi ý.

– GV gọi một số HS trình bày bài nói trước lớp.

– GV và HS cùng góp ý, nhận xét.

2. Viết lại những điều đã nói ở bài tập 1 thành một đoạn văn.

Sơ đồ gợi ý trong phần luyện nói ở bài tập 1 có thể dùng để viết bài tập này. GV đưa thêm các gợi ý, nếu cần, VD:

– Em viết về con vật nào?

– Em nuôi con vật ấy hay thấy nó ở đâu?

– Vì sao em yêu quý và lựa chọn viết về con vật đó?

Các nội dung còn lại, HS dựa vào sơ đồ ở bài tập 1 để triển khai bài viết.

Phần này HS tự làm vào vở. GV có thể sắp xếp thời gian để chấm, chữa và trả bài cho HS.

3. Trao đổi với bạn để góp ý cho nhau rồi chỉnh sửa bài viết.

a. Đọc và góp ý cho nhau.

– Mỗi HS tự đọc lại bài của mình, chỉnh sửa lỗi (nếu có).

– 2 HS đọc bài của nhau, nêu điều mình muốn góp ý cho bạn và điều mình muốn học tập ở bạn, VD:

+ Cách viết mở đoạn (cách giới thiệu về con vật và lí do lựa chọn viết về con vật), kết đoạn (cách nêu tình cảm đối với con vật).

+ Cách tả về điểm đặc biệt của con vật về hình dáng hoặc hoạt động,...

+ Cách dùng từ, đặt câu, sử dụng dấu câu.

+ ...

b. Chỉnh sửa bài viết

– GV yêu cầu HS chỉnh sửa bài viết sau khi các nhóm đôi đã đọc và góp ý cho nhau.

– GV mời một số HS đọc lại bài viết của mình.

– GV và cả lớp nhận xét, khen ngợi các bài hay, độc đáo,…

B. PHẦN 2 – ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I

TIẾT 6 – 7

Tuần 18 có 7 tiết, trong đó:

– 5 tiết dành cho ôn tập; 2 tiết dành cho kiểm tra, đánh giá cuối học kì.

– SHS giới thiệu đề kiểm tra để HS tập làm hoặc để HS làm quen với cách làm bài kiểm tra cuối học kì I.

– GV có thể giới thiệu cấu trúc của phiếu kiểm tra, gồm:

+ Bài kiểm tra đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi (câu hỏi miệng).

+ Bài kiểm tra đọc hiểu (đọc một bài và trả lời câu hỏi bằng hình thức viết).

+ Viết một đoạn văn theo yêu cầu.

– HS tự làm bài kiểm tra vào phiếu hoặc GV hướng dẫn thực hiện, tuỳ theo năng lực HS và điều kiện thực tế của trường, của lớp.

Gợi ý hướng dẫn thực hiện Đề tham khảo

A. ĐỌC

1. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi.

Đọc thành tiếng

– GV nhắc HS thực hiện hoạt động đọc thành tiếng:

+ Chú ý đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *lại, tưởng tượng, bao la, lung linh, nâng nhẹ, lời ru, la cà, thú dữ, ngủ khò, lá khô, nhảy nhót, lợn sề, lên bờ, hồ nước, trong lành,…*).

+ Chú ý cách ngắt nhịp thơ: 2/ 3 (Chỉ cần/ nhắm mắt lại, Tớ sẽ/ tưởng tượng ra,…), hoặc 3/ 2 (Những cánh rừng/ biếc xanh, Nghiêng hồ nước/ trong lành…).

+ Đọc diễn cảm cả bài.

– GV mời 1 – 2 HS xung phong đọc cả bài.

Trả lời câu hỏi

– GV nhắc HS các bước chuẩn bị trả lời các câu hỏi.

+ Tìm khổ thơ có chứa nội dung/ chi tiết/ từ ngữ trả lời cho câu hỏi.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

+ Đọc thầm lại khổ thơ, trả lời câu hỏi.

– Với mỗi câu hỏi, GV mời 1 – 2 HS trả lời và thống nhất đáp án.

Câu 1. Thế giới bao la được nhắc đến trong bài thơ là thế giới tưởng tượng của bạn nhỏ.

Câu 2. Trong thế giới tưởng tượng đó:

– *Các bé gái:* hoá công chúa kiêu sa

– *Các bé trai:* gọi nhau là hoàng tử

– *Bầy thú dữ:* ngủ khò trên lá khô

– *Cá mập:* đùa nhảy nhót trên sóng

– *Ốc sên:* có thể hót

– *Lợn sề:* nhún chân bay

– *Dơi:* tung tăng cả ngày.

– *Cá:* lên bờ đi bộ

2. Đọc – hiểu.

– GV nhắc HS các bước thực hiện yêu cầu đọc hiểu:

+ Đọc thầm câu chuyện *Hương vị đồng quê.*

+ Đọc thầm từng câu hỏi.

+ Đối với mỗi câu hỏi, xem lại câu chuyện để tìm đoạn chứa nội dung trả lời. Đọc thầm đoạn đó, trả lời câu hỏi bằng lời hoặc loại trừ các phương án sai (đối với câu hỏi lựa chọn đáp án).

– GV mời 1 – 2 HS nêu câu trả lời cho mỗi câu hỏi và chốt đáp án.

Câu 1. *Chi tiết nào thể hiện Nam nhớ thành phố?* (C. *Kể với bạn về các hoạt động thường làm ở thành phố.*)

Câu 2. *Trong câu chuyện, Siêng được miêu tả như thế nào?* (D. *Là cậu bé nhỏ xíu, đen đúa, tóc cháy nắng.*)

Câu 3. *Nam đã cùng Siêng làm những việc gì ở Thất Sơn?* (D. *Dùng trứng kiến làm mồi câu, câu cá, thưởng thức cá nướng.*)

Câu 4. *Tìm những từ ngữ thể hiện cảm xúc của Nam khi được làm những việc thú vị đó.* (sung sướng, thích thú)

Câu 5. *Viết 1 – 2 câu nêu nhận xét về Siêng qua những chi tiết:*

– Cười tươi rói khi nhìn Nam mải mê ăn món cá mình làm.

– Cười hiền khô, không có ý định chọc quê bạn khi bạn không biết về món cá nướng trui. (VD: Siêng là một người bạn chân thành, chất phác, mộc mạc.)

Câu 6. *Viết 2 – 3 câu nêu cảm nghĩ của em về câu chuyện.* (Tuỳ HS viết).

Tham khảo:

Câu chuyện *Hương vị đồng quê* kể về những trải nghiệm ở đồng quê của cậu bé Nam với sự đồng hành của cậu bé Siêng. Câu chuyện rất giản dị, nhẹ nhàng, nhưng mang lại cho em nhiều cảm xúc thú vị. Em rất ngạc nhiên khi đọc đoạn Siêng giới thiệu về trứng kiến, rất tò mò khi đọc đoạn Nam thử món cá lóc nướng trui. Em rất thích câu chuyện này.

Câu 7. *Tìm các động từ trong câu: "Nam mải ăn, đến lúc nhìn lên thấy Siêng đang ngó nó, miệng cười tươi rói."* (ăn, nhìn, thấy, ngó, cười).

Câu 8. *Tìm từ có nghĩa trái ngược với từ* ***nhỏ xíu, hiền khô*** *để thay cho mỗi bông hoa trong câu.* (VD: Nghe tiếng gầm **dữ tợn** từ xa, thỏ sợ hãi tưởng tượng ra chúa sơn lâm với thân hình **to lớn**, dũng mãnh sắp xuất hiện.)

Câu 9. *Đặt 2 câu, mỗi câu chứa 1 danh từ trong bài đọc: chỉ con vật, chỉ thời gian.* (Tuỳ HS viết câu, trong câu phải chứa 1 danh từ theo yêu cầu. Danh từ chỉ con vật trong bài: kiến, cá, cá lóc. Danh từ chỉ thời gian trong bài: giờ, hè, tiếng.)

Tham khảo:

Những chú kiến tuy bé nhưng rất khoẻ, có thể mang được vật nặng hơn chúng gấp nhiều lần.

Mùa hè về, cả không gian tràn ngập màu đỏ của hoa phượng, màu tím của bằng lăng và tiếng ra rả của dàn đồng ca ve sầu.

Câu 10. *Các dấu gạch ngang đứng ở đầu dòng trong bài đọc có tác dụng gì?* (đánh dấu lời nói trực tiếp)

B. VIẾT

Chọn 1 trong 2 đề viết bài văn.

– GV hướng dẫn HS:

+ Đọc thầm cả 2 đề.

+ Lựa chọn một đề phù hợp với năng lực của bản thân.

+ Thực hành viết bài.

– GV chấm, chữa nhanh 1 – 2 bài viết.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN – TRỊNH MAI NHI

Biên tập tái bản: NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN

Thiết kế sách: PHẠM NGỌC THÀNH

Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA – NGUYỄN THỊ NGỌC THUỶ

Sửa bản in: TẠ THỊ HƯỜNG – NGUYỄN DUY LONG – VŨ THỊ THANH TÂM

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

TIẾNG VIỆT 4 TẬP MỘT – SÁCH GIÁO VIÊN

Mã số: .....

In ..... cuốn (QĐ ..... SLK), khổ 19 x 26,5cm.
In tại Công ty cổ phần in .....
Số ĐKXB: .....
Số QĐXB: ..... / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm ...
In xong và nộp lưu chiểu tháng ..... năm ...
Mã số ISBN: Tập một: .....
Tập hai: .....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 4 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Tiếng Việt 4, tập một – SGV
2. Tiếng Việt 4, tập hai – SGV
3. Toán 4 – SGV
4. Khoa học 4 – SGV
5. Đạo đức 4 – SGV
6. Âm nhạc 4 – SGV
7. Mĩ thuật 4 – SGV
8. Công nghệ 4 – SGV
9. Lịch sử và Địa lí 4 – SGV
10. Tin học 4 – SGV
11. Hoạt động trải nghiệm 4 – SGV
12. Giáo dục thể chất 4 – SGV
13. Tiếng Anh 4 – Global Success – SGV

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG